HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



số 4 tháng 4/1992

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Phát hành hai tháng một kỳ - Số 4 tháng 4 năm 1992

P.O.Box: 277, Garden Grove, CA 92642, USA.
Tel: (714) 537-2468
Đại diện biên tập và trị sự tại Âu Châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, **15 Place Souham, 75013 Paris, France.**
Tel: 45.83.19.12
Đại diện biên tập và trị sự tại Canada:
Vùng Toronto: Trân Sa
1635 Keele St., Toronto On. M6M 3V8 Canada.
Tel: (416) 776-6419 / (416) 652-1384
Vùng Montreal: Hồ Đình Nghiêm
3360 Barclay, Apt# 10, Montréal. Qué. H3S 1K4 Canada.
Tel: (514) 342-8018
Đại diện biên tập và trị sự tại Australia:
Thường Quán
9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.
Tel: 011-61-3-8071620

●

Chủ trương:
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Đào Trung Đạo, Thế Giang, Vũ Quỳnh N.H., Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Trầm Phục Khắc, Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Trần Quảng Nam, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Vũ Huy Quang, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Vũ.

●

Chủ biên:
Khánh Trường
Tổng thư ký:
Phạm Việt Cường
Trị sự:
Phan Tấn Hải

Business license # 142486

TÁC GIẢ GÓP MẶT TRONG SỐ NÀY:

Nhận định, biên khảo, phỏng vấn, đọc sách:

Phạm Việt Cường, Đào Trung Đạo, Trần Diệu Hằng, Dương Thu Hương, Đỗ Kh., Thụy Khuê, Bùi Quang Ngọc, Vương Trí Nhàn, Trân Sa, Lê Thứ, Đặng Tiến, Nhật Tiến.

Sáng tác, dịch thuật:

Nguyễn Bản, Lê Bi, Cung Tích Biền, Blaise Cendrars, Diễm Châu, Giáng Châu, Bùi Giáng, Tô Hà, Trần Mạnh Hảo, Luân Hoán, Khế Iêm, Cao Đông Khánh, Milan Kundera, Trần Thùy Mai, Lê Thị Mây, Hồ Đình Nghiêm, Vũ Quỳnh N.H., Ý Nhi, Thường Quán, Lê Huy Quang, Hoàng Xuân Sơn, Kiệt Tấn, Phạm Công Thiện, Trịnh Y Thư, Nguyễn Đăng Thường, Lê Giang Trần, Trần Mộng Tú, Trần Vũ, Chế Lan Viên, Kiều Vương.

Các mục thường xuyên:

Giới Thiệu Sách Mới
Hợp Lưu với Văn Hữu và Bạn Đọc.

Góp tranh:

Thái Tuấn
Thiếu nữ miền Bắc (sơn dầu)

Tranh đen trắng:
Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi, Khánh Trường.

thư toà soạn

Hạ tuần tháng hai 1992, chúng tôi nhận được bản *Tự Bạch về Tiểu Thuyết Vô Đề* của nhà văn Dương Thu Hương cùng với bài *Trả Lời Của Thụy Khuê* từ Pháp gởi sang.

Được biết, Dương Thu Hương viết bản *Tự Bạch* vào ngày 12.8.1992, sau bốn tháng bị giam cầm, khởi từ việc nhà xuất bản Văn Nghệ (California, USA) xuất bản *Tiểu Thuyết Vô Đề* đã gây cho chính quyền Việt Nam một "cú sốc" mạnh. Công an đưa Dương Thu Hương đọc bản chụp bài tựa của Thụy Khuê viết cho tác phẩm. Sau đó bà viết bản *Tự Bạch* này và yêu cầu chính quyền Cộng Sản Việt Nam công bố. Tuy nhiên, như chúng ta từng biết, lối đặt vấn đề thẳng, thật và không khoan nhượng của bà đã chạm đến nhiều điều "cấm kỵ" của chế độ, nên không được công bố. Sau khi ra tù (ngày 20.11.1991) vì có vụ kiện Võ Văn Ái liên quan đến quyền xuất bản *Tiểu Thuyết Vô Đề* tại hải ngoại, Dương Thu Hương đòi lại bản *Tự Bạch*. Bà quyết liệt: "Nếu các ông không trả, tôi sẽ viết bản mới." Cuối cùng, cơ quan công an phải trả lại bản viết tay 16 trang và tác giả đã gởi ra ngoài, qua báo Diễn Đàn tại Paris.

Nhận thấy vấn đề không chỉ liên quan đến hai người trong cuộc - nhà văn Dương Thu Hương và Thụy Khuê - mà trong giới hạn nào đó, làm thương tổn chung nhiều người cầm bút tiến bộ trong văn giới, đắp cao thêm bức tường ngăn cách, vốn từ bao năm, đã cao vòi vọi, do chưa rõ biết nhau, chưa nhìn thấy được nhau, do định kiến bắt nguồn từ xuất xứ quá vãng, và nhất là do khúc xạ méo mó của làn sóng thông tin lệch lạc, chúng tôi quyết định cho đăng hai bài viết này, cùng với ý kiến của một số nhà văn, với hy vọng: bằng tiếng nói khách quan và lòng yêu mến dành cho hai người cầm bút can đảm (trong nước, nhà văn Dương Thu Hương bị cầm tù; ngoài nước, Thụy Khuê bị các thành phần cực đoan chụp mũ bôi nhọ!), sẽ sớm nhận ra nhau, hầu thu hẹp dần khoảng cách, không phải ngoài thực tế địa lý, mà trong chính trái tim, tấm lòng và suy nghĩ của mỗi người.

Ngoài vấn đề Thụy Khuê - Dương Thu Hương, như thường lệ, Hợp Lưu sẽ gởi đến độc giả những sáng tác đặc sắc của các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình và lý luận nổi tiếng của cả trong lẫn ngoài nước. Đặc biệt là bài viết của Đào Trung Đạo: *Một Vài Vấn Đề Phê Bình Văn Chương Từ Những Tranh Luận Về Nguyễn Huy Thiệp*. Đào Trung Đạo là ngòi bút phê bình, lý luận quen thuộc của miền Nam trước 1975, tuy những năm gần đây ít xuất hiện trên văn đàn, nhưng mỗi "bản văn" (chữ của ông) là kết quả của một quá trình làm việc cẩn trọng và nghiêm túc. Dù đồng ý hay không với quan điểm của Đào Trung Đạo trong bài viết này, chúng ta cũng không thể phủ nhận: qua ông, độc giả sẽ có thêm một "cách nhìn" về "một vấn đề văn học".

Ngoài ra, Hợp Lưu cũng xin thông báo: Vì yêu cầu công việc đa đoan do sự lớn mạnh nhanh chóng của tờ báo, bắt đầu từ số này, ban chủ trương quyết định cử nhà thơ Phạm Việt Cường đảm nhiệm chức vụ Tổng thư ký, nhà văn Phan Tấn Hải phụ trách Thư ký toà soạn và trị sự. Đồng thời, để việc phát hành, thu tập bài vở hiệu quả hơn, ngoài đại diện Hợp Lưu tại Âu Châu: ông bà Lê Tất Luyện. Nhà thơ Trân Sa sẽ đại diện biên tập và trị sự tại Canada, vùng Toronto; nhà văn Hồ Đình Nghiêm vùng Montréal. Và tại Úc Châu: nhà thơ Thường Quán. Với phân nhiệm trên, Hợp Lưu sẽ đến tay độc giả rộng rãi hơn, nội dung sẽ giá trị phong phú hơn. Trong số sau, chúng tôi sẽ thông báo tiếp các đại diện tại Nhật, Đức, Na Uy, Bỉ, Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam...

Sau hết, Hợp Lưu thành thật xin lỗi độc giả cùng các văn thi hữu có nhã ý đóng góp bài vở: vì số trang có hạn, Hợp Lưu phải giảm bớt phần thơ văn sáng tác, để nhường "đất" cho những bài viết liên quan đến vấn đề Thụy Khuê - Dương Thu Hương.

HỢP LƯU

DƯƠNG THU HƯƠNG

tự bạch về tiểu thuyết vô đề

Mùa thu năm Canh Ngọ tôi viết *Tiểu Thuyết Vô Đề* tức *"Khải Hoàn Môn"*. Bản thảo đã được đưa đến nhà xuất bản tại Hà Nội và đã bị từ chối. Chính tôi, tự tay tôi đã gởi nó sang Pháp. Tôi chủ trương vi phạm pháp luật của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Đối với tôi, vòng phấn của thứ pháp luật đó quá hẹp. Tôi không thể thích ứng. Tôi dành quyền tự do cho mình bằng bất cứ giá nào. *Tiểu Thuyết Vô Đề* được gởi đi với hai lý do:

- Lý do thứ nhất, nó là quà tặng cho bố mẹ nuôi của tôi.

- Lý do thứ hai, tôi dụng tâm viết cuốn sách này cho tất cả những ai thuộc nòi giống Việt. Nếu trong nước tôi bị treo bút thì tôi sẽ in cho người Việt ở hải ngoại đọc. Thà ít còn hơn không.

Tuy nhiên, tôi không từ bỏ đội ngũ những người cộng sản để chạy sang hàng ngũ những người chống cộng. Vì lẽ, khác với nhiều quốc gia trên hoàn cầu, trong cảnh huống đặc biệt của Việt Nam, những người cộng sản và những người chống cộng không chỉ mâu thuẫn nhau bởi ý thức hệ trái chiều mà họ đã bị đặt vào tình thế thù nghịch trong một cuộc chiến lâu dài, đau thương và khốc liệt: Một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn. Tôi biết rõ rằng cả hai thứ người này (ở đầu mút của nó) đều không thể đem lại một tương lai khả quan nào cho đất nước. Vì những lý do ấy, tôi chọn đất Pháp, nơi cộng đồng người Việt ít thành kiến, tư tưởng phóng khoáng và tự do hơn, và tôi đã chọn một nhà xuất bản thuần túy văn hóa, phi chính trị để in ấn phẩm này.

Dẫu vậy, phải thừa nhận rằng một khi cuốn sách đã in ra (Hoàn toàn không theo ý muốn của tôi - sách in ở Mỹ, rất vội vàng, không được những người bạn tôi biên tập và sửa chữa. Vì đã vào tù tôi không còn điều kiện để liên lạc với gia đình ở Pháp), *Tiểu Thuyết Vô Đề* đã bị những người chống cộng cực đoan lợi dụng một cách triệt để để nhằm chống lại kẻ thù của họ

tức chính quyền Hà Nội. Đó là một cơ may để những người chống cộng cực đoan bộc lộ những hiềm thù chưa phỉ, cũng như mối căm uất của kẻ thua trận chưa có cơ hội giải tỏa và chiến dịch này đã gây ra những thất thiệt cho nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Tôi là con người tự do. Tôi chỉ trung thành với những tư tưởng của chính mình. Tôi bất chấp sự khủng bố của phía bên này cũng như tôi phản đối sự lợi dụng, xuyên tạc của phía bên kia. Do lẽ ấy để tránh mọi sự bất như ý còn có thể xảy ra, tôi yêu cầu cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* không được tái bản hay dịch ra bất cứ thứ tiếng nào nếu không có sự chấp thuận của chính tôi.

Bây giờ tới phần chính yếu của bản tự bạch. Tôi muốn nói với bạn đọc bốn phương về lập trường khởi điểm khi tôi viết cuốn sách này. Có đúng *Tiểu Thuyết Vô Đề* là *"lời sám hối của một tên Việt Cộng"*, của một *"con Việt Cộng"*, của *"một kẻ đã từng là đảng viên Cộng Sản"* hay không?

Thưa vâng, có thể, nếu lịch sử đặt tôi vào vị trí trọng đại nào đó mà ở vị trí ấy, do mù quáng hay do dục vọng cá nhân lấn át lương tri, tôi đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đồng bào của mình. Nếu như vậy, tôi sẽ sẵn lòng sám hối, vì sám hối, theo tôi, là một tình cảm tự nhiên và thuần nhân tính, cần thiết cho tất cả những ai tồn tại dưới danh hiệu Con Người.

Nhưng đáng tiếc thay tôi chỉ là một người đàn bà bình thường, một phó thường dân, chịu đủ thứ đày ải của đói khát, bệnh tật, bom đạn vì tham gia cuộc chiến *"chống Mỹ cứu nước"* theo truyền thống của người Việt.

Ngoái nhìn lại cuộc chiến đã qua, có lẽ những ai đã treo đèn kết hoa, dàn kèn đồng ra hải cảng và phi trường chào đón những binh đoàn lính Mỹ, lính Úc, lính Đại Hàn vào xứ sở cần biết đến hai từ *sám hối* hơn là tôi. Những ai ngoan ngoãn nhất, trung thành nhất với *"Mẫu quốc Hoa Kỳ"* dù ở nơi đâu cũng nên biết vào giờ này, khi những đội quân "quốc ngoại" đã quay gót viễn chinh từ lâu nhưng dấu vết vẫn còn lưu trong đời sống của dân tộc Việt. Đó là chứng ung thư máu, chứng vô sinh, chứng đẻ quái thai do nhiễm chất độc da cam. Đó là thứ vi trùng giang mai, vi trùng lậu Đại Hàn - thứ vi trùng không hiệu ứng với nhiều loại kháng sinh và khiến các thầy thuốc Việt Nam đau đầu nhức óc.

Chính những người ấy, họ cần sám hối nhiều hơn cả các đội quân thám báo đã tàn sát những nữ chiến binh, những cô thanh niên xung phong miền Bắc mà tôi từng chứng kiến. Vì lẽ, những kẻ sát nhân thực thụ, những kẻ có đôi bàn tay đẫm máu, thường khi lại là phó sản của một chương trình được quyết định sau các bàn giấy bóng nhoáng, bởi những con người có đôi bàn tay sạch sẽ và mặc áo trắng tinh...

Vậy tình cảm nào đã thôi thúc tôi viết cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề?*

Nói một cách xác thực, đó là nỗi đau khổ. Chính nỗi đau khổ đã dẫn dắt tôi đi qua mấy trăm trang giấy. Nỗi đau khổ đã khiến tôi lọc bỏ mọi định

kiến, mọi hận thù. Cho nên, dẫu rằng trong thực tế, các quân đội thám báo Cộng Hòa Miền Nam không chỉ hiếp, xẻo vú và cửa mình của những người con gái miền Bắc mà còn đóng cọc vào miệng và cửa mình họ. Nhưng khi viết, tôi đã tước bỏ chi tiết ấy đi. Vì tôi e rằng, người nước ngoài (nếu đọc) sẽ phải kêu lên: *"Sao lại có giống người dã man đến thế? Sao lại có một dân tộc ác đến thế?..."* Họ sẽ không phân biệt đấy là người Việt chống cộng hay người Việt cộng sản. Họ chỉ xác định đó là một giống người. Và vì vậy, những ai thuộc nòi giống ấy sẽ phải cúi đầu tủi hổ.

Đơn cử một chi tiết đó, tôi muốn chứng minh rằng khi viết cuốn sách này tôi không còn là người của bất kỳ đảng phái hay phe nhóm nào. Tôi là người Việt theo nghĩa thuần túy. Tôi kêu tiếng kêu đau đớn, tôi nói lời sám hối chung cho một nòi giống, một cộng đồng.

Người ta, nói chung, không ai có thể khôn ngoan từ thuở lên ba. Con người bị nhào nặn giữa các tập quán, các hệ tư tưởng hiện tồn, các nguyên tắc luân lý truyền thống. Phải tới một lúc nào đó, và với những điều kiện nào đó, một cá nhân mới có thể bứt khỏi lực hướng tâm của quần thể để xác định những tư tưởng đích thực của mình.

Cách đây ngót một thế kỷ, André Gide, Arthur Koestler và nhiều nhà trí thức lớn đã tìm đến với chủ nghĩa cộng sản vì lý tưởng cao quý của nó và đã giã biệt chủ nghĩa cộng sản vì sự thực tàn khốc của nó. Việc tôi hay nhiều người nữa dẫm vào vết chân của họ cũng là lẽ thường tình. Với một thời gian chậm hơn, một không gian xa hơn. Nơi xứ sở biệt lập bị bưng bít thông tin và chậm tiến. Cũng cần nói thêm rằng, ở cái xứ sở biệt lập và xa cách các trung tâm văn minh của nhân loại ấy có tới 90% dân số là nông dân, phần đông chưa thoát nạn mù chữ. Mà chủ nghĩa cộng sản lại là thứ tôn giáo được logic hóa bằng những lý lẽ khoa học thô sơ, hình thức và phiến diện. Thứ lý lẽ rất tương hợp với tâm thức và mặc cảm cố hữu của người nô lệ. Làm sao họ có được sức đề kháng với loại lý thuyết như vậy? Trong tâm hồn chất phác và tủi nhục của họ, chưa có nỗi an ủi nào lấp đầy. Và trong trí não, họ không có lấy một vi lượng kiến thức để gợi nên sự cân nhắc hay nỗi hoài nghi.

André Gide, Arthur Koestler và các bậc tiền bối khác đã nói rất đúng : *"Cái quyến rũ của chủ nghĩa cộng sản là ở chỗ nó không cho người ta gì cả mà nó đòi hỏi người ta phải hy sinh"*. Trong thực tế, do vậy mà chủ nghĩa cộng sản đã thu hút số đông những con người lý tưởng chủ nghĩa là những người từ chối khoái lạc hay tiện nghi, sẵn sàng hy sinh lợi ích của bản thân hay gia đình mình để chiến đấu *"vì một ngày mai tươi sáng cho toàn thể dân tộc và nhân loại"*. Những người chống cộng có thể vì thiên kiến mà chỉ chú tâm nhìn vào những người cộng sản nắm quyền lực. Đúng là những người cầm quyền, do một cơ chế độc tài không ai kiểm soát, do một cấu trúc nhà

nước không đối trọng tự hành, nên họ có thể tham nhũng vô độ, cường quyền vô độ. Nhưng, đại đa số những đảng viên cộng sản bình thường là những con người nhẫn nại hy sinh và khổ ải. Cả cuộc đời họ không được hưởng một chút tiện nghi nào ngoài công việc và sự tồn tại khốn cùng.

Thời chiến tranh, chính quân đội Cộng Hòa Miền Nam đã vẽ nên hình ảnh *"ba thằng Việt cộng đu không gãy một cọng đu đủ"*. Hình ảnh ấy đúng về thực chất. Những người lính miền Bắc được hưởng một mức đãi ngộ không bằng một phần ba mức đãi ngộ của người lính miền Nam. Những sĩ quan miền Bắc không bao giờ dám mơ tưởng tới những câu lạc bộ dành cho các sĩ quan quân đội Cộng Hòa. Có lẽ chính tính lý tưởng đã huy động đến cùng tinh thần khắc kỷ và đã trở thành một yếu tố tạo nên chiến thắng.

Vào năm tôi mười tám, thế hệ chúng tôi đã lên đường chống Mỹ theo truyền thống của người Việt. Nói đến người Việt, là nói đến một hành trình bất tận chống ngoại xâm. Tôi sẽ không bao giờ hối tiếc, tôi sẽ mãn nguyện hy sinh đến giọt máu cuối cùng nếu phía trước mũi súng của tôi chỉ là kẻ ngoại bang. Nhưng sự thể đã không diễn ra như vậy. Những tù binh chiến tranh lần đầu tiên tôi thấy lại là những người tóc đen, da vàng, cùng nòi giống và máu huyết với tôi. Dẫu rằng họ đã gắn kết với người Mỹ và đứng vào chiến tuyến bên kia, dẫu rằng lý trí tỉnh táo nhắc nhở cho tôi biết họ đã từng bắn giết bao nhiêu đồng đội của tôi bằng súng đạn Mỹ, nhưng trái tim thầm kín vẫn bảo cho tôi biết rằng họ là đồng bào của tôi và số đông trong bọn họ chỉ là nô lệ phục tòng một định mệnh tàn khốc. Chính những cảm xúc, những ý nghĩ bột phát trong giây phút ấy đã được bồi dắp nuôi dưỡng và dẫn tới hành trình tư tưởng này.

Càng ngày, dấu ấn của cuộc chiến tranh in trong tôi càng nóng bỏng, ngược chiều với sự phai nhạt thường tình của thời gian. Tôi đã đến nhiều trại thương binh. Tôi đã gặp những phế binh nơi thôn cùng ngõ hẻm. Tôi đã qua cao nguyên miền Trung và sườn dãy Trường Sơn, nơi những cánh rừng chưa hồi sinh nguyên vẹn vì chất độc. Tôi chứng kiến nhiều cái chết ung thư do nhiễm chất da cam, trong đó có bậc đàn anh, nhà văn Nguyễn Minh Châu chết vì chứng máu trắng do nhiễm độc ở vùng Quảng Trị. Tôi đã nhìn tận mắt những quái thai do nhiễm độc ở cả hai miền...

Lãnh tụ Cộng Hòa Miền Nam nào từng chấp nhận cho người Mỹ rải chất độc xuống các cánh rừng xứ sở, ngày hôm nay có nhìn ngó đến những tử thi máu trắng, những bào thai quái dị của đồng bào họ chăng? Và liệu có pháp đình nào dựng lên trong lương tri của họ?... Tôi biết rằng mọi thứ kiến thức thì kiến thức khó đạt được nhất là sự tự hiểu mình. Trong mọi lẽ công bằng thì lẽ công bằng cao nhất là công bằng với bản thân. Nhưng mà, đó luôn luôn là cái đích cho hành trình của một nhân loại xứng đáng.

Là một người đàn bà, tầm nhỏ, tay ngắn, tôi không thể làm gì hơn cho

Tổ Quốc mặc dù tình trạng buồn thảm của nó không ngừng ám ảnh tôi. Điều tôi có thể, chỉ là đau đớn đến tận cùng thân phận đau đớn của dân tộc mình. Một quốc gia chậm tiến, một dân tộc lạc hậu là mảnh đất màu mỡ cho các ảo lý tưởng thâm nhập. Tình trạng dân trí thấp luôn kèm theo tố chất thơ ngây, chứng bệnh ấu nhi. Mặc cảm tự ti là bạn đồng hành của chứng cuồng tôn hiếu đại. Lòng tự hào về một khả năng ưu việt trong truyền thống nếu không khéo dẫn dắt sẽ trở thành vật chướng ngại trên hành trình hội nhập vào nền văn minh chung. Những quán tính sống, những diện mạo tư duy đã rèn tập, đã vĩnh định trong hàng nghìn năm chiến tranh liên miên rất có thể tiêu hủy sự sáng suốt, sự nhạy cảm, sự tinh tế, tinh thần năng động là những yếu tố đặc biệt cần thiết cho con người khi nó phải chấp nhận một sự lựa chọn giữa những ngã ba lịch sử, trong một thời đại biến động và bão tố. Vào những khoảng khắc ấy, không ai có thể tiên liệu được rằng dòng chảy của lịch sử sẽ xô dạt một dân tộc đến bến bờ nào. Và một cộng đồng càng có trữ năng tinh thần, tiềm năng về đời sống tâm linh lớn bao nhiêu - khi bị hướng vào mục tiêu sai lạc, nó sẽ càng tự hủy khủng khiếp bấy nhiêu.

Khi chính quyền miền Bắc sao chụp mô hình cách mạng Trung Quốc, tiến hành cuộc cải cách ruộng đất tàn bạo lầm lỗi thì ở miền Nam, ông Ngô Đình Diệm khủng bố những người kháng chiến cũ, phân loại treo bảng từng gia đình cách mạng để trả thù. Khi nhà nước miền Bắc chưa kịp tuyên bố *"xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"* thì chính quyền miền Nam đã hô hào *"Bắc tiến! Lấp sông Bến Hải"* rồi...

Tôi không muốn làm dài thêm bản liệt kê quá khứ. Đó là những trang đen tối nhất trong lịch sử chúng ta. Đã từng có sông Gianh. Đã từng có cuộc giao tranh Trịnh Nguyễn. Nhưng vết thương để lại cũng không trầm trọng đến như vậy.

Người phương Tây có lý khi họ so sánh số phận của dân Việt Nam với dân Do Thái. Những dân tộc đau khổ, bất hạnh, phân ly. Người Do Thái đã phóng rọi khát vọng của họ và otôn giáo và họ tạo nên Jesus. Dân tộc chúng ta không sáng tạo được huyền sử nhưng đã tạo nên những chiến thắng mang tính huyền thoại. Chúng ta đã chứng tỏ dân tộc Việt là dân tộc rất biết chết để bảo vệ chủ quyền và nòi giống. Giờ đây, người Do Thái đã vượt qua định mệnh khắc khe, đặt chân lên bậc thềm thánh đường của họ. Chúng ta, những người Việt Nam, bao giờ chúng ta đến được bến bờ hạnh phúc của mình?...

Để trả lời câu hỏi này, trước hết tôi cần phải xác quyết rằng tôi không phải đứa con bội bạc với tổ tiên. Những chiến thắng ngoại xâm oanh liệt trong lịch sử đã, đang và sẽ ngự trị trong tim óc, trong xương máu tôi. Chúng cho tôi sức mạnh và niềm tự hào. Bởi vì, biết chết và dám chết cũng là một khả năng. Bởi vì, không phải bất cứ dân tộc nào cũng gây cho một ngoại bang hùng cường *"hội chứng Việt Nam"* như dân tộc Việt. Tuy nhiên, tôi

mong muốn dân tộc chúng ta không chỉ biết chết mà còn biết sống. Đã đến lúc người Việt Nam phải quay ngược chiều vectơ trữ năng tinh thần, phải di phóng những tiềm lực sống vào một thiên hướng khác. Đã đến lúc người Việt phải tỉnh táo và can đảm soi rọi quá khứ để xác quyết dòng chảy cho tương lai.

Không ai có thể đào mộ chí để thay đổi trang phục hay tô son trát phấn cho các tử thi. Nhưng người ta có thể đào bới các tầng nghiệm sinh trong dĩ vãng để soát xét lại nguồn cơn, sàng lọc điều hay lẽ dở. Đối với một dân tộc có thói quen tôn trọng và suy tưởng quá khứ như dân tộc Việt, hành động như tôi là điều nguy hiểm. Nhưng tôi chấp nhận hiểm nguy vì tôi tha thiết với tương lai đất nước. Vì tôi hiểu rằng dân tộc nào chỉ chìm đắm trong quá khứ, dân tộc ấy không có tương lai.

Chúng ta không thể ngồi than khóc rằng, cớ sao cách đây 120 năm, chúng ta không có một Minh Trị thay vì cho Tự Đức. Chúng ta cũng không thể hối tiếc rằng, cách đây một phần hai thế kỷ, những lãnh tụ có đầu óc dân tộc đã không thể chiến thắng được sức mạnh can thiệp của ngoại bang để thực hiện cuộc tuyển cử thống nhất đất nước một cách êm dịu và tránh đi một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn.

Lịch sử đầy rẫy những may rủi, những phi lý, những hàm hồ. Và trong vòng biến động ấy, thân phận các quốc gia chậm tiến, các dân tộc nhược tiểu thường phải lãnh phần thua thiệt.

Chúng ta không thể đòi hỏi những gì chúng ta không có. Vì rằng, không phải bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu nhân loại cũng sản sinh ra cỡ lãnh tụ siêu việt như Minh Trị, Pierre đại đế, Roosevelt hay Gorbachev. Dân tộc chúng ta đã mất đi những vận hội, những may mắn, đã lỡ nhiều chuyến tàu. Giờ đây, chỉ có một cách, là mỗi người dân Việt phải ý thức đầy đủ sự bất hạnh của giống nòi và đóng góp cho tương lai bằng thiện chí, tinh thần trọng lẽ phải và sự công bằng.

Đến đây, tôi trở lại cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tôi đã viết cuốn sách ấy khi tôi giã từ quá khứ. Tôi là một người dân Việt, chỉ thế thôi, và với tôi lợi ích dân tộc là tối thượng. Vì lợi ích dân tộc, tôi phải lật bới cuộc chiến tranh vừa qua, phanh phui ra để mọi người thấy đến thẳm cùng sự tàn khốc lẫn niềm ai oán, để những ai thắng không thể còn tiếp tục vui sướng, để những ai thua không thể còn tiếp tục thù hận. Bởi lẽ, tất cả dù thắng dù thua, họ đều là những đứa con của cùng một quê hương, và đều là nạn nhân trong trò chơi cay nghiệt của định mệnh.

Tôi đã đọc kỹ lời đề tựa của ông Thụy Khuê (*Dương Thu Hương không biết Thụy Khuê là phụ nữ, nên gọi bằng "ông" - Chú thích của tòa soạn)*. Tôi xin trân trọng cảm ơn một người đã khen ngợi tôi quá mức như vậy. Tuy nhiên, vì biết rõ tôi là người thẳng thắn, xin ông hãy vui lòng nghe những lời

thẳng thắn của tôi.

"Nhà văn có phận sự ghi lại sự thật. Không có phận sự phải chìu lòng ai".

Thưa ông, đúng thế. Và thưa ông, không phải trong văn chương mà ngay trong đời sống, tôi không quen chìu lòng ai. Tôi chỉ qui phục một sức mạnh thôi, ấy là chân lý và sự công bằng.

Khi ông viết: *"Tiểu Thuyết Vô Đề nhắm vào cái phần cốt tủy của huyền thoại* «chống Mỹ cứu nước» *và vạch trần mặt trái của những lý tưởng «cao đẹp», mặt sau của những khải hoàn môn, mặt nạ của những mỹ từ đã trở nên những khẩu hiệu trống rỗng: Tổ Quốc - Nhân Dân - Chính Nghĩa - Tự Do - Quốc Gia - Dân Tộc... vì người ta đã lợi dụng và dày xéo khá nhiều rồi..."*, tôi thấy ngay rằng hoặc vì thiên kiến, hoặc vì lầm lẫn, hoặc vì không am hiểu thực tiễn nên ông đã tạo cho câu văn một ám bóng, một trạng thái lập lờ. Thưa ông, chính quyền miền Bắc không bao giờ sử dụng những danh từ đã xảy ra cùng một lúc ở hai nơi. Nếu ở miền Bắc là *"Vì Tổ Quốc Xã hội Chủ Nghĩa"* thì ở miền Nam là *"Vì lý tưởng quốc gia"*. Nếu ở miền Bắc là *"Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào"* thì ở miền Nam là *"Bảo vệ tự do - Vì chánh nghĩa chặn đứng làn sóng đỏ"*. Tuy nhiên, chắc ông cũng không phủ nhận điều này: trên mảnh đất Việt Nam mà hai hệ ý thức trái chiều đã chọn làm đấu trường không hề có bóng dáng một người lính Nga trong khi đó đầy nhóc lính Mỹ và các nước đồng minh. Sự thực ấy, người nông dân mù chữ nào cũng thấy được. Cũng nhờ sự thực ấy mà quân đội miền Bắc có phần ưu thắng. Và người Mỹ có thói quen thay đổi chính phủ như lật bàn tay, thạo nghệ thuật làm đảo chánh như rán trứng, người Mỹ đã thành công trong cuộc chính biến đưa chánh phủ Nguyễn Khánh lên ngôi, hạ sát Ngô Đình Diệm - kẻ bướng bỉnh vì trót có tinh thần dân tộc, rồi cuối cùng cũng đã rút quân khỏi miền Nam và phải ghi vào từ điển hai chữ Việt Nam với tư cách một tính từ hàm chứa sự cay đắng và ngao ngán.

Thưa ông Thụy Khuê, cái gì là sự thật thì không ai có quyền chối bỏ, dù thích hay không thích. Dẫu vậy, tôi cũng xin nhắc lại lần thứ hai, dù thắng hay thua, hai đội quân cũng chỉ là những đứa con chung của một giống nòi. và trên phương diện thực tiễn, người thắng đâu có sung sướng hơn kẻ bại? Xét cho cùng, họ chịu đau khổ nhiều hơn, sống một cuộc sống gian nan hơn. Để đi đến Khải Hoàn Môn, họ phải vắt kiệt sinh lực và từ bỏ mọi niềm vui sống.

Vì ở miền Bắc có những đội văn nghệ tuyên truyền từng ca ngợi chiến tranh là ngày hội. Vì ở miền Nam có cả một đoàn quân Tâm Lý Chiến với các giọng oanh vàng véo von khích lệ những "anh hùng quốc gia" lên đường, nên ngày hôm nay tôi phải ngồi viết *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tôi muốn nói với đồng bào của mình rằng chiến tranh không giống giấc mộng vàng mà các nữ ca sĩ thêu dệt, cũng chẳng là ngày hội tưng bừng mà các bản hòa tấu kèn diễn

tả. Chiến tranh có gương mặt thật của nó mà ít ai tường tận. Và trong bất kỳ cuộc chiến nào, chết chóc, đau đớn và sự hủy diệt nhân tính cũng được chia đều cho cả hai bên.

Điều nữa, thưa ông, ông có một lời khen mà tôi không thể chấp nhận: *"Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đám sình lầy ô nhiễm quê hương".*

Với lời khen hết cỡ như vậy, ai đó - khác tôi, sẽ vô cùng mãn nguyện. Bởi phàm là người nói chung ai lại chẳng thích vuốt ve. Nhưng đáng tiếc, tôi thì không. Tôi là con người mà hai câu thơ sau đây của Xuân Diệu bộc lộ trung thành:

Tôi cùng xương cùng thịt với nhân dân tôi
Cùng đổ mồ hôi cùng sôi nước mắt.

Không phải tôi là viên ngọc giữa đám sình lầy mà chính dân tộc này mới là một viên ngọc bị vùi lấp trong sình lầy của nghiệp chướng. Một quốc gia có lúc thịnh lúc suy. Có lúc người trị vì là bậc tuấn kiệt như các vua Lý vua Trần. Có lúc ngự trên ngai vàng là bọn hôn quân ám chúa như Lê Ngọa Triều, Lê Chiêu Thống. Không thể nhìn vào Lê Chiêu Thống để qui kết dân tộc Việt là dân tộc bán nước. Cũng như thế, không thể nhìn vào một số người cộng sản cầm quyền tham nhũng, độc đoán, ngu dốt mà cho rằng những người Việt sống nơi quê hương là một đám sình lầy. Trong đám sình lầy ấy đã mọc lên những Tôn Thất Tùng, Đặng Thái Sơn, Lê Bá Khánh Trình... Và, ai cũng hiểu rằng, có một Đặng Thái Sơn nghĩa là có một ngàn Đặng Thái Sơn khác mai một trong đói nghèo ràng buộc.

Tôi biết dân tộc chúng ta là một Hercule bị trói. Chiến tranh, thể chế xã hội lạc hậu, ý thức phong kiến biến tướng và được nuôi dưỡng... Những xiềng xích ấy đã không ngừng cùm trói và đày đọa con người, không cho họ có cơ hội sống một cuộc đời xứng đáng. Nhưng không phải vì cái hiện thực buồn thảm ấy mà bất kỳ ai được quyền nhục mạ đồng bào mình. Từ những ngày đầu bị bắt, tôi đã tuyên bố với nhà cầm quyền: *"Tôi là nhà văn của dân đen. Tôi đấu tranh cho lợi ích của dân đen. Những người mà, vì lầm than, có thể không bao giờ cầm đến quyển sách và biết đến tên tôi".* Thưa ông, tiêu chí đó không thay đổi, bởi một lẽ, tôi hiểu đồng bào mình. Những lê dân hôm nay cắm mặt xuống ruộng bùn cấy lúa, ra nước ngoài làm thuê với đôi chân không tất không giầy trước cặp mắt khinh bỉ và ghẻ lạnh của ngoại nhân, họ, chính họ, nếu được nuôi dưỡng trong một hoàn cảnh khác, sẽ có đủ khả năng đuổi theo nền văn minh và không thua kém bất kỳ dân tộc nào khác trên địa cầu.

Tại Hà Nội, khi nghe tin một thanh niên Mỹ gốc Việt đoạt giải nhất trong kỳ thi *"vẻ đẹp cơ thể đàn ông"* lòng tôi đầy vui sướng. Chẳng biết khi nghe tin Đặng Thái Sơn thắng lợi trong concours diễn tấu Chopin, ông có

cảm giác ấy không? Hay là người nghệ sĩ kia xuất thân từ đám sình lầy ô nhiễm nên ông quay mặt đi?... Tôi rất lấy làm tiếc, thưa ông. Nhưng quả tình, một cách nhìn như vậy về đồng bào mình sẽ chỉ khơi sâu thêm mối hằn thù trong quá vãng và không đem lại điều gì tốt lành cho tương lai.

Tôi cũng phải nói thêm rằng quan điểm của những người chống cộng cực đoan sao mà giống quan điểm của lớp cộng sản bảo thủ ở đây đến thế!... (Tất nhiên, theo chiều ngược lại). Hệt như hai bản sao, hai giọt nước. Đều là những người khăng khăng ôm chặt lấy định kiến và mặc cảm cũ, không mảy may khoan dung, không mảy may đoái thương tới đồng bào, đồng loại. Tất cả đều không muốn đi tới cội nguồn của SỰ THẬT. Tất cả đều không muốn nói đến hai chữ THA THỨ.

Thưa các ông, tại sao các ông lại không thể hình dung rằng: vào cùng một thời khắc, có hai đứa bé cùng chào đời. Một đứa ở Hà Nội, đứa kia ở Sài Gòn. Mười tám năm sau, đứa bé ở miền Bắc đi theo lời kêu gọi *"chống Mỹ cứu nước", vì Tổ Quốc Xã Hội Chủ Nghĩa.*

Đứa bé ở miền Nam bị lôi cuốn bởi *"Lý tưởng Quốc Gia"*, bởi *"Chiến dịch chặn đứng làn sóng đỏ"*, bởi những câu thơ kiểu như *"Thành ngăn sóng đỏ mây sừng sững"*... Và hai đứa bé hăm hở ra đi, rắp tâm lập công với Quốc Gia Cộng Hòa hay Tổ Quốc Xã Hội Chủ Nghĩa. Rồi chúng bắn giết. Rồi chúng trúng thương, cùng tàn phế, cùng chết chui chết lủi trong rừng, cùng rữa nát giữa bùn chiến địa. Dù cậu thiếu niên phía Nam được ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn vì tựa lưng vào một "mẫu quốc" giàu có hùng cường hơn, thì khi thối rữa, da thịt chúng cũng đều bốc lên một thứ mùi khủng khiếp như nhau.

Hai đứa bé ấy liệu có tội gì trong trò chơi oan nghiệt của số phận? Liệu còn có ai muốn tiếp tục khơi gợi oán thù để hai hồn ma trong trắng ấy tiếp tục bắn giết nhau ở thế giới bên kia?

Với tôi, hai chàng thiếu niên ấy đều là con tôi cả. Máu chúng chảy ra là máu của tôi. Và trong bàn thờ tâm linh mình, tôi thắp hai nén nhang như nhau mà vọng tưởng.

Sẽ mãi mãi là bất hạnh, sẽ khổ đau truyền đời mãn kiếp nếu những đứa con của Hùng Vương không nhảy qua được vòng phấn của quá vãng.

Sẽ có một sông Gianh lần thứ ba nếu những người Việt còn nuôi dưỡng hằn thù và khôn nguôi khát vọng tàn diệt nhau.

Đất nước sẽ mãi mãi là một bãi tha ma mênh mông, chất chồng nhiều tầng hài cốt nếu mỗi người Việt không thấy rõ rằng một cuộc nội chiến, dù với bất cứ lý do nào, cũng là chất cường toan làm ruỗng nát sinh lực lẫn tâm hồn dân tộc.

Trước tôi, về cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, đã có người làm bài hát

"Hờn Sông Gianh". Gần đây, để từ chối cuộc chiến vừa qua, tôi viết *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tôi từ chối cái cuộc chiến mà trong đó nửa quê hương Việt Nam ăn gạo Nga cầm súng Nga cùng các nước theo lý thuyết Mác-xít, nửa kia ăn gạo Mỹ cầm súng Mỹ và các quốc gia đồng minh, quyết tử với nhau. Đất nước ông cha biến thành đấu trường. Những con người cùng huyết thống, cùng giống nòi, biến thành những thù địch.

Ngày hôm nay, tại điện Kremlin, người Nga và người Mỹ ngồi với nhau ký hòa ước giải trừ vũ khí nặng. Còn lại, những người Việt vẫn khôn nguôi thù hận, quyết tát cạn bắt lấy, quyết phân định tao đúng mày sai?... Nếu quả vậy, đó có lẽ là trò chơi cay độc và tàn nhẫn nhất của Tạo Hóa.

Là một người vào Sài Gòn từ thời gian đầu tiên, sau ngày 30 tháng 4, 1975, nhưng trong lúc mọi người chung quanh không ngớt hân hoan, tôi đã đánh mất mọi niềm vui. Nhiều tiên cảm mơ hồ, lo buồn ám ảnh tôi. Đối với tôi, mọi vinh quang đều hão huyền, chỉ hạnh phúc là có thực. Không phải vô cớ mà Bertolt Bretch đã viết: *"Bất hạnh thay cho những dân tộc nào sản sinh ra lắm anh hùng"*.

Thời gian trôi qua, những tiên cảm mơ hồ trong tôi đã biến thành sự thực. Dân tộc chúng ta, một dân tộc đầy huyết khí và thơ ngây, đã phải chết hàng triệu lần trong cái chết, tưởng sẽ dựng nên một kỳ tích vĩnh hằng cho nhân loại, và sẽ có tất cả sau ngày chiến thắng. Dân tộc ấy giờ đây đang nhặt từng hạt lúa giữa ruộng bùn, đang xây dựng cuộc sống từ một mức bình quân mạt hạng, với số lượng khổng lồ thương phế binh của cả hai đạo quân, với hằng hà sa số những đàn bà hóa, những trẻ mồ côi. Dân tộc ấy mới ngày hôm qua còn ngây ngất bởi tiếng vỗ tay cổ vũ chiến thắng, bởi quà tặng của các thứ tình hữu nghị, giờ đây đang bị xua đuổi, bị sỉ nhục, bị hành hạ ở Tiệp, ở Đức, ở Ba Lan, Ở Bungari, ở Nga... Dân tộc ấy, dù đang sống ở Mỹ, Pháp hay các quốc gia phát triển nhất, an hưởng một đời sống vật chất và tinh thần hoàn hảo nhất, vẫn không ngừng bị đày ải vì khôn nguôi nỗi sầu xa xứ. Người ta, không ai có thể từ bỏ nguồn gốc mình. Sự từ bỏ ấy, nếu là thực trên tấm hộ chiếu thì nó sẽ là giả trên phương diện giống nòi, máu huyết. Nếu nó diễn ra trong ý thức thì sẽ có một ẩn ức trái chiều lặn sâu vào vô thức và tới lúc nào đó, trồi lên cắn xé con tim.

Vì dân tộc phân ly và đau khổ ấy, tôi xin chấp nhận mọi thua thiệt về mình. Dù là sự đàn áp của nhà nước, sự tức giận và phản bác của những người cộng sản bảo thủ. Dù là sự lợi dụng, xuyên tạc và lăng nhục của những người chống cộng cực đoan. Là một kẻ bất hạnh, tôi chịu thêm một lần bất hạnh nữa, ngay cả cái chết cũng chẳng hề chi. Bởi lẽ, nỗi đau khổ của một cá nhân dù nặng nề đến đâu cũng không thể so sánh với nỗi đau khổ của 70 triệu con người. Sự bất hạnh của riêng tôi, dù khốc liệt đến đâu cũng không sánh được sự bất hạnh của toàn dân tộc.

Nhưng tôi tin rằng, người Việt nào có lương tri mạnh mẽ và khoan dung, người Việt nào tôn trọng lẽ công bằng, can đảm vượt qua những định kiến của quá vãng, tha thiết với lợi ích chung của dân tộc, những người ấy sẽ hiểu tôi.

Vì một nước Việt trong tương lai, một nước Việt vẹn toàn không phân ly thù hận, một nước Việt dân chủ và phồn vinh, ngày hôm nay tôi xin chịu đi dưới hai lằn đạn.

Vì một dân tộc Việt trong tương lai, một dân tộc không chỉ biết chết mà còn biết sống, không chỉ mài rũa nghệ thuật chết mà còn tạo dựng và trau dồi nghệ thuật sống, một dân tộc bất hạnh - đã lặn ngụp trong mất mát và thất vọng - sẽ tự hiểu mình - sẽ lớn khôn - và sẽ trồi từ đáy sâu lầm than đau khổ hận thù tới bến bờ hạnh phúc. Vì dân tộc Việt như thế trong tương lai, ngày hôm nay tôi sẵn lòng chấp nhận bị ném đá cả từ hai phía.

Những ngày lập thu Tân Mùi
12.8.1991
DƯƠNG THU HƯƠNG.

BÙI GIÁNG

từng lúc

Người đi lúc chậm lúc mau
Trăng vàng có lúc đổi màu xanh um
Xin người cứ nói một lời
rằng tôi chẳng rõ cái đời của tôi
Bây giờ chốc nữa mai sau
Nước non từ viễn tượng nào về chơi
Người đi thương nhớ đầy vơi
Bỏ sông xứ sở sương trời hoàng hoa
Tuy nhiên như thế thiệt là
Chép câu gay cấn ngoài ra vẫn còn

BÙI GIÁNG
(Trong nước)

THỤY KHUÊ

trả lời dương thu hương

Ngày 22.4.1991 ba ngày sau khi tin Dương Thu Hương bị bắt được các hãng thông tấn loan đi, tôi được một anh bạn, anh X, cũng là bạn của Dương Thu Hương, trao cho tập bản thảo *Tiểu Thuyết Vô Đề*, nhờ tôi viết tựa và tìm cách xuất bản với lời yêu cầu: trong bất cứ hoàn cảnh nào, xin chị đừng tiết lộ vì đâu và vì ai mà chị có tập bản thảo này (trong hoàn cảnh lúc đó, tôi chấp nhận điều kiện này)

Cần nhắc lại rằng khi Dương Thu Hương bị bắt, không khí rất căng thẳng, những người theo dõi tình hình Việt Nam và ủng hộ việc đấu tranh dân chủ hóa đất nước của Dương Thu Hương, ai cũng muốn làm việc gì đó cho bà. Mọi quyết định phải nhanh.

Tôi đã nhận lời anh X trong không khí sôi nổi và khẩn thiết - việc mà trong trường hợp bình thường tôi sẽ từ chối - vì tôi không quen Dương Thu Hương, không đồng chính kiến với Dương Thu Hương và Dương Thu Hương không trực tiếp nhờ tôi in ấn gì cả (cơ sở duy nhất mà tôi dựa vào là bản sao một lá thư Dương Thu Hương viết cho hai người bạn - anh Giao và anh Đường -, nội dung ngỏ ý muốn xuất bản *Tiểu Thuyết Vô Đề* tại hải ngoại). Nhưng cuối cùng tôi cũng đã nhận lời anh X, với nhiều lý do và trăn trở:

- Một trong những chủ đích của việc xuất bản sách ngay là để gióng một tiếng vang trong dư luận, khiến chính quyền cộng sản phải e dè trước mọi quyết định đàn áp Dương Thu Hương. Chủ đích ấy có thể tác dụng ngược lại - nghĩa là nhà cầm quyền căn cứ vào đó mà buộc tội Dương Thu Hương một cách gay gắt hơn.

Một mặt khác, tôi tin rằng:

- Điều cần thiết cho văn học là tác phẩm đến tay người đọc, còn vì đâu mà đến, do ai mà đến, không quan trọng.

- Về những tác phẩm viết trong nước mà tôi được đọc cho tới nay: *Tiểu*

Thuyết Vô Đề có giá trị tiên phong trong việc nhìn nhận lại cuộc chiến một cách sáng suốt và mạnh dạn. Ngoài ra, *TIểu Thuyết Vô Đề* còn có giá trị nghệ thuật nhất định. Tuy nhiên, vì lo ngại phản ứng của chính quyền mà trong bài tựa tôi khẳng định: không biết bản thảo từ đâu tới để xác quyết việc Dương Thu Hương không nhờ tôi làm bất cứ việc gì, do đó chính quyền Việt Nam không thể căn cứ vào đó mà buộc tội Dương Thu Hương chuyển bản thảo sang Mỹ.

Tôi đã giao phó tác phẩm cho nhà xuất bản Văn Nghệ của thầy Từ Mẫn Võ Thắng Tiết vì hai lý do:

- Qua những đóng góp vào văn học nước nhà từ trên mười năm nay, Văn Nghệ là nhà xuất bản uy tín tại hải ngoại hiện giờ.
- Giữa thầy Từ Mẫn và tôi đã có hợp tác và tin cậy.

Mặc dù phản ứng chống đối việc in sách trong nước lúc đó còn mạnh, thầy Từ Mẫn đã nhận lời. Đó là một cố gắng của nhà xuất bản Văn Nghệ cần được ghi nhận mà thầy Từ Mẫn, bây giờ, đã phải trả giá khá đắt.

VỀ MỘT VÀI ĐIỂM TRONG BÀI TỰ BẠCH CỦA DƯƠNG THU HƯƠNG

Có nhiều mức độ để đọc một tác phẩm hay một văn bản:

- Độc giả, một số - rất ít - thẩm xét cái hay cái dở để đánh giá và phân định giới hạn tác phẩm và tác giả. Lớp độc giả này chắt lọc những điều hay trong tác phẩm lưu lại cho mình và sa thải hoặc quên đi những cái dở trong tác phẩm - đó cũng là chủ đích của những bài tựa.
- Một số đông, có nhận xét chung chung tương đối đúng.
- Và một số khác hiểu lầm hoặc ngộ nhận, thậm chí đi đến chỗ xuyên tạc vô căn cứ.

Tự Bạch đề ngày viết trong tù, nhưng lời lẽ hoàn toàn tự do, đã được gởi ra ngoại quốc mới đây, vậy vẫn phù hợp với tâm trạng của tác giả. Độc giả sẽ thẩm xét *Tự Bạch*. Tôi không đi sâu vào nội dung bài viết, vì không phải là chủ đích của bài này. Chỉ đưa ra vài nhận xét:

Sau mười sáu năm thống nhất đất nước, mọi định danh, phân giới *đội ngũ những người cộng sản / hàng ngũ những người chống cộng*: tôi ở bên này / anh ở bên kia - ở thời điểm này - dường như đã lỗi thời, lạc hậu.

Một khi thắng trận, viết về những nhầm lẫn của mình, đã là khó. Một khi thắng trận, viết về những nhầm lẫn của đối phương lại càng khó hơn. Không mấy ai thành công trong cuộc phiêu lưu mạo hiểm ấy, cho dù viết với mục đích *"để những ai thua trận không thể còn tiếp tục thù hận"*.

Ngôn ngữ văn học là một con dao hai lưỡi: nếu *Tiểu Thuyết Vô Đề* -

qua sự kiểm nghiệm lại dĩ vãng - giải tỏa được một số vấn đề trong sự chia rẽ sâu xa của dân tộc và có một giá trị nhân bản cao, thì bài *Tự Bạch Về Tiểu Thuyết Vô Đề*, với những tố cáo "tội ác" của đối phương, giới hạn mọi giải tỏa chia rẽ và triệt tiêu giá trị nhân bản.

*

Chủ đích của bài này là nhìn nhận một vài khía cạnh nhỏ liên quan đến việc in ấn *Tiểu Thuyết Vô Đề* mà tôi có phần trách nhiệm. Dương Thu Hương muốn chọn *một nhà xuất bản thuần túy văn hóa và phi chính trị* tại Pháp: khó đấy! Ở hải ngoại, kiếm một nhà xuất bản thứ nhì - không dây dưa với chính trị - và có uy tín lớn như nhà xuất bản Văn Nghệ, không phải chuyện dễ. Xác quyết trong sự thiếu thông tin cũng là một giới hạn nữa, đáng ghi nhận của *Tự Bạch*.

Tránh dài dòng, tôi xin vắn tắt trả lời hai điểm có liên quan trực tiếp đến tôi trong bài viết:

1. Về câu *"Tiểu Thuyết Vô Đề nhắm vào cốt tủy của huyền thoại «chống Mỹ cứu nước», vạch trần mặt trái của những lý tưởng cao đẹp, mặt sau của những Khải Hoàn Môn, mặt nạ của những mỹ từ đã trở nên những khẩu hiệu trống rỗng: Tổ Quốc - Nhân Dân - Chính Nghĩa - Tự Do - Quốc Gia - Dân Tộc... Vì người ta đã lạm dụng và dày xéo quá nhiều lần"* trong bài tựa *Tiểu Thuyết Vô Đề.*

Câu văn trên, cũng như chủ ý toàn bài tựa của tôi - cần được hiểu trên hai mức độ:

1) Vì viết về *Tiểu Thuyết Vô Đề* - một cuốn tiểu thuyết chống chiến tranh, nhìn từ phía Bắc - nên tôi đề cập đến huyền thoại "chống Mỹ cứu nước". Nếu viết về một tác phẩm chống lại cuộc "chiến tranh chống cộng sản", nhìn từ phía Nam, tất nhiên tôi sẽ đề cập đến huyền thoại "chống cộng".

2) Khi nêu lên ý tưởng: những danh từ như tổ quốc, nhân dân, chính nghĩa, tự do, quốc gia, dân tộc... đã được *người ta* lạm dụng và dày xéo quá nhiều, tôi viết với tâm cảm hòa hợp Nam Bắc:

a) qua cách dùng chữ: *người ta* có nghĩa là một số người nào đó, không nhất thiết Nam hay Bắc (Nếu không, tôi đã viết rõ: chính quyền miền Bắc)

b) qua cách pha trộn danh từ thông dụng (Tổ quốc... dân tộc...) của cả hai miền, vì đối với tôi, sáu danh từ trên đều là tiếng... Việt cả. Ngoài ra, tôi không nghĩ: vì miền Nam hay dùng chữ *quốc gia*, miền Bắc hay dùng chữ *nước* hay *đất nước* mà những từ đó thành độc quyền ngôn ngữ Nam Bắc, lại càng không thể là độc quyền ngôn ngữ của chính quyền Nam Bắc.

c) Theo Dương Thu Hương, *"Chính quyền miền Bắc không bao giờ sử dụng những danh từ: Quốc Gia - Tự Do - Dân Tộc trong các khẩu hiệu được*

coi là tôn chỉ của cuộc chiến". Vậy thì những khẩu hiệu *"Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào"*... những khẩu hiệu ấy ở đâu ra? Nhắc lại những khẩu hiệu ấy ở đây không phải để phủ nhận chân lý nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, nhưng để cùng nhau tự hỏi: có chân lý nào đáng giá hơn hai mươi năm cốt nhục tương tàn, với những đau thương, chia rẽ, hận thù... mà ngày nay dân tộc vẫn còn phải trả? Kể cả chân lý nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một.

Vì viết vội, nên tôi viết vụng chăng? (Tôi đã đọc *Tiểu Thuyết Vô Đề* và viết Tựa trong năm ngày, từ 22 đến 27.4.1991. Cùng trong tuần lễ đó, thực hiện một chương trình phát thanh về Dương Thu Hương trên RFI dài 24 phút và viết hai bài về đề tài Dương Thu Hương để kịp đi trên Thông Luận số ra ngày 1.5.1991) Khiến Dương Thu Hương không thấy dụng ý hòa hợp của tôi, khiến Dương Thu Hương phải vất vả, mất nhiều thì giờ giảng giải về những điều tôi muốn nói và đã viết?

2. Khi viết: *"Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đám sình lầy đang ô nhiễm quê hương."* Trong mạch văn và trong bối cảnh bài viết, thiết tưởng không một người Việt nào đọc câu trên lại có thể gán cho nó ý nghĩa mạ lỵ dân tộc. Có cần phải giải thích: viên ngọc ở đây chỉ là những hình ảnh tượng trưng cho những thái độ quả cảm, đã trồi lên và sẽ còn trồi lên trên đất nước, mà Dương Thu Hương là một trường hợp, và sình lầy tượng trưng cho sự độc tài, chuyên chế, tham nhũng gian dối, đàn áp tư tưởng... hay không?

Không nhận lời khen là quyền của mọi người. Nhưng xuyên tạc lời viết lại là chuyện khác.

*

Tóm lại, việc xuất bản *Tiểu Thuyết Vô Đề* đã xảy ra là do lòng tin tưởng vào một việc chung và tốt giữa ba người: anh X, tôi và thầy Từ Mẫn.

Trách nhiệm và Thương tổn. Tôi nhận. Nếu tôi có sai lầm trong sự nhiệt tình thì tôi đã được trả giá đúng mức.

Ngày nay thẩm định lại: Thử hỏi việc xuất bản ấy có hại hay có lợi cho tác phẩm?

Dù sao chăng nữa, đây cũng là một dịp đối thoại. *"Khôn không qua lẽ, khỏe không qua lời"*, biết vậy mà lễ độ trí thức và cái chừng mực của con người vẫn không cho phép tôi đẩy lời lẽ đến cùng.

THỤY KHUÊ

14.2.1992

NHẬT TIẾN

những con người đi giữa hai lằn đạn

Tôi đã được tòa soạn Hợp Lưu trao cho bản sao hai bài viết trước khi nó được chính thức xuất hiện trên mặt báo, một của Dương Thu Hương (Bản Tự Bạch về *Tiểu Thuyết Vô Đề*) và một của Thụy Khuê (Thụy Khuê trả lời). Tôi dự đoán hai bài viết này sẽ gây một tiếng vang lớn trong cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, có lẽ chỉ ở hải ngoại thôi, vì báo chí quốc nội, trong hoàn cảnh hiện nay sẽ chẳng có cơ hội được công khai phổ biến những tài liệu văn học như thế. Tôi cũng dự đoán rằng, trong những cuộc thảo luận sôi nổi quanh hai bài viết ấy, dư luận sẽ có nhiều cách nhìn để phê phán, tùy hoàn cảnh, tùy vị trí, tùy tâm tư cũng như kinh nghiệm sống của mỗi người.

Sự trao đổi ý kiến một cách rộng rãi và đa dạng như thế, vừa giúp cho người viết có cơ hội bày tỏ quan điểm của mình, vừa khiến cho người đọc có nhiều dữ kiện đánh giá và tự tìm cho mình một cung cách để kết luận vấn đề, đó là ưu điểm của xã hội tự do dân chủ. Bởi những lý do đó, tôi cũng muốn góp phần vào công việc thảo luận để có cơ hội bày tỏ cách nhìn của mình, nhất là đối với một vấn đề có tính cách hệ trọng, không chỉ dính dấp đến hai cây bút mà cả hai tôi đều quý trọng, mà còn mở ra một lãnh vực vô cùng rộng lớn khác, liên hệ đến những con người cùng chia xẻ với nhau nhận định rằng dù thắng, dù thua, tất cả *đều là những đứa con của cùng một quê hương, và đều là nạn nhân trong trò chơi cay nghiệt của định mệnh* (chữ của Dương Thu Hương).

Phải nói ngay rằng, ngồi trong tù để viết bản *tự bạch* mà viết được đến như thế, quả Dương Thu Hương đã hoàn toàn giành được sự tự do để sử dụng ngòi bút. Tôi không nhìn thấy một sự trói buộc ngoại cảnh nào khiến bà phải uốn cong ngòi bút của mình. Bà đã khẳng định rằng cuộc chiến vừa qua là cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn (điều mà các giới lãnh đạo ở hai

miền đều không chấp nhận), rằng cả hai thứ người này (ở đầu mút của nó) đều không đem lại một tương lai khả quan nào cho đất nước, rằng quan điểm của những người chống cộng cực đoan giống quan điểm của lớp cộng sản bảo thủ (theo chiều ngược lại) như hai giọt nước, đều là những người khăng khăng ôm chặt lấy định kiến, mặc cảm cũ, không mảy may khoan dung, không mảy may đoái thương tới đồng bào, đồng loại, và rằng tất cả đều không muốn đi tới cội nguồn của sự thật, tất cả đều không muốn nói đến hai chữ tha thứ... v.v...

Nhưng nói thế không có nghĩa là Dương Thu Hương khi cầm bút viết bản *Tự Bạch* lại không bị ràng buộc bởi bất cứ một trở lực nào. Theo cách nhìn của tôi, do hoàn cảnh đặc biệt của riêng cá nhân bà, một người tham dự cuộc chiến ở một phía ngay từ năm lên mười tám tuổi (trong hoàn cảnh này, tâm tư và tình cảm của bà tất nhiên được hình thành từ một khuôn mẫu khác với khuôn mẫu của một thanh niên miền Nam khi nhập ngũ, kể cả những dữ kiện thông tin mà giới trẻ ở cả hai miền được cung cấp và bồi dưỡng). Nhất là vào thời điểm viết bản *Tự Bạch*, bà không những chưa bao giờ đặt chân ra hải ngoại, lại còn nằm trong tù, nên về mặt hiểu biết những gì đang xảy ra ở bên ngoài, còn rất nhiều điều hạn chế, thậm chí có thể nói, còn đang bị những cơn hỏa mù về những lượng thông tin hiếm hoi đến được với bà, sau những chuyện rối ren như vụ bác sĩ Bùi Duy Tâm, vụ ấn hành cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề*, vụ kiện cáo gần đây quanh cuốn sách này... Tất cả những điều đó dù muốn dù không cũng là những trở lực làm hạn chế cách nhìn của bà, và nó đã hiện rõ trong bản *Tự Bạch.*

- Chính vì được đúc trong khuôn mẫu của một phía nên trong bản *Tự Bạch* bà chỉ nhắc nhở đến "mẫu quốc Hoa Kỳ", đến vi trùng lậu Đại Hàn, đến những quái thai do chất độc màu da cam, hay những cuộc tàn sát các nữ chiến binh hoặc thanh niên xung phong miền Bắc v.v... mà đã thiếu công bằng khi không nhắc đến nguồn viện trợ khổng lồ cho miền Bắc đến từ Trung Hoa, Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc... và nhất là đến những vụ thảm sát gây ra bởi quân đội miền Bắc đối với quần chúng miền Nam, như những vụ pháo kích, đặt mìn, ám sát, chặt đầu, trôi sông hay cụ thể rõ rệt nhất là những mồ chôn tập thể ở Huế trong biến cố Mậu Thân.

- Chính vì thiếu dữ kiện thông tin do hoàn cảnh của những người còn kẹt lại trong nước (chưa kể còn nằm trong tù), nên trong bản *Tự Bạch* bà đã có những nhận định sai lầm, như thể: cho rằng tác phẩm *Tiểu Thuyết Vô Đề* bị đánh giá là *"lời sám hối của một tên Việt cộng, một con Việt cộng, một kẻ đã từng là đảng viên cộng sản"*, hay như thể *Tiểu Thuyết Vô Đề* là một cơ may để những người chống cộng cực đoan lợi dụng một cách triệt để nhằm chống lại kẻ thù của họ tức chính quyền Hà Nội. Sự thật đã xảy ra không đúng như thế. Nếu độc giả ở hải ngoại đa số tiếp đón tác phẩm của Dương Thu Hương

cũng như của nhiều nhà văn khác trong quốc nội như Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Khắc Trường, Hoàng Lại Giang, Phạm Thị Hoài... thì hầu hết đều có tâm trạng cởi mở, không thành kiến, chỉ đón nhận những tác phẩm có chân giá trị như một tài sản chung của dân tộc không phân biệt xuất xứ địa dư cũng như chính trị. Trong khi đó, ngược lại, chính sự cho in lại những tác phẩm trong nước, trong đó có cả cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề*, là một đề tài cho những người cực đoan ở hải ngoại lên án một cách nặng nề. Rằng tất cả những ấn phẩm như vậy chỉ là trò đổi mới giả hiệu, giúp cho chính quyền trong nước thoát hiểm trong cơn bế tắc, kiệt quệ hiện nay. Tôi có thể khẳng định chưa có một bài báo nào thuộc nhóm cực đoan lại khai thác một cách triệt để và bày tỏ nỗi vui mừng khi tiếp đón cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* như *lời sám hối của một tên Việt cộng*. Thì ra những người cực đoan và chính quyền trong nước đã gặp gỡ nhau ở một vị trí trớ trêu: cả hai đều không muốn cho cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* (và cả những cuốn khác cùng loại) được ấn hành ở hải ngoại, và cả hai đều ra sức ngăn cản sự ấn hành đó!

- Cũng chính vì thiếu dữ kiện thông tin, nên Dương Thu Hương không hề biết Thụy Khuê là một mẫu người quả cảm, cũng đã từ lâu đi giữa hai lằn đạn để thực hiện mơ ước của mình.

Trên diễn đàn của tờ Thông Luận (Paris), ngòi bút Thụy Khuê trong mục *Sổ tay*, đã ròng rã nhiều năm trời bày tỏ sự can đảm trong nỗ lực "vượt qua những định kiến của quá vãng để mưu cầu lợi ích chung cho dân tộc", và điều này đã khiến bà trở thành nạn nhân của những cuộc chụp mũ, bôi nhọ, mạ lỵ tưởng như đã vượt quá mức chịu đựng của một phụ nữ Việt Nam vốn có bản chất hiền hòa, khiêm ái.

Là người giữ trọng trách thực hiện những cuộc phỏng vấn trên đài RFI (Radio France International) thường xuyên phát thanh về Việt Nam, Thụy Khuê cũng đã được dư luận đồng bào trong nước đón nhận một cách trân trọng khi bà đem lại cho thính giả những nguồn thông tin trung thực, quí báu và nhất là đã thể hiện được lập trường không khác gì lập trường của Dương Thu Hương: *"sẽ mãi mãi là bất hạnh, sẽ khổ đau truyền đời mãn kiếp nếu những đứa con của Hùng Vương không nhảy qua được vòng phấn quá vãng"*.

Nêu lên những sự kiện trên, thâm tâm tôi thực sự không thống trách gì Dương Thu Hương cả. Ở vào hoàn cảnh có những mặt hạn chế như đã nói, bà không thể có một cái nhìn khách quan hơn trên cái nền tảng nhiễu loạn thông tin chung quanh cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Và có lẽ cũng do bản chất cương cường hết sức mạnh mẽ (mà bà đã thể hiện trên hầu hết những bài phát biểu trước đây) bà đã không thắng được sự nóng nảy của mình để nhìn một cách trung thực hơn điều mà Thụy Khuê đã phải kêu lên rằng mình bị xuyên tạc. Chẳng hạn như đoạn văn ví Dương Thu Hương là một viên ngọc

trong đám sình lầy đang ô nhiễm quê hương. Tôi không thấy có lý do gì để kết luận rằng Thụy Khuê đã miệt thị cả dân tộc Việt Nam là một đám sình lầy. Còn như những hiện tượng tham nhũng, bất công, thối nát, những sự hiện diện của một thiểu số tư bản đỏ đang hưởng thụ phè phỡn trên nỗi đau thương nghèo khó của chính những đồng bào, đồng chí của mình (*Những người cộng sản suốt đời không biết hưởng thụ là gì và chỉ tồn tại trong sự khốn cùng.*DTH) thì đó chẳng phải là một đám sình lầy làm ô nhiễm quê hương hay sao?

Tuy nhiên bỏ qua tất cả những tiểu tiết như vừa kể, tôi thấy rõ, một lần nữa, trong bản *Tự Bạch*, nhà văn Dương Thu Hương đã lại khẳng định một cách dõng dạc, thẳng thắn và can trường về quan điểm minh bạch của mình. Đó là *mọi vinh quang đều là hão huyền, chỉ hạnh phúc là có thực*. Đó là sự khổ đau của dân tộc đã khiến cho những con người có lòng phải lọc bỏ mọi định kiến, mọi hận thù để nhìn về tương lai hơn là kéo dài một cuộc chiến vốn đã đau thương và khốc liệt. Và đó là dân tộc chúng ta đã mất đi những vận hội, những may mắn, đã lỡ nhiều chuyến tàu, giờ đây chỉ có một cách, là mỗi người dân Việt phải ý thức đầy đủ sự bất hạnh của giống nòi và đóng góp cho tương lai bằng thiện chí, tinh thần trọng lẽ phải và sự công bằng.

Những tâm tình ấy, những ước mơ ấy của Dương Thu Hương cũng chẳng có gì khác biệt với những ước mơ của Thụy Khuê từng bày tỏ trong nhiều năm tham dự sinh hoạt báo chí ở hải ngoại. Mà trong hoàn cảnh tâm lý còn vô cùng phức tạp như hiện nay, dù là sống gửi một xã hội được tiếng là hết sức tự do dân chủ như Pháp, như Mỹ, thì sự cất lên tiếng nói để đấu tranh cho những mơ ước đó được thể hiện, cũng thừa đủ để trở thành nạn nhân của những vụ ném đá, chụp mũ, thậm chí cả bạo hành và tiêu diệt sinh mạng. Như thế quả là cả hai ngòi bút mà tôi đều quý trọng, Dương Thu Hương và Thụy Khuê, đều là những kẻ đồng hành, đi giữa hai lằn đạn.

Cả hai đã đang và còn phải trả giá cho sự chọn lựa can đảm của mình.

Tôi chỉ có một điều ước mong duy nhất, đó là rồi ra, những người chia xẻ được với quan điểm của hai người,sẽ ngày một thêm đông đảo, để cùng nhau thực hiện những điều thật sự tốt đẹp cho quê hương dân tộc.

NHẬT TIẾN

ngày 1.3.1992

LÊ THỨ

nhân đọc bài tự bạch của dương thu hương

Có lẽ những ai trong chúng ta hằng quan tâm tới việc hóa giải những xung đột, hàn gắn những rạn nứt trong cộng đồng dân tộc, đều ray rứt trước những di chứng độc hại của bao nhiêu năm chiến tranh tàn khốc vừa qua. Và cũng do đó, không ít người đã cố gắng, nếu chưa thực sự trực tiếp làm nhẹ đi được những cách ngăn, nghi kỵ, hiềm khích, thì cũng hết sức tránh thọc mũi dao vào trong các vết thương còn âm ỉ của nhau. Không ít người đã gượng nhẹ trong từng lời, từng ý, thận trọng như bước trong bãi chông mìn trắc trở, mỗi khi động đến những vấn đề dễ sinh ra đụng chạm, xung đột không cần thiết. Ai cũng mong các vết thương sớm lành lặn thịt da. Đau đớn đã nhiều rồi.

Thế rồi, thỉnh thoảng, có một sự việc xảy ra, để mọi người lại phải nhận chân rằng mình vẫn chưa hiểu đủ, thấy hết, hoặc cảm hết cái di chứng khủng khiếp của một thời phân tranh, người cùng một nòi giống dàn hàng ra để mà tấn công nhau, bằng súng đạn và bằng oán hờn, nghi kỵ.

Tôi vừa được đọc bản Tự Bạch, viết từ nhà tù, của nhà văn Dương Thu Hương (Diễn Đàn, số 6, Paris, 3-1992). Bản Tự Bạch, được đăng lên, là một dịp cho nhiều người suy nghĩ thêm về những điều đã được viết quanh quyển truyện và tác giả của nó, cùng những phức tạp nói chung, về trách nhiệm và quyền hạn liên quan đến việc xuất bản sách của tác giả trong nước, một sinh hoạt ngày càng phát triển theo nhu cầu và hoàn cảnh.

Bài viết này sẽ không bàn đến các lý do và sự kiện việc quyển *Tiểu Thuyết Vô Đề* được in và xuất bản ra sao. Vì những điều ấy nhất định sẽ được những người có liên hệ lên tiếng một cách thấu đáo hơn. Trong bản Tự Bạch, ngay ở đoạn đầu, Dương Thu Hương cho biết chính bà đã "tự tay" gửi bản thảo sách sang Pháp, với "chủ trương vi phạm pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Một hành động nhằm phủ nhận cái "vòng phấn" quá nhỏ hẹp của thứ luật pháp cấm đoán tự do xuất bản của người

sáng tác. Nếu chủ tâm của tác giả đã là như thế, việc cố tình làm mập mờ con đường xuất ngoại của tập bản thảo (dù là với một thiện ý nào đó) quả đã làm mất một ý nghĩa quan trọng của việc ấn hành quyển sách. Và chi tiết này càng làm người đọc cảm được nỗi bực dọc rất dễ thấy, và có cơ sở, của Dương Thu Hương trong bản Tự Bạch. Nếu tôi hiểu đúng, những bạn bè có trách nhiệm với tác giả trong việc in sách còn phải cân nhắc về thời điểm quyển sách ra đời nữa.

Tôi có được nghe một người "dân Hà Nội" nói về nỗi lo của ông, khi Dương Thu Hương còn đang là "khách" của Bộ Công An. Ông lo lắng về cái sức ép trên tâm lý và tinh thần của nhà văn, mà cả ông và tôi đều trân trọng. Sống trong chế độ, ông biết cái khả năng bẻ gãy con người của bộ máy công an. Tôi phải nhắc điều này, để nói rằng tôi hết sức vui mừng khi đọc bài Tự Bạch của Dương Thu Hương, viết trong nhà tù sau nhiều tháng bị giam cầm. Cái phong thái, cũng như lý luận sắc bén và rành mạch của bà vẫn trọn vẹn. Ý chí của người "đàn bà bình thường" này vẫn không chút suy suyển. Bà vẫn không bị bẻ gãy. Và chính vì vậy, tôi mạnh dạn có vài ý kiến về bản Tự Bạch.

Điều khá rõ là nhà văn Dương Thu Hương có cái nhìn và hiểu biết rất giới hạn về cộng đồng người Việt tại Mỹ. Điều này không lạ, vì cộng đồng này vẫn luôn đổi thay, biến thái hằng ngày, trong quá trình tự xác định và hội nhập của nó. Thế hệ những người trưởng thành, và ngày càng có tiếng nói, của hôm nay không còn là thế hệ 75. Những thay đổi tất yếu vẫn đang xảy ra, trên nhiều mặt. Cái tàn lụi, phế thải sẽ được thay bằng những mầm sống mới. Đó âu cũng là cái lẽ đời thường. Thiếu thông tin chính xác và đúng lúc, khó ai có thể hiểu rõ cộng đồng, dù người ấy ở Hà Nội hay Santa Ana.

Có dịp trao đổi và gặp gỡ những người trong nước, tôi biết rằng thông tin về cộng đồng ở đây vào được trong nước còn rất giới hạn. Thường, lại ít chính xác. Tôi sẽ không hoàn toàn đổ tội cho chế độ hay Nhà nước hiện tại ở Việt Nam, một cách trút trách nhiệm vốn dễ làm - rất dễ. Và do đó, cũng sẽ rất dễ phiến diện. Thiết nghĩ, với số lượng thư từ, người đi về lên đến hàng mấy vạn mỗi năm, và một số báo chí, sách vở "đi chui" vào Việt Nam, rồi nào VOA, BBC, RFI, v.v... sự kiện về cái nhìn phiến diện, và rất nhiều khả năng lệch lạc nữa, của nhiều người trong nước về cộng đồng ở đây, phải là một vấn nạn cho nhiều người, nhiều phía. Về phía người ở hải ngoại, nó còn là phản ảnh những gì chúng ta hiểu về mình, và những gì chúng ta chủ trương, hoặc vô tình, chuyển (và không chuyển) về quê nhà.

(Xin mở một dấu ngoặc, nếu bằng vào kinh nghiệm vài trường hợp giao tiếp của Dương Thu Hương với Việt kiều ở Mỹ, mà nhiều người được nghe nói tới, tôi không chắc bà có cơ may để hiểu hơn về cộng đồng chúng ta tại Mỹ. Có khi, những kinh nghiệm này còn làm tình hình tệ hại thêm ra là đàng khác.)

Hiểu như vậy, tôi vẫn trách Dương Thu Hương, ở chỗ bà có những

phán đoán khá tổng quát, và gay gắt, về cộng đồng ở Mỹ, nói chung. Khi bà viết: "Vì những lý do ấy, tôi chọn đất Pháp, nơi cộng đồng người Việt ít thành kiến, tư tưởng phóng khoáng và tự do hơn". Cái hàm ý ở đây, ở lý do bà không chọn in sách ở Mỹ, lại là điều đáng tiếc. Tôi không cho Dương Thu Hương nói hoàn toàn sai, tôi chỉ bảo bà nói quá giản đơn, và hơi vội. Vô tình, hoặc cố ý, bà có cái nhìn gần giống quan điểm chính thống một thời của những người cầm quyền ở Hà Nội về cộng đồng người Việt ở Mỹ. Tôi không có lý do gì để "quảng cáo" cái cảm tình, trân trọng của khá nhiều người dành cho Dương Thu Hương, trong số, có những người không nhất thiết đồng tình với những lập luận, phán đoán của bà. Tôi nói ra điều này, vì cảm nghĩ của họ về Dương Thu Hương còn phản ánh sự kiện họ, những đứa con của quê hương "vẫn không ngừng bị đày ải vì khôn nguôi nỗi sầu xa xứ", một điều tôi biết chắc là Dương Thu Hương trân trọng.

Và cũng như nhiều ngộ nhận khác, chính người ngộ nhận thường lại thiệt thòi trước hết. Với Dương Thu Hương, có lẽ thiệt thòi ở đây là để vuột đi một sự đồng cảm, một cảm giác gần gũi hơn, thân thiện hơn, với những đồng bào của bà. Thay vì để tâm nhiều đến những kẻ "ném đá" - trong số, không ít kẻ vung tay mà không hề một lần xét lại mình - bà có thể quan tâm hơn đến những người thợ xây cần mẫn, kiên trì đang tìm bắt lại những nhịp cầu...

Thêm nữa, với cái thế giới thu hẹp ngày nay, các đại lục gắn chặt trong mạng lưới thông tin chằng chịt hiện đại, việc phân biệt giữa đất Pháp và đất Mỹ làm nơi in sách, hoặc gì gì nữa, sẽ không quan trọng lắm. Và theo chỗ tôi hiểu, những người mà Dương Thu Hương nhờ in sách hiện có một đôi điều không ổn liên quan đến quyển *Tiểu Thuyết Vô Đề*, cũng không ở Mỹ. Còn nếu có ai đó muốn "khai thác" gì về quyển sách của Dương Thu Hương, dù được in ra ở Mỹ hay nơi nào khác, họ cũng sẽ xông vào như thường. Như ta đã thấy.

Một điểm khác, tôi e rằng Dương Thu Hương đã không viết với đầy đủ thông tin, nếu không nói là bà được cung cấp những thông tin bị lựa lọc, bóp méo. Bà viết: "*Tiểu Thuyết Vô Đề* đã bị những người chống cộng cực đoan lợi dụng một cách triệt để nhằm chống lại kẻ thù của họ tức chính quyền Hà Nội". Và bà coi đó là một "chiến dịch" làm thất thiệt cho nhà nước CHXHCN Việt Nam. Có mặt ở Mỹ, ở nam California, nơi quyển sách được in ra và phổ biến, nơi có đông đúc người Việt, tôi không nhìn thấy những điều Dương Thu Hương mô tả. Vả lại, nếu đã có một thứ lời lẽ ồn ào trong một vài bài báo nào đó, thì cũng là chuyện thường ngày. Trong sinh hoạt phức tạp và đa dạng ở đây, đó cũng chỉ là một loại ý kiến, trong nhiều loại ý kiến hết sức khác nhau. Và, những gì ồn ào, nhốn nháo ấy chưa chắc là ý kiến của số đông. Còn gọi đó là một chiến dịch thì e là một sự "nâng cấp" quá đáng.

Nếu cần chọn một cơ hội bằng vàng để người ta quay vào đánh phá

chính quyền Hà Nội, phải kể đến việc chế độ đã có "sáng kiến" bắt giữ Dương Thu Hương. Nếu có những người, trên khắp thế giới, thật tâm lo âu cho sự an nguy hoặc/và các quyền làm người căn bản của bà, và đã mạnh mẽ lên tiếng đòi thả Dương Thu Hương, thì đối với một số người khác, Dương Thu Hương ngồi tù càng lâu càng hay! "Tử đạo" thì thánh càng thiêng. Vẫn chuyện đời thường...

*

Cũng xin có đôi lời về bài tựa của bà Thụy Khuê, giới thiệu *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Trước đây, lúc vừa đọc xong bài viết ấy, tôi đã tự hỏi: "Tác giả Dương Thu Hương sẽ nghĩ gì về bài viết này ?" Dĩ nhiên, tôi có quyền hỏi, và không thể trả lời.

Giờ đây, chúng ta có câu trả lời từ Dương Thu Hương...

Dù gì, đọc lại bài tựa của Thuỵ Khuê nhiều lần, tôi nhất định không thể coi chủ tâm của bà là "lợi dụng" nhằm "xuyên tạc phía bên kia". Buộc tội như vậy khó có bằng chứng, và như vậy là bất công với Thụy Khuê. Bản tâm tôi, tôi vốn không tin điều ấy.

Đàng khác, việc công kích chính quyền Hà Nội, trong sách báo ở hải ngoại, thì gần như nhan nhản ở khắp nơi, trong mọi tình huống, cơ hội, đôi khi hóa thành thói quen của một số người viết, và hóa ra nhàm chán, không tác dụng, dưới mắt một số người đọc. Song, phải nhận rằng chính bài tựa sách ấy, và một số suy diễn "chính trị" khá nặng cân chung quanh tác phẩm *Tiểu Thuyết Vô Đề*, như Thụy Khuê khẳng định "*Tiểu Thuyết Vô Đề* đánh vào huyền thoại gần gũi nhất của cộng sản là cuộc chiến tranh chống Mỹ", đã làm tôi băn khoăn không ít. Xin nói rõ, nếu bà Thụy Khuê đích thân đánh vào bất cứ huyền thoại nào thì tôi cũng không có gì để băn khoăn. Ở đây, bà nói về chủ tâm của một tác giả khác, Dương Thu Hương. Và do đó, tháng 6-1991, tôi có viết một bài ngắn, ký N.L., và gửi đăng báo Đất Mới(1). Phần tâm tình, tôi đã đặt vào đó. Xin khỏi nhắc lại.

Trước những sự kiện hôm nay, nhìn lại, tôi vẫn tin rằng việc triển khai những biện giải "chính trị" cho một tác phẩm như *Tiểu Thuyết Vô Đề* - hoặc *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, của Bảo Ninh, sau này - dù không dám nói là sai trái, vẫn là việc không nên làm, không cần làm. *Có một điều gì lớn hơn, được chuyên chở trong những tác phẩm văn học như vậy, "đó là nỗi đau khổ" của những người chứng / nạn nhân. Những mảng riêng, nhưng không rời rạc, của một nỗi đau chung vẫn còn đang nhức nhối, buốt rát, cần được nhận dạng cho đúng, và làm cho phai mờ dần trong tâm khảm dân tộc.*

*

Nhưng, phần chính yếu của bản Tự Bạch không nhằm trả lời, hay đối chất, với Thuỵ Khuê. Dương Thu Hương rõ ràng nhằm tới một số bài bác, công kích gay gắt, hằn học và ác ý hơn. Ý kiến vào loại cho Dương Thu

Hương chỉ là một thứ "cò mồi", lãnh lương để chống chế độ, hoặc khác hơn, quyển sách của bà là "lời sám hối" của "một kẻ đã từng là đảng viên cộng sản". Loại ý kiến không mảy may chuyên chở một thiện cảm nào. Vốn quan tâm đến sự đối thoại nghiêm chỉnh và xây dựng giữa các thành viên trong cộng đồng dân tộc, tôi xin được nói lên đây vài nghĩ suy riêng.

Tại Mỹ, tôi từng được đọc những dòng giới thiệu các tác giả và tác phẩm trong nước - không riêng trường hợp Dương Thu Hương - thật chừng mực, có những trân trọng vừa phải, có những phê phán nghiêm chỉnh. Con đường mở lại nhịp cầu thông tin và thông cảm giữa người trong nước và người ngoài nước đã có những bắt đầu tích cực. Rất đáng trân trọng và vun vén.

Đồng thời, tôi cũng được đọc không ít những triển khai, phỏng đoán, suy diễn, truy tìm những ẩn dụ về "ý đồ" chống lại đảng CSVN, chống lại chế độ, vất bỏ Marx, đánh đổ huyền thoại Hồ Chí Minh... hoặc những "phản tỉnh", những ngụ ý "từ bỏ hàng ngũ những người cộng sản để chạy sang hàng ngũ những người quốc gia", hoặc phủ nhận một giai đoạn lịch sử, phủ nhận - một hoặc cả hai - cuộc kháng chiến, v.v... Có một lằn ranh, dù mờ nhạt, tinh tế, giữa việc tìm hiểu rất bình thường về một tác giả, một tác phẩm và một thứ hậu ý nào đó. Ở đây tôi chỉ xin nói tới những hậu ý như thế. Mong rằng, xin hãy cứ để cho chính bản thân người trong cuộc làm rõ ra cái chủ tâm của họ. Ngay thẳng, rạch ròi bằng chính bản lĩnh và sự dũng cảm của họ. Hãy để họ trách nhiệm lấy tư duy và hành động của mình. Nếu bất kỳ vì một lý do nào, những điều đó chưa hoặc không xảy ra, sự kiện cũng cần được hiểu và tôn trọng. Như biết chấp nhận vị trí đấu tranh của người khác. Bằng ngược lại, có cố lôi kéo, tô vẽ cho lắm - dù không ác ý - cũng chỉ là o ép, khiên cưỡng. Tệ hơn nữa, là gắn lời, gắn ý vào miệng người khác mà thôi.

Công tâm mà nói, thái độ cố lôi tuột người khác về cái phía mình chọn, mình muốn, đòi hỏi họ phải bước qua một định mức nào đó thì "ta" mới chấp nhận được, đôi khi còn là phản ảnh của một số bệnh chứng rơi rớt của cuộc đương đầu quốc-cộng cũ. Tồn tại của những bức tường ngăn cách ta chưa leo qua, hoặc triệt hạ được.

Thứ nhất, đó là cái vướng mắc, ẩn ức rất lớn về nỗi được-thua sau cuộc chiến. Thứ khao khát cùng cực đã khiến TT George Bush, trong bài diễn văn *State of the Union,* đầu năm 1992, dựng dậy các xác chết Mỹ trong cuộc chiến Việt Nam, để tung hô họ - đa số vốn là những con chốt thí đáng tội nghiệp (2) - thành những người chiến thắng. Một hành vi "đào mộ chí để thay đổi trang phục hay tô son trát phấn cho các tử thi", theo cách nói của nhà văn Dương Thu Hương ? Lạy trời, ít ra ông Bush tin được chính điều ông ấy nói !

Có thật chăng một sự được thua, nếu nhìn từ chỗ đứng của người dân lành Việt Nam ? Những người trong và sau cuộc chiến vẫn chưa phút giây nhìn thấy sự vẻ vang. *Chưa phải lúc sao để nhìn ra cái đau chung của dân tộc,*

để thấy cái thua, nếu có, là cái thua chung? Để "kêu lên tiếng kêu đau đớn", "nói lời sám hối chung của một nòi giống, một cộng đồng".

Kế đến, là một thứ ý niệm thật thô thiển cho rằng chân lý là thuộc về "phe" mình, hay ít ra, giờ đã về phe mình. Tôi nói thô thiển vì nếu muốn đặt lại vấn đề, trong đúng tầm cỡ và vị trí của nó, người ta còn cần phải duyệt xét lại rất nhiều điều. Lịch sử còn đó, cùng với muôn ngàn sự vụ hiện còn ngổn ngang trong cuộc sống hiện nay, kêu đòi giải pháp. Và tôi e rằng, chính thái độ của một số người, tự cho là mình nắm lẽ phải, đã khiến cho những người như Dương Thu Hương phải phản ứng lại, phải thẳng thắn phủ định một sự cả tin không có căn cứ. Khi đã phản bác, Dương Thu Hương sẽ phải viện dẫn, tất nhiên là có lựa chọn, một số sự kiện chung quanh cuộc chiến, những trọng tội chiến tranh còn sờ sờ ra đó, như bà đã làm. Có người sẽ cho đây là một sự kích bác, trả đũa, có tính cách phe phái không chừng. Sẽ có thể có những phản bác đáp lại, vân vân, và vân vân.

Nếu những sự vụ như vậy xảy ra, tôi mong ước sao những người tham dự tranh luận sẽ có cùng chung mục đích tìm cho ra sự thật, để hiểu nhau hơn. Chứ không đẩy cho xa thêm nữa những ốc đảo biệt lập trong dân tộc. Không làm nên những co cụm mới. Trong cuộc đấu tranh mưu cầu tiến tới một nước Việt Nam thịnh vượng và tiến bộ hiện nay, việc giải tỏa được trong nhận thức của người bên ngoài, là chúng ta, một khoảng cách khá lớn, giữa hiểu biết chân xác về thực tế đấu tranh cực kỳ phức tạp của những người trong nước và cái "ý chí", hoặc "kế sách" của những người ngoài nước, là một yêu cầu bức thiết. Để bắt đầu, đó là việc, cả hai phía, nhận ra nhau, trân trọng và phát huy cái chung của nhau. Đó là một việc còn rất khó. Mưu tìm sự chiến thắng, hay khuất phục nhau, về mặt tư tưởng hoặc lý luận trong lúc này, có lẽ chỉ là đuổi bắt ảo tưởng, phung phí thời gian và năng lực của nhau.

Thái độ "chỉ có ta là đúng" mặc nhiên đã gạt bỏ tính đa nguyên. Giờ đây, nếu mỗi người, ở vị trí, hoàn cảnh, tư duy riêng của mình, cố gắng đóng góp cái phần nhỏ nhoi nhất để mưu tìm một lối đi ra cho đất nước, đã là quý lắm rồi. Nếu vì lý do gì đó, những người có cùng một hướng ước vọng chưa thể đi đến sự đồng cảm, hoặc trân trọng nhau chân tình, cũng xin đừng là hủy thể của nhau.

Niềm tin - hay ngộ nhận - "chỉ có mình là đúng" còn cản trở việc kiểm điểm lại cả một quá trình thật dài, thật phức tạp mà, một quá trình hầu hết chúng ta đã phải đi qua. Chẳng hạn, sự phê phán nghiêm túc các vấn đề của chế độ miền Bắc trước đây, và cái gọi là CNXH ở Việt Nam từ sau 1975, không hề, và không thể, mặc nhiên đồng nghĩa với vinh danh những chế độ đối nghịch của nó ở miền Nam. Lô-gich, khổ thay, không thô sơ như vậy. Mong sao, sự kiện những người sinh ra và lớn lên trong chế độ miền Bắc, như Dương Thu Hương, có đủ dũng cảm và chân thật để tìm kiếm lại chính mình trong nỗi đau chung của dân tộc, sẽ là một khích lệ cho những người sinh ra và lớn lên trong chế độ ở miền Nam - tôi là một - trở lại tìm hiểu và

suy nghiệm về chính nỗi trầm luân của dân tộc, nhìn thêm từ một góc cạnh khác, để thấy lại chỗ đứng tương xứng của chính mình. Trong quá trình ấy, chúng ta sẽ có dịp trao đổi thêm với những người như Dương Thu Hương một cách ngay thẳng hơn, rốt ráo hơn, hiểu biết hơn và thân tình hơn.

*

Tạp chí Diễn Đàn, trong phần giới thiệu bản Tự Bạch của Dương Thu Hương, lạc quan cho rằng, những điểm chưa hiểu nhau "rồi sẽ được giải toả", thông qua đối thoại giữa những người "chịu đi giữa hai lằn đạn". Tôi đồng tình với suy nghĩ này.

Từ khi Dương Thu Hương trở thành một cái tên quen biết ở hải ngoại, rất nhiều người, nhiều nhóm đã viết về bà; suy nghĩ cũng như cảm tình dành cho Dương Thu Hương nhà văn - và Dương Thu Hương công dân - do đó rất đa dạng. Giá Dương Thu Hương được cơ hội nhìn bao quát, đầy đủ các bài viết, ý kiến ấy - và trong một trạng huống thể chất và tâm lý khác - rất có thể bà sẽ không có một số phản ứng như đã viết trong bản Tự Bạch. Hoặc ít ra, sẽ có một sự tách biệt, ở một mức độ nào đó, các điều bà Thụy Khuê viết, trong bài tựa sách *Tiểu Thuyết Vô Đề,* ra khỏi một số lập luận cực đoan, vừa công kích chế độ, vừa hằn học đối với Dương Thu Hương một cựu "đảng viên", một người vẫn không chịu "dứt khoát chạy lại" với những người chống cộng! Thụy Khuê viết: "Chỉ một tấm lòng đối với đất nước của người viết và sự dũng cảm gói ghém trong những dòng chữ đắt giá này, đủ là tặng phẩm quý báu, đáng cho độc giả giữ gìn, bảo tồn và trân trọng". Chỉ điểm đó không thôi cũng khiến tôi tin rằng vướng mắc lần này, nếu có, cũng dễ được giải tỏa.

Và, nếu có một người nào đó trên đời này sẵn sàng để cởi mở những thứ vướng mắc ấy, kẻ đó phải là Dương Thu Hương. Tôi không tán dương suông - một hành động Dương Thu Hương sẽ không ưa - tôi chỉ cố gắng hiểu và tin điều bà viết sau đây: "... người Việt nào có một lương tri mạnh mẽ và khoan dung, người Việt nào tôn trọng lẽ công bằng, can đảm vượt qua những định kiến của quá vãng, tha thiết với lợi ích chung của dân tộc, những người ấy sẽ hiểu (Dương Thu Hương)". Một người còn tin vào những điều hợp lý như thế, tất nhiên sẽ chọn cách hành xử tương xứng.

LÊ THỨ

(3-1992)

(1) Viết Về Chiến Tranh, N.L., Đất Mới, 7 & 8-1991, Canada.

(2) When No One Wanted To Fight, David H. Hackworth, Newsweek, Feb. 24,1992.

Tác giả mô tả lại bối cảnh chính trị-quân sự của những năm cuối 60, đầu 70, trên cả hai mặt trận Việt Nam và Hoa Kỳ, để nói rằng, ngay ở vị trí một người chỉ huy quân sự lúc đó, ông hiểu và đồng tình với những người Mỹ khước từ tham chiến ở Việt Nam.

ĐỖ KH.

về nghệ thuật, tự do cũng là tự do dở và sai

Tôi được đọc Dương Thu Hương lần đầu cách đây gần hai năm, trên đoạn đường xe lửa giữa Huế và Vinh. Giữa Huế và Vinh, không đứng thò đầu ra ngắm Đông Hà, Bến Hải, ngắm sông Gianh, Đồng Hới, tôi ngồi trong toa tàu cửa khép để đọc *Các Vĩ Nhân Tỉnh Lẻ*

Lý do là vì, chưa kịp đến Hương Điền, Quảng Trị, mấy bà khách đồng hành đã lo dọa lũ bé lăng xăng: "Chúng mày cẩn thận, khéo nó ném đá vỡ mặt! Khép cửa vào!" Đoạn đường này xấu tiếng và tôi là một người thận trọng. Tôi nép mình vào một góc, lẳng lặng lấy *Các Vĩ Nhân Tỉnh Lẻ* ra đọc. Quả thật, được một lúc (chẳng rõ vẫn còn ở trong Nam hay đã ra ngoài Bắc), có nghe lốp đốp đá chạm vào thành sắt. Nhưng không trúng ai để mà chảy máu, đó là dịp tôi làm quen với Dương Thu Hương lần đầu.

Khoảng một năm sau, bà bị bắt. Không khí ở hải ngoại thật ồn ào, kẻ binh người chống. Ra "Bạch Thư" để bênh vực nhà "nhà văn tranh đấu cho tự do" hay biểu tình xé sách để phản đối "lá bài đổi mới của Cộng sản", sự ầm ĩ tựu chung xoay quanh vấn đề chính trị: Hồi chánh thật hay là đấu tố giả, "trở về con đường dân tộc" hay là đối kháng cuội, sự tranh luận ra ngoài phạm vi của văn nghệ và tác phẩm. Dù thế (vì thế), sự xuất bản tại Mỹ của *Tiểu Thuyết Vô Đề* vào lúc ấy là một việc làm cần cấp, có tính chất tiên phong và đầy tử tế.

Tử tế xuất bản một tác phẩm không được phổ biến trong nước là việc của nhà Văn Nghệ. Tử tế viết tựa cho một tác giả đang bị phần nào của cộng đồng ngoài nước đả kích và sỉ vả là việc làm của Thụy Khuê. Phần tôi, sự tử tế giới hạn ở chỗ tìm đọc *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tuy vậy (vì vậy), ngay ở những trang đầu giới thiệu, tôi đã vấp phải sự ngập ngừng. Khi đọc (Thụy Khuê): *Tiểu Thuyết Vô Đề nhắm vào cái cốt tủy của huyền thoại "chống Mỹ cứu*

nước"... tôi tự hỏi ngay, nếu chống Mỹ cứu nước là huyền thoại thì theo Mỹ bán nước ắt là thực tế. Tôi không đồng ý (và thường thì ít khi tôi được dịp lanh trí đến thế). Nhưng không đồng ý với Thụy Khuê hay là với tác giả? Tôi không dám xác quyết và tôi xin thú thật: *Tiểu Thuyết Vô Đề* tôi chưa hề đọc tiếp.

Tôi có lật qua lật lại. Tôi có cầm trên tay. Tôi lướt tới lướt lui, lai vãng một vài đoạn, lạng lạng khúc cuối, đoạn đầu. Dương Thu Hương là người ưa sự thẳng thắn. Tôi biết thế nên tôi mới nói. Tôi không đọc *Tiểu Thuyết Vô Đề* bởi vì nó chán.

Ôi nó chán như là cơm nếp nát, nó nhạt như là nước ốc, và điều đó chẳng liên hệ gì đến chuyện Dương Thu Hương là một người thành thật và (vô cùng) can đảm. Nó chán phèo và nó nhạt thếch, điều này chẳng dính dáng gì đến việc tác giả của nó là người đứng hàng đầu trong đấu tranh cho tự do sáng tác nói riêng và tự do nói chung ở Việt Nam. Bà là một biểu tượng sáng ngời, cho rất nhiều người, và cả tôi. *Tiểu Thuyết Vô Đề,* với riêng tôi, ôi giời, dở ẹc.

Có lẽ bởi vì, tuy gọi là vô đề nhưng đây lại là trường hợp có đề hẳn hoi và vô cùng rõ nét. Tôi có cảm tưởng đây là một tác phẩm hoàn tất gấp theo đơn đặt hàng, theo nhu cầu của một giai đoạn nào, kiểu mừng sinh nhật Bác, chào đại hội Đảng, kỷ niệm giải phóng miền Nam, đánh vào chủ nghĩa bá quyền nước lớn hay hô hào nghĩa vụ quốc tế anh em... Dĩ nhiên, ở đây, Dương Thu Hương không theo một chỉ thị nào ngoài chỉ thị của chính bà. Người ra đề cũng là người gò bài nhưng *Tiểu Thuyết Vô Đề* không phải vì thế mà không có cái màu của một công tác văn hóa vừa được thi hành kịp thời theo kế hoạch, dù công tác này hoàn toàn đối nghịch với đường lối của nhà cầm quyền. Dương Thu Hương đã dũng cảm lên tiếng và tiếng dũng cảm này tôi nghe nhiều chất thiếc, như phóng ra từ một cái loa thô kệch không có tài thuyết phục và chỉ có tác dụng tuyên truyền. *Tiểu Thuyết Vô Đề* như được viết ra chỉ để tô vẽ một lập trường chính trị, như là cứng nhắc đồ lên cho đậm những mẫu tự đã có sẵn mập mờ bằng gạch nối trong một cuốn tập vần.

Lời ê a này đối kháng với chế độ, tôi vẫn biết.

Đến khi được đọc bản *Tự Bạch*, cái mệnh đề có sẵn (thù lù) của *Tiểu Thuyết* lại càng dễ xác định. Đồng ý hay không với tư tưởng và lập trường đó thì đây không phải là chỗ để mà tranh luận. Đại khái, dân tộc này (tiên rồng) bảy mươi triệu người nghèo đói nhưng mà kiêu hùng phải thoát khỏi (trong tương lai) cái nghiệt ngã của định mệnh mà quá khứ đã an bài. Đại khái, ta khổ còn hơn (và chẳng kém gì) Do Thái. Ôi. Ờ, hai đứa con, nhưng mà một mẹ (thôi đi má). Luận điệu này, tôi nghe lèo nhèo đã lâu.

Đã có thắng và đã có bại, có đói và có no, có công và có tội, đâu có đó,

không dễ gì mà một hai chủ nghĩa đề huề cả. Đọc bản *Tự Bạch*, tôi mới hiểu tại sao Thụy Khuê phải trả cái giá cho sự sốt sắng của bà. Bà đã (quá) chu tất công việc của người viết tựa, nghĩa là vạch ra trong ba trang những gì tác giả lòng vòng ẩn hiện trong ba trăm trang. Điều buồn phiền (buồn cười?) là sau khi hô hoán *Tiểu Thuyết* của bà bị không tặc thổ phỉ, chính trong bản *Tự Bạch* này, Dương Thu Hương dông dài lẩn quẩn trở lại cái đường lối (đại khái...) của những người mà bà gọi là Quốc gia.

Tôi không nghĩ là Thuỵ Khuê đã đánh cướp con tàu *Tiểu Thuyết* để lái về bãi đáp chính trị (quốc gia? dân tộc?) của riêng bà. Cái tội của Thụy Khuê là cái tội sỗ sàng của một người đồng tình, cái tội soi sáng cái mục tiêu mù mờ mà Dương Thu Hương, với tất cả sự ngay thẳng và quả cảm của bà ta, hoặc với ngay chính bản thân và lương tri mình còn chưa tỏ, hoặc chưa tiện, chưa muốn nói ra.

Cái giá mà Thụy Khuê đã phải trả là cái giá của sự tử tế thái quá. Thập giá, chỉ có mình Kitô được mang, đoàng đoàng giữa những hai lằn đạn, chẳng cần ai, chẳng cần ai đỡ, tránh ra.

Vào những năm 77, 78, ở những tiệm phở lưu vong di tản có chuyện tướng Kỳ sắp được Mỹ đưa trở lại miền Nam để thực hành giải pháp "trung lập hóa". Vài năm sau, trong thập niên 80, ở những quán nước vượt biên tị nạn, lại có tin Trung Quốc đang giúp tướng Trưởng thành lập chiến khu kháng chiến quốc gia. Mới đây, trong tiệm sách (video, băng nhạc) của HO, đoàn tụ, tôi được bảo "này, biết không, Liên Hiệp Quốc bắt phải đưa Dương Thu Hương lên làm Tổng Thống để đổi lấy viện trợ". Thay vì xấu hổ cho người vừa mới kể lại, tôi lại lấy làm hãnh diện. Từ Hoa Kỳ, Trung Quốc, giờ đến Liên Hiệp Quốc. Từ hai ông tướng, đến một bà nhà văn. Như vậy phải hiểu là tiến bộ, như vậy là đã khá. (Tuy vì ở phương Đông, điều này cần dè dặt hơn: theo truyền thống, phải viết được câu văn mới mong được làm tuần phủ và về thi phú, cũng có, thí dụ Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông. Trước giờ, ngòi bút, có để *trị* dân, ở phương Đông, vẫn được đặt vào hàng trên nòng súng.)

Dương Thu Hương, dù muốn dù không, đối với nhiều người, hiện là một niềm hy vọng và là một biểu tượng.

Điều đó không có nghĩa là *Tiểu Thuyết Vô Đề* (đối với tôi phải) trở thành lôi cuốn. Lại càng không phải là lập trường chính trị mà nó được dùng để chuyên chở (đối với tôi phải) là đúng. Ở đây, cần xác định lại, trong phạm trù của sáng tạo, cái quyền nói sai của người làm nghệ thuật phải được đặt trước bổn phận nói đúng là và ngay cả cái quyền được dở phải được đặt trước bổn phận bắt phải hay.

Phải đặt cái quyền trước mọi bổn phận. Đó là điều kiện tất yếu của mọi tiến bộ có thể, của mọi sáng tạo đúng nghĩa. Đó cũng là điều kiện tất yếu

của tự do, của tự do văn hóa nói riêng. Nếu không, như đã thấy (từ mười năm nay, từ một trăm, một ngàn năm nay) chỉ là ao tù của những thầy pháp đầu hói, của những thần chú lải nhải, nhai đi nhai lại xập xình.

Cái quyền của Dương Thu Hương cũng là cái quyền của chúng ta, cái quyền của tôi. Cái quyền sai, quyền dở của bà (lại càng) là quyền (lại càng) sai, (càng) dở của tôi.

Nếu một ngày nào, (áp lực của Liên Hiệp Quốc vô hiệu và) Dương Thu Hương (phải) ra tranh cử trong một cuộc đầu phiếu tự do thì tôi sẽ không đầu phiếu cho bà, dù có Thụy Khuê đứng cùng một liên danh chăng nữa. Tại sao, và tôi khác lập trường với bà (với hai bà) thế nào thì đây cũng không phải là chỗ để trình bày. Chỉ biết, vậy không có nghĩa là tôi không muốn bà ra tranh cử, không phải thế, mà còn là ngược lại. *Tiểu Thuyết Vô Đề* tôi không đọc, không có nghĩa là trong nước phải cấm và ngoài nước phải biểu tình đốt, xé và chỉ điểm tẩy chay (như cái chuyện phải gọi là *xuẩn* của mấy ông Văn Bút Hải Ngoại). Không phải thế, mà còn là ngược lại. Thứ thái độ này, tôi dành cho những người đợi Liên Hiệp Quốc dùng viện trợ để chỉ định Tổng Thống giùm họ, cho những người chí chóe nhau ai "sám hối thật" và ai là "lá bài lừa bịp".

Trong một hoàn cảnh khó khăn, Dương Thu Hương đã thẳng người tranh đấu cho tự do của mọi người (nghĩa là, cũng là của tôi). Sự thành thật, thiện chí và lòng can đảm của bà phải được khâm phục bởi bất cứ ai có được công tâm và lương thiện tối thiểu.

Tiểu Thuyết Vô Đề là công cụ được bà dùng để diễn đạt tư tưởng đối kháng với đường lối chính thức. Vì thế, nó có quyền cần phải được phổ biến như mọi thứ tư tưởng (nhất là đối kháng). Việc nó chán ngấy như một tờ truyền đơn viết vội và vụng về là thẩm định của một người (muốn) đọc (mà không đọc nổi).

Bản *Tự Bạch*, vì viết trong nước, viết trong tù, càng đánh sáng thêm điều thứ nhất. Đối với sự bất khuất đó, tôi thêm phần kính nể. Bản *Tự Bạch*, vì lằng nhằng tuyên huấn - tâm lý chiến một tư tưởng chính trị (dù là đối kháng) mà tôi vốn đã không ưa, càng làm rõ thêm với tôi điều thứ hai. tôi không khỏi không nghĩ đến cái ngớ ngẩn của sự biện bạch về câu chuyện "thám báo Cộng hòa miền Nam" chẳng hạn. Việc lính Cộng hòa có hãm hiếp, giết người là việc chẳng ai còn buồn cãi. Trong tác phẩm ở ngoài nước sau này nó đã được phản ánh trung thực và tài tình hơn trong *Tiểu Thuyết Vô Đề* rất nhiều. Ngay trong thời kỳ chiến tranh, nó cũng đã có ấn tích trong văn chương miền Nam. Trong khi đó, ở đây, Dương Thu Hương còn phải ra công tự kiểm để lỡ "người nước ngoài" có đọc được thì chúng ta đỡ phải, tất cả chúng ta, "cúi đầu tủi hổ".

Tôi chờ đợi, nếu thế, một ngày nào được đọc (thí dụ dưới ngòi bút

Nguyễn Huy Thiệp) chuyện Biệt Kích Ngụy dắt trẻ em, người già cả và người tàn tật băng ngang đường (mòn Hồ Chí Minh) khi đèn đỏ (dĩ nhiên là phải được dịch ra mười ba thứ tiếng), để ông ta, để tôi, để bà và mọi người thuộc về nòi giống này cũng hãnh diện về cái tinh thần sói con hướng đạo.

Nói tóm lại, nhất định, tôi sẽ không đầu phiếu Tổng Thống cho Dương Thu Hương, nếu tôi có quyền. Nếu Hoa Kỳ, Trung Hoa và Liên Hiệp Quốc cho phép. Còn đọc văn bà, lần sau, một tác phẩm khác, nếu tôi còn phải lấy tàu, ngang những đoạn đường bị trẻ con ném đá. Từ Vinh về Huế, Từ Đồng Hới đến Đông Hà. Một lần nào, biết đâu?

ĐỖ KH.

CHẾ LAN VIÊN

trừ đi

Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ
Có phải tôi viết đâu! - một nửa
Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi
Giết một tiếng đau - giết một tiếng cười
Giết một kỷ niệm - Giết một ước mơ - tôi giết
Cái cánh sắp bay - trước khi tôi viết
Tôi giết bão ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển - Giết mưa
Và giết cả cỏ mọc trong mưa luôn thể
Cho nên câu thơ tôi gầy còm như thể
Tôi viết bằng xương thôi, không có thịt của mình
Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi
Không phải!
Nhưng cũng chính là tôi. Người có lỗi
Đã phải giết đi bao nhiêu cái
Có khi không có tội như mình.

CHẾ LAN VIÊN



Tranh ĐINH CƯỜNG

KIỆT TẤN

cuối năm bên đường rầy

Tôi ôm chặt nàng vào vòng tay khờ khạo của mình, lòng đê mê rạo rực. Hương! Hương! Hương cộng thêm hương dịu dàng của tóc nàng, hương chín muồi của thịt da nàng làm tôi ngây ngất, mắt lờ đờ, hai tay ôm vòng eo nàng, hai tay nàng quấn quít lấy cổ tôi, tôi để mặc tình cho nàng hướng dẫn... *Đã quên hết sầu chưa... lời dìu nhạc thiết tha...* Điệu luân vũ chậm quyện lấy chúng tôi không rời, mỗi nhịp mạnh, chân tôi sấn tới giữa hai chân nàng ngoan ngoản giật lùi nửa bước, cọ sát mơ hồ, khêu tưởng, gợi dục trong lòng đứa con trai mười chín tuổi... nàng là đùi non, nàng là gò tình... Tiếng kèn hắc tiêu đuổi riết. Tôi quên hết trời đất, mắt lim dim những tưởng áng đèn xanh đỏ là những vì sao sáng trên trời.

Bỗng Hương khều nhẹ móng tay trên vai tôi hỏi nhỏ:

- Sao anh không nói gì hết vậy?

Tôi sực tỉnh, ậm ừ:

- Biết... biết nói gì bây giờ?

Hương cười rúc rích. Nàng xoay đầu, môi cạ nhẹ môi tôi, tim tôi rướn lên đập mạnh. Nàng mớm ý:

- Thì nói về chuyện học hành của anh. Chắc anh còn đi học?

Tôi gật đầu:

- Ờ... ờ... Mà chuyện học hành đâu có gì để nói.

- Có chớ sao không? Chuyện thi cử của anh chẳng hạn. Em tiếc mình ít học nên không có gì để kể anh nghe. Anh thì chắc thiếu gì chuyện để nói.

- Chuyện gì chớ chuyện học hành nghe thêm nhức cái đầu, có gì đâu ly kỳ mà kể em ơi.

Nàng lại cười rúc rích:

- Bộ anh thi rớt muốn giấu em hả?

Tôi lắc đầu lia lịa:

- Đâu có... đâu có. Anh thi đậu tú tài hai hồi năm ngoái. Anh vừa được Bộ Quốc Gia Giáo Dục chấp thuận đơn xin du học.

Nàng hớn hở:

- Bộ anh sắp đi học bên Tây hả?

- Không có. Anh du học bên Gia Nã Đại.

Nàng bỡ ngỡ:

- Sao anh không xin đi Tây? Gia Nã Đại ở tới bên nào lận?

- Gia Nã Đại ở gần xứ Huê Kỳ. Xứ rộng thưa người, dân mình ít ai biết tới.

Nàng tán đồng:

- Hèn gì em cũng không biết. Anh học nghề gì?

- Anh học kỹ sư.

Nói xong tôi nở lá gan bằng cái tô, tưởng chừng Hương sẽ xin cưới tôi về làm chồng. Dè đâu nàng chỉ nhẹ thở dài rồi nín thinh... *Thời gian thôi đã xanh màu, nhan sắc phai nhàu xui khiến tim ta úa sầu...* Hương lại đưa tôi dìu dặt theo tiếng nhạc, chân tôi xen kẽ chân nàng, tôi chỉ mong chờ có như vậy. Hương mặc áo dài the đen mỏng choàng lên áo lót đen khêu gợi, quần đen mềm mại óng ánh, cả người nàng bước đi nhẹ nhàng như cánh chim câu. Nàng hỏi:

- Anh có thường đến vũ trường không?

- Không. Đây là lần đầu tiên trong đời anh mới biết ôm một cô vũ nữ.

Hương ấn nhẹ tôi ra:

- Anh xạo hoài. Chưn anh đi như vậy mà nói anh mới biết nhảy.

- Anh biết có nói thiệt em cũng không tin. Từ lúc được chấp thuận du học anh nhờ bạn bè dạy cấp tốc để anh sang xứ người còn nhảy cóc nhảy nhái với người ta nên mới khá như vậy đó chớ. Vả lại bây giờ chánh phủ cấm khiêu vũ nên đâu còn chỗ nào nữa mà tập dợt.

- Anh thấy không, làm cái nghề vũ nữ như em cũng khổ. Chánh phủ cấm nên bà chủ phải dời ra Bình Điền, chỗ đồng trống để mở quán ăn và lén cho khiêu vũ để câu khách.

Câu nàng nói lôi tôi về quang cảnh thực tại. Sàn nhảy là một nhà thủy tạ lót ván cất trên một hồ nước lớn có thả bèo và sen. Quanh nhà thủy tạ giăng đèn xanh đỏ mờ mờ ảo ảo. Ngôi nhà ngói lớn dùng làm quán ăn áng ngữ tầm nhìn từ phía ngoài lộ cái ngó vào. Xung quanh là đồng trống, không khí trong lành, gần Tết gió hiu hiu lạnh.

Hương hỏi:

- Anh đi với hai anh nào vậy?

- Người mặc áo xanh là anh của anh. Người có ria mép là bạn anh. Cuối năm hai anh chàng ngứa chân nên rủ nhau đi nhót, sẵn dịp lôi anh theo để

thưởng anh được chấp thuận du học.

- Chà! anh được cưng quá hén.

Dứt bản nhạc, tôi đưa nàng trở lại bàn ăn. Anh tôi hớn hở lên tiếng hỏi Hương:

- Sao em? Thằng nhỏ này đã đạp vập cẳng em chưa?

- Đâu có anh, ảnh nhảy giỏi một cây!

Tôi nghe Hương nói cũng hả dạ, dù trong bụng còn bán tín bán nghi. Tôi ngó Hương, hai đứa cười đồng lõa. Anh tôi giục:

- Mày ăn chút đỉnh đi.

Tôi đang sung sướng đầy bụng, ăn gì nổi mà ăn. Ông bạn có ria mép xuề xòa:

- Thôi để em nó nhảy thêm một vài bản nữa rồi ăn luôn một thể.

Bản nhạc trổi lên một khúc tango rần rật. Anh tôi dợm mời Hương nhưng nàng đã cấu lấy tay tôi:

- Đêm nay em chỉ khiêu vũ với một mình anh này thôi.

Một cô ngồi chung bàn lên tiếng:

- Chà! mới gặp trai tơ mà đã mê mệt. Con người ta còn mới cắt chỉ đó nghe chị Hai, chớ có bày trò dụ dỗ trai vị thành niên mà mang tội với làng xóm.

Nói xong cô nàng nắm lấy tay anh tôi kéo ra nhà thủy tạ. Tôi ngồi ở lại chờ cho Hương dụ dỗ và lung lạc hồn mình - em chỉ "ừ" một tiếng là anh thuộc về em liền! Hương rủ tôi ra nhảy, tôi thối thoát:

- Anh chỉ biết đếm nhịp tango thôi chứ chưa biết nhảy.

- Chưa biết thì ra đây em chỉ cho. Dễ ợt hà.

Hương nắm tay tôi đi trước, tôi lẽo đẽo theo sau. Tóc nàng xõa ngang vai đen nhánh, mặt nàng trang điểm nhẹ còn giữ được nét tươi tắn, tôi đoán chừng tuổi nàng độ hai mươi bốn hoặc hai mươi lăm gì đó. Nhưng theo thông lệ, ở vũ trường phái nam tự xưng là anh, phái nữ được kêu là em - bất luận già trẻ bé lớn - cho nó thân mật. Trên sàn nhảy anh tôi lã lướt cúi xuống vai người đẹp. Tôi e ngại dặn hờ:

- Em đừng có kiểu cọ quá coi chừng anh kéo em té luôn.

- Không sao đâu, anh đừng có lo. Nghe em đếm nhịp nè: một... hai, ba - bốn - một... hai, ba - bốn - một...

Tôi chập chững bước theo nàng. Lo nghe nàng đếm thì tôi quên bước, lo tiến bước thì quên nghe nàng đếm. Thỉnh thoảng đầu gối cụng nhau lụp cụp, nàng cười ngặt ngoẽo, còn tôi thì hơi quê quê. Khi xong bản tôi đã thạo được bước tango. nàng khen tôi sáng dạ. Tôi dợm trở về bàn, nàng giữ tôi lại, nói ban nhạc sắp chơi slow, tôi ở lại tiếp tục nhảy với nàng. Quả nhiên sau đó đèn màu quanh nhà thủy tạ tắt ngấm và nhạc slow mùi mẫn trổi lên.

Tôi chỉ chờ có thế để ghì siết lấy Hương và Hương cũng choàng đôi cánh tay mềm mại quấn quít lấy tôi, đôi nhủ hoa tròn đầy, mềm mại và ấm sốt của nàng áp lên ngực tôi. Tội mơ hồ nghe da thịt nàng thơm tho mùi sữa. Nàng hỏi nhỏ tôi:

- Anh đã có người yêu chưa?

- Chưa.

Tôi đáp không do dự, và tôi đã dối nàng. Chắc nàng cũng dư biết:

- Con nhà giàu học giỏi đẹp trai như anh mà không có bồ! Anh nói dóc em.

- Phải, anh đã nói dóc em. Anh đã có người yêu và người yêu của anh là... em đó. Còn em, em có yêu anh không?

- Em không biết... Nhưng em... em có cảm tình với anh.

Thôi rồi! Nàng đã si tình tôi mất rồi - tôi hấp tấp nghĩ thầm. Nàng si tình tôi hay không chưa ai dám chắc chớ còn tôi đã mê mệt và thèm muốn Hương rỏ dãi. Tôi mân mê tóc nàng, má nàng kề má tôi nóng hực. Tôi nuốt nước miếng làm gan đề nghị nàng:

- Tối nay... tối nay anh về... nhà em được không?

Nàng đẩy nhẹ tôi ra, ngó vào mắt tôi:

- Anh muốn về nhà em thiệt sao?

Tôi gật đầu. Nàng tiếp:

- Nhà em chật lắm à! Sợ anh chê.

Tôi đáp vội vã:

- Anh không chê đâu. Nhà chật thì nằm chật một chút có sao đâu?

Nàng mỉm cười. Tôi lặp lại câu hỏi:

- Anh về nhà em được chớ?

Nàng do dự vài giây rồi gật đầu:

- Nằm vạt đau lưng thì anh đừng có rên à nghe?

Tôi ôm cứng lấy Hương như người vừa trúng số độc đắc. Tôi thấy mình chim gái không đến đỗi tệ. Lòng con vật đực hiu hiu tự đắc. Nhạc dứt, chúng tôi trở lại bàn với mọi người. Thừa lúc Hương đi vào quán ăn tôi kéo anh tôi ra một góc vắng cho biết tối nay tôi sẽ về nhà Hương. Anh tôi vỗ vai tôi: "khá lắm". Đoạn móc trong túi sau ra một bao thư dầy. Anh đếm ba ngàn bỏ vào bao thư. Phần còn lại nhét trở lại túi. Anh đưa bao thư cho tôi nói để phòng khi hữu sự. Tuy hơi ngạc nhiên nhưng tôi cũng cầm lấy bao thư xếp lại đút vào túi sau. Anh lại vỗ vai tôi: "Nhớ chơi cho đẹp nghe!"

Chúng tôi ăn uống nhảy nhót đến khoảng mười hai giờ đêm thì ra về. Thời đó không có giới nghiêm. Anh tôi lái xe với ông bạn ngồi trước, tôi và Hương ngồi ở băng sau. Xe từ ngoại ô chạy trở về thành phố Sài Gòn, băng qua Phú Lâm và Chợ Lớn, đường khá xa. Tôi ngồi sát bên Hương để được

tiếp tục hưởng hơi ấm thịt da thơm tho mùi sữa cùng hương tóc mây dịu dàng của nàng. Tôi đặt một tay trên đùi nàng, thớ vải mát mịn, nàng để yên. Chúng tôi tâm sự với nhau rù rì rủ rỉ. Xe chạy tới đường Bùi Thị Xuân đậu lại theo lời yêu cầu của Hương. Tôi mở cửa xe dìu nàng bước xuống, đóng mạnh cửa lại. Anh tôi ló đầu ra dặn lớn: "Em đừng làm mất thằng nhỏ bà già bả cạo đầu anh đó nghe em!" Hương đáp: "Anh đừng lo!". Xe vọt chạy mang theo tiếng cười lớn của anh tôi và ông bạn xa dần.

Đường vắng teo, đèn điện lù mù. Hương nắm tay tôi dắt đi, tôi ngoan ngoản bước theo nàng, lòng nôn nao bồn chồn bởi cuộc vui vầy sắp tới. Đến chỗ đường rầy xe lửa cắt ngang đường nhựa, nàng quẹo trái rồi đi dọc theo đường sắt, bước đi lồi lõm. Hương nói: "Nhà em cũng ở gần đây thôi". Nàng ngó tôi mỉm cười khích lệ. Tôi sực nhớ đã đọc ở đâu đó chuyện nàng vũ nữ ở bên cạnh đường rầy xe lửa. *Phải chăng mình có nên ngờ, rằng người năm ngoái bây giờ là đây??* Một gã thư sinh mặt trắng yêu một nàng vũ nữ hồ ly trong một tòa lâu đài trắng cạnh đường rầy xe lửa! Thiệt lãng mạn và liêu trai hiện đại ra phết. Chợt Hương dừng lại nói tới rồi anh. Tòa lâu đài tình ái hóa ra là một ngôi nhà nhỏ vách lá lợp tôn hiền lành. Tôi không cảm thấy khó chịu một chút nào hết. Tôi chỉ cần có hồ ly, kỳ dư nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Hương bước đến gần mở ví lấy chìa khóa ra mở cửa lách cách. Nàng đưa một ngón tay lên môi ra hiệu cho tôi giữ im lặng bước vào nhà. Trong nhà thắp đèn dầu mờ ảo. Nàng vặn lớn tiêm cho đèn sáng hơn. Nàng chỉ cái ghế đẩu đặt cạnh một chiếc bàn vuông vức và ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Nàng gài chốt cửa lại đến ngồi lên chiếc ghế đẩu khác cạnh tôi. Nàng lên tiếng khe khẽ:

- Anh có cảm thấy khó chịu không? (Tôi lắc đầu). Em sống ở đây với má em và... và con em. Má em sáu mươi tám tuổi, mắt đã lòa. Con em là gái được sáu tháng. Giờ này chắc cả hai đã ngủ. Đêm đêm má phải giữ con để cho em đi làm.

Tôi định hỏi chồng nàng đâu hoặc ba của đứa bé đâu, nhưng e mình hỏi lẩm cẩm nên thôi. *Dẫu sao thì sự đã rồi nghe em*. Hương đứng dậy vén tấm màn vải buông gần đó, nàng chỉ chiếc giường lát vạt trải chiếu nói:

- Em ngủ ở đây. Sau tấm màn vải bên kia là chỗ ngủ của má em và con em. (Nàng hôn lên má tôi an ủi). Sao anh cảm thấy đau mình chưa?

Tôi lắc đầu:

- Anh ngủ divan lót ván đã quen. Chỉ cần có em là được rồi, anh đâu còn đòi hỏi gì hơn.

Tôi đặt hai tay lên đôi vú tròn trỉnh của nàng:

- Bây giờ anh mới biết sao da thịt em thơm mùi sữa.

Hương giữ hai bàn tay tôi lại:

- Khoan đã anh. Chờ em đi rửa mặt và thay quần áo ra cái đã.

Nàng hôn phớt lên môi tôi rồi bỏ đi ra nhà sau. Tôi đặt mình lên giường, hai tay chắp sau ót nhìn nóc mùng bâng quơ. Nghe tiếng nước dội xối từng chập. Chắc nàng đang tắm. Tôi mơ màng, trí tưởng tượng nối dài... Hồi sau Hương đi lên, người mặc đồ bộ ngắn tay lấm chấm đỏ, da thịt tươi mát. Nàng ngồi xuống bên cạnh tôi. Tôi vòng một tay câu lấy cổ nàng ghịt xuống, tay kia mò mẫm trên thân thể nàng. Nàng để yên, một chập nàng lên tiếng:

- Anh à! Thủng thẳng để em nói điều này anh nghe.

Tôi ậm ừ sốt ruột:

- Em còn điều gì muốn nói?

Nàng ngập ngừng:

- Anh à! Gần... gần Tết rồi. Anh anh... lì xì cho em đi.

Mọi động tác của tôi chợt dừng lại:

- Bộ em tính moi tiền anh đó phải không?

Tôi nghĩ thầm: thì ra nàng đem xác thân đổi lấy tiền. Sòng phẳng. Nàng có yêu thích gì tôi đâu. Tôi như mọi người đàn ông khác. Lòng tự ái của con dê non bị thương tổn, tôi bực tức. Hương cười giả lả:

- Thôi mà anh! Em xin anh lì xì, không có thì thôi chớ em nào đâu muốn moi tiền moi của gì anh. Em chỉ...

Tôi cắt ngang lời nàng:

- Em muốn anh lì xì em bao nhiêu?

Nàng do dự:

- Bao nhiêu cũng được. Năm trăm hay một ngàn gì đó tùy anh.

Trong túi tôi còn nguyên vẹn ba ngàn. Tôi lặng thinh. Hương nói tiếp:

- Anh cũng thấy đó, nhà em nghèo, má em mù lòa, con em còn nhỏ xíu, trăm điều chỉ trông cậy ở em. Ngày mai là ngày cuối năm, em tính đi chợ Tết mua cho con em một bộ đồ mới và vài hộp sữa, nếu còn tiền, em mua thêm chút đỉnh bánh kẹo và một cặp dưa hấu về chưng cho có với người ta.

Tôi nhổm dậy gắt gỏng, làm như mình có quyền:

- Em còn muốn mua thêm gì nữa không?

Tôi bỏ hai chân xuống đất đứng dậy. Nàng hốt hoảng níu lấy cánh tay tôi nài nỉ:

- Thôi anh đừng giận em mà. Bỏ chuyện lì xì đi, anh ở lại chơi với em đêm nay.

Đã có gì quá trớn và lỡ làng hết rồi, tôi không còn ở lại với Hương được nữa. Tôi rút tay ra khỏi tay nàng tiến về phía cửa mở chốt xô cánh cửa bước ra ngoài.

Hương bước theo lên tiếng hỏi lần cuối:

- Anh về thiệt sao anh?

Không trả lời nàng, tôi gầm đầu bước ra phía đường rầy và đi miết dọc theo lộ sắt, không quay đầu ngó lại. Như thể chạy trốn. Những loạt gió cuối năm gây gây lạnh xoa dịu dần cơn bực tức của tôi. Tôi thấy mình thiệt vô lý. Có phải tôi muốn ôm ấp thân thể Hương mà không tốn một đồng xu cắc bạc nào? Tôi đâu phải là tên ma cạo, lại càng không phải là hoàng tử đẹp trai khiến cho nàng phải say đắm lăn vào vòng tay tôi mà nạp mạng. Mà của nàng cũng đâu phải của chùa. Nàng có mở lời nói chuyện tiền nong với tôi cũng là hợp lý quá đi thôi. Trong đời nàng đã có mấy lần nàng trao duyên lầm tướng cướp? Chứng tích còn đó.

Trong túi tôi có ba ngàn - không phải là tiền của tôi - nàng chỉ xin có năm trăm đồng vậy mà tôi cũng không cho. Tôi nghĩ thà *trước đó* nàng đừng mở lời nói chuyện tiền nong để khi *xong cuộc* tôi sẽ biếu nàng một món tiền thì đẹp đẽ biết mấy - vấn đề là ở nguyên tắc. Có thể tôi sẽ biếu nàng trọn số tiền ba ngàn. Nhưng cũng có thể tôi không cho nàng một cắc - có ngân hàng nào dám đứng ra bảo lãnh chuyện này? Vậy mà tôi cứ khư khư bám lấy nguyên tắc nghịch lý đó. Để bây giờ tôi lầm lũi đếm bước một mình trên đường sắt, mọi chuyện đều hỏng bét. Tôi cố chấp và bủn xỉn. Hết giận Hương, tôi đâm ra giận mình, giận quá đỗi giận. Phải chi mà... *Tút! tút! tút...* Hồi còi xe lửa rít lên sau lưng khiến tôi giật mình nhảy tránh ra khỏi đường rầy. một đầu tàu đen đúa mở đôi mắt vàng kệch lừ đừ bò tới, vượt ngang qua chỗ tôi đứng, tiến về nhà ga Sài Gòn, từ từ khuất bóng ở khúc quanh. Tôi thầm nghĩ mai đây, chính đầu tàu này sẽ kéo theo nhiều toa chở đầy hành khách xuôi về quê miệt Tiền Giang cho bà con ăn Tết. Còn tôi, tôi cũng sẽ lấy xe đò về Vĩnh Long ăn Tết với ba má. Tôi lại chạnh nghĩ tới Hương, không biết nàng có một miền quê nào đó để về ăn Tết? Có lẽ nàng sẽ đón xuân lạt lẽo trong ngôi nhà nhỏ lợp tôn với bà mẹ mù lòa và đứa con nhỏ, không có áo mới, không có bánh kẹo, cũng không có dưa hấu.

Lòng tôi se thắt. Cơn hối hận tràn ngập tim tôi. Tôi dừng bước và quay gót đi ngược trở lại con đường sắt. Không mấy chốc tôi đã về tới nhà Hương. Tôi tần ngần đứng trước cửa nhà nàng, mấy lần định đưa tay gõ và luôn mấy lần tôi dừng lại. Xuyên qua khe cửa tôi nhìn vào bên trong thấy tối om. Chắc nàng đã ngủ. Tôi móc túi sau lấy bao thư vuốt lại cho thẳng thớm. Tôi luồn bao thư qua khe cửa và búng mạnh cho nó lọt hẳn vào nhà.

Tôi lại bước lầm lũi đếm nhịp bước mình trên đường sắt. Lòng tôi bớt hối hận nhưng không ngớt âu lo. Đêm cuối năm trời tối đen không cùng. Không biết mùa xuân mới có đem về cho nàng một vầng trăng sáng? *Đường rầy nghiêng xe lửa cũng nghiêng. Gặp mặt anh đây ở chốn thị thiềng. Lời phân chưa hết nước mắt liền nhỏ tuôn...*

KIỆT TẤN

DIỄM CHÂU

thơ

Nếu em hỏi tôi thơ là gì tôi sẽ nắm tay em thật chặt và nói: Chúng mình hãy đi uống bia, nghe những người Bôlivia đánh đàn và thổi sáo

Nếu em gặng hỏi tôi thơ là gì tôi sẽ chỉ cho em những đám mây trên ngọn tháp và nói: Ở cánh đồng trên ấy có bầy ngựa trắng

Nếu em vẫn không hài lòng với câu trả lời của tôi và tiếp tục hỏi thơ là gì tôi sẽ cắn vào môi chảy máu và nói: Bông hồng của tim anh!

Miếng bánh em ăn và ly rượu trên bàn
Là thơ của bông lúa và chùm nho

Thơ của lá phong ửng chín là dòng nhựa miên man nâng cơn say lên cùng nắng và gió

Và thơ của em là mái tóc thơm mùi dưa hồng, là đôi cánh tay tượng ngà nho nhỏ và chuỗi tiếng cười đuổi theo nhau như những hạt trân châu...

Em đã thấy thơ của những người Bôlivia chưa? -Tiếng đàn của họ vàng như một cốc bia.

10.84.
DIỄM CHÂU

TRẦN THÙY MAI

thuốc ba màu

(Lời kể của một họa sĩ)

Vâng, đó là ba thứ thuốc với ba màu sắc khác nhau. Viên sinh tố hình bầu dục màu đỏ hung với rất nhiều chất an thần. Viên Côphitol màu nâu, viên dexametazone da cam dùng trị loét lở. Và tôi, một người không cần an thần, không bị chàm loét, nghe theo lời một ông lang tây, đã uống đều đặn một ngày ba lần toa thuốc đó. Chỉ trong vòng mười ngày tôi tăng đến năm cân: không hiểu những thứ thuốc trên cấu kết với nhau thế nào trong cơ thể tôi để tạo thành chuyện lạ. Có thể là một thứ chuyện khó tin nhưng có thực, mà cũng có thể là sự điên rồ ấy khởi đầu từ Akikô...

Hình như đã hơn một lần tôi nói với Akikô rằng chúng mình không nên ở gần nhau. Nhưng lúc nào Akikô cũng cho rằng tôi đùa cợt. Có lẽ là người phương Đông, nàng tin vào định mệnh. Và tôi cũng là người phương Đông...

Tôi đến quê hương Akikô đã từ lâu, nhân cuộc triển lãm tranh theo lời mời của một hiệp hội quốc tế. Ở Đông Kinh, tôi gặp và quen nhiều bạn bè người Nhật. Nhưng câu chuyện chưa bắt đầu... Mãi năm năm sau, trong phòng tranh tại Sài Gòn, người ta giới thiệu tôi với một cô gái Phù Tang khoảng ngoài hai mươi tuổi, tóc dài cuốn cao sau gáy với một chiếc áo dài màu đỏ. Cô ta đi cùng với một nhóm du học sinh Việt Nam để thăm quê. Đó là Akikô.

Akikô đã xem tranh của tôi tại Tokyô, thuở ấy cô chưa vào đại học. Có lẽ cô đã từng phát họa cho mình một chân dung tưởng tượng về tác giả, nên khi gặp tôi, cô nhìn sững một lúc không nói được câu gì.

Đêm trước, nhân khai mạc phòng triển lãm, tôi đã uống rất nhiều rượu. Vì vậy, lúc ấy có thể tôi hiện ra trước mắt Akikô với một hình dung tiều tụy, trong bộ y phục thùng thình, mái tóc điểm những sợi trắng trước tuổi. Hình ảnh khô héo, mệt mỏi, khác hẳn những gam màu phong phú mà Akikô còn

giữ trong ký ức. Nhìn tôi một lúc với đôi mắt một mí to đen, rồi chợt cô thốt lên:

- Ông đấy ư? Nhưng sao ông gầy quá! Trong những bức tranh ông không giống ông bây giờ, trong tranh, ông huyễn hoặc, dịu dàng, và khao khát. Có lẽ da thịt ông đã vào hết trong tranh rồi ư?

Những người vây quanh ồ lên thú vị, và tôi cũng cười. Câu hỏi có thể sỗ sàng và ngớ ngẩn đối với lần gặp gỡ đầu tiên, nhưng vì nó được thốt ra bằng giọng nói của người nước ngoài với tất cả sự khám phá chân thật, nên bỗng hóa thành chân chất, dễ thương nếu không nói là duyên dáng.

- Tha lỗi cho tôi, Akikô, nếu khuôn mặt của tôi làm cô thất vọng. Có lẽ đúng như thế đấy, ngoài những bức tranh ra tôi không còn gì nữa.

- Có chứ, thưa ông.

Akikô nói, mắt nàng nhìn mắt tôi, về sau nàng cho tôi hay nàng muốn nói tôi có đôi mắt rất đẹp, trong đó nàng đã thấy linh hồn những tác phẩm mà tôi vẽ ra: khao khát, dịu dàng và huyễn hoặc.

Akikô nói tiếng Việt thành thạo vì là sinh viên môn Việt ngữ tại một trường Đại học lớn ở Matxcơva. Nàng không đẹp, nhưng lần đầu gặp nàng, tôi đã giữ lại một ấn tượng khá kỳ lạ: sự phối hợp giữa mảnh mai và tròn trĩnh, với khuôn mặt tròn, mái tóc cuốn tròn, chiếc cổ cao mảnh dẻ và đôi mắt to đen.

Chúng tôi đi chơi giữa Sài Gòn, ban đầu đi trong đám đông, rồi dần dần tôi và Akikô tụt lùi lại đằng sau dưới những cơn mưa tháng bảy. Akikô tỏ vẻ quấn quít tôi một cách đặc biệt, nàng bảo rằng tuần trước ở câu lạc bộ âm nhạc mấy ông nghệ sĩ Việt Nam tinh nghịch đã đòi đấu giá để ngồi gần nàng, còn bây giờ thì nàng sẵn sàng đấu giá cao nhất để đi cạnh tôi. Vẻ thân mật hồn nhiên của Akikô làm tôi cao hứng, và trong lúc cùng nàng băng qua một khoảng tối chập chờn của góc phố đêm, trong chiếc ô màu, dưới mưa bay, tôi đã tìm cách thử hôn người con gái dễ mến ấy. Không may cho tôi là nàng đã từ chối với vẻ phật lòng được trình bày dưới một hình thức lịch sự.

- Nếu em cũng liều lĩnh như ông thì người ta sẽ nghĩ gì về em? Nàng nói như tự hỏi chính mình.

- Cô lưu ý đến người chung quanh đến thế sao? Tôi nói đùa để che ngượng.

- Người đầu tiên nghĩ không tốt về em, sẽ là ông.

- Không. Chắc chắn không.

- Bây giờ thì không, nhưng sau này ông sẽ nghĩ.

Tôi không biện bạch nữa vì biết rằng, nếu nói tiếp sẽ sa vào giả dối.

- Xin lỗi Akikô nhé, tính tôi vốn hay đùa, và tôi tưởng em cũng thế.

Akikô lắc đầu:

- Không, nếu một người khác mà thế thì em sẽ *bợp tai* đấy.

Nàng phát âm chầm chậm hai chữ "bợp tai". Chắc Akikô phải dày công lắm mới thu thập được cái từ dân gian ấy vào kho tàng từ vựng tiếng Việt của mình. Bây giờ nàng sử dụng nó với tất cả thú vị, và nụ cười dễ thương của nàng làm cho câu nói phủ phàng đó bỗng trở nên hồn nhiên, hiền hậu.

- Tại sao Akikô lại tha cho tôi cái hình phạt nghiêm khắc đó?

Tôi hỏi, và Akikô điềm nhiên trả lời:

- Vì ông là họa sĩ Vũ. Vì em đã quen biết và quý mến ông từ trước khi ông biết có em trên đời này.

Nàng ngước lên nhìn, đôi mắt to đen, và chợt từ phút đó, trò tán tỉnh đã biến thành niềm rung động thực sự trong tôi.

Cuối tuần ấy Akikô về lại Matxcơva. Tôi lại vẽ, viết, đi chơi, uống hết ly rượu này đến ly rượu khác theo thói quen thường lệ và ngắm bóng mình trên vách mỗi khi về với căn gác nhỏ.

Bỗng một buổi sáng tôi nghe tiếng điện thoại reo. Đó là tiếng nói của Akikô từ bên kia lục địa.

Nàng hỏi tôi có khỏe không, ăn ngủ thường ngày ra sao, những bức tranh có còn nguyên chỗ cũ không. Tôi trả lời nàng và hỏi thăm về cuộc sống nơi nàng ở.

- Trước kia thì tuyệt diệu ông ạ, còn bây giờ thì tồi tệ hết chỗ nói - Akikô đáp lời tôi.

- Tại sao?

- Vì nhớ. Lúc nào em cũng thấy nhớ.

- Lại nhớ nhà, phải không Akikô?

- Không ông ạ, nhớ Sài Gòn, nhớ Sài Gòn không thể tả.

- Akikô...??

- Em linh cảm là ở Sài Gòn em đã gặp định mệnh của mình, ấy vậy mà lúc đó em cứ cố tình lẩn tránh.

- Akikô, đã là định mệnh thì không lẫn tránh được đâu.

- Ông cũng nghĩ như thế ư? Lạy trời, như thế là điều linh cảm của em có thực.

Từ lần đối thoại cách hàng vạn dặm ấy, mỗi sáng chủ nhật tôi đều thức dậy, nôn nóng, trông chờ được nghe một tiếng nói từ xa vọng lại.

Rồi một ngày, Akikô trở lại thành phố. Tôi không ngờ nàng đến vào lúc ấy vì theo tôi nghĩ, nếu mùa hè nàng đã sang Việt Nam thì nhất định kỳ nghỉ đông nàng phải về Tokyô thăm gia đình. Nhưng quả thực là Akikô đây rồi, nàng có vẻ như đã lớn phồng lên. Trước đôi mắt ngạc nhiên của bà vú nuôi đang lau dọn phòng khách. Akikô ôm chầm lấy bà, hôn chùn chụt hai bên má như thể trẻ con nũng nịu. Nàng nắm tay tôi, hỏi thăm về một bức

tranh nàng ưa thích, và tôi phải dẫn nàng lên gác, vì nó được treo ngay trên chỗ tôi nằm.

Bức tranh ấy nhan đề là "Tôi trút nỗi buồn của tôi". Một cái chai không, trống rỗng tận đáy, nằm chỏng chơ trên bàn bên cạnh cái cốc đổ nghiêng. Ngoài cửa sổ, mảnh trăng lưỡi liềm lạnh, sắc, tất cả chìm trong màu xanh sâu hút, buốt giá, âm vang.

Đó là nỗi cô độc tận cùng của tôi. Nó vĩnh viễn ở cùng tôi, như bức tranh này.

Bây giờ, Akikô đang nhìn nó, đôi mắt to đen mỉm cười, và tôi đứng lặng ngắm nàng: môi nàng nhỏ và đỏ, đôi má hồng hào, một gam màu hoàn toàn tương phản với bức tranh. Nàng thì thầm:

- Ông Vũ, ông có biết vì sao em quay lại đây không? Em nằm mơ, một giấc mơ cứ trở về lại hoài không xua đi được. Em đã nằm mơ thấy bức tranh này, nhưng không phải là một cái cốc mà là hai cái cốc nằm song song, và rượu hiện ra trong chai, từ dưới đáy dâng lên dần dần đến cổ chai, rồi tuông trào ra như suối. Em đã nằm mơ như thế đấy.

Tôi xúc động, giọng khàn đi:

- Vâng, rồi sẽ có một bức tranh như thế, Akikô ạ, có điều nhan đề của nó sẽ khác hẳn: "Tôi đón niềm vui của tôi".

Tôi dang tay, Akikô quay lại, nhắm mắt, đôi lông mi đen dày rợp bóng:

- Vâng, vâng, sẽ có bức tranh ấy, nhưng có lẽ không cần phải vẽ ra đâu.

Hai chúng tôi ôm nhau, và Akikô vùi đầu trong vai tôi, thủ thỉ:

- Anh Vũ, tại sao lúc nào em cũng nhìn thấy anh? Trên trang sách, trên vách tường phòng ngủ, trên sân chơi, trên dòng sông Neva buổi chiều... Tại sao nhìn vào đâu em cũng thấy anh?

Làm sao tôi trả lời được câu hỏi đó? Tôi chỉ biết hôn nàng, cái lưỡi nhỏ ướt tuyệt dịu của nàng ở trên môi tôi; sự cô đơn đã bị xé rách, tôi không còn là tôi như trước nữa.

Tôi không biết diễn tả thế nào về những ngày tháng đó. Akikô đến, rồi đi, rồi trở lại. Khi nàng đến, thành phố như đổi khác, một thứ nắng khác, một hơi gió khác, lạ lùng, xôn xao. Khi nàng đi, có điều gì đó trong tôi như choáng ngợp, một niềm đau mà tôi cảm thấy rất rõ ràng, nhức nhối và êm dịu.

Lần trở lại sau cùng, Akikô ngạc nhiên thấy những bức tranh của tôi đã thay đổi. Thế giới tĩnh vật của những ngày trước khi nàng đến, với những mảnh chai vỡ, những vầng trăng lạnh lẽo, những chiếc đồng hồ chết không nhúc nhích nổi đôi kim rũ liệt, những con búp bê gãy tay gãy chân nằm lăn lóc trong từng góc xó lãng quên... tất cả nằm dồn một phía căn phòng. Phía đối diện là những bức tranh có nàng, với một gam màu khác, ấm áp và rạng

ngời, thế giới của hoa, chim, thiếu nữ, lộc non và sương mùa thu.

- Tất cả là quà tặng cho em đấy. Akikô ạ, và anh treo chúng ở phía Đông, vì em từ xứ mặt trời đến đây - Tôi nói.

Akikô chạy đến gần, nàng hôn lên tất cả những bức tranh mới vẽ. Cuối cùng nàng mới hôn tôi, và một lần nữa, cái lưỡi nhỏ ướt của nàng xuyên thủng nỗi cô độc, nhắc tôi nhớ ra mình đã sống một thời kỳ khác.

Hôm sau, Akikô đến nhà tôi với vali trong tay, và trước cặp mắt trợn tròn kinh ngạc của bà vú nuôi, nàng bảo rằng nàng kinh sợ bốn bức tranh trắng xóa của căn phòng khách sạn. Thế là, Akikô ở lại, xâm nhập vào thế giới vắng lặng của tôi, nàng mang lại cho nó những gì vốn thuộc về nàng, một cái gì thuộc về mặt trời, cầu vồng và những bông hoa miền ôn đới.

Một kỳ nghỉ lạ lùng bắt đầu, một kỳ nghỉ hoàn toàn không có những tiện nghi du lịch. Không có trượt băng, khiêu vũ, những trò thể thao mùa đông. Chỉ có những buổi tối ngạc nhiên vì điện đột ngột tắt, chỉ có những con dán trong tủ sách, những cái bếp dầu quá xa xưa trong con mắt một người sinh trưởng ở Tôkyô.

Akikô say mê học cách nấu bún mọc, làm bánh đa, nem và bún bò kiểu Huế. Việc học tập thật khó khăn, vì bà vú của tôi vốn quý khách, thường chỉ cho nàng tham gia một khâu nào đó có tính cách tượng trưng trong quá trình chế biến món ăn. Mặc dù khi bưng mâm ra vú luôn luôn giới thiệu: "Đây, chính tay cô Akikô làm lấy", nhưng Akikô không hài lòng với sự gian lận đó. Nàng mua sách dạy nấu ăn về để tự xoay xở một mình. Những tác phẩm nàng làm ra thường rất kém cỏi, tuy vậy thấy Akikô vui thích quá, cả tôi lẫn vú nuôi đều tỏ ra ngon miệng để nàng cười, sung sướng và hãnh diện về tài nội trợ của mình.

Những lúc tôi đi vắng, Akikô trò chuyện với vú nuôi hàng giờ trong lúc vú làm việc. Nàng hỏi tính tình tôi lúc còn bé, những cô gái nào đã đi qua đời tôi, những chuyện điên rồ của tôi hồi hai mươi tuổi. Cuộc chuyện trò thường không dễ dàng vì giọng miền Trung của vú nuôi đầy những từ cổ và tiếng địa phương mà Akikô không thể hiểu được nếu không có tôi làm phiên dịch. Thế nhưng nàng vẫn kiên trì theo đuổi những cuộc đàm thoại khó khăn ấy, và bên cạnh cái thú rèn luyện tiếng Việt còn có nỗi tò mò đầy hứng khởi được biết những chi tiết ngộ nghĩnh về đời riêng của tôi trong quá khứ.

Chiều tối, khi tôi về nhà, Akikô thường ngồi chờ tôi trong phòng vẽ, trên tấm đệm cói tròn, giữa những bức tranh vừa phát thảo. Trước kia tôi chỉ thấy nàng trong bộ âu phục, bây giờ, khi ở nhà, nàng mặc kimônô lụa mỏng dành cho Sài Gòn mùa mưa. Khi tôi ngồi xuống ghế, Akikô trong bộ áo váy lê thực nhanh trên hai đầu gối đến bên tôi - cái cách di chuyển nhẹ nhàng duyên dáng đặc biệt của người phụ nữ Nhật. Nàng ôm chầm lấy tôi và bắt đầu tháo giày, trong lúc tôi vuốt ve tóc nàng.

- Akikô, ở quê hương em đến bây giờ vẫn còn phong tục này sao?

- Không, anh ạ. Ở thời ông bà em thì có, nhưng bây giờ thì không còn nữa.

- Thế sao em lại làm anh hư hỏng đi như thế này?

- Anh là vị chúa nhỏ của em cơ mà. Em tự phong cho anh như thế và tự tôn thờ anh, không có phong tục nào bắt buộc cả.

Ôi. Akikô, Akikô! Kỳ nghỉ mùa Đông thầm lặng nơi xứ sở không có mùa đông! Những lúc tôi vẽ, nàng quấn một chiếc khăn lụa Nhật quanh người thay cho tạp dề, ngồi dựa đầu vào chân tôi và loay hoay pha màu vẽ. Nàng đã dẫn dắt tôi, hay đúng hơn, hai chúng tôi cùng nhau bay vào thế giới của những sắc màu không tuổi tên. Là màu hồng phơn phớt như vẫn ửng lên trên đầu những nụ hồng trắng. Là màu sữa lai láng trong những giấc mơ dịu ngọt. Là màu xanh ánh bạc lung linh chỉ hiện ra trong đôi mắt nhắm lại của hai người đang hôn nhau. Là màu tím than huyền hoặc tôi chỉ thấy lan tỏa trên đỉnh màn mỗi lần buông Akikô ra để ngả mình trên mặt đệm, choáng váng, tê mê như chú gấu con say mật buông mình rơi từ cành cao xuống thảm cỏ non.

Hạnh phúc. Hạnh phúc không là tĩnh vật, không là người, không là phong cảnh, tôi không bao giờ vẽ nó ra được. Nhưng nó mãi mãi còn trong những sắc màu. Tôi vẽ hối hả, vẽ không ngừng, sợ kỳ nghỉ hè qua đi và Akikô lại đem đi tất cả, bỏ lại tôi với nỗi trơ trụi, với nỗi buồn, cái chai rỗng và cái cốc lẻ loi của mình.

Một buổi chiều trở về, tôi thấy vú nuôi đi vắng. Akikô quỳ trên sàn gỗ, cầm cái giẻ lau nhà, mồ hôi rịn ra lấm tấm trên thái dương.

- Akikô, em làm gì thế?

Tôi vừa hỏi vừa nâng nàng dậy, vứt cái giẻ lau đi và rút mu soa ra lau những ngón tay nhỏ hồng hồng.

- Vú già rồi, anh thấy không? Nếu mai kia không còn vú nữa, còn ai ngoài em ra sẽ làm những việc này cho anh?

Tôi ôm lấy đôi vai Akikô và nhìn sâu vào đôi mắt nàng.

Trong đôi mắt ấy, tôi chỉ thấy trong veo, hồn nhiên và chân thật. Đúng, nàng đã nghĩ từ bao giờ không biết, nàng đã nghĩ như in rằng cuộc sống nơi căn nhà này sẽ gắn bó với nàng vĩnh viễn.

- Em nói sao? Akikô?

- Em sắp tốt nghiệp rồi, chỉ còn một năm nữa thôi. Anh Vũ ơi, anh biết không, em đã xin phép cha mẹ em... cho kết hôn với một người Việt Nam.

Tôi xúc động, lặng người đi:

- Em... Em thực sự muốn ở cùng anh mãi mãi sao? Em đã nghĩ kỹ chưa Akikô?

Akikô gật đầu, vẻ ngoan ngoản dịu dàng làm tôi muốn rưng rưng nước mắt:

- Có gì để suy nghĩ nữa? Ngay từ lần đầu trông thấy anh, em đã linh cảm thấy định mệnh của mình rồi.

- Akikô chưa nghĩ đến một điều là anh không thể rời tổ quốc được. Nếu anh có thể sống xa đất nước, thì anh đã đi từ lâu rồi.

- Em đã nghĩ đến, em đã hiểu điều đó từ trước khi anh nói - Akikô vừa nói vừa đặt một ngón tay lên môi tôi - Em sẽ về đây, mình sẽ sống cùng nhau nơi này. Em sẽ đi làm và giờ rảnh em sẽ pha màu vẽ cho anh.

Nói rồi Akikô nhìn tôi đăm đăm, nàng ngạc nhiên thấy tôi lặng lẽ trước những lời nói mà nàng đinh ninh phải làm cho tôi vui mừng vô hạn.

- Sao thế? Anh không thích như vậy sao?

- Không, Akikô, không thể được!

Từ đâu đó trong tôi, một tiếng không bật lên, choáng váng. Akikô lùi lại, hụt hẫng. Nàng nhìn tôi, ngơ ngác:

- Tại sao? Đã bao lần anh nói với em, anh lo sợ sẽ tới ngày em đi, anh không chịu đựng nổi ngày em đi?

- Em không nhớ ư, cũng đã bao lần anh nói rằng chúng mình không nên ở gần nhau.

- Anh đã nói bao giờ? Tại sao em không nhớ? Akikô vừa hỏi vừa lùi dần, cuối cùng nàng ngã ngồi xuống sàn gỗ bóng.

Làm sao tôi có thể nói gì với nàng?

- Em sẽ sống ở đây trọn đời ư? Với những cái bếp dầu? Những con dán? Những chai rượu của anh, bộ gan không lành mạnh của anh, những sợi tóc sớm bạc của anh?

- Vâng, vâng, với tất cả những cái đó, em đã biết và đã yêu tất cả. Trừ những chai rượu ra, chúng nó hủy hoại anh, em thù ghét chúng vô cùng.

- Vô ích, Akikô, anh không thể thiếu rượu được. Anh đã có khoảng trống mấy mươi năm trước khi em đến, trong mấy mươi năm đó có những lúc anh thực sự muốn hủy diệt mình.

- Nhưng bây giờ? Nhưng bây giờ khi em đã đến? Akikô kêu lên, mắt nàng nhìn xoáy vào tôi.

- Bây giờ thì quá muộn, thói quen đã gấp thành nếp không thể vuốt thẳng ra được. Anh đã là một con người định hình với tất cả sự bất lực và tồi tệ của nó. Hôn nhân, đó là một hạnh phúc quá lớn mà anh không thể cưu mang.

- Vậy thì những gì anh đã dành cho em là gì? Những điều đã xảy ra giữa chúng ta, không lẽ chỉ là chiêm bao mộng mị thôi sao?

Akikô rên rỉ, miệng ngàng hít hà đau đớn như bất ngờ trúng một vết

thương. Tôi muốn nâng nàng dậy, muốn an ủi nàng, an ủi chính tôi, nhưng nàng đã trở nên khác hẳn. Nàng bất chợt hờn dỗi, nghi ngờ, xa lánh. Tôi hiểu, nàng không còn tin tôi nữa...

*

Đêm hôm ấy tôi không ngủ được. Nỗi yên lặng của đêm làm vang dội những câu hỏi trong tâm tư. Nỗi yên lặng của đêm làm tôi nghe rõ nhịp đập của trái tim mình, làm tôi nghe rõ tiếng trở mình của Akikô trên chăn nệm. Tôi trở dậy, đẩy cửa phòng nàng. Akikô nằm sấp trên giường, mặt vùi xuống gối, mái tóc xỏa dài rũ xuống thành giường, vẽ một đường tròn mềm mại trên sàn nhà gỗ.

- Akikô... - Tôi gọi trong khi ngồi xuống bên nàng.

Akikô ngẩng mặt lên. Những ngón tay tôi lồng vào chân tóc nàng mát dịu. Nàng nhắm mắt lại, đê mê và buồn tủi.

Ánh trăng từ ngoài cửa sổ hắt vào, trải dài, phủ lên người Akikô. Trăng nhuộm màu huyền thoại trên màu áo, màu tóc, khuôn mặt nghiêng của nàng. Tôi nâng khuôn mặt ấy trong hai bàn tay mình:

- Akikô, em biết không, ở quê hương anh có một huyền thoại, anh sẽ kể cho em nghe, câu chuyện giữa một nàng công chúa và một anh dân chài nghệ sĩ...

Tôi kể cho Akikô nghe câu chuyện của chàng Trương Chi, chuyện đã nghe từ bé mà đến giờ tôi mới thấy thấm thía đến rụng rời.

Akikô nằm lặng yên nghe, rồi nàng trở mình, tránh hai bàn tay tôi để lại úp mặt xuống gối.

- Có lẽ anh không nghèo khổ, cũng không xấu xí, nhưng Akikô ạ, tất cả chúng ta đều giống nhau ở chỗ có một hoàn cảnh không thể vượt qua. Ở chỗ khát vọng thì vô bờ mà thực tế luôn luôn là những cái khuôn quá nhỏ. Rồi cả em cũng thế, em sẽ phải dừng lại trước những giới hạn rất giản đơn mà em không thể nào nghĩ đến.

- Vô lý. Không thể có chuyện ấy. Với em, chỉ có một điều rất giản dị, em yêu anh. Chỉ có điều đó có ý nghĩa mà thôi. Trong những bức tranh của anh, không hề có giới hạn, không hề có sự bất lực - Akikô nói, giọng nàng buồn rầu, lạnh lẽo.

Nàng quay lại, và trong ánh sáng trăng trắng bạc hắt vào, tôi thấy mắt nàng dại đi, tê tái. Làm sao tôi có thể giải thích cho nàng hiểu, những gì ở trong tranh, trong mơ, ở giữa tôi và nàng đều thuộc về một thế giới khác, không bến bờ, thế giới của tâm linh. Và thần linh là để cách xa mà tôn thờ, không thể chạm tay vào, chạm vào một phút thôi tất cả sẽ tan biến thành hư vô.

Akikô! Nếu nàng xuất hiện trong đời tôi sớm hơn, chừng mười hay mười lăm năm trước? Nhưng điều đó không thể nào xảy ra được! Còn bây giờ, khi tất cả những sinh lực của một đời đã đi vào gần hết trong thế giới không bờ bến của những bức tranh? Khi trong tôi chỉ còn những giọt tinh huyết cuối cùng, sôi trào mãnh liệt để một mai sẽ thình lình khô cạn? Có thể nào một ngày kia Akikô nhận ra mình đi tìm những giọt cam thơm ngát ngọt lành nhưng chỉ gặp cái vỏ đã khô xác nằm lăn lóc giữa khu vười hoang phế?

Tôi ôm lấy Akikô, hôn lên khắp khuôn mặt nàng. Tôi vuốt ve khuôn ngực tròn nhỏ nhắn và cảm thấy chất mịn màng của da thịt. Chất mịn màng gợi nhớ đến cánh hoa sen, lụa tầm hay lông tơ chim câu.

- Akikô, em đã đến, đã đầy tràn trong tranh anh, vậy mà anh chưa vẽ em bao giờ. Ngày mai anh sẽ vẽ chân dung của em, em bằng lòng chứ?

Akikô lắc đầu:

- Ngày mai, em sẽ về khách sạn... Bốn bức tường ở đó thật khủng khiếp, nhưng còn dễ chịu cho em hơn là phải nhìn nhau, trong lúc này. Anh vẽ em ư, tại sao không vẽ đêm nay, khi em còn ở bên anh?

Tôi đứng lên, đưa giá vẽ vào phòng, Akikô ngồi dậy. Chiếc áo kimônô không cài, để lộ một bầu vú tròn trỉnh. Ánh trăng nhuộm lên bầu vú đó màu bạc của thủy ngân, óng ánh quang chiếu núm hồng, một màu hồng dịu dàng hài hòa với màu môi của nàng giữa đêm, không trang điểm.

Tôi cúi xuống hôn lên đầu vú của Akikô, cái hôn gượng nhẹ nâng niu như hôn lên một nụ hồng bạch. Akikô đưa mắt nhìn lọ sen trắng trên giá sách, và tôi đến bên, rút cành hoa đưa cho nàng. Nàng vuốt ve bông hoa, một cánh trắng lặng lẽ rơi vương nhẹ vào ngực nàng trước khi đậu xuống tà áo kimônô đỏ thắm.

Tôi lại ngồi trước giá vẽ, và phải gục mặt trên nền vải một lúc mới nâng bút lên vẽ được những nét đầu tiên.

Tôi vẽ tặng Akikô chân dung bán thân của nàng, tay cầm đóa sen, như trong một tích xưa, Đức Phật đã cầm sen đưa lên khi muốn hỏi về chân lý. Ngày xưa có người đã trả lời câu hỏi ấy bằng một nụ cười. Còn tôi bây giờ, tôi trả lời bằng màu bạc ngân nhũ rạng ngời trên thân thể người tôi yêu. Đó là nỗi khát khao tình yêu và cái đẹp, nỗi khát khao mà tôi đã vắt ráo cuộc đời để dõi theo vô vọng, để cuối cùng chỉ còn lại một hình hài khô xác không còn đủ sức gánh vác trái tim mình.

Bức chân dung hoàn thành lúc gần sáng, và cả hai chúng tôi kiệt sức ngủ thiếp đi. Khi tỉnh giấc, tôi không thấy Akikô bên mình. Chiếc vali đã chuẩn bị xong, dựng trên nền nhà, ngay giữa phòng. Từ dưới bếp, tôi nghe có tiếng loảng xoảng, tiếng thủy tinh vỡ tan.

Tôi nhỏm dậy, chạy xuống. Akikô đập vỡ những chai rượu của tôi. Nàng cầm từng cái chai quật vào vách, trong một cơn kích động mãnh liệt không ai ngờ có thể xảy ra nơi một cô gái vốn dịu dàng dường ấy. Rượu chảy ộc lênh láng trên nền bếp, mảnh chai vụn bắn ra dữ dội, bật tung vào tay, vào mặt nàng sây sát, rướm máu.

- Akikô, em điên sao?

Tôi ôm giữ nàng lại, nhưng nàng vùng ra và cứ thế tiếp tục đập tan đến chai cuối cùng trong kho dự trữ của tôi.

- Anh Vũ ơi! - nàng níu lấy tôi, thở hổn hển - Em sẽ đi ngay bây giờ, vì anh không còn cần em nữa, nhưng em xin anh đừng uống rượu. Em không muốn anh chết. Em muốn mãi mãi từ một nơi xa nhớ về, em có thể nghĩ anh vẫn sống, vẫn khỏe mạnh và không bao giờ chết!

Chợt Akikô buông tôi ra, khom người lại, hai tay bụm mặt; rồi một giây sau tiếng khóc bùng lên như xé ruột:

- Anh Vũ ơi, làm sao em có thể sống xa anh được? Em sẽ sống như thế nào đây không có anh?

Những câu sau cùng nàng thốt ra bằng tiếng Nhật như độc thoại với chính mình, với định mệnh, và tôi không hiểu gì ngoài những âm thanh thảm thiết - như tiếng kêu của một sinh vật hấp hối. Tôi khao khát đến cháy lòng được ôm nàng, nhưng tôi không thể! Tôi không thể... Chỉ cần chạm vào nàng một khắc thôi, tôi sẽ quên hết những gì tôi đã nói đêm qua, tôi sẽ giữ nàng lại, tôi sẽ giữ nàng lại...

Gục đầu im lặng, tôi tưởng chừng đang có một thỏi sắt nóng đỏ xuyên thủng vào giữa trái tim mình, ở đó máu cứ sôi trào lên, bỏng rát.

Akikô ra đi, đem theo bức chân dung của nàng. Từ đó thế giới của tôi lại là thế giới của tôi, như trước, với bức tranh trên đầu giường: cái chai trống rỗng, chiếc cốc xiêu đổ. Trọn đời tôi không vẽ chân dung tự họa, cái chai kia chính là khuôn mặt, là số phần của tôi.

Tôi thấy lại cái cảm giác mà chính Akikô trước đây đã có về tôi. Nhìn vào đâu tôi cũng thấy nàng, trong phòng ngủ, trên sân thượng, trong ánh trăng. Nhất là khi nhìn những vật dụng bằng gỗ trong nhà. Những cánh cửa, tựa ghế, mặt bàn nhà tôi đều làm bằng một thứ gỗ có vân đánh bóng. Những chỗ vân do mắt cây để lại thường ánh lên những vòng đồng tâm; làm mỗi lần nhìn chúng tôi tưởng chừng thấy khuôn mặt tròn trỉnh của Akikô hiện lên từ sau những vòng tròn sâu thẳm của thời gian và ký ức.

Tôi vẽ khuôn mặt Akikô lên tất cả những chỗ vân tròn ấy, và nàng hiện ra cùng tôi. Akikô trên bàn, Akikô trên cửa, Akikô trên giá sách, Akikô trên ghế tựa... Tất cả mọi nơi đều có Akikô, nhưng không một Akikô nào đem lại cho tôi sự trọn vẹn tuyệt vời, không Akikô nào có cái lưỡi nhỏ ướt dịu

dàng, không Akikô nào đem lại cho tôi cảm tưởng mịn màng của lụa tằm, hoa sen và lông chim câu.

Những cái chai vỡ với cạnh sắc thủy tinh nhọn hoắc vẫn được tôi giữ nguyên trên một cái giá sắt trong bếp. Từ ngày đó, tôi chỉ uống vang nhẹ, không bao giờ đụng đến rượu mạnh, vì lẽ giản dị chỉ cần nhúng môi vào một giọt rượu thôi, hình ảnh Akikô vùng vẫy như một con thú bị thương sẽ trở lại... tôi đã bỏ thói quen hình thành từ mười lăm năm. Nếu có một phép màu, thì phép màu ấy mang tên nàng.

Nhưng thật ra chỉ có một mình Akikô tin vào tác dụng của phép màu ấy, chỉ có một mình nàng tin rằng không có rượu số phận tôi sẽ khác đi. Đã từ lâu, ruột và gan tôi đã cứng lại như một thứ plastic hết thời hạn. Từ mười năm nay, dù không quan tâm gì đến sức khỏe, tôi vẫn biết mình xuống dốc mỗi khi gặp một người quen sau một thời gian xa cách. Họ đều hoảng hốt thấy tôi gầy tọp hẳn đi, những sợi tóc bạc trước tuổi nhiều gấp bội. Từng năm, từng năm, từ lúc Akikô ra đi cũng thế, không có gì thay đổi, tôi vẫn tiếp tục gầy đi và mệt mỏi, có thể là mức độ còn nhanh hơn trước nhiều, bởi sự cô đơn lúc này mênh mông hơn nỗi cô đơn trước khi nàng đến.

Cách đây một tuần, phóng viên một tờ báo trong thành phố đến gặp tôi và báo cho tôi biết bên ngoài đã loan truyền tin đồn rằng tôi đang dùng một toa thuốc mà người ta gọi là "thuốc ba màu". Ít nhất có một trăm thanh niên trong thành phố đang bắt chước dùng toa thuốc ấy, mặc dù Sở Y Tế đã thông báo là cách dùng thuốc như thế rất tai hại, cơ thể bị tích nước tạo nên sự lên cân giả tạo, và sau một thời gian ăn ngon, ngủ yên, sức khỏe sẽ suy sụp nhanh hơn trước rất nhiều.

Trả lời anh bạn phóng viên, tôi không biết nói gì. Tôi hoàn toàn không hiểu tại sao những bạn trẻ khoẻ mạnh và hạnh phúc lại uống thuốc độc vào người chỉ vì một chút tính thời thượng. Còn tôi, mỗi lần nuốt những viên thuốc qua cổ, tôi có cảm giác như mình nuốt những con rết vậy. Nhưng đúng là tôi đã có đôi má đầy đặn và một vóc người nhìn vào không ai dám nghĩ là đang mang một bộ gan suy thoái. Không có thứ thuốc thánh nào giúp tôi đạt được điều đó. Mùa du lịch sắp bắt đầu, và biết đâu, Akikô sẽ bất chợt trở về. Nàng sẽ sung sướng biết bao thấy tôi dường như không hề thay đổi và đúng như mơ ước của nàng, có thể không bao giờ chết! Nàng làm sao biết được tôi đã vì nàng từ bỏ một thứ độc dược để rồi uống vào người một thứ độc dược khác. Nàng làm sao biết thuốc ba màu, đó là ước mơ vượt ra khỏi những kích thước hữu hạn của mỗi phận người, dù chỉ trong khoảnh khắc.

Nhưng liệu nàng có còn quay lại? Câu hỏi ấy cứ vang lên, xót xa, mỗi lần tôi nhìn những Akikô hiện lên từ trong lòng gỗ! Đã lâu quá rồi, điện thoại nhà tôi không còn vang lên tiếng nói của nàng, tiếng nói ngày nào đã gởi đến tôi lời tiên tri về định mệnh. Chẳng phải là lúc ra đi nàng đã nói vĩnh

biệt, nàng đã nói không chịu đựng nổi khi phải nhìn tôi? Rất có thể giờ phút này, ở quê hương nàng, nàng đã tìm ra một định mệnh khác, và nàng đã để cho tất cả những gam màu của ký ức chìm sâu dưới màu trắng lãng quên như màu tuyết trên đỉnh núi Fuji.

Có thể thế không,. Akikô? mỗi lần câu hỏi đó vang lên trong tôi, không hiểu vì sao luôn vang dội một câu trả lời từ rất xa, như thể từ chân mây vọng lại - không, không, ngày nào còn sống em còn nhớ, ngày nào còn sống em không bao giờ quên.

Tôi cũng thế, ngày nào còn sống tôi còn đợi. Dù em đã ra đi với nỗi giận hờn, dù em đã nói lời vĩnh biệt, nhưng biết đâu ít nhất một lần nữa trong đời, em sẽ đến. Em sẽ đến và dù chỉ trong khoảnh khắc, tôi sẽ sống lại cùng em những gam màu huyền thoại. Là màu hồng phơn phớt ở đầu những nụ hồng trắng. Là màu xanh biếc trong đôi mắt của những người đang hôn nhau. Là màu tím than huyền hoặc trên cao những đêm hạnh phúc... Niềm mong mỏi ấy âm ỉ mãi trong tôi như cái tàn thuốc dẫu bị gạt lìa ra vẫn cố cháy rực cho đến lúc bạc trắng thành tro.

Akikô! Dù chỉ một lần thôi, xin em hãy quay về! Hãy quay về cùng tôi từ xứ sở của ngàn cánh hạc!

TRẦN THÙY MAI

Ý NHI

trong mùa thu

Em cúi nhặt bên đường một ngọn cỏ xanh
chưa có trong mùa thu trước
tưởng mọi điều đã quá chừng quen thuộc
bỗng lạ lùng khi mở bàn tay
và mắt gặp ánh lá xanh chói lọi

Những gì đã mất đi, những gì im tiếng nói
những nguồn trong sau đá sỏi, bùn lầy
bao đau thương che khuất bởi tháng ngày
bao khát vọng ngủ yên giữa nhọc nhằn, vất vả
(con thuyền nan trên cát vàng quên biển gió
câu thơ nằm trong trang sách chẳng người xem)
sáng mai nay đều đã trở về em
khi anh bước qua con đường cỏ lạ
giọt nước mắt trên môi cười và niềm vui se giá
sáng mai này em đến cuộc đời anh.

Bởi vì đâu tất cả những cánh rừng
những nguồn sông xanh, dòng phù sa đỏ
chiếc lá vàng trong gió cuốn chiều đông
hoa phượng nở suốt mùa hè thành phố
bởi vì đâu bao niềm thương nhớ
bao lời ca chia biệt thuở xa xưa
bao ước ao, mong đợi, trông chờ
sống bền bỉ như lửa kia trong đá
em tìm thấy nơi anh tất cả
để đem mình gắn cuộc đời anh...

Trên đường dài ta cùng đặt bàn chân
ở phía cuối con đường này là biển
từng bước một phải giữ gìn hy vọng
như người ra khơi giữ gìn ngọn lửa
phải đi qua sự ngần ngại yếu mềm
giăng trên đường ta những mắt lưới vô hình
phải đi qua lòng đố kỵ nhỏ nhen
như loài rắn bên chân ta rình rập

Và chỉ có sự chở che duy nhất
như bóng cây như cơn mưa như tiếng hát
như căn nhà
như cơm ăn, áo mặc
là tình yêu đời ta

Ôi dải cát sáng ngời, tinh khiết cuối đường kia
cánh chim biển phiêu lưu, kiêu hãnh
từng bước một qua con đường lửa nắng
ta đang dần từng bước đến trùng khơi
trong đáy mắt anh vẫn lặng lẽ nụ cười
của buổi sáng mùa thu biến động

Ý NHI
(Trong nước)

TRẦN VŨ

mùa mưa gai sắc

Tôi biết Huệ đã lâu. Từ lúc Huệ còn niên thiếu, những trận mưa rào còn bất chợt đổ về qua ấp Tây Sơn, thứ mưa nóng và ẩm của vùng Qui Nhơn sỏi đá. Suốt quãng đời niên thiếu, hình như Huệ chỉ đi chơi xa có hai lần. Một lần lên Phú Xuân và một lần bơi xuồng băng ngang đầm Thị Nại. Cả hai lần, lần nào cũng có hai anh lớn của Huệ: Nhạc và Lữ.

Hôm ấy ám trời, cả một mặt đầm gợn sắc mây, mưa lướt thướt mỏng như những cánh chuồn chuồn rù rì vẩn vơ trên mặt nước. Nhạc bản tính tục tằn không ngớt lầm bầm trong miệng, quở trách trời đất. Nhạc quở những hạt mưa nhỏ mọn đương vãi xuống khoang thuyền làm hỏng cuộc vui. Lữ không nói gì, chỉ im lặng nhìn những cánh bèo nổi lặng lờ như không muốn trôi, trong ba anh em Lữ là người ít cá tánh nhất. Ánh mắt Lữ, lúc nào cũng phảng phất nghĩ ngợi, một chút buồn, một chút thiền vị vu vơ, chứa mà không chứa đạo Phật. Đợi Lữ leo lên ngồi rồi Huệ mới lấy sức, dấm chân xuống nước, đẩy xuồng cho xa bờ. Những đám lau lác đác, già nua, xanh điệp tách dần ra cho đến lúc không còn trông thấy nữa. Nhạc lầu bầu hối Huệ bơi ra giữa đầm. Nhạc ngồi ở mũi xuồng, đúng chỗ, đúng vai vị của người con cả. Đầm Thị Nại không biết tự thuở nào mang tâm trạng u uất ui ui trên mặt nước, ngay dưới mưa cũng phẳng lì không gợn sóng. Tiếng động duy nhất phát ra từ mái chèo khoắng nước trong tay Huệ. Huệ cũng ít nói, nhưng không câm lặng như Lữ, chỉ nói những khi cần, cùng những gì đáng nói. Tôi ngắm những bắp cơ trên cánh tay Huệ thong thả nhịp nhàng dầm mái, rồi vạc nước về sau, nhấc lên rồi lại thả xuống, cử động thuần nhất đến độ trông như Huệ không hề chú tâm đến việc bơi xuồng. Nhưng có nhìn vào mắt Huệ thì mới biết Huệ tập trung lắm. Hướng xuồng đi không chệch, không lệch về trái, không thả sang phải, thẳng tắp theo một hướng đi mà Huệ tự chọn lấy.

Mặt nước u tịch, im lìm, chốc chốc lại vang tiếng khạc nhổ của Nhạc.

Nhạc mắng Lữ và Huệ chọn đi đâu không đi, ra chỗ buồn tênh. Thái độ gắt gỏng cộc tính của Nhạc, hơn một thói quen, thành thứ nền nếp trong nhà đến độ Lữ và Huệ không buồn chú ý. Suốt buổi đi chơi, ba anh em không ai vãn chuyện. Gần về, Huệ chỉ nói một câu duy nhất:

- Nước ở đầm này bao nhiêu đời không thay, vừa đục, vừa tanh, mai mốt có quyền chức, tôi sẽ cho thay nước.

Nhạc đang ngồi xếp bằng ở mui, nghe Huệ nói, liền khạc thêm đờm xuống đầm, cho là chuyện không đâu. Còn Lữ nói một câu vô thưởng vô phạt:

- Đầm này không sạch bằng cửa sông đổ ra An Nhơn.

Huệ không bằng lòng, gắt:

- An Nhơn cũng không sạch!

Những khi giận, hai tròng đỏ trong mắt Huệ lập lòe lửa, tất cả thần khí dữ dội đều hiện lên ở đồng tử, nên nhìn rất sợ. Nhạc và Lữ biết rõ tánh Huệ, nên im lặng không nói thêm điều gì. Đoạn đường từ đầm về bờ, chỉ còn tiếng mái chèo Huệ sục sạo cắm xuống mặt nước. Sóng xẻ hai bên mạn xuồng, trong ba anh em bao giờ Huệ cũng là người cầm mái, tạo ra sóng.

*

Lần ra Phú Xuân thứ nhất, trong đời Huệ, có lẽ cũng là lần quan trọng nhất. Phú Xuân ở vào thời điểm đó mang sắc đẹp của một người đàn bà cực kỳ sắc sảo, nhưng đã chung chạ quá nhiều, sau bao nhiêu đời chồng đâm ủ ê bệ rạc. Song trong đôi mắt của Huệ, xuyên qua cặp mắt của Lữ, trước cái nhìn ham muốn của Nhạc, Phú Xuân giữ nguyên vẹn nét lộng lẫy, thứ lộng lẫy tìm thấy trên yếm gấm viền thêu mà những người con gái ở ấp Tây Sơn, huyện Phù Ly không có để mặc trên mình. Hôm ba anh em Huệ tới Phú Xuân, trời cũng vần mưa, nhưng không phải thứ mưa dông cẩu thả, ít nước nhiều hơi không đủ làm mọc những ruộng lúa phì nhiêu quanh thành Qui Nhơn. Mưa ở Phú Xuân là những váng mưa ngà ngọc, buông như buông trướng, kiêu sa đổ đều lên mái tường thành cung điện của Nguyễn Vương. Nhạc đã trưởng thành, nhưng không bao giờ chửng, không đủ sức kềm chế trước vẻ lẳng lơ lộ liễu, da thịt mời gọi của Phú Xuân. Vẫn bản chất tham lam của người đã chọn cho mình nghề biện lại. Nhạc vỗ đùi rồi để bàn tay ở lại tự mân mê như đang sờ nắn chỗ kín của một người đàn bà chốn kinh kỳ:

- Trên đời được làm Nguyễn Vương thì mới đáng sống!

- Anh làm Nguyễn Vương cho tôi một chỗ trong cung, tôi thích dãy lầu nóc giá chiêng phía hữu.

Lữ cảm hứng từ tham vọng của Nhạc, góp ý.

Mưa vẫn ướt mặt ba người. Những hột mưa đài các lạnh lẽo tiếp tục rưới xuống dinh thự nhà Chúa. Song mưa không làm tắt nổi ánh lửa cháy rập

rờn trong đôi mắt Huệ. Tia lửa ngời lên như muốn táp vào mặt Nhạc:

- Sống chỉ ao ước như Nguyễn Vương là một kiếp sống ngu xuẩn. Mà được như Nguyễn Vương cũng chưa phải là tất!

Nhạc quay phắt lại, giận dữ vì bị xúc phạm, nhưng chất cộc cằn thô tục ngồn ngộn trong con người Nhạc chưa kịp phát ra đã chạm phải ngọn lửa nóng bỏng ở đôi mắt Huệ đành nén giọng, chỉ rít qua kẻ răng:

- Thế nào mới không ngu xuẩn, mới gọi là tất?

- Giết Nguyễn thì được Nguyễn, giết Trịnh thì được thêm Trịnh, Nam lẫn Bắc Hà mới gọi là Đế!

Buổi trưa ở Phú Xuân, Huệ khơi dậy lần đầu tiên ý niệm vương tước. Cái ý niệm phải thực hiện để khỏi sống kiếp người ngu xuẩn. Năm đó Huệ chỉ mới mười sáu tuổi, lứa tuổi thật thà và hay ước vọng. Huệ mơ ước, nhưng không đủ thật thà để nói với Nhạc cái người dẹp Nguyễn, diệt Trịnh xưng Đế phải là mình. Sau này khi đã toại ước, Huệ cũng không còn là Huệ ở đầm Thị Nại, ao ước có quyền chức để thay nước đầm đã quá cũ kỹ, nổi rêu xanh. Huệ chỉ nghĩ tới việc giết người để lấy phần người chết. Ở khía cạnh đó thì Huệ vẫn mãi mãi là Huệ. Nhưng có điều Huệ không ngờ ở đất Bắc Hà, có một người cũng nghĩ như Huệ. Song đó lại là truyện khác.

*

Tháng sáu năm Bính Ngọ 1786, Thăng Long như bầy heo nái nằm đợi người tới giết. Tâm trạng của vua Lê Hiển Tông trong cung Vạn Thọ là tâm trạng của con heo nái xề suốt bốn mươi bảy năm ở ngôi, chỉ làm nổi một việc là cho thê thiếp lâm bồn hai mươi mốt vị công chúa. Cảnh Trịnh Khải bị thọc tiết ở làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên sau khi bại trận thê thảm trước quân Tây Sơn ngay cửa Tây Long, càng làm long thể vua Lê thêm bất an, hoang mang, cực kỳ lo lắng. Trong khuê phòng, Ngọc Hân như lửa cháy. Suốt mấy đêm liền, canh này qua canh khác, Ngọc Hân bồn chồn trong tiếng trống giục điểm canh. Đã đành cái tin Trịnh Khải mất mạng ở làng Hạ Lôi làm nàng thỏa mãn. Ngọc Hân không ngớt bắt kẻ hầu kể đi kể lại chi tiết cảnh Trịnh Khải rút dao tự đâm cổ chết. Máu Trịnh Khải đỏ gấc? đỏ bầm? hay đỏ tươi như thảm điều lót chân cho Khải mỗi lần hắn ghé qua cung Vạn Thọ? Trịnh Khải trong mỗi bữa ăn ở phủ Chúa, khi yến tiệc tàn thường vung tay quát tả hữu:

- Đem mấy cân thịt thừa qua cung Vạn Thọ kẻo lão già chết đói!

Ngọc Hân nhớ đời những câu mỉa mai ấy. Hai bàn tay nàng bấu chặt lất tấm màn nhung vì phẩn. Ngọc Hân đã thề độc sẽ rửa mối nhục cho vua cha, nhưng bây giờ Trịnh Khải thác rồi, mà không bởi tay nàng, khiến Ngọc Hân tuy thỏa mãn nhưng chưa hả dạ. Nụ cười trên môi Trịnh Khải, nụ cười mang nốt ruồi dư giật giật mỗi khi chiếc cằm bạnh ra phán lệnh còn sống trong trí não Ngọc Hân. Nàng nghiêng người nắm ghì lấy tay nhũ mẫu, giọng kích động:

- Rồi sao nữa? Máu hắn chảy nhiều không? Hấp hối trong bao lâu? Có rống gào không?

- Bẩm, nghe bảo Chúa đau đớn lắm, lúc chết gào tên "Huệ".

Thoắt cái, Ngọc Hân buông tay nhũ mẫu. Tấm trướng buông phủ đất không che được những nghĩ ngợi rối rắm trong đầu Ngọc Hân chỉ chực trào ra ngoài. Nhũ mẫu nàng vẫn nhắc đến tên con người đã làm kinh thiên động địa đất Bắc Hà. Nguyễn còn, Trịnh còn, thì Lê cũng phất. Nguyễn vong, Trịnh diệt, nhưng còn Tây Sơn thì Lê cũng mạt. Tất cả bỗng trở nên giản dị trong đầu Ngọc Hân. Nàng với tay lấy tráp phấn son rồi gọi nhũ mẫu đi lấy xiêm áo cho mình.

Năm Bính Ngọ, Ngọc Hân chỉ mới mười sáu tuổi, nhưng mang tất cả nhan sắc của đất Bắc Hà. Ngọc Hân biết mình đẹp, và biết sắc đẹp là vũ khí duy nhất của người đàn bà. Nàng dồi phấn lên mặt, chăm chỉ chuốt lông mày. Những ngón tay tỉ mỉ kẻ viền mắt, đánh thật sắc khoé mắt vốn đã sắc lịm bén như nước lam nhìn ai thường hớp hồn kẻ đó. Ngọc Hân không vội, chậm rãi dồn hết công phu vào việc trang điểm. Lúc bà nhũ mẫu mang xiêm y tới sau lưng, bà ta chợt rợn lên vì cái hình ảnh lúc ấy trước mặt, không phải hình ảnh điểm trang thông thường, mà là cái cảnh của một người con gái sắp thành đàn bà ngồi đánh mắt như đang mài dao, mãi miết cho đến lúc bản thép nhọn, bén ngời.

Ngọc hân thay áo, thứ hàng lụa mỏng mát rượi chảy mềm trên thân thể nàng. Dăm cánh hoa cúc vàng điểm lăn tăn ở chéo áo như hé mình bung cánh nở đẹp lạ thường ở mỗi bước chân uyển chuyển của Ngọc Hân. Hôm nay Huệ và Chỉnh vào gặp vua Lê. Ngọc Hân quát nhũ mẫu lấy giấy bút cho mình làm vội bài phú để lấy lòng Huệ. Ngọc Hân chấm bút vào mực, nóng nảy viết thoăn thoắt một lúc 164 câu thơ. Trong lúc sơ ý, nàng để ống tay áo nhúng vào liễn mực thấm loang một góc. Đến khi đọc lại đến đoạn *mà nay áo vải cờ đào...* mới chợt nhận ra tay áo mình bị ố. Chỗ lụa lấm đen làm nàng khó chịu, toan đi thay, nhưng rồi chợt nghĩ biết đâu chỗ mực lem ấy sẽ làm Huệ cảm động. Ngọc Hân đọc lại bài phú, lời lẽ nhún nhường mà sắc, các thanh chập vào nhau như tiếng dây chuông rung ở cửa lầu phủ Chúa. Huệ là kẻ biền võ, nhưng đọc thì ắt phải xúc động. Đã có tiếng trống hiệu đón người ngựa của Tây Sơn vào cung Vạn Thọ. Ngọc Hân búi lại tóc, tra thêm chiếc trâm cài có nạm ngọc, dấu hiệu của trinh tiết không thể thiếu trong buổi ra mắt đầu tiên. Âm trống chưa dứt và tiếng đập mạnh của trái tim trong lồng ngực làm nàng nghe như tiếng chân Huệ dõng dạc bước lên điện. Cái con người đang nắm vận mệnh Bắc Hà, Ngọc Hân quyết chiếm cho bằng được, trả bất cứ giá nào kể cả bán thân xác. Nhũ mẫu gọi hai tỳ nữ đi theo nàng, lúc ra khỏi khuê phòng, Ngọc Hân không quên đem theo bài phú xếp trong áo.

*

Hữu đô đốc Tây Sơn Nguyễn Hữu Chỉnh dõng dạc đi lại, điệu bộ của

con lang đi theo chấm mút bữa ăn còn sót của hổ. Khuôn mặt Chỉnh dài, cái cằm nhọn, cánh mũi mỏng quá độ dễ làm liên tưởng đến mỏ quạ. Chỉnh nói chuyện nhưng không nhìn Hiển Tông, xem như không có. Ngọc Hân vừa giận, vừa thất vọng. Huệ không đến, Chỉnh đi lại một mình bàn chuyện tấn phong Nguyên Súy cho Huệ ở điện Kính Thiên. Vua Lê - con heo già - chỉ biết giương đôi mắt lờ đờ thở ì ạch, tán đồng, thứ công việc mà người ta đãi công bằng chiếc ngai sơn son thếp vàng lâu ngày tróc lở như lên hủi. Xong chuyện, Chỉnh cho vua Lê lui gót rồng, còn lại một mình hắn cười khẩy săm soi sàm sỡ nhìn Ngọc Hân. Khóe miệng Chỉnh khinh khỉnh, khẻ nhếch lên đuổi hết tả hữu ra ngoài, đai áo óp vào rồi phình ra theo nhịp thở có mùi trầu cay bám đỏ ở những kẻ răng Chỉnh mỗi lúc một gần sát mặt Ngọc Hân. Chỉnh đưa đẩy mấy câu vu vơ bàn chuyện hôn nhân sắp tới, tia mắt chỉ chực dịp là thả vào ngấn cổ Ngọc Hân để đo lường sắc trắng của thịt da với vải lụa bạch. Ngọc Hân nhìn trừng Chỉnh, nhưng cái thế của nàng chưa cho phép đối đầu với Chỉnh. Chỉnh nắm Ngọc Hân như nắm chuôi dao, muốn chém vào đâu thì chém. Chỉnh xòe một bàn tay trước mặt Ngọc Hân, bàn tay có đeo chiếc nhẫn khảm phượng, phần thưởng thi Hương Cống của vua Lê ban cho Chỉnh lúc xưa.

- Thiên hạ vạn kẻ, nhưng nhân tài ở đất Bắc Hà chỉ một mình ta. Ta về với Tây Sơn Bắc Hà chỉ là cái đất không!

Chỉnh hầm hè.

Chưa rõ Chỉnh muốn gì, Ngọc Hân nửa muốn bước lùi một bước để tránh hơi thở ám mùi trầu lẫn mùi giềng của gã, nhưng lại sợ Chỉnh khi mình chịu kém, nàng dùng dằng chưa biết tính sao. Chỉnh lại cất giọng:

- Cuộc hôn nhân này, phú quý vinh hoa chỗ nằm bên cạnh Thượng Công thì chớ quên ta!

Chỉnh vừa nói, bất ngờ chụp lấy vai Ngọc Hân, rồi lợi dụng Ngọc Hân đương bối rối, Chỉnh luồn ngay tay vào trong yếm ghì chặt lấy ngực nàng.

- Buông ra!

Ngọc Hân vùng vẫy, đẩy Chỉnh, cố lùi ra sau nhưng lưng đã chạm bức chắn bình phong. Vừa hổ ngươi, vừa nhục, Ngọc Hân vung tay tát trái Chỉnh. Song Chỉnh phản ứng bằng tất cả nhanh nhẹn tốc chiến của thủy quân Tây Sơn, bẻ quặt lấy tay nàng.

- Tri hô cầu cứu đi! Để cho Thăng Long rõ cái nhục của cung Vạn Thọ!

Chỉnh chồm người, gằn gừ, đầy đắc thắng, bàn tay vẫn luồn trong yếm đào, vừa mân mê, vừa đe dọa. Thư phòng vắng người, như tất cả đang đồng lỏa với Chỉnh. Một bức hoành phi sau lưng Chỉnh chạm lộng đôi Giao Long đang cấu xé nhau như hoạt cảnh diễn ra. Ngọc Hân giận tím mặt. Bàn tay Chỉnh đọng mồ hôi ẩm ướt trên da thịt khiến nàng lợm giọng. Ở người con gái khác sẽ là mối nhục ngàn đời đưa đến tự vận, nhưng với Ngọc Hân đó là lối xử ngu xuẩn. Máu nóng dồn lên làm đôi mắt nàng vốn sắc sảo càng thêm

sắc. Tia mắt của Ngọc Hân dữ dội đến độ, đương suồng sả, Chỉnh lặng đi, choáng người, phải rút vội tay. Ngọn lửa đằng đằng sát khí trong mắt Ngọc Hân Chỉnh đã trông thấy nhiều lần trong đôi mắt Huệ. Đôi mắt của kẻ hiếu sát, đã quả quyết làm gì là làm cho đến cùng. Châu thân Chỉnh lạnh toát, mồ hôi bất ngờ vả ra ở sống lưng. Ánh mắt đương cháy lập lòe của Ngọc Hân rõ ràng là ánh mắt của Huệ, cái nhìn trừng phạt của Huệ trước cảnh hành quyết. Lần vào Gia Định tàn sát tập thể các chú Khách, Huệ đã nhìn những xác người Minh Hương bằng cặp mắt của Ngọc Hân đang nhìn Chỉnh lúc này. Chỉnh cảm thấy khó chịu, khô ở đầu lưỡi, gượng gạo sửa lại đai áo. Ngọc Hân tiếp tục nhìn trừng trừng cho tới lúc Chỉnh phải quày quả bỏ ra. Ngọn gió luồn từ cánh cửa Chỉnh không khép thổi lùa thốc qua gian phòng. Những lá thế kỳ, cườm hoa mừng chiến thắng Tây Sơn diệt Trịnh treo khắp nhà như cung Vạn Thọ đang có lễ tang. Khuôn mặt Ngọc Hân vẫn tím xanh vì giận dữ. Nếp vải xổ ở ngực áo như còn bày năm dấu tay Chỉnh in trên mình nàng. Ý nghĩ căm ghét quan lính Tây Sơn càng tăng trong đầu Ngọc Hân. Đến lúc nắng xếch qua riềm cửa, rọi lòe khóm trúc trồng ở chậu đồng, Ngọc Hân mới bỏ vào trong, nhưng bàn tay Chỉnh cũng đã theo nàng vào khuê phòng.

Suốt trưa đó, Ngọc Hân bứt rứt, khó chịu, ý nghĩ có mối thù chưa trả làm nàng như đứng trên giàn hỏa. Đến chiều, bức bối không sao chịu nổi, Ngọc Hân sai thị tỳ cùng nô tài khiêng kiệu đưa nàng ra cửa Tuyên Vũ xem bêu xác Trịnh Khải. Tất cả những uất ức của Ngọc Hân như được trút ra khi trông thấy thủ cấp nhà Chúa. Đầu mắc một nơi, xác phanh một góc. Cả xác của Nguyễn Noảm gia thần Trịnh Khải và Đỗ Thế Long bị quy phản dìm chết ở sông Phú Lương cũng được vớt về căng lên cho mọi người làm gương. Ngọc Hân nhìn ngắm chăm chăm từng nét mặt của Trịnh Khải, từ cặp mắt trợn ngược, nốt ruồi dư mà lúc sinh tiền Khải thường hay vân vê, đến lỗ dao sâu hoắm ở cổ họng và những sợi gân còn vướng mắc đong đưa lòng thòng bên dưới. Ngọc Hân cảm thấy hả dạ, cúi xuống lần lần khăn san cầm ở tay ra vẻ xúc động, nhưng kỳ thực là để che nụ cười thỏa mãn, cực sung sướng. Lần đầu tiên nàng khám phá ra hiệu quả của những xác chết có thể giải bày mọi uất ức trong người mình. Ngọc Hân lấy móng tay vẽ mơ màng lên khăn tay. Hai gã nô tài đợi lâu, dợm chân định đưa kiệu về, Ngọc Hân đã ngửng phắt lên bắt ngừng, để nàng được dịp ngắm Trịnh Khải cho thỏa thích. Nhưng lần này ở chỗ móc xác Trịnh Khải, Ngọc Hân mường tượng ra thủ cấp của Chỉnh.

*

Đám cưới của Huệ sau chiến thắng vang dội được xem là một ngày trọng thể. Trong phủ Chúa, binh lính Tây Sơn tạm đóng đại bản doanh, người con rể của Thăng Long đi lại với tất cả dáng vẻ của một con hổ sau bữa tiệc hoãng. Huệ ở thời kỳ này đã khác xa Huệ của Thị Nại, hay Huệ của

Phú Xuân. Trong phủ Chúa, chốn sang trọng lộng lẫy nhất Thăng Long, từng mảng da beo lớn trải làm thảm lót chân, Huệ đi lại trên đó và khạc nhổ cũng trên đó. Những tấm khiên lớn bằng đồng bóng loáng soi khuôn mặt Huệ đỏ sần lên vì rượu. Tả đô đốc Vũ Văn Nhậm nhắc:

- Sắp tới giờ, Thượng Công nên đi rước dâu.

Huệ đang dùng đoản đao bổ đôi quả cau, quẹt vôi rồi ăn sống, buông đao, ngửng lên nhìn Nhậm. Huệ thấy Nhậm y như lời Chỉnh thường rỉ tai: Vũ Văn Nhậm hữu dõng vô mưu, đầu óc trống trải, tựa một cánh đồng khô, không hoa, không lúa. Huệ gắt:

- Ta dẫn mấy vạn quân ra đây, đánh một trận dẹp yên thiên hạ. lão già họ Lê, dòng họ, ngai vàng lão thuộc về ta như trâu bò, đất đai, người ngợm của Bắc Hà. Việc gì phải đi đón! Đem con nộp thì ta lấy!

Chỉnh từ nảy ngồi ở ghế trường kỷ, không ngớt rót rượu cho Huệ, nghe Nhậm bị mắng, khẽ nhếch môi nhưng không cười. Chỉnh vươn tay bẻ một nụ vạn thọ cắm vàng hoe trong lọ độc bình.

- Ý của Tả đô đốc là muốn Thượng Công giữ tiếng. Bề ngoài mình vẫn mang danh nghĩa phù Lê. Sá gì cái chức Nguyên Súy, Dực Chính Phù Vận Uy Quốc Công. Ngai vàng của Hiển Tông, Thượng Công muốn ngồi lúc nào bọn tôi cũng kéo sẵn!

Mấy lời của Chỉnh làm đẹp lòng Huệ. Đang bẳn gắt, Huệ trở ra vui. Lại dùng đoản đao chém cổ bầu rượu. Hiểu lòng Huệ như Chỉnh, thiên hạ không có mấy người, kể cả Ngô Thì Nhậm sau này khi Huệ ra Bắc lần thứ nhì thu phục được. Vui vẻ nên Huệ trở nên hào phóng, trở lại trướng ngồi. Sau lưng Huệ là một tấm cờ đào to bản vẽ chính giữa một chữ "Tâm" thật lớn. Huệ vẫn hãnh diện về cách đãi người của mình, không "Dũng", không "Mưu", nhưng chính cái "Tâm" mà Huệ tự nhận là thiên tài lớn. Quân Tây Sơn đi đến đâu, Huệ cấm không được tơ hào, nhưng dân các vùng phải nuôi ăn và cúng góp. Huệ sai Nhậm:

- Thằng Chỉnh nói hợp ý ta. Ngươi xuất kho hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai chục tấm đoạn mang sang cung Vạn Thọ, nói là của ta thí cho!

- Lễ vật cầu hôn của Thượng Công dâng lên Hiển Tông.

Chỉnh chữa lại.

Nhậm từ nãy nóng bừng mặt vì mấy lời bàn của Chỉnh, nhưng vốn chậm chạp, còn lúng túng chưa kiếm được cách "phóng trả lao", thì Huệ đã giục:

- Thằng chết bầm! Còn đứng đó!

Nhậm vội vã cúi chào lảnh mệnh đi. Nhậm đi khuất, chất hào phóng trong người Huệ cũng nguội đi. Huệ đâm tiếc của, nhưng ngại nói ra mất mặt trước bề tôi, đành hỏi vờ:

- Ta xuất kho nhiều như thế? Liệu đủ chăng?

- Thấm vào đâu!

Chỉnh vẫn vân vê nụ vạn thọ, trả lời. Những cánh vàng mềm mềm áp trong tay Chỉnh vụt nhớ tới Ngọc hân, nhớ sắc đẹp mê hồn mà sắc sảo, Chỉnh lỡ đụng vào đứt tay, vết thương không khép miệng. Tự nhiên Chỉnh ghen tức với Huệ, vò nát nụ vạn thọ, mỉa:

- Dân Bắc Hà chăm cúng góp. Thượng Công muốn bao nhiêu trong kho cũng có!

Nhưng Huệ không hiểu thâm ý, mãn nguyện ngả người lên bệ Chúa. Cuối tháng sáu, tiết trời Thăng Long đã chực bước sang tháng bảy nên hầm bức. Huệ cởi hẳn chiến bào nằm duỗi người dang vai như dáng nằm của loài hổ chùi mình trên cỏ trước cơn rượng đực. Chỉnh biết ý Huệ không còn muốn tiếp chuyện, lẳng lặng bỏ về. Những cánh vạn thọ còn dính ở kẻ tay khiến lòng Chỉnh bâng khuâng, vừa tiếc Ngọc Hân, nửa giận Huệ. Mưu phản ngấm ngầm từ lúc đó.

*

Đêm hợp cẩn của Ngọc Hân, mưa xé qua rèm trướng phủ Chúa. Tất cả hầm bức của ban ngày nổ tung xuống nóc lầu Từ Các. Trước đây là chỗ riêng của Trịnh Cán. Tiếng sấm dậy vạch chớp những đường dài loè rực nơi ô cửa. Tâm thần Ngọc Hân dao động theo dông bão trộn lẫn những bối rối lo lắng tìm cách khuất phục Huệ. Nằm một mình trên chiếc giường của Trịnh Cán, Ngọc Hân không ngớt nghĩ ngợi tới những người con gái đã vào nằm trong lòng giường này. Từ thời Trịnh Tùng Bình An Vương đến Tôn Đô Vương là Trịnh Cán, tính ra tất cả chín đời Chúa, hai trăm mười ba năm ròng rã. Bao nhiêu người con gái tan xương nát thịt dưới mình Chúa? Bây giờ tới phiên Ngọc Hân. Nếu không là Huệ, thì trước sau nàng cũng phải thất thân với Trịnh Khải. Trước sau Ngọc Hân cũng phải trao thân cho kẻ nắm quyền ở Bắc Hà, như cánh cửa ải phải đi qua. Việc quan trọng là sau khi qua ải, phải làm thế nào để khôi phục vương triều Lê. Ngọc Hân cắn môi, day trở một lúc rồi không nằm được nữa, những kèo cột *chống rường* và *thượng lương* chống đỡ nóc lầu như cứ muốn ngã vật đè lên đầu nàng. Ngọc Hân bực bỏ ngồi dậy, xoay mặt vào vách đợi Huệ.

Đêm khuya lắm. Tiếng trống kéo dài thỏng thượt chạy xoáy qua khắp hành lang. Huệ vẫn còn ngồi uống với bọn Chỉnh, Nhậm. Uống theo kiểu Tây Sơn, từng cối, từng thau, khi uống vục mặt vào chậu cho ướt hết tóc tai. Rượu là thứ rượu đế của làng Vân ngoại thành Thăng Long cay xè lưỡi, nhưng xuống đến cổ thì ngọt lừ hương vị của men rượu hạ thổ như đưa hết âm khí của đất Bắc Hà vào mình, khiến bao nhiêu nước trong người Huệ theo mồ hôi xuất hạn đầm đìa, như muốn dành chỗ để chứa rượu. Uống đến thau chót, Nhậm đã say lắm, nhưng còn sực nhớ điều gì, khuyên Huệ:

- Lầu Tử Các ngày xưa là chỗ ở của Trịnh Cán, làm Chúa chưa đầy hai tháng thì bị truất, Thượng Công hợp cẩn ở đó không nên!

- Thượng Công oai vũ uy dũng, cho sống thì sống, bắt chết phải chết,

cớ sao phải sợ?

Chỉnh ngà say, nhưng cũng cất giọng, theo thói tật hể Nhậm bàn điều gì thì Chỉnh phải bác đi. Huệ lừ lừ dốc hết thau rượu, rồi đứng lên, hai ngọn lửa trong mắt vẫn không suy suyễn, rượu chỉ làm sức cháy phừng lên mãnh liệt hơn.

- Đạo làm tướng không biết sợ! Chỉ có mệnh trời mới hại được ta!

Huệ tiện tay lật bàn. Chỉnh và Nhậm ngã chúi xuống nền nhà. Nhậm nhầm cơn, ói mửa tung toé. Chỉnh vừa lấy tay lau mặt, vừa gạt chém đĩa thau chậu quanh mình, nhìn Huệ hậm hực cố gượng dậy. Song Huệ đã lừng lững bỏ đi. Ánh đèn lồng treo ở *xà thượng*, về khuya vắt lên lưng Huệ những vằn vệt của cột mái trông như tấm lưng hổ đi kiếm mồi.

*

Lúc Huệ dẫm chân lên thang lầu Tử Các, mùi xạ hương tẩm trong chăn gối bỗng tan mất nhường cho hơi rượu nồng nặc. Chưa trông thấy, nhưng Ngọc Hân biết ngay Huệ đến. Nàng xoay mặt đợi, hơi nép vào tấm màn thêu quanh giường. Đã chuẩn bị sẵn, nhưng lúc Huệ đẩy cánh cửa gỗ nặng nề chạm long ly qui phượng, rồi giật mạnh tấm màn gấm che ngoài, Ngọc Hân cũng thót người sợ hãi. Tia lửa lập loè từ mắt Huệ cháy rờn rợn như muốn đốt nàng. Huệ quả như lời đồn đãi, vai to bè hơi vai tê giác, mặt vuông ván gỗ. Huệ cất tiếng nói. Giọng ồ ề vỡ ra như tiếng thác đổ vào giữa khuya. Huệ nói gì, Ngọc Hân không hiểu, hơi rượu ngập ngụa kèm theo chữ mất chữ còn phát ra từ thân hình quá đẫy đà chỉ chực đổ xuống. Giọng vỡ của Huệ làm Ngọc Hân nhớ tới lời đồn, trước đây giọng Huệ thanh, từ khi kéo quân qua Rạch Gầm đánh quân Xiêm tự nhiên mất giọng, tiếng bể như tiếng rạch nước đổ xuống trũng sâu. Dân đã bảo là điềm trời không thuận cho Huệ diệt Nguyễn Ánh. Ngọc Hân níu lấy vải mền, bao nhiêu quả quyết như tan vụn trước mặt Huệ. Nhưng Ngọc Hân không muốn bị khuất phục, không muốn Huệ cưỡng chiếm mình như cưỡng chiếm dinh thự, trâu bò của Bắc Hà. Nàng nhìn trừng trừng Huệ. Cái nhìn của con thú sắp bị cắt tiết. Cái nhìn của Ngọc Hân có thể làm chùn tay Chỉnh, nhưng với Huệ - uy-vũ-dũng - cái nhìn chỉ làm cho Huệ đang say bỗng sôi gan. Huệ chụp lấy ngực áo cưới của Ngọc Hân xé toạc. Bằng hàng động của con mãnh thú, Huệ xô ngã sấp Ngọc Hân ra giường, tháo dây đai quật xối xả lên tấm lưng mảnh dẻ tưởng như giải lụa bạch đang oằm mình chịu đòn. Huệ quất như thúc voi, thúc ngựa, tiếng roi đánh chát chúa toé lửa vun vút cuồng nộ. Rồi không kềm chế được, như Nguyễn Nhạc ngày xưa mất tự chủ trước da thịt mời gọi của Phú Xuân, Huệ đè ngửa lên biểu tượng trinh trắng của Thăng Long. Những bắp cơ Huệ còn nhớp nháp mồ hôi quấn lấy mình Ngọc Hân đang nghiến chặt răng chịu đựng. Huệ vục gáy xuống ngực Ngọc Hân cắn như xé thịt. Dáng

đè của Huệ, hai đùi chống xuống giường, mình trần phủ lên người Ngọc Hân y như dáng hổ đang ngạm hoẵng. Đến lúc Huệ bắt Ngọc Hân co hai đầu gối, thì nàng quá đau đớn không dằn được, bật tiếng kêu nấc trong đêm tối. Huệ nghe tiếng nấc, khoái cảm càng tăng lên như những lúc chứng kiến hành quyết. Đao phủ Tây Sơn xử trảm bằng cách chém ngửa nghịch nhân, mả tấu phập xuống tiếng thét của tội đồ bị đứt ngang ở cuống họng chỉ phát ra được tiếng nấc khô. Tiếng nấc khô của Ngọc Hân lúc nảy.

Mùi mỡ trong đèn chai cháy èo uột ngọn lửa lúc tối lúc sáng, căn phòng của Trịnh Cán đóng xong vai trò lịch sử rơi chìm vào giấc ngủ đẫm mùi rượu đế của Huệ. Cơn dông chùng xuống sau gần suốt đêm quất qua lầu Tử Các. Những hột mưa gai sắc như muốn trổ mái bắn xuống mình Ngọc Hân ẩm ướt, tủi hổ. Lúc cơn mưa tạnh hẳn, bóng trăng bắt đầu lấp ló, chạy ngang trên trục *xà hạ*, thì Ngọc Hân không còn thấy đau đớn, chỉ trông rõ xác Huệ bị bêu ở cửa Tuyên Vũ. Thói đời phong kiến, nợ máu phải trả bằng máu. Ngọc Hân chấm tay vào giọt máu còn rỉ ở bụng mình, đưa lên môi, máu của họ Lê phải trả bằng máu của Tây Sơn.

*

Lúc tôi ra Thăng Long, tiết trời tháng bảy nặng nề lắm. Những cánh lá bàng to như xác trâu mọng, rụng ì ạch xuống kinh thành đã cũ mục, dậy mùi cũ kỹ, từ triều đại đến máu huyết. Huệ đợi tôi ở phủ Chúa. Huệ hơi ngượng, tia mắt dữ dội của Huệ nhìn lên tấm vải cờ đào vẽ chữ "Tâm". Nhưng rồi như nhận ra chữ "Tâm" không đúng với lối hành xử của mình, Huệ lại nhìn xuống ngón chân bị dập từ thuở thiếu thời, máu bầm làm đen móng. Trong thiên hạ, có lẽ chỉ mình tôi được hưởng ân huệ cho nhìn thẳng mặt Huệ. Và cũng chỉ mình tôi là Huệ không dám hành xử chữ "Tâm", dùng ngọn lửa của đôi mắt để đốt. Huệ sai Nhậm lấy rượu ra uống. Tôi cùng uống thố rượu mời của Huệ. Giống như thời ở Qui Nhơn, hết thố này qua thố khác, hết chậu này sang chậu khác, bao giờ Huệ cũng say trước tôi. Tôi được trời phú cho khả năng ngậm rượu. Rượu tôi uống vào, bao nhiêu cũng chảy sang mình Huệ. Uống một lát, rồi Huệ quát đuổi Nhậm và Chỉnh ra. Phủ Chúa lộng lẫy mà lạnh lẽo sự lẻ loi cô độc của Huệ. Tôi nhắc chuyện Nhạc ở Qui Nhơn không bằng lòng việc Huệ ra Bắc. Thái Đức sắp kéo binh ra. Nhưng Huệ thờ ơ lắm, không để tâm, hay không xem Nhạc ra gì. Nhìn mấy bông vạn thọ cắm vụng về trong lọ, tôi hỏi Huệ:

- Phủ Nguyên Suý sao chưng thứ bông quê mùa này? Đất Bắc Hà không thiếu hoa đẹp, hồng gai, phong lan, thủy tiên, hoa loa đỏ...

- Ta không biết thưởng hoa!

Huệ lắc đầu, chán chường đáp. Rồi không dằn được, trong vật vả của cơn say, Huệ kể hằng đêm phải lôi Ngọc Hân ra đánh mới thỏa mãn. Khuôn

mặt Huệ lúc đó đau khổ lắm. Huệ lại kể hôm giữa tháng bảy, "con heo già" mất, Hoàng Tôn Lê Duy Kỳ lên ở ngôi. Ý Huệ không thuận, bởi Huệ muốn ngồi trên ngôi báu đó, nhưng lòng dân chưa ngã ngũ. Lễ Thành Phục Huệ đưa Ngọc Hân về lảnh tang, trước linh sàn Hiển Tông, Huệ nóng nảy sai Nhậm chém một viên Tả Phiên triều Lê, chỉ bởi hắn dám cười cách đọc điếu văn của Huệ. Lúc chém: Nhậm cầm dao chém ngửa, máu bắn cả vào ỷ Hiển Tông đặt trên linh sàn nơi cửa Đông. Thủ cấp Huệ sai bỏ trên mâm bạc đặt lên áo quan vua làm kinh động khắp thành. Thân nhân người có tội hay biết, chạy đến cửa cung kêu khóc, Huệ cũng sai chém. Tính ra lúc động quan chém cả thảy mười bảy người. Càng kể, hai mắt Huệ càng ngầu đỏ vẩn đục. Huệ ngồi trên một chiếc rương to, hai người ôm không hết. Như muốn cởi hết tâm sự lòng, Huệ đứng dậy, chậm rãi mở rương, bên trong chồng chất từng xấp *phướng*. Từ trong chiếc rương hòm như bốc lên cả một khối chì chiết. Lá phướng dài dằng dặc chép đen nghịt tên tuổi những người Huệ đã đích thân sai chém. Có đến cả trăm, nghìn tên, đó là chưa kể những người do quan lính Tây Sơn tự ý giết. Huệ lần giở, lá phướng di chuyển rơi thỏng xuống rương, đến phần phướng trắng, Huệ dừng lại. Cả mình mẩy tôi đều rợn lên vì ở phần phướng còn trống, Huệ đã nối sẵn, dài gấp năm sáu lần lá phướng đã chép. Và cái tên cuối cùng được ghi sẵn là hai chữ rắn rỏi: Nguyễn Nhạc!

Không khí trong phủ Chúa lúc đó nặng nề u uẩn không sao thở được. Người tôi khô đi vì sợ. Tấm bản đồ Huệ cho vẽ treo cạnh đầu hổ, phía Tây vẽ hết biên giới Tiêm La, phía Bắc lên hết vùng Lưỡng Quảng, còn phía Nam qua khỏi Vĩnh Trấn chấm biển. Gió đẩy tấm bản đồ lắc lơ, như nhắc nhủ những tham vọng của Huệ. Những tham vọng đã vượt xa ngày đầu tiên lên Phú Xuân. Lúc đó Huệ chỉ nghĩ tới Nam, Bắc Hà, bây giờ ngọn lửa trong đôi mắt Huệ cháy lan đến những vùng khác. Nơi nào có đất, có người, thì coi như của Huệ. Huệ đã thay đổi, chỉ có Nguyễn Nhạc còn bằng lòng mãi với chiếc ngai của Nguyễn Vương. Lần ở phủ Chúa, là lần duy nhất Huệ thố lộ tâm sự với tôi nhiều như vậy. Ở đầm Thị Nại Huệ chỉ mở miệng một hai câu, phơi cả lòng mình cất trong rương là quá nhiều. Nên Huệ trở ngay lại với tính bẳn gắt. Khạc nhổ, lầm bầm chửi rủa, đóng mạnh rương, rồi trở ra bàn gục mặt vào thau rượu. Huệ uống tới lúc ngủ quên trong thau. Tôi đỡ Huệ dậy, dìu đặt nằm trên bệ Chúa. Từng cánh vạn thọ vàng rụng rây rắc xuống lồng ngực Huệ, thở đều đặn nhịp sống của đất nước. Buổi trưa xác xao đến độ buồn tẻ, tiếng ngựa hí, tiếng trống dồn binh không có, vắng lặng tẻ nhạt, chỉ lâu lâu mới có tiếng quân cờ Chỉnh và Nhậm đang đánh, đập lẻ tẻ ngoài mặt phản.

Tôi đứng một mình một lúc không biết làm gì,lần ra Bắc này gặp Huệ sao tôi không được vui, lòng cứ phân vân vì những biến chuyển nội tại đang

xảy ra. Tên Nhạc chép trên lá phướng như một vết dao cắt ruột. Lương tri tôi khổ sở nghĩ ngợi, bỏ mặc Huệ hành xử chữ "Tâm" với Nhạc sẽ là vết nhơ muôn đời. Nghĩ tới lui không được kế gì, tôi đành bỏ ra xem Chỉnh và Nhậm đánh cờ.

Thế cờ của Chỉnh sáng lắm, linh hoạt, xảo quyệt, quyền biến. Đôi mã giao chân xấn xổ tạt bên hữu, nhảy bên tả, áp đảo Nhậm trông thấy. Ở ngoài nhìn thì Nhậm có vẻ lúng túng, xoay trở chập chạp. Công không ồ ạt, chỉ lo thủ, xây đắp tường thành, bẫy Tượng, nghễnh Sĩ. Chẳng mấy chốc Chỉnh đã xua hết quân sang sông. Cống Chỉnh đánh cờ bằng phong thái tự tin của mình ngày xưa đi thi Hương Cống, tin ở tài biện luận xuất chúng, trước sau thì Chỉnh cũng đỗ. Nhưng đánh càng lâu, thế cờ càng đổi khác. Nhậm nếu chậm chạp, nhưng một khi đã làm xong hết những công việc chậm chạp của mình thì trở thành một pháo đài kiên cố. Quân Nhậm còn đủ Sĩ Tượng, năm Chốt giàn đồng, hai Pháo Thần Công, trong lúc Chỉnh chỉ còn độc mỗi một mình một ngựa. Chỉnh lùi mã về Bắc, hy vọng cố thủ, nhưng cung vua đã mất hết Sĩ Tượng, thế trận của Chỉnh trống trải, toang hoác Nhậm muốn vào ra lúc nào tùy ý. Kết cuộc ván cờ không có gì lạ, Nhậm kiêu hãnh trong lúc Chỉnh bực bội.

Tôi đứng im theo dõi, muốn bàn với Chỉnh, Nhậm khuyên Huệ đừng giết Nhạc. Song nhìn khuôn mặt họ, cằm nhọn lưỡi cày của Chỉnh, vai u thịt bắp nồn nận ở Nhậm, tôi hiểu họ không có giá trị gì với Huệ. Cái người khuyên Huệ đãi chữ "Tâm" đích thực với Nhạc, chỉ có thể là tôi, vào lúc thời cơ thuận tiện nhất.

Chỉnh và Nhậm còn đang tranh cãi, Chỉnh đòi bày lại cờ, Nhậm dứt khoát tuyên bố mình đã thắng Chỉnh, cờ soái về tay, cả hai không ngờ Huệ đã thức giấc từ lúc nào. Lúc Huệ đưa tay chụp bắt quân Tướng của Nhậm, cả bọn mới đực ra rồi vội vã cúi chào. Vẻ mặt Huệ lúc đó, không còn biểu hiện thành thật nào nữa, Huệ đã ra khỏi trạng thái tâm sự với tôi lúc nảy, trở lại nguyên vẹn vai trò Chúa Tây Sơn.

- Đất Đại Việt chỉ có một chủ!

Huệ quát bằng giọng Rạch Gầm, bốn ngón cái và trỏ bẻ đôi quân tướng của Nhậm.

*

Đêm ở phủ Chúa, Huệ bước chân lên lầu Tử Các, lòng âm ỉ cơn say. Sống với Huệ hơn ba tháng, Ngọc Hân đã biết những thói quen chung chạ của Huệ. Thứ thói quen của chứng bệnh thường thấy đi kèm với bệnh cuồng sát. Lẳng lặng, tự nguyện, không đợi Huệ bắt, nàng cởi xiêm áo đến quỳ trước chân giường. Cái liếc mắt của Ngọc Hân ném về phía Huệ sắc đến nổi gai. Huệ lấy roi, không phải dây đai của đêm hợp cẩn, mà là thứ roi gai của

quản tượng dùng quất voi khi lâm trận. Ngọc Hân uốn lưng đợi, tóc xỏa chảy xuống nền đá, không trang sức, không cả chiếc vòng kiềng cổ truyền của con gái Bắc Hà, chỉ một dấu thẹo đỏ do sắt nung ở vai. Vết thẹo đã lên da non nhưng đoán được dấu tỉ ấn của Huệ. Hai ba tấm màn gấm dụ buông quanh chỗ Ngọc Hân quỳ, Huệ tiến tới một bước, hai bước, rồi vung tay quất. Đầu roi vút tiếng rít như rạch rách tấm màn gấm. Ngọc Hân oằn người bấu cứng lấy trụ giường. Huệ đã say máu, những chấm máu li ti tím bầm nổi trên lưng Ngọc Hân trông như vệt ong đốt, hay những giọt mực son rỏ lên vũng sữa. Huệ vung tay tới tấp.

Khác với đêm hợp cẩn, Ngọc Hân rên rỉ, oằn oại kêu rất lớn. Nhưng nếu Ngọc Hân đau đớn, thì nỗi đau đớn đầy đắc thắng. Huệ quất roi như một kẻ suốt đời hành nghề tra tấn, không được đánh người thì không biết phải làn gì. Huệ bị ràng buộc vào người đàn bà mà mãi mãi từ đây, hằng đêm Huệ phải tìm đến. Khuôn mặt Huệ toát ra vẻ mãn nguyện, thỏa mãn. Huệ chỉ buông roi khi Ngọc Hân đã ngã khụy dưới chân giường. Cảnh giao hoan của Huệ với Ngọc Hân, cũng không còn là cảnh cưỡng bức ban đầu, nếu dáng ngồi đè của Huệ vẫn in dáng hổ nhai mồi, thì hai cườm tay Ngọc Hân đã quấn chặt lấy cổ Huệ, và trên lưng Huệ đầy những vết cào của một con sư tử cái.

*

Tôi chơi với Hân từ thuở bé. Từ thuở Hân còn ưa chơi ô quan trong sân cung Vạn Thọ. Bao giờ tôi cũng về phe Hân. Vua Lê có hai mươi mốt vị công chúa, họ thường nhiếc tôi là cái đuôi của Hân. Tôi với Hân như đôi bạn, chẳng vậy mà ngày xuất giá, Hân chỉ mang theo mình tôi để hầu cận, người nhũ mẫu nuôi Hân từ thuở lọt lòng, Hân cũng không thiết. Hân mặc bộ áo lụa có thêu bông cúc, thân áo mềm như cuống hoa hải đường chỉ nở một lần rồi chết. Tôi lấy thau nước cho Hân rửa mặt. Nhìn khuôn mặt đẹp, mà nét mày não nùng, tôi không khỏi xúc động. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao người xưa nói: *hôn nhân, điền thổ, vạn cố chi thù!* Đất đai ở Bắc Hà này là của họ Lê, Hân tin như mấy đời nhà Lê tin vào mệnh trời, thế nước có hưng thì cũng có suy, nhưng bản mệnh họ Lê là trị vì trăm họ. Hân lấy gương lược chải lại tóc, lúc cong tay búi tó, Hân chợt chú ý chỗ ống tay áo mình lấm mực. Hân thõng tay nghĩ ngợi, rồi quay phắt lại hỏi tôi:

- Bài phú hôm nọ còn giữ không?

- Bẩm còn.

- Đưa đây!

Hân hơi gắt, mỗi lần mưu tính một chuyện gì, Hân thường trở nên nóng nảy. Tôi hấp tấp chạy tìm lục trong số rương hòm vật dụng của Hân mang theo sang phủ Chúa. Mấy chiếc hài đính cườm, dăm cây quạt bông, một tập

Chinh Phụ Ngâm ép ở giữa là bài phú. Hân sai tôi lấy bút, mài mực ra liễn. Hân đọc suốt lại 164 câu thơ, rồi chữa, bỏnhững đoạn mừng Tây Sơn vào Thăng Long, vẫn giữ nguyên những đoạn kể chiến công, chỉ thêm thắt chữa lại cho bài phú trở thành một bài văn tế Huệ. Hân bảo tôi đè giấy, để mình ghi tựa. Ba chữ "Ai Tư Vãn" sắc như dao khắc trên mặt gỗ. Nhẩm đi nhẩm lại, Hân nói với tôi vẫn câu *"Mà nay áo vải cờ đào"* là hay hơn cả. Không nói ra, nhưng nhìn đôi môi khinh bỉ, tôi hiểu Hân muốn ám chỉ ba anh em Huệ xuất thân dân dã, đầu đường xó chợ nhờ vận may mà có quyền bính, chứ không thuộc dòng quý tộc vương đế chính thống lâu đời như Hân. Âm hưởng của bài tế não lòng làm tôi rợn.

- Phu nhân viết chi những lời ai oán, Thượng Công đã mệnh một đâu?

- Rồi sẽ mệnh một! Viết sẵn sau này có dịp dùng!

Hân đập mạnh tay xuống mặt bàn, rồi như sực nhớ ra điều gì, cầm lại bút, nhúng mực nắn nót đề ở cuối bài tế ba chữ: Lê Ngọc Hân. Hình như Hân do dự một giây rồi mới hạ bút quả quyết thêm vào hai chữ: Công Chúa. Không phải Nguyên Súy phu nhân, nhưng mãi mãi là Công Chúa Lê Ngọc Hâm, không bao giờ là người của Tây Sơn. Làm xong bài tế, Hân có vẻ vui thích lắm. Ánh mắt long lanh như buổi trưa cùng tôi đứng ở Nghênh Phong Lầu nhìn xuống sân phủ, đám vệ sĩ của Huệ loay hoay trui nướng cóc. Mùi cóc nướng, mùi thịt ướp sả, khói than, mồ hôi, da thịt trai tráng nồng nặc cả bao lơn. Trong bọn có gã vệ sĩ riêng của Huệ, người đen như cột đình, to lớn, kềnh càng chẳng khác một con khổng tượng. Gã vệ sĩ "cột đình" nắm hai chân cóc sau xé toạt nhai nhồm nhoàng, vừa ăn vừa lấy đoản côn đánh thùng thùng vào tấm khiên lớn đeo ở vai. Tấm thớt lưng săn chắc hung đỏ như thứ đồng dùng đúc lư, tưởng đứng đâu là chôn vững vàng xuống mặt đất vậy mà bất ngờ đổ kềnh, ngả nhào chúi sấp người đập mặt vào bếp lửa. Cái "cột đình" dẫy lên, hai tay co giật, hai chân đạp đạp như đôi chân của loài ếch. Gã trợn ngược mắt, xủi bọt ở mép rồi đứng tròng. Cả đám lính xô vội vỉ cóc đang nướng chảy mỡ, rùng rùng kéo chạy. Quang cảnh diễn ra thật gấp, Hân bấm mạnh tay tôi như khám phá ra điều gì. MIếng mật cóc đắng gã "cột đình" ăn phải, không ngờ ám ảnh Hân. Khi rỗi ngồi một mình, Hân thường ấp tay lên tay tôi, nhắc lại chuyện mật cóc ấy. Con khổng tượng, con thú lớn nhất của loài thú cũng có thể bị giết bởi thứ mật của con vật bé nhỏ nhất.

Tôi kéo tay Hân, rủ ra ngoài bao lơn. Lầu Tử Các vắng lặng, trống trải, từng lớp bụi bay mờ trong nắng. Lá trúc rắc đầy bực tam cấp. Hân ngồi xuống bên cạnh tôi, lúc nảy sắc sảo linh hoạt bao nhiêu, bây giờ thẩn thờ như mất hồn. Hân sống như người bệnh trí từ hôm về ở với Huệ. Đêm đêm chứng kiến cảnh Hân chịu đòn, tâm thần tôi cũng tan nát. Tôi thân thiết với Hân như hai chị em song sinh, cùng cha, cùng mẹ, cùng một nỗi lòng con

gái mới lớn, kê vai lảnh trọng trách trung hưng nhà Lê chẳng khác đội đá vá trời. Ngày mai Thái Đức đưa quân vào thành, rồi Huệ chuyển quân về Nam. Từ nhỏ tôi với Hân chưa bao giờ rời Thăng Long một bước, giờ phải xa kinh thành, qua xứ Nghệ hiểm trở để ra Phú Xuân. *Đường vô xứ Nghệ quanh co...* Tôi chắc lưỡi. Gió thổi phất những ngọn tóc mai của Hân bay sẽ như sợi chỉ loảng. Màu hoa loa đỏ treo ở chậu bình bao lơn, cũng thẩn thờ đỏ như màu gấc ở đĩa xôi cúng vua Lê đặt ngoài hiên đã nguội khói. Mắt Hân nhìn về phía cung Vạn Thọ xa vắng, Hân bất chợt hỏi:

- Nguyễn vong, Trịnh mạt, Tây Sơn diệt thì thiên hạ chỉ còn cách phù Lê, phải không?

Hân lấy chân du di tới lui trên mặt tam cấp, hỏi lại: Có phải không? Tôi siết tay Hân. Những đường gân xanh đã lờ mờ nổi lên trên bàn tay mảnh khảnh, những đường gân của nặng nhọc tinh thần.

- Huệ này! Thằng Nhậm có ý đồ riêng, thằng Chỉnh không ngay thẳng, hắn lại trêu tôi, tìm cớ mà giết đi để trừ họa!

Hân nhìn tôi đăm đăm, như đang nói chuyện với Huệ. Giọng trong trẻo tỉnh táo quá độ và ánh mắt khô ráo làm tôi hoảng:

- Phu nhân! Tôi đây mà!

- Láo! Vua băng sao không quỳ xuống!

Hân lồng lên. Nhưng rồi lại đổ rũ người ra khóc nấc nở. Nhục cha chưa trả, đã nhục con. Tang lễ vua Hiển Tông, tôi cùng nằm với Hân trên đất, cho Đô Tùy khiêng linh cửu dẫm lên như một nghĩa cử trả ơn cuối cùng. Huệ thì đứng dõng dạc, ngạo mạn, người ngựa lồng lộng cờ đào như diễn tập. Họ Lê đã mạt thật rồi.

Chính sử của mỗi triều chép mỗi khác. Sau này tôi vẫn tự hỏi: những âm mưu của Ngọc Hân là đáng thương hay đáng tội? Chép trong chính sử Tây Sơn thì đáng tội. Xét theo sử triều Lê thì đáng phục. Nhưng sống trong một đất nước chỉ biết lấy chữ "Sát" làm chuẩn thì mới thật đáng thương.

Mấy lá trúc vàng, rây rắc gió cuốn rụng xuống Thăng Long xao xác hơn bao giờ.

TRẦN VŨ

20/1/92

Phỏng theo:
Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác, An Tiêm.
Việt Sử Toàn Thư, Phạm Văn Sơn, tủ sách Sử Học.
Lịch Sử Nội Chiến Ở Việt Nam, Tạ Chí Đại Trường, An Tiêm.

TRẦN MỘNG TÚ

trở về

Buổi chiều
ngã xấp xuống thành phố
Bóng tối
rủ nhau uống nốt
giọt mặt trời
Quay kính xe lên
hồn buông tiếng động
Trong không gian
nghe được nỗi lẻ loi

Hàng cây
gội đầu trong vũng màu
xám đục
Dẫy núi
trên kia u uẩn
một vệt mờ
Ngọn đèn đường
ngước mắt nhìn
đỏ quạch
Xe lái người vào
một cõi
hư vô
Đêm
nghiêng ngả đầu
lên vai thành phố
Dòng sông
hoang mang
như một giấc mơ
Mắt đăm đăm
Tay ôm ghì
bánh lái
Lao thẳng cuộc đời
vào
một bài thơ

TRẦN MỘNG TÚ

NGUYỄN BẢN

hành hương giữa hai bờ lau cháy

** Kính tặng hương hồn Bà*

Lâu lắm tôi mới lại về thăm làng. Làng với biết bao kỷ niệm ấu thơ, những huyền thoại thời chống Pháp, với mồ mả ông bà, cha mẹ, đền miếu, đình chùa, nhiều lúc vẫn làm tôi da diết nhớ mong, mặc dầu trong thực tế, tôi đã có một quê hương khác. Đó là thị xã này, nơi tôi dạy học, bước chân ra ngõ là gặp học trò. Học trò đang chức, học trò đã về hưu, và dĩ nhiên tôi cũng đã về hưu tại đó.

Sau khi cha tôi mất, vì anh em mỗi người công tác một nơi, tôi đã bán nhà ở làng quê chia cho các em, mỗi người một ít. Đôi lúc cảm thấy như bị mất quê hương. Làng bây giờ là của những người giàu, của lớp trẻ buôn bán không biết kiềng luật pháp, không biết gợn lương tâm. Một người làng, rẽ vào thăm tôi, không hẳn phàn nàn, không hẳn khoe khoang: tháng, tháng những chỗ khóc cười, cũng dăm ba chục nghìn. Còn anh Toại thì bảo: chú không về là phải, mình nghèo, ganh đua sao được với họ, ông giáo Miến đấy, bây giờ ngồi chợ bán kem. Cán bộ, đảng viên hưu trí cỡ tuổi mình thì số đề, chắn, bạc ngày đêm, chú về, chơi bời với ai, tâm sự với ai?

Đang nghĩ về anh Toại thì gặp anh cạnh đình.

- Kìa chú, lâu lắm mới thấy về, ra nhà tôi đi.

Tôi về làng, không mấy khi ra chơi anh, định lần này thăm mấy người bên nội trước, ra nhà anh sau. Nhà anh ngay đầu làng, lúc đi cũng tiện. Nhưng thôi, tiện gặp anh, ra nhà anh trước.

Đi bên anh, tôi ừ ào trả lời cho qua chuyện, không cưỡng nổi nhớ lại những việc diễn ra trong đời anh mấy chục năm qua. Trong mấy chục năm ấy, mỗi lần về thăm làng, không mấy khi không được nghe chuyện về anh.

Chuyện anh đập bàn, quát nhau với chủ nhiệm Thăng về lên phương án

ăn chia. Chuyện anh bị gạt khỏi chân kế toán trưởng, gạt khỏi chỉ huy vì không chịu chi những khoản chi bừa bãi và khách khứa tùm lum, không chịu để lại quỹ riêng. Tiếp đó, liên miên những vụ anh đi kiện. Kiện Đỗ Văn Thăng lấy thợ nề hợp tác xã đi xây nhà cho chủ tịch huyện, vẫn chấm công hợp tác. Kiện phó chủ tịch Sảng ăn bớt gỗ, làm nhà riêng, trong khi phụ trách tu bổ đình chùa. Kiện ba bốn người cùng một lúc, rồi kiện cả tập đoàn tham ô. Cũng có vụ, có đứa bị khiển trách nội bộ, phải trả công cho quỹ, nhưng rút cục anh thua, vì hầu hết các vụ bị lờ đi, bao che, xúy xóa. Và thua đau nhất ở chỗ chủ nhiệm Thăng chẳng những không việc gì, còn lên chủ tịch, lên bí thư. Phó chủ tịch Sảng thì lên chủ tịch.

Vì vậy anh bị khai trừ ra khỏi Đảng. Lần ấy vừa về đến nhà, mấy người bên nội cười, bảo tôi:

- Tuần trước ông không về xem ông Toại giương biểu ngữ ngoài đình.

- Thế à, biểu ngữ viết gì, mà nhân chuyện gì?

- Cụ Việt bí thư tỉnh báo là sẽ về thăm làng. Ông ấy viết: "Đả đảo chủ tịch Nguyễn Văn Sảng, hối lộ, tham nhủng!"

- Sau thế nào?

- Mấy ông ấy cuống lên. Mấy tay trẻ hung hăng: trói, nhốt nó lại. Mấy tay già khôn hơn: nhỡ nó bố trí vợ con, đón xe, kêu khóc thì sao. Rồi họ ra điều đình hứa giải quyết một số yêu sách của ông ấy...

Đang miên man nhớ lại những chuyện về anh, thỉnh thoảng lại giật mình tránh những chiếc xe cup lui tới trên đường, chúng tôi đã đến ngõ nhà anh lúc nào không biết.

Vẫn ngôi nhà cổ bốn gian, ba gian ngoài, một gian buồng, bàn thờ, đỉnh đồng, cây nến, những bức ảnh thờ, chiếc đồng hồ treo tường cũ kỹ dễ tới sáu mươi năm, mọi thứ vẫn gần nguyên như cũ, lần nào cũng vẫn giống lần nào, gợi nhớ bao nhiêu kỷ niệm.

Đang súc ấm pha chè, như chợt nhớ ra điều gì, anh lại tủ đứng, lấy ra một tập giấy, rồi rút ra một tấm ảnh cỡ 6 X 9 đã ố vàng, ảnh bà ngoại chúng tôi.

- Anh tìm thấy ở đâu đấy?

- Tháng trước xuống Nam, thấy ở nhà cô Uyên (con dì út chúng tôi), tôi mượn về truyền thần một bức.

Tôi mân mê chiếc ảnh và ngắm nhìn bà tôi. Hình như cho tới hôm nay, tôi mới để ý đến những nét buồn thăm thẳm trong đôi mắt của bà, còn đôi môi hơi mím lại, khẽ nhếch lên, lại ra chiều giễu cợt. Giễu cợt tôi ư, hay giễu cợt anh Toại, hay cả hai chúng tôi, sinh ký tử quy, bà về rồi, nên coi tất cả mọi chuyện đều là phù phiếm thôi ư?

- Hàng năm anh có ra thăm mộ bà không?

- Có chứ. Tết năm nào lại không tảo mộ.

- Hay ta ra thăm mộ bà một tí đi.

- Chú thích ra thì ra.

Mộ bà tôi nằm trên bãi tha ma gần thửa ruộng nhỏ có bốn tháp sư, một chiếc to và ba chiếc nhỏ. Tôi cắm hương lên mộ bà, lòng băn khoăn về nỗi ngày xưa hình như có nhiều tháp sư hơn. Khói hương từ mộ bà tỏa lên man mác, và quấn quít quanh tôi bao nhiêu kỷ niệm xưa cũ.

Chúng tôi về theo lối cầu Giả, con đường cách đây bốn mươi bốn năm, một đêm tối trời, chúng tôi rủ nhau đi nghe Việt Minh nói chuyện.

- Trắng đi, đen bỏ, anh còn nhớ không?

Anh Toại đăm chiêu:

- Nhớ chứ, nhưng ngày ấy xa lắm rồi.

*

Ngày ấy xa lắm rồi. Về nhà, đêm đó tôi trằn trọc mãi không sao ngủ được. Bao nhiêu kỷ niệm lần lượt trỗi dậy trong ký ức tôi. Mẹ tôi mất sớm. Cha tôi đưa võng ru tôi: cha xót phận tuổi già sức yếu, lỡ sa cơ đành chịu bó tay... Ông nội tôi kể chuyện những đêm Tôn Thất Thuyết kéo quân về đóng ở làng. Cha tôi nói với riêng tôi: ông nội lúc ấy có giúp đỡ phong trào Cần Vương. Người chồng trước bà dì ghẻ của tôi phụ trách xứ ủy Bắc kỳ trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Bà kể ông ấy bị bắt và tự tử trong nhà tù Vinh. Tất cả những điều ấy phải chăng đã đẩy tôi tới hành động rất ngây thơ, rất đơn giản, rất cuồng nhiệt hôm sau ngày Nhật đảo chánh Pháp.

Hôm ấy thầy giáo đến lớp phổ biến: "Pháp đã bị lật đổ. Việt Nam đã độc lập!". Cả lớp reo lên. Tôi cũng reo lên và bất ngờ nhảy phắt lên bàn, với tay xé đôi tấm bản đồ nước Pháp bằng các-tông dày, treo cạnh bàn tôi. Thầy giáo trố mắt nhìn. Các bạn ngơ ngác nhìn tôi. Tôi cũng ngơ ngác không biết làm gì thêm nữa. Về nhà anh Toại mắng tôi: "mầy ngu lắm, độc lập giả hiệu. Bọn Đại Việt thân Nhật đấy!"

Một hôm sau đó, anh Toại ghé tai tôi: "Tối nay, đi nghe Việt Minh nói chuyện không?" Người nói chuyện là một thanh niên. Sau này đầu năm 1950, đến công tác ở trung ương Đoàn thanh niên cứu quốc, tôi lại gặp người ấy trong cương vị ủy viên thường vụ. Tối đó trời mưa to. Lúc về, đường đầy hố nước, không trăng mà chỉ có sao thưa thớt. Anh Toại đi trước, thăm dò. Trắng đi, đen bỏ, rồi lại trắng bỏ, đen đi. Cả anh và tôi, không ai nói ra, nhưng trong lòng đều nghĩ mình đang dò dẫm tìm con đường đưa đến cuộc đời nhẹ vơi nước mắt. Màu hố nước, màu đường, lúc đen, lúc trắng, lúc lúc lại đổi thay. Trắng đi, đen bỏ, cũng có lúc nhầm, sụt hố, ướt bẩn hết quần áo. Hai anh em vừa đi vừa khúc khích cười.

Rồi những ngày đầu cách mạng, hai anh em vừa bới xơ nhộng ăn, vừa tranh cãi nhau ở nhà bà. Thời thế tạo anh hùng hay anh hùng tạo thời thế. Những mệnh đề biện chứng thô thiển: con gà và quả trứng. Hạt thóc và cây lúa. Con gà phủ định quả trứng. Quả trứng lại phủ định con gà...

Những buổi chiều cùng nhau đi kẻ khẩu hiệu đến quên ăn. Những khẩu hiệu cỡ to ở má đường tàu ven đường một, bằng tiếng Anh, tiếng Pháp: Đả đảo bọn phản động Pháp, Việt Nam độc lập muôn năm. Nước Việt Nam của người Việt Nam!...

Tuần lễ vàng, tôi sung sướng khi thấy cha mình giục bà dì ghẻ đem đôi hoa và cái nhẫn ra ủng hộ. "Vàng, rồi tiền cũng sẽ không còn nữa!" Cha tôi mắng, "Thằng này mới lạ, vàng đã đành, nhưng tiền không có, mua bán, chi tiêu bằng gì". Vàng đã đành... Cha tôi cũng vậy, đâu phải chỉ mình tôi ngây thơ.

Rồi anh Toại ra đi. Rồi bà tôi khóc. Bà lo cho anh không có tiền. Anh đi bộ đội bao giờ nhỉ? Phải rồi, mùa thu năm 1946, vào lúc xe tăng cơ giới Pháp ầm ầm tiến theo đường một, chiếm đóng trái phép Lạng Sơn, khởi đầu âm mưu gây hấn toàn quốc. Anh ấy ra đi lặng lẽ, không một bức thư để lại. Bà tôi đến khóc với tôi:

- Nhân ơi, thằng Toại nó đi rồi!

- Anh ấy đi là phải chứ sao mà bà phải khóc. Cháu thiếu mấy tuổi, không cháu cũng đi.

- Ừ, cứ đi hết đi! Mẹ mày, mẹ nó đều bỏ bà mà đi, bây giờ chúng mày lại bỏ đi hết đi. Giá nó đi, nó cũng nói chuyện qua với bà.

- Nói với bà, bà lại khóc, đi thế nào được.

- Bà khóc, nhưng bà còn cho nó được một ít tiền.

- Bà đừng lo, thời bây giờ không cần tiền lắm đâu.

- Không có tiền, lúc đói, lúc khát ăn uống bằng gì?

Và bà lại khóc. Không khóc sao được. Bà góa chồng từ năm 22 tuổi. Ở vậy nuôi ba con gái (mẹ anh Toại, mẹ tôi, và dì Cử có cửa hàng tạp hóa ở Nam Định). Bà thương tôi hơn, vì mẹ tôi mất, tôi mới năm tuổi. Anh Toại mất mẹ khi đã mười sáu tuổi. Nhưng bà quý anh hơn vì anh thuần nết không hay nghịch ngợm ở những nơi đình miếu như tôi.

Hai anh em tôi quấn quít quanh bà, xem tằm ăn rỗi, xem bà kéo kén, khúc khích tranh nhau bới những búi xơ nhộng, đậm, bùi, còn nghi ngút nóng. Hình ảnh bà sung sướng, đôi mắt hồn nhiên như đôi mắt trẻ thơ, khoe với anh em tôi những bó tơ vàng óng. "Tơ năm nay của bà đẹp nhất làng!"

Ôi bao nhiêu kỷ niệm. Những ngày Tết, bà bắt theo bà đi lễ chùa, bà chỉ bắt mình tôi thôi, chứ không bắt anh Toại. Sau này tôi mới hiểu, có lẽ vì tôi hay nghịch ngợm, bà sợ mẹ tôi ở bên kia sẽ mang thêm tội thay con. Tôi

theo bà tôi hành lễ trong chùa. Ông thiện, ông ác, ông mắt xanh, nanh vàng, ông nhịn ăn mà mặc, ông nhịn mặc mà ăn, thế giới chúng sinh muôn hình muôn vẻ mà Phật tổ nhìn xuống xót thương, đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn giàu tưởng tượng thơ trẻ của tôi. Nhưng tôi thường trốn bà ra nơi những tháp sư, trong lòng trỗi dậy một ham muốn mạnh mẽ, muốn cậy hết những lớp rêu mới cũ, muốn lặn hẳn vào tận bên trong, muốn tậm mắt nhìn thấy những thánh cốt mà tôi vẫn tưởng tượng sẽ phải trong suốt nhưu pha lê, nhẹ như hơi sương, phảng phất mùi hoa dại và chỉ để nói: "Thưa thánh sư, mẹ con ở đâu?"

Ôi những thánh cốt siêu thế, siêu phàm suốt đời ám ảnh tôi, mặc dầu sau này tôi đã được học nhiều, đọc nhiều, từng trải, đã gạt ra trong cuộc sống hàng ngày, trong kinh nghiệm, trong ước mơ bao nhiêu giả tưởng, nhưng riêng cái giả tưởng này, tôi vẫn muốn giữ nguyên, không động đến, không tô thêm, có lẽ vì nó gắn liền với câu hỏi: "Thưa thánh sư, mẹ con ở đâu?"

Tản cư kháng chiến, bà tôi sống với chị Thi, em gái anh Toại. Chồng chị, học dở tú tài phần I, đi công tác, ốm chết. Mình chị và đứa con gái chưa đầy một tuổi. Bà cháu, cụ cháu cõng nhau đi chạy giặc, ba người đàn bà côi cút che chở cho nhau trong bom đạn. Cái con bé, sao bấy giờ nó quấy thế. Tôi phàn nàn điều đó với bà. Bà tôi bảo: Nó còn khổ hơn con, nó mồ côi chưa đầy một tuổi. Lần nào tôi mắng, bà cũng ôm lấy nó: "Thôi cụ thương, cụ thương, để cụ đánh cậu. Chừa này, mắng cháu này". Vậy mà bây giờ nếu còn nó đã học hết phổ thông trung học.

Về phần tôi, lúc đầu nhất định ở lại tham gia dân quân, đêm đêm canh gác bảo vệ làng. Sau đó mấy tháng, trong một trận giặc tấn công, riêng du kích làng tôi đã chết mất mười hai người. Cha tôi về tận nơi bắt tôi ra vùng kháng chiến học tiếp.

Năm 1949, tôi đang học chuyên khoa thì có sắc lệnh chuẩn bị tổng phản công. Cuối năm lớp tôi gần như bị giải thể, người đi bộ đội, người đi công tác. Tôi cũng xin đi công tác.

Mùa hè năm 1950, trên đường công tác, tôi bị cảm nặng ở dọc đường. Lại bà tôi biết tin đầu tiên, lóc cóc đi bộ hơn ba chục cây số đến với tôi đầu tiên. Năm ấy bà đã ngót bảy mươi thì phải.

Đời tôi không ít những cuộc gặp gỡ bất ngờ. Ví như cuộc gặp gỡ ở trung ương đoàn với người cán bộ Việt minh nói chuyện đêm mưa, trắng đi đen bỏ. Ví như cuộc gặp gỡ cuối năm 1951, ở hang đá Bắc Sơn với người yêu đầu tiên. Sau này khi cô ấy có chồng, có con, còn tâm sự với tôi: Ngay hôm đầu gặp anh, em đã thấy những mối giao cảm lạ kỳ, những rung động đầu tiên của người con gái đến tuổi biết yêu. Rồi đến cái đêm trăng, anh ra phố Bắc Sơn tiễn đoàn em sang bên ấy trước, anh bắt tay em, rất lâu, rất lạ và em đinh

ninh tình yêu đã đến...

Nhưng cuộc gặp gỡ bất ngờ nhất, sâu lắng nhất là cuộc gặp gỡ với bà tôi mùa hè 1953. Hôm ấy, con đường từ bờ Đậu lên Đu không một bóng người, trời nắng như đổ lửa, sáng hay chiều, tôi không nhớ nữa. Có lẽ thời gian đã vô nghĩa trước không gian. Những bờ lau hai bên đường hầm hập một vài chỗ bị đốt hay tự bốc cháy, những vạt ruộng hẹp thấp thoáng, nước sủi bọt, rừng hai bên như bốc hơi, mồ hôi tôi ướt đẫm ba lô và sau lưng áo. Một bóng người, một người đàn bà, một cụ già từ xa đi lại.

- Trời ơi, bà! Bà đi đâu thế này?

- Bà đi tìm thằng Toại, con đi đâu?

- Cháu đi chỉnh huấn, bà tìm anh ấy ở đâu? Có gặp anh ấy không?

- Bà tìm ở chợ Chu, bà không gặp.

- Khổ quá, bà biết đâu mà đi tìm, tuổi tác thế này.

Tôi nói và chỉ muốn gắt lên với bà. Bỗng nhiên tôi cảm thấy giận anh Toại, sao anh không năng viết thư về cho bà, để bà khỏi nhớ, khỏi mong.

- Người ta bảo nó đóng quân ở chợ Chu, bà nhớ nó quá, là bà đi, nhưng bà không thấy.

- Bà từ đâu bà đi?

- Bà vẫn ở với chị Thi con ở Ấp Nồi, thầy con đã chuyển sang bên chợ Rừng Cò, ở đấy còn buôn bán được, còn mọi người đều đã hồi cư.

- Trời ơi, từ Ấp Nồi mà đi, hơn một trăm cây số, chúng cháu nay đây mai đó, biết đâu mà tìm, mà bé bỏng gì nữa. Lần sau bà đừng có đi như thế. Thôi bà về đi, không nắng quá.

- Ừ bà về, con cũng đi cho khỏi nắng.

Nói rồi bà lần túi áo trong, lấy ra một nắm tiền đưa cho tôi. Tôi giẫy nẩy, nhất định không chịu cầm.

-Con cầm lấy cho bà khỏi tủi. Bà đi tìm thằng Toại không gặp, lại được gặp con, thế là bà mừng rồi.

Bà nói thế, còn làm sao được nữa. Tiền đối với cán bộ kháng chiến, bao nhiêu chả tốt. Đôi dép lốp, cái mũ, có khi chả đủ tiền mua. Nhưng tôi cầm mà lòng thắt lại. Một quán nhỏ hẻo lánh bên đường ở chỗ Ấp Nồi, một nồi bánh đúc riêu, mấy bát chè đỗ đen, vài lọ kẹo, một bao thuốc lá, một nồi chè tươi, vừa trông đứa chắt ngoại mồ côi, vừa bán quà cho khách qua đường. Đủ ăn là tốt. Cầm những đồng tiền này, lòng tôi xôn xao rối bời.

- Bà về nhé.

- Vâng bà về.

Nắng quá, không đủ sức để bà cháu tôi bịn rịn. Tôi chào, tiền vẫn nắm chặt trong tay, đứng nhìn theo cho đến khi bà tôi khuất dần sau những bụi lau. Mỗi bước chân bà như vọng lại trong lòng tôi một tiếng chuông chùa.

Lá lau xào xạc, cọ vào nhau, mùi lau cháy, ngọt và thơm như mùi mía nướng. Nắm tiền này như cũng tỏa mùi thơm. Tôi từ từ xòe bàn tay ra. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam. Có cái gì ở đấy nữa không. Tay tôi run run. Những tờ bạc phập phồng. Những đồng tiền này cũng được gắn một trái tim chăng? Tôi nắm chắc lại và cho vào túi ngực.

Tôi đi ngược lại những dấu chân bà, từ những dấu chân ấy, từng lúc, từng lúc vẫn tỏa lên mùi mía nướng. Những dấu chân ấy, tôi nhắm mắt lại, hình như từ những bậc chùa đi xuống, ngôi chùa chót vót trên đỉnh núi cao. Từ đó đến với tôi hình ảnh bà, trở thành hình ảnh một bà già hành hương. Đường hành hương là con đường hai bên có những bờ lau cháy, thơm ngọt, da diết và chan chứa yêu thương.

Tôi bước vào chỉnh huấn với lòng nhiệt thành sẵn có, lại thêm bao nhiêu xúc động về cuộc gặp gỡ kỳ lạ với bà.

Học xong ra về, nắm tiền bà cho đã hết, nhưng tư tưởng mới, đầy ắp hành trang. Về tỉnh, tôi tự nguyện xin đi công tác cơ sở, xâm nhập thực tế, ba cùng với nông dân để củng cố thêm lập trường quan điểm.

Tôi xuống công tác Bản Dù, một bản người Tày, ven chân núi, ở nhà ông Ài, một bần nông. Ăn chung, đắp chung chăn sui, cùng đi nương, đi rẫy. Nhà nghèo thật, khổ thật, vợ chết, mấy đứa con bụng ỏng da vàng ạch.

- Ông Ài này, con trâu nhà ông đâu?

- Kia kìa, con trâu trắng ấy.

Con trâu trắng, gầy trơ xương, hai cái sừng khoằm lại như ép vào hai bên đầu, đôi mắt toét đỏ, nhèm những dử. Nó vật vờ một góc núi tách khỏi đàn trâu mộng béo căng. Nhớ đến đây, tôi bỗng giật mình: sao đôi mắt nó giống mắt anh Toại đến thế?

- Tư tư lư!

- Tiếng chim gì vậy ông Ài?

- Không biết chim gì, đêm nào nó cũng kêu.

Đêm đêm, tiếng "tư tư lư" vọng từ rừng xuống nghe thật buồn thảm. Tư tư lư, tiếng than thở cho những số phận bi đát của những kiếp nông dân nghèo khó bị phong kiến đế quốc bóc lột tàn khốc? Một người nghèo chết thảm thương đã biến thành chim và cất tiếng kêu than? Hồi đó tôi còn trẻ, tôi thật giàu tưởng tượng, tôi đã ghi nhật ký như thế.

Đi thực tế về, tôi không nhận được thư của người yêu gởi từ Trung Quốc nữa. Chấm dứt mối tình đầu. Về sau, khi đã có chồng, có con, cô tâm sự với tôi: bên ấy bọn em cũng chỉnh huấn. Người ta bắt em cắt đứt, người ta bảo gia đình anh địa chủ tư sản. Em hoang mang quá, chẳng biết làm thế nào nữa. Thư từ bị kiểm duyệt, chẳng gởi nổi. Thư anh sang cũng chẳng đến tay em. Kiểm duyệt bỏ hết. Người ta giới thiệu người này, người khác. Có

lúc em tức lên, nói bừa: "Tôi có chồng rồi!"

- Tư tư lư! Tư tư lư!

Sao mày chỉ kêu về đêm?

*

Hòa bình lập lại, cuối năm 1954 đầu năm 1955 Tết âm lịch năm đó, các cháu bà tụ họp đông đủ. Nhà tôi chỉ còn lại một bãi gạch ngói hoang tàn, một cây trúc đào lẻ loi rụng hoa trước gió. Nhà anh Toại còn nguyên. Còn nhà bà, một quả bom to đã biến thành chiếc ao sâu, xanh rờn bèo tấm. Nhưng bà không buồn, bà mừng:

- Trời Phật phù hộ, mẹ các con phù hộ, các con nguyên vẹn, thế là bà mừng lắm rồi.

Rồi bà cười:

- Chỉ có anh Toại là không may một tí.

Ý bà muốn nói vết thương đùi anh, nhưng chính bà đang ngắm nhìn kiêu hãnh về anh với bộ quân phục và khẩu súng ngắn anh đeo.

Tôi về ăn Tết, thi đỗ vào đại học. Vĩnh biệt rừng núi với bao nhiêu kỷ niệm. Vĩnh biệt những bờ lau. Vĩnh biệt tiếng chim rừng tư tư lư khắc khoải.

Anh Toại nghe theo lời bà, lấy vợ, mấy năm sau phục viên.

Giữa năm, ta tiếp quản Hải Phòng và cuộc cách mạng "long trời lở đất" như báo chí vẫn gọi lan tới quê tôi. Phải mấy tháng sau, tôi mới biết bà mình bị quy địa chủ vì có những sáu sào ruộng tư mà chỉ thuê mướn, chứ không tự cày bừa, cấy hái!

Bảy mươi ba tuổi, bảy năm tản cư kháng chiến, hai năm sau cuộc hành hương giữa những bờ lau cháy, năm mươi hai năm ở goá chăn lợn, trồng dâu nuôi tằm, kéo tơ, lễ chùa... Tôi chưa biết sẽ làm gì được cho bà, hãy cứ đạp xe về quê, rồi muốn ra sao thì ra. Tôi vốn ghét mê tín dị đoan, nhưng mọi sự lại cứ như được an bài trước. Vòng trầm luân nào ghê gớm đến thế này? Trời cũng nắng dữ dội, đường cũng vắng người đi. Lại đúng bà tôi. Người đàn bà đen đủi, gầy rộc, quần áo rách, nón rách. Mới qua mấy tháng, một bà già hành hương đã trở thành một bà già hành khất. Tôi gặp bà tôi như thế ngoài gốc sấu đầu làng.

- Bà!

- Nhân đấy ư?

- Bà đi đâu bây giờ?

- Bà đi bắt cua.

Lần này, đến lượt tôi dốc túi, lấy hết cả tiền chẳng biết được bao nhiêu nữa nhưng chắc chắn không nhiều, nghẹn ngào đưa cho bà.

- Cho bà xin.

- Bà đừng đi bắt cua nữa.

- Không bắt cua, lấy gì mua gạo ăn?

- Bây giờ bà ở đâu?

- Bà ở dưới bếp nhà "ông" Toại.

Đến đây, hình như bà mới chợt nhớ ra hình như địa chủ phải gọi nông dân, bất kể lớn bé, kể cả con cháu bằng ông bà.

- Hôm này cháu sẽ đến nhà anh Toại.

- Thôi, cháu đừng đến kẻo lại dây dưa, khổ cháu.

Nói đến dây dưa, bỗng nhiên bà hốt hoảng nhìn quanh rồi giục tôi:

- Thôi cháu đi đi, bà đi đây!

- Vâng, bà đi.

Tôi cố ghìm để khỏi khóc. Tôi không thích an ủi suông. Mà còn thứ an ủi nào có thể làm vơi nhẹ nỗi đắng cay này. Tôi không dám tự hứa gì, mà tự hứa thế nào mới được chứ. Cuộc cách mạng long trời lở đất kia mà! Tôi nhìn theo bà cho tới khi bà vượt qua đường tàu khuất hẳn. Đúng đoạn đường tàu mà hai anh em tôi chín năm về trước, mang vôi ra kẻ: Việt Nam độc lập muôn năm. Không về nhà nữa, tôi đạp xe quay lại Hà Nội.

Tư tư lư!

Tiếng chim rừng đã tưởng cùng nhau vĩnh biệt, nay lại thỉnh thoảng vọng về, khắc khoải trong những giấc mơ.

Nửa năm sau, bà được sửa sai, xuống trung nông. Tài sản chả có gì bị thu giữ nên cũng chẳng có gì phải trả lại. Nhà đã thành hố bom. Tiền đã vung vãi hết cho cháu này, cháu khác trong tản cư kháng chiến. Sau đó bà bán cái hố bom được ít tiền sống với anh Toại, trông nom con cái cho vợ chồng anh. Rồi bà xuống trông nom con cái cho em gái tôi, công tác dưới Nam Định. Mấy năm sau, sức đã tàn, bà trở về với anh Toại để được chết ở quê hương. Bà đã tám mươi tư tuổi. Tôi mang về biếu bà một túm nhãn lồng. Ông chú chồng dì Cử tôi bảo:

- Chết, anh đừng cho bà ăn, bà bỉnh ra đấy.

Nhưng bà hau háu cầm túm nhãn. Bà không muốn chia cho ai nữa. Bà đã đội cầu dâng hương hành lễ, ban phát suốt đời, chẳng lẽ không được quyền để lại một vài bãi hay sao?

Và bà tôi đã ra đi.

Tôi mệt quá ngủ thiếp đi. Tôi mơ thấy mình bé lại và theo bà đi lối ngõ Lăng ra chùa. Lại vẫn thế giới chúng sinh như ngày xưa. Những ông nhịn ăn mà mặc, những ông nhịn mặc mà ăn. Ông Thiện, ông Ác, ông mặt xanh nanh vàng, các vị kim cương, bồ tát, nhiều ông đổi chỗ cho nhau, ông này sang bên phải, ông kia sang trái. Bà tôi đang đầm đìa nước mắt trước tòa sen của

đức Như Lai. "Thưa Phật tổ, đời con sao khổ thế, con đã hết lòng chịu đựng, tu nhân tích đức, chỉ mong trút trả gánh nợ cho nghiệp chướng, con đâu dám mơ tưởng tới cõi niết bàn."

Tôi buồn bã bỏ đi lang thang ra những tháp sư. Tôi đến gần ngôi tháp to, ngôi tháp to ra đến gần mộ bà tôi. Tôi đi vòng quanh, đi mãi rời rã cả đôi chân. Tới một chỗ, từ lưng chừng tháp hiện ra một khoảng trống như một cử động mông lung ánh trăng huyền ảo. Tôi cậy dần những lớp rêu cũ, mới để trèo cho khỏi ngã, rồi trèo lên, chui vào, lòng sung sướng và hồi hộp. Đâu rồi cái thánh cốt trong như pha lê, nhẹ tựa như sương? Tôi căng mắt ra sờ soạng. Nhưng sao thế này, tay tôi nắm phải những búi xơ nhộng còn nghi ngút nóng. Chân tôi dẫm vào những tàn than vẫn đôi lúc lập lòe của một bờ lau cháy. Mùi xơ nhộng đậm và bùi. Mùi mía nướng ngọt thơm hòa quyện với nhau. Tôi đang bâng khuâng, bỗng nghe có tiếng người. Tôi giật mình quay lại. Anh Toại nhoẻn miệng cười. Chúng tôi lại giành tranh xơ nhộng của nhau, khúc khích... Tôi kêu lên và giật mình tỉnh dậy.

Biết sẽ không ngủ tiếp được, tôi mở cửa ra ngồi ngoài sân trời. Nhiều đêm, chợt tỉnh dậy, tôi thường ra ngồi như thế ngắm sao. Cái gác nhỏ này đây, tiền bán nhà ở làng quê mà cha tôi đã nhịn ăn, cố giữ cho tôi, cũng may tôi còn một phần bằng vàng, bán dần nuôi con ăn học, và tiêu thêm cho nhu cầu bản thân ngoài số lương hưu. "Không cần vàng, mà tiền rồi cũng không cần nữa!" Ôi ngây thơ biết bao! Cái ngây thơ nếu không có nó đời sẽ nhạt nhẽo biết chừng nào.

Và anh Toại nữa, ngôi nhà cổ bốn gian, đỉnh đồng cây nến, chiếc đồng hồ treo tường cũ kỹ đêm ngày tích tắc điểm bước của thời gian... cũng do ông bà, cha cha mẹ anh để lại. Anh đã góp vào đấy được những gì ngoài cái cặp bản nháp đơn thư khiếu tố đặt trên bàn thờ.

Tại sao đêm hôm ấy, anh lại nghĩ ra được những mệnh đề trắng đi, đen bỏ.

Trắng đi, đen bỏ. Trắng bỏ, đen đi, vẫn một con đường, vẫn những hố nước, nhưng màu đường, màu hố còn tùy sự che phủ của những đám mây lúc hình thú, lúc hình người, tùy ánh sắc của sao trời.

Lại đã tháng tám rồi. Sương xuống nhiều. Trời đã sang thu.

Trên trời, một ngôi sao đổi ngôi, hai ngôi sao đổi ngôi, những ngôi sao băng qua, lóe sáng, rồi vụt tắt trong bầu trời.

Đêm đã qua. Hương lúa ban mai từ đồng ruộng ngoài kia bay vào, ngào ngạt quanh tôi. Những cây lúa đã ra đòng, đã trổ bông. Hạt thóc đang phủ định cây lúa.

Nhưng cái gì phủ định tiền?

Cái gì làm cho ta ngây thơ, một sự ngây thơ không thể nào từ bỏ được.

NGUYỄN BẢN

(Trong nước)

LÊ HUY QUANG

chân dung

1.
Mọi thứ tưởng tượng, đều hết linh thiêng
Em là mẩu tin
Quán chè đầu phố
Anh nhặt và anh nghe
Từ tay này Anh chuyển Em sang tay kia.
Anh nói
- Em là con toán bất động sản
Anh giải tìm trong lãng quên.

Em là phin cà phê pha trong đêm
Em nhỏ giọt vào mắt Anh nóng bỏng
Em nhỏ giọt vào tay Anh sóng sánh
Ta nhỏ giọt
            nhỏ giọt
          vào nhau.

2.
Bệnh già đến với Anh sớm lắm Em ơi,
Kết quả bốn mùa lang thang phố
Anh không đội mũ
Phơi tóc khét màu mưa đông, nắng hè
Anh không quyền yêu Em
Em còn sạch quá.

Hai mươi năm sau,
Em làm đàn bà góa
Anh sẽ đến cùng Em
Anh sẽ đến vào đêm
sập cửa
Phần con ta nuôi chung
Không cần đổi họ
Ta ôn ấp mối tình tang:

Anh lang thang Em
Anh xanh xao Em
Anh mini Em

Đêm về
Anh ướt mắt Em.

LÊ HUY QUANG
(Trong nước)

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

đường đi lên trời

Quán ăn nằm dưới mặt đất. Bên lề đường mọc lên cái bảng hiệu không lấy gì làm lớn. Chữ viết nhỏ, màu sơn tối, và nó như không hề muốn phô trương chút nào. Khanh đi hai vòng thì cuối cùng dừng chân ngó thấy nó. Anh cười cho sự kém thông minh của mình rồi bước xuống những bậc cấp hứng đọng nhiều lá vàng. Những xác lá nồng mùi và làm sáng rỡ một khoảng tường vôi xám bẩn.

Khanh thấy Miên ngồi một mình. Quán vắng khách, những ngọn đèn mờ tối, màu đỏ bầm của tấm thảm trải nền cùng với đoạn nhạc Việt từ đâu đó khuất lấp lẻn ra, ập tới tai mắt. Không một mùi thơm, chẳng có thứ tiếng động nào ở sau bếp. Như thảy đều ở giấc ngủ trưa, chưa lay tỉnh. Tóc Miên dài những lọn quăn. Màu đen trông quen thuộc và gây cho Khanh chút an tâm. Nàng có đôi mắt một mí, lạ thường, để muốn nhìn sâu vào đó. Đôi mắt của cổ thi, của thủy mặc và... rất Tàu. Đôi mắt sáng, chẳng bị không khí giấc ngủ trưa của quán làm ríu lại.

- Có dễ dàng như Miên nói không?

Khanh kéo ghế, anh cởi áo khoác móc lên đó. Miên quan sát từng động tác:

- Chỗ này tương đối gần nhất, tiện lợi cho cả hai phía. Miên nói giọng Huế, nhưng thứ Huế đã sớm rời đi lưu lạc. Không còn nước sông Hương và Miên hẳn đã uống nước nhiều giòng sông khác. Sông Sài Gòn, sông Seine, mà hẳn nhiên sông Thames đã chảy vào người nàng một lưu lượng không nhỏ. Thành ra Khanh thấy âm điệu lơ lớ Huế đó có cái gì hơi tồi tội, đáng yêu.

- Cũng không khó lắm, đi loanh quanh mất một giờ chỉ vì ham dòm nhà cửa người ngợm thôi. Chắc làm Miên sốt ruột?

Miên mỉm cười. Nàng ngó xuống đôi bàn tay. Tấm ni-lông rít rát trải bàn, và dưới đó nằm xô lệch ba bốn tờ giấy được đánh máy chữ tên những món ăn, giải khát.

- Mình gọi cái gì ăn rồi hẳn đi. Miên đề nghị.

Khanh ngồi vào ghế, nhìn những ngón tay của Miên hoa lên. Nàng vẫy một người thanh niên ngồi ló đầu khỏi quầy, nơi có những cụm khói thuốc mỏng bay từng đợt dưới chụp đèn vàng cháy một vòng tròn.

- Ở bên đó ít thấy có quán nào như quán này.

- Là sao?

- Là tấp nập, ồn ào. Nếu không thì hôm sau đi ngang đã thấy cửa đóng then cài, treo tấm bảng cho thuê.

Miên cười không thành tiếng:

- Cũng chẳng khác gì cả. Nó đang hấp hối và nó sẽ chết vào tuần sau. Đó là lý do vì sao Miên không thể rời đi được.

- Khung cảnh cũng không đến nổi. Địa điểm và món ăn thì chẳng biết sao.

- Cái lỗi lầm khá lớn là vấn đề... nhân hòa. Người mình ở đây vốn không nhiều và sống rải rác. Bên Pháp thì khá hơn. Bà già cản lắm mà ba Miên lại ưa theo chủ nghĩa bành trướng.

Khanh cười theo Miên ở cuối câu nói. Anh đốt một điếu thuốc. Nhờ đốm lửa, có lẽ vậy, khiến người thanh niên mới đứng lên và mang tới bàn cái gạt tàn bằng thủy tinh bóng loáng như chưa hề đựng tàn thuốc lần nào.

Miên nói với Khanh, giọng còn giữ chút đùa cợt:

- Hãy gọi thử một món. Để thấy là chữ thành công đôi khi vin vô một thứ gì thật khó lòng giải thích... Để có sự so sánh khi trở về lại cái xứ tuyết xa xôi đó.

Khanh nhìn xuống thực đơn. Bụng anh no ngang, miệng nhạt nhẽo như khi mới từ máy bay bước xuống đất ở một chuyến bay dài hơn sáu tiếng, xáo trộn giờ giấc giữa hai nơi.

- Mình chỉ xin một cái cà phê.

- Chừng đó thôi? Hãy nhớ là Miên chẳng có một món quà nào khác ngoài những món ăn thôi đó.

- Gặp lại Miên ở đây đã là một món quà bất ngờ rồi. Chẳng thiết chi hơn.

- Thật không? Hãy nhớ nói câu đó cho Huệ nghe. Và xin cho Miên gởi lời xin lỗi.

Chàng thanh niên đã bỏ đi hồi nào Khanh không hay biết. Khi anh thấy lại mặt, thì chàng mặc bộ đồ trắng lốp đó đã cầm trên tay hai cốc cà phê. Hương thơm của nó nồng nàn mùi quen dễ chịu. Nó vô tình làm thứ đầu cầu để dẫn dắt trí tưởng Khanh đi lùi sâu vào chữ nhớ. Nhiều điều bừa bộn lú lấp. Nhiều đổi thay khiến tìm hoài chưa nhìn ra nguyên nhân. Nhưng rõ ràng hơn cả là hình ảnh một đêm có mưa, Khanh đưa Miên về từ một quán cà phê nằm sâu trong thành nội. Nước mưa rủ xuống từ ngọn đèn vàng ấm cúng một nỗi buồn, rơi lạnh trên da mặt và ướt mặn trên bờ môi. Môi Khanh ấp úng chẳng nói được gì. Chiếc áo ni-lông trắng đục của Miên kêu sột soạt ở

mỗi bước đi. Màu trắng liêu trai ấy một mình biến vào khoảng sâu đen tối. Đời sống âm dương đôi đàng đã có thật. Miên đã gởi lời chào cuối và nàng vượt biển bình an. Bức thư gởi đi từ trại tị nạn dặn dò Khanh hãy nên tìm cách vượt biên. Bức thứ hai được gởi đi từ kinh đô của ánh sáng khuyên Khanh nên ở lại và cùng Huệ làm nên một đời sống chồng vợ... Giờ này thì Khanh ngồi đây, mọi lời của Miên anh cố thực hiện nghe theo nhưng, như Miên vừa nói, sự thành bại thảy đều vin vào một cái gì huyền hoặc khó giải thích. Đưa đẩy, đưa đẩy như đang trôi ở dòng sông nhiều nước cuốn. Nước cuốn Khanh, như đã vừa xô giạt Huệ...

- Cà phê thì chắc là không ngon rồi. Ở đây họ sính uống trà, đi làm ở ngoài có mấy phút giải lao được gọi là tea-time... Hãy giải lao, rồi Miên dắt đi một vòng thành phố.

Khi xuống tới phi trường Heathrow, Khanh đã mua một tấm bản đồ "In and around London" với lời chỉ dẫn khá tường tận. Những tuyến đường Underground gồm 10 lines dẫn đi cùng khắp. Khanh theo đó, rạo rực chen chân trên đường Oxford; chẳng dằn lòng được, đi lộn xuống hướng sông Thames để nhìn tận một Big Ben cổ kính với mờ ảo mặt đồng hồ lớn trong buổi chiều nhiều sương mù bủa vây. Khanh đi ngược lên Buckingham Palace, chui vào Burger King nằm gần trạm tàu điện ngầm Piccadilly và dùng điện thoại để gọi được Miên sau một vòng thám thính sơ khởi chóng mỏi mệt. Những chuyến xe buýt hai tầng màu đỏ ngất ngưỡng chạy qua, trông như loài hươu cao cổ lạ lùng chỉ còn truyền giống ở Anh và một Hồng Kông đang dần dà từ bỏ thuộc địa. Những chiếc Taxi màu đen rộng rãi chỗ ngồi mường tượng như cổ xe ngựa của Sherlock Holmes. Lần điện thoại ấy, Miên hỏi: Bên ấy mấy giờ rồi? Khanh nói giờ của Luân Đôn, nói tên đường, địa điểm đang đứng và đón nghe một tiếng hả thật lớn dội đi vui thú trong lỗ tai. Cái tiếng reo ấy hàm chứa một ngờ vực không thể tin được. Tuy thế, ăn xong khẩu phần nhạt nhẽo ở quán thì Miên xuất hiện. Con mắt một mí nheo lại như người họa sĩ thường nhìn ngắm một vật thể muốn vẽ lấy để sau đó là một khoảng cách xa hun hút được thu ngắn lại, gần gũi đến ấm cúng ở vòng tay ôm cảm động chẳng thể giữ gìn ý tứ. Chữ trời được sử dụng nhiều nhất và chẳng có thứ chữ nào diễn tả đầy đủ bằng nó. Trời ơi, trời ơi!!!

Hai đứa ngồi đâu mặt nhau trên tàu điện ngầm từ Green Park trôi về West Hampstead theo tuyến Jubilee. Chuyến tàu vun vút gởi đi những tiếng động đều đặn, nó làm người này ngó kẻ khác bằng sự chòng chành của thân xác và bên trong là một nỗi niềm rung động cố giấu kín. Nhà bà con Khanh ở khá xa trung tâm thành phố. Trạm Queensbury. Miên đưa về, nói không hề gì. Nàng vẫn thường đi đêm, một mình. Và phân trần, Miên ghét nhất đời là lái xe. Lại nữa sự ngược ngạo tay phải tay trái ở đây dễ khiến mình mất bình tĩnh. Phân bua thêm, tiếc là không thể đón bạn tới ngủ lại nhà đêm nay... Còn nhiều thời gian để chuyện trò. Tạm biệt.

Chẳng giống lần chia tay cũ. London mù sương buổi tối, mà không

mưa. Áo ấm Miên đang mặc rất sát với thời trang thay cho chiếc áo mưa của một Huế nghèo khó. Khác thêm điều nữa là lần này chính Khanh phải đóng vai người quay lưng lại để bước vào nhà, hành lý trĩu nặng bên vai và ở má còn cất giữ một mùi hương thơm ngát.

*

Miên nâng máy ảnh lên.

- Cười cho mặt mày tươi ra một chút coi.

Giọng nàng khá lớn làm Khanh bỗng ngượng ngập như một đứa bé.

- Sắp gặp lại người xưa rồi, nên vui lên mới phải.

Khanh cố giữ khuôn mặt cho thật bình thản. Những điều Miên nói như có chứa mơ hồ một hậu ý khác. Anh khổ sở nhìn những lọn tóc đổ xuống bên vai của Miên, nhìn ngón tay trỏ có bôi sơn đỏ đặt trên nút bấm, nhìn chữ Pentax và đợi một cái nháy, mở đóng thật mau xảy ra trong ống kính. Mặt Khanh chắc đang ửng đỏ. Anh không mấy ưa chuyện này. Đường phố người đi đông mà anh thì lẻ loi đứng chơ vơ bên lề. Khanh sẽ chịu trận được dài lâu nếu quàng tay qua vai Miên và không đợi ai nhắc, khi ấy "bổn phận" anh là cười rộng miệng ra. Khanh tính nhờ vả một cô gái tóc vàng vừa rảo bước qua, nhưng Miên lại dồn ép anh xê dịch sang một vị trí khác.

- Đứng yên đi. Nhớ đưa cho Huệ xem, bảo là Miên làm phó nhòm đó.

Con đường lót gạch đỏ. Sau lưng Khanh là bức tượng Charlot bằng đồng đen, xa hơn thấy được tấm bích chương quảng cáo cái vở tuồng đang nổi tiếng. Một vòng tròn màu trắng làm dấu chấm trên đầu chữ i, nền xanh đậm và chữ Miss Saigon màu vàng nổi bật nằm chần lên trên. Khanh nghĩ thầm, có lẽ anh sẽ không bao giờ trở thành một diễn viên. Bản tính nhút nhát, ít nói, hay hổ thẹn đã làm anh thất bại nhiều lần ở chính trong cái vai trò anh buộc phải trực diện với đời sống. Và đời sống đó không gì khác hơn là một vở kịch chẳng mấy khi vui, dai dẳng với một màn, đa số là độc thoại.

- Ở đây gần phố Tàu. Lần này thì mình phải nên ăn thực sự một cái gì đó.

Miên nên làm một hướng dẫn viên du lịch thành phố hơn là đứng cuồng chân trông coi một cửa tiệm ế khách. Ra tới đường, Khanh thấy nàng có vẻ linh hoạt hơn, như thiên nhiên là cái gì thật gần gũi và bầu trời rộng trên đầu luôn luôn là điều cần thiết với con người nàng.

- Miên có hạnh phúc không?

- Về chuyện gì?

- Đời sống mà Miên hiện có.

- Vì sao lại hỏi tới điều đó. Làn giấy tờ bảo lãnh Miên sang bên kia ở không dễ dàng đâu.

- Đừng có đùa nữa.

- Muộn hết rồi. Nói thật đó. Giống như mình lỡ đi chơi khuya ở một chốn xa, khi có ý trở về thì mọi ngã đường ở Underground đều đóng cửa, ngừng chạy tuốt luốt. Thấy bất an và hối tiếc... Này, bên đó có Underground không?

- Có chứ. Gọi là métro.

- Cũng y như Paris...

- Chắc vậy. Mọi nơi có lẽ đều tựa nhau, khác biệt ở chỗ phức tạp và đơn giản thôi. Nơi có thật nhiều line chằng chịt nơi đơn sơ một vài đường. Miên hay đi Paris?

- Thỉnh thoảng, năm khi mười họa. Vì cái quán nên một vài bận tháp tùng ông bà già đi qua rồi lộn về.

- Vậy cũng nên được xem là vui thú.

- Không đơn giản như thế đâu. Có một người ghét sự di chuyển của Miên.

Khanh không hỏi thêm. Câu chuyện nên dừng ở đó. Anh nghĩ vậy, đồng thời nhận ra khoảnh trống vừa rớt xuống làm khó chịu. Khanh cố nhớ lại mấy lá thư của Miên gởi. Tình bạn cũ luôn đằm thắm trong những hàng chữ, nhưng lấp ló sau nó là phản ảnh ngược lại một hư hao cố nén giữ không bật ra thành lời. Miên kể, đã lập gia đình. Cách thuật chuyện làm người đọc không nhìn thấy được chút vui thú, xôn xao dự tính, bận rộn với những niềm vui mới lạ mà theo lẽ thường, các cô dâu khác đều hưởng được. Khanh tưởng đó chỉ là một chặng đường ngắn, như lính thì có thời gian huấn nhục vậy, rồi sẽ nguôi ngoai. Không ngờ đã mấy năm Miên vẫn còn nuôi được sự chịu đựng thất thường ấy.

- Còn Khanh? Có tính chưa khi gặp lại Huệ?

- Sẽ viết thư kể cho Miên nghe sau. Ai biết được chuyện ngày mai? Hiện giờ thì đang ở gần Miên và chỉ biết có Miên thôi.

Khanh nói với cả lòng thành thật. Và anh tin Miên biết rõ điều đó.

*

Ngọn đèn đặt ở trên quầy mở sáng suốt đêm. Miên đã phủ lên cái khăn quàng cổ của nàng, nên thứ màu sắc mà nó hắt xuống không còn làm chói mắt như ban đầu. Nó dịu dàng và ngầm đồng lõa với mọi thứ yên lặng vây quanh. Cái máy sưởi điện được mở ở số lớn, đẩy tới luồn hơi ấm chờn vờn quanh chỗ nằm. Tấm tapis có bốn cái khăn trải bàn đắp chồng lên. Mùi xà phòng còn váng vất ở đó và mùi thuốc gội đầu có trong tóc Miên làm Khanh ngây ngất.

- Miên còn nhớ chiếc lá vàng nhặt ở vườn Lục Xâm Bảo không?

- Nhớ. Dạo ấy có những việc làm trông ngây ngô, vụng dại.

Khanh thì thầm. Đó là điều đáng yêu, nó đã ăn rễ trong tâm tưởng anh và biến thành kỷ niệm khó rứt bỏ.

- Nó có vẻ xa rời thực tế. Gởi cho Khanh một tấm ngân phiếu thì đẹp hơn.

Khanh nằm yên. Giọng nói Miên thoảng qua tai, nhẹ hẫng. Có cách gì để mang về bên kia trái đất thứ tiếng nói dịu dàng ấy không? Ý nghĩ đó mọc lên hệt như khi nhận được thư Miên gởi từ Pháp về Việt Nam cho Khanh. Bức thư đó dằn vặt Khanh suốt cả khoảng thời gian dài. Trong bao thư là chiếc lá vàng đã khô héo. Khanh viết, "Mùa thu ở đây sẽ chẳng là gì hết nếu thiếu những chiếc lá như vậy. Sự cần thiết kia tự động đi vào trí tưởng của con người mà không cần phải lý giải nó. Như vắng mặt Khanh giờ này là điều trái khuấy mà đất trời, mà rào cản... đủ mọi thứ đã gieo đến sự vàng phai cho những kẻ bị phân ly..."

- Thôi bỏ đi, đừng nhọc lòng nhớ tới nó. Kể về Huế cho Miên nghe đi.

- Không có gì đáng nói. Trước 75 Huệ bị một chứng bệnh gì đó, phải vào Đà Nẵng để xuống tàu Đức dùng làm bệnh viện. Họ khám và có làm một cuộc tiểu giải phẩu. Giữ Huệ nằm trên tàu một thời gian và mọi chi tiết đều vào hồ sơ bệnh lý. Huệ là một bệnh nhân may mắn, mới đây do một cái đơn viết cầu may, Huệ được hội Hồng Thập Tự Tây Đức can thiệp cho qua với tính cách nhân đạo, sẽ tiếp tục điều trị đến khi dứt hẳn bệnh.

- Khanh tóm gọn thành ra nó ngắn quá. Đoạn giữa thì sao?

- Vô vọng. Huệ bị ám ảnh bởi chứng nan y gì đó, nên sự gần gũi của hai đứa là một thứ chia xẻ qua ngày. An ủi nhau, nói cho nhau nghe những chuyện hệt như trong nghìn lẻ một đêm. Giấc mơ nào cũng viễn vông cả.

- Miên tin là Huệ sẽ bình phục. Khanh chờ đợi được không?

Khanh với tay lấy một điếu thuốc. Anh kéo dài cái hành động châm lửa. Lòng hiện ra nhiều toan tính. Khanh muốn nói cho Miên tin là trong anh chỉ có một ước muốn duy nhất được cùng Miên bay về cái xứ tuyết lạnh lùng kia. Huệ? Huệ chỉ là một người bạn gái, thế thôi. Miên không biết vì sao anh dừng chân ở đây, thay vì bay thẳng một chuyến sang Đức để tới Dortmund, nơi có Huệ tạm trú?

Khanh nhìn tới cái máy tính tiền có dán phía dưới những chữ Mastercard, Visa. Máy không làm việc, đã đành, nhưng nó vẫn sáng hiện con số 0. Màu xanh lạnh của nó trông như con mắt ai gắn ở đó để chăm chỉ quan sát Khanh. Đứng bên cạnh là một chậu hoa, thật giả khó lòng nhận biết nhưng mũi Khanh hít được hương thơm và tin rằng mùi hoa hồng đó không phát ra từ cơ thể Miên.

Miên trở mình để nhìn vào mắt Khanh.

- Nói đi. Trả lời đi. Miên sẽ thất vọng nếu Khanh lắc đầu. Người Đức họ nhân đạo như vậy mà có lý nào Khanh dửng dưng.

- Miên nói gì khó nghe và khó hiểu vậy?

- Thử tưởng tượng đi. Sau khi bình phục, dĩ nhiên Huệ sẽ bị trả trở lại về Việt Nam. Và khi ấy, khi ấy...

- Chúng ta giúp gì được cho Huệ chứ?

- Khanh cầu hôn với Huệ, đó là giải pháp tốt đẹp nhất. Nếu cần tiền bạc để bảo lãnh, Miên sẽ cố hỏi mượn ông bà già.

Đàn bà họ có những tính toán kỳ lạ. Họ nhìn ra vấn đề thật mau và đơn giản hóa nó liền khi. Khanh mỏi mệt không muốn bàn cãi với Miên. Lòng anh khó chịu như phải bắt buộc chính mắt mình nhìn thấy Miên cầm búa đập phá đi một bức tượng thạch cao đẽo khắc gần tới cuối cùng sự toàn mỹ. Miên đẩy anh tới cuối con đường chẳng còn ngõ thoát. Đã từ lâu, không phải anh tự chọn cho mình một sự buông xuôi đó sao?

Miên nhìn đồng hồ treo tường gắn bên dưới chữ Exit đỏ một đốm sáng ở cuối phòng:

- Mấy giờ thì máy bay cất cánh?

- Bảy giờ thì phải.

- Để Miên ra sau bếp làm cà phê và bánh mì trứng cho Khanh.

- Thôi khỏi.

Miên tính ngồi dậy nhưng Khanh đã vội kéo tay nàng nằm xuống. Anh có thể nhịn đói cả ngày, nhưng anh không thể rời xa Miên một phút giây nào ở thời điểm này. Trong đầu anh hiện lên bối cảnh và những lời đối thoại mà Shakespeare đã cho hai nhân vật đáng yêu của ông ta thốt lên giữa một bình minh định mệnh. Khanh ôm siết lấy khối thịt mềm ấm của Miên và hơn bao giờ hết thèm được uống thử cùng với Miên một chén độc dược.

- Đừng làm vậy. Hãy dậy sửa soạn kẻo không kịp chuyến bay.

Miên vùng dậy, lấy một tấm khăn bàn quấn quanh người rồi ôm đống quần áo đi nhanh về hướng nhà bếp. Khanh nhìn thấy một luồng đèn néon sáng dữ dội từ đó lùa tới. Có tiếng vòi nước tuôn chảy ào ạt xuống đâu đó. Anh hình dung tới cảnh một tên đàn ông từ bỏ chỗ nằm giá lạnh, đi vào phòng vệ sinh và săm soi trước gương tìm bới những tàn phai sau một đêm mất ngủ. Hắn chửi thề trong đầu, nghĩ cách hành xử khi cô vợ xuất hiện trở về.

- Khanh nên vào sau đó rửa sơ qua một tí cho nhẹ người tỉnh táo.

- Cần thiết không? Sẽ mang bụi bặm của Luân Đôn, sẽ giữ lấy một phần hơi hám của Miên để đi cho có bạn đường.

Khanh mặc lại áo quần. Khi đứng lên, anh nhìn thấy thứ ánh sáng mù mờ lẻn qua khe hở của cánh cửa gỗ.

- Nên đi sớm thì hơn. Vào phi trường rồi thì Khanh có toàn quyền nhởn nhơ.

Để cho câu nói có hiệu quả, Miên dùng điện thoại để gọi một chiếc taxi. Khuôn mặt nàng bỗng lạnh lùng như một người Ăng lê chính thống. Ngay cả khi phát âm cũng vậy. Miên nói tiếng Anh không giống như tụi Mỹ

tụi Canada nói. Trầm bổng và nàng nuốt chữ đến khó nhận đoán. Có thể Miên đang rối lòng? Có thể anh giàu tưởng tượng? Và có thể tất cả đều đúng.

Miên đi vòng lui sau quầy. Nàng khom người xuống để ấn tay vào một vật gì đó. Khanh nghe tiếng cách vang lên. Miên trở lại với hai tay thu sau lưng:

- Miên không thể đưa Khanh ra phi trường. Tha lỗi nghe - Nàng đưa bàn tay phải ra trước - Chuyển tới tay Huệ gói giấy này giùm Miên. Những lời xin lỗi đã có viết đầy đủ bên trong. Nàng đưa cánh tay trái ra - Giữ cuốn băng này làm kỷ niệm.

Khanh nhìn cuốn Sony-90. Cầm lấy nó và nắm chặt bàn tay run của Miên. Anh chưa kịp nói gì thì bàn tay ấy xô đẩy anh ra khi ngoài đường giống lên tiếng còi xe nghe thật thảng thốt. Đi đi, và nhớ giùm lời cầu xin của Miên. Hãy cầu hôn với Huệ.

Chùm chìa khóa trong tay Miên va chạm vào nhau, bật ra nhiều tiếng khua hối hả.

Cánh cửa mở hé, Khanh đón nhận một lực đẩy từ sau lưng làm anh lảo đảo khi bước ra khỏi quán ăn sắp chết.

Đôi mắt một mí ánh lên chút ánh sáng long lanh và biến mất thật mau như không muốn Khanh phải nhìn thấy. Cánh cửa gỗ đóng ập kêu một tiếng rầm. Khanh bước lên những bậc cấp ướt sương. Ở đó vẫn đọng đầy những xác lá như không còn ai bận tâm vun quén, hốt bỏ. Khanh chui vào lòng chiếc taxi cổ xưa đen đúa như xe của một nhà quàng chỉ biết rong ruổi trên một lộ trình duy nhất: cõi sống tới cõi chết.

- Chào ông buổi sáng. Đi tới đâu, hả ông?

Khanh cà lăm một lát mới nói được chữ phi trường Heartrow. Đó có phải là nơi mà thằng Roméo sẽ tới?

Khanh hỏi người tài xế:

- Xe ông có máy cassette không? làm ơn cho tôi nghe cuốn băng này một chút, xin vui lòng. Nhớ chạy băng lui một đoạn thử sao.

- Không thành vấn đề. Nhạc Rap, nhạc Punk, Rock 'n' roll hay Heavy Metal?

Giọng Miên nói gì đó nghe không rõ. Và tiếp theo là tiếng rên thở, tiếng vật mình của cả hai đứa. Bàn tay Khanh tuôn đầy mồ hôi. Anh nói như hét:

- Ngừng lại, tắt máy đi. Stop. Stop!

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

25.XI.91.

LÊ GIANG TRẦN

khi hoa bắt đầu nở

khi hoa bắt đầu nở
tiếng chim muông rộn ràng
tâm tư tôi trầm lắng
như cây khô bàng hoàng
rơi lá đời bay hoang

khi hoa bắt đầu nở
vòm đêm mông mênh sao
tôi dưới trời bé nhỏ
như thông ngàn trên cao

khi hoa bắt đầu nở
vành môi non trăng cười
tôi như sông về tối
ngẩn người nhớ xa xôi

khi đêm bắt đầu nở
những tình yêu trong mơ
tôi rùng mình như gió
khi về thăm phương xưa
ôm vai người em nhỏ
như tôi từng bơ vơ

khi chiều bắt đầu nở
những hoa đèn đường vàng
tôi ngồi ven Long Beach
thấy đời trôi lang thang
ra xa hành lang biển
hải âu vào công viên
thổi điệu kèn đưa tiễn

khi hoa bắt đầu nở
mùa đông phơi vừa tàn
tôi bước lên đường trăng
đi về đêm giao thừa
cuối trời sao năm rụng
hoa vừa tàn đêm mưa

LÊ GIANG TRẦN

11 tháng 2, 1991

KIỀU VƯƠNG

thùy

Mười hai năm trước, tôi đã gặp lại Thùy.

Năm ấy, Thiên Phủ, đang là xã điển hình toàn diện. Mấy năm liên tục cả tỉnh, cả nước ùn ùn kéo về tham quan rút kinh nghiệm xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội.

Cái xã mang dáng con thuyền nhỏ phiêu dạt bên bờ nam sông Cẩm bỗng lẫy lừng danh tiếng tới mức khắp tỉnh đâu đâu cũng dấy lên phong trào thi đua mang tên "Thiên Phủ hóa".

Thời đó, Thiên Phủ đồng nghĩa với Trần Thắng vì ông làm bí thư Đảng ủy hơn hai chục năm liền và Thiên Phủ được như hôm nay là nhờ ông, do ông.

Một chiều mùa đông năm bảy chín, tôi trong đoàn nhà báo về Thiên Phủ viết bài ca ngợi mô hình nông thôn mới theo yêu cầu của tòa soạn. Chiếc *gát 69* của chúng tôi chạy còn cách Thiên Phủ hơn bảy cây số, thì tình cờ nhập vào đoàn xe con chừng ba chục chiếc. Đoàn xe bám nhau, tung một khối bụi khổng lồ trên con đường đất sỏi đỏ quạch chạy theo những triền đồi thoai thoải. Từng đoàn thiếu niên, nhi đồng đứng hai bên đường trong bộ đồng phục quần xanh, áo trắng, tay cầm cờ giấy không ngớt vẫy chào khách. Chúng tôi không khỏi băn khoăn vì bao em nhỏ phải dầm trong gió rét với những manh áo mỏng tang. Chắc phải đứng chờ lâu quá nên gương mặt nhiều em bợt bạt như không còn máu. Các em bị phủ một lớp bụi trông giống như hàng cọc chỉ đường cho xe vượt bãi bom trong chiến tranh. Có nhiều tiếng nói láo nháo trong xe:

- Chắc ông nào to lắm nên đón xa thế này...
- Không to mà công an đứng kín đường à...
- Chỉ khổ bọn trẻ bị hành hạ thôi...

Đêm ấy, đội văn nghệ xã trình diễn vở chèo *Đường Về Trận Địa* để phục vụ khách tham quan. Tôi tới nơi lúc sân khấu đang diễn cảnh đoàn bộ đội

được bốn cô gái chèo đò đưa qua sông kịp về đơn vị. Tiếng hát vang lên: "... *Chèo mở lái ra. Lướt sóng biếc này ai ơi chèo mở lái ra i i i...*"

Cách bức màn gió, qua ánh điện huyền ảo, bốn cô lái đò vừa hát vừa đung đưa người theo nhịp phách. Nhưng sao cái cô đứng sau cùng chỉ đưa đẩy đôi tay theo nhịp, còn toàn thân lại bất động thế kia? Lên sát cánh gà bên phải, tôi bỗng giật nẩy mình vì cô gái đứng bất động lại chính là Thùy. Gương mặt vuông, cái mũi cao, cặp mắt to đen láy và đôi môi lúc nào như cũng đang cười. Tôi không thể nhầm Thùy với bất cứ ai trên đời này được. Tôi bám tay vào cột loa, lòng nao nao về với bao kỷ niệm mười một năm trước.

"... Hồi ấy, tôi làm bí thư thanh niên của binh đoàn thuyền nan chuyên chở hàng vào tuyến Nam Khu Bốn. Giặc Mỹ ngày đêm thi nhau trút đạn bom xuống đầu kênh, cửa lạch hòng cắt đường vận chuyển của ta. Đơn vị chúng tôi hầu như ngày nào cũng có người ngã xuống nên không ít người hoang mang, bỏ chèo, lái trốn về các vùng quê tìm đường sống dung thân. Trước tình hình bi đát đó, Đảng ủy quyết định tăng cường cán bộ chủ chốt xuống bám cơ sở để trấn an tinh thần chiến sĩ. Một sáng, tôi đang đứng trên chiếc thuyền do hai chàng trai chèo thì thấy một chiếc thuyền nan xoay tròn giữa sóng to gió lớn trên cửa biển lạch Cờn. Tôi hét toáng lên:

- Có ai trong thuyền không? Đoàn nào đấy?

Trong tiếng vỗ ì ọp vào mạn thuyền, tôi nghe rõ giọng con gái vọng lại:

- Đoàn âm phủ đây... Giúp một tay đưa thuyền vào..."

Tôi bực bội quát hai thanh niên cùng thuyền:

- Áp sát chiếc thuyền kia. Nhanh lên kẻo đắm mất.

Khi hai con thuyền áp mạn, tôi nhảy sang thì thấy một cô gái đang khom người tát nước trong khoang.

- Cô đi một mình à? Tôi hỏi.

Cô hất mái tóc xõa trước trán rồi trả lời nhát gừng:

- Một đứa bị thương, phải nằm lại trạm...

Bỗng cô nhảy phắt lên sạp réo gọi tên tôi làm tôi hết sức bối rối. Có lẽ nhiều lần đến thăm các đơn vị nên không ít người quen biết tôi. Tôi chưa hết ngạc nhiên, cô gái đã xởi lởi:

- Em là Thùy ở đoàn ba mươi mà. Thuyền em bị rò, nước vào nhiều quá. Con Hà lại bị thương. Đoàn bắt nước vào rồi. Anh chèo giúp em một tay đuổi theo đoàn nhé.

Hai thanh niên mà tôi đi cùng đã lách thuyền ra xa thả lại những lời hóm hỉnh:

- Thủ trưởng gặp may rồi. Chúng em đợi ở Đồng Hới nhé.

Tới lúc chiều tà, thuyền vào gần cầu Bùng thì nhận tin đường có bom

nổ chậm, cấm thuyền qua lại. Thùy nhảy phốc lên bờ, vừa buộc thuyền vào gốc cây vừa bảo:

- Anh vào khoang, nằm úp mặt xuống, nhanh lên...

Tôi chưa kịp phản ứng, Thùy trút áo vứt lên thuyền, ôm hai đoạn phao nhảy ùm xuống dòng nước. Tôi vào khoang, lòng nôn nao kỳ lạ. Tôi nằm nhưng không úp mặt như Thùy ra lệnh mà ghé mắt qua lổ thủng của mui lá. Sau một lúc lặn hụp, nút lổ rò rỉ ở hông thuyền, Thùy ôm phao, bơi ra giữa dòng nước trong ở đoạn cua vắng. Em mặc chiếc quần dài đen, nửa người phía trên chỉ che hờ chiếc khăn bông thường rửa mặt. Chao ôi! Cái eo bụng của em mới thon nhỏ làm sao. Rồi vòng ngực kia nữa. Khi em kẹp hai đoạn phao luồng bên hông, ngửa mặt lên trời kệ cho sóng nước thỏa thích giỡn đùa, toàn thân tôi cứ nổi gai, ớn lạnh. Hai mươi bốn tuổi đầu, tôi chưa từng gặp ai đẹp như Thùy. Vòng ngực căng tròn, nõn nà như ngọc của tuổi mười tám, lúc chìm, lúc nổi trong gợn sóng lăn tăn làm lòng tôi the thắt. Đối với tôi lúc ấy, mọi thứ của cải và danh vọng trên đời đều vô nghĩa so với cặp vú căng tràn kia. Tôi co ro trong khoang thuyền chật để say đắm ngắm phần thân thể ngọc ngà của em và không ngớt nuốt khan nước miếng. Tôi ao ước một lần được gục mặt vào khe lõm giữa hai bầu vú ấy rồi có phải treo ngược lên giàn hỏa thiêu, tôi vẫn mãn nguyện.

Mãi về khuya, chân trời xa xuất hiện những đám mây vần vũ, tôi mới lách vào khoang. Thùy vẫn ngủ ngon như một đứa trẻ vô tư. Không chịu nổi, tôi ghé sát môi vào cặp má hừng hực của Thùy, em liền bật dậy, nói trong hơi thở gấp:

- Anh... Anh thương em... Em đã hẹn... Anh ấy cùng xã, tên là Lợi... Anh ấy yêu em và em đã thề... Anh tha cho em...

Tôi đờ đẫn cả người...

Hai ngày sau, thuyền của Thùy mới đuổi kịp đoàn.

Chiến tranh. Tôi trôi mãi vào tuyến trong và có nghe tin Thùy bị thương đã đưa về tuyến sau.

Hết chiến tranh. Tôi lấy vợ. Chà! Thế mà đã hơn chục năm trời.

Một hồi trống dập dòn giả tiếng bom nổ trên sân khấu như lôi tôi trở về với thực tại. Tôi vội lách ra phía sau hậu đài để đón Thùy.

Thùy nhận ngay ra tôi nhưng cô không vồn vã như tôi tưởng mà cứ ngập ngừng. Mãi sau cô bảo:

- Ta ra bờ sông ngồi đi anh!

Chúng tôi tựa lưng vào thân cây lớn, im lặng nhìn mặt sông đen đúa đang hứng chịu từng cơn gió mang đầy giá buốt. Thùy chép miệng bảo:

- Em theo bố mẹ chèo đò ngang ở bến này từ lúc tám tuổi cho đến năm đi thuyền nan gặp anh. Tại đây, năm bảy hai, bố em chết vì bom Mỹ trong

lúc chèo đò.

Tôi chép vắn tắt cuộc nói chuyện không vui này, mong bạn đọc thấu hiểu. Tôi gợi chuyện thật ngọt ngào nhưng Thùy lại trả lời dấm dẳng:

- Bị thương trở về, em có chung sống với anh Lợi mà em hò hẹn không?

- Không!

- Vì sao?

- Anh ấy rất tốt, vẫn yêu, vẫn thương, nhưng không thể lấy một cô gái từng chịu tiếng chèo thuyền nan ba năm trên sông rồi đem về một cái chân chắp.

- Hiện nay hắn làm gì, ở đâu?

- Đi lính về làm phó chủ tịch kiêm trưởng công an xã này.

- Vậy vì sao em lại còn lên sân khấu?

- Vì sao à. Khi lành ở nhà chèo đò thật để kiếm sống. Chiến tranh, què quặt trở về lên sân khấu chèo đò giả cũng là để kiếm sống...

Âm sắc trong giọng Thùy có một nỗi xót xa không sao chịu nổi. Rồi Thùy kể:

... Ngày trở về, bị tàn tật. Cùng đường. Em xin mẹ lên chùa Vân trên núi Quan Hoàng, gửi thân bên sư cụ Đàm Thanh, mong trọn đường tu nghiệp chốn cửa thiền. Ăn mày cửa Phật được hai năm thì Thiên Phủ trở thành điển hình của cả nước. Hàng năm có tới vạn người về tham quan. Nhà nước cấp không vật tư như than, phân đạm, xăng dầu với bao nhiêu thứ khác cốt sao giữ vững điển hình.

Ngay sáng nay, em nghe ông cán bộ cấp cao reo lên khi vừa ra khỏi xe Von-ga:

- Mô hình chủ nghĩa xã hội là đây rồi!

Có thật mô hình chủ nghĩa xã hội chính là cái nơi mẹ em đẽ đẻ ra em này không, hả anh?

Mô hình!

Mùa đông, bốn giờ mười phút, kẻng báo thức, toàn dân lên đê tập thể dục. Năm giờ kẻng ăn cơm. Năm giờ bốn lăm phút kẻng ra đồng làm việc. Chợ không được họp. Chùa chiền không được hương khói. Chó không được nuôi vì sợ cắn khách. Giỗ cha kỵ mẹ phải báo trước với đội trưởng năm bảy ngày để thu xếp. Cày cấy dưới đồng không được ngoảnh mặt lên nhìn khách, sợ họ đánh giá tinh thần lao động kém...

Chính vì Thiên Phủ nổi tiếng nên ông Trần Thắng ra lệnh bắt phá chùa Vân. Gọi sư cụ Đàm Thanh về trụ sở tuyên bố cho sư tự do nhưng cấm lai vãng về Thiên Phủ. Một hôm, em đang tụng kinh thì anh Lợi dẫn người lên bắt em về, giam giữ hai tuần, họ bắt viết tường trình về tội cố ý chạy theo con đường mê tín dị đoan. Sau lần ấy, mẹ em đột ngột ra đi, bỏ em bơ vơ...

Thùy gục đầu xuống gối, đôi vai không ngớt rung lên dưới trời đêm lạnh. Chân trời xa, một ngôi sao tự dưng vỡ vụn, rơi tung tóe làm tôi hốt hoảng hỏi:

- Bà cụ bị nạn, làm sao? Lâu chưa?

- Một năm rồi. Mẹ em chèo đò ngang từ nhỏ nhưng khi Thiên Phủ trở thành điển hình, chèo đò ngang cũng phải chọn người có lý lịch trong sạch. Cụ mất việc làm. Một hôm xuống ngoại về, gặp đoàn khách có xe hộ tống. Cụ đội mủng khoai trên đầu, chạy ngang đường, bị gọi lại nhưng cụ vẫn chạy. Khốn khổ. Cụ chạy vội đến đám lúa phần trăm của nhà sát đường, ngồi thụp xuống, kéo váy đái. Cũng là lúc đoàn xe khách tới, cụ bị bắt ngay vì tội chủ tâm đái trước mặt khách. Nào mẹ em có chủ tâm bêu rếu hoặc miệt thị ai cho cam. Cái tội chính vì cụ là nông dân. Đối với người nông dân, dẫu là vũng nước đái cũng phải đổ chỗ ruộng nhà mình.

Bị giam giữ, bị anh Lợi khảo tra về ý đồ chờ khách tới gần mà đái. Họ bảo, đó là âm mưu thâm độc của địch cắm sâu vào dân nhằm phá hoại phong trào. Âm mưu đó do ai xúi giục? Ai là kẻ cầm đầu? Bị truy bức, cụ hoảng quá, lâm bệnh rồi đột ngột ra đi. Anh Lợi là con trai bí thư Đảng ủy Trần Thắng đó anh...

Đêm bến đò, ngồi bên Thùy, với bao sự thật nơi mẹ đẻ ra em làm tôi lạnh buốt sống lưng. Khi chia tay, tôi định ôm hôn Thùy nhưng cô liền chắp hai tay như cầu kinh:

- Anh là nhà báo, có dịp vào Quảng Bình, anh đến nghĩa địa Đồng Hới thắp hương cho mấy chục đứa bạn cũ của chúng ta đang nằm lại đó. Em nhờ anh thắp hương riêng cho Hà, bạn cùng thuyền với em, bảo nó là số phận con Thùy cũng khốn khổ, khốn nạn chứ có sung sướng đâu mà nó cứ oán mãi...

Người khóc nhiều đêm ấy không phải là Thùy. Tôi cảm thấy hổ thẹn khi nhìn vào những đầu ngón tay cầm bút của mình.

*

Mới đó lại đã mười hai năm. Câu hỏi của Thùy đêm chia tay cứ vang lên trong tôi:

- Số phận em thế, anh đừng bận tâm. Mai làm việc với ông Thắng, anh Lợi, anh chớ hở ra là quen em mà khổ cả. Xã này, ai mất, ai còn đều do tay cha con ông ấy định đoạt.

*

Mười hai năm qua đi, cái xiềng miếng cơm manh áo kéo níu. Mãi đầu tháng vừa qua, một cô bạn từ Hà Nội vào Quảng Bình công tác, tôi mới có dịp bám theo.

Hai mươi bốn cô gái thuyền nan không còn tụ tập đông đủ ở nghĩa địa này nữa. Mà cũng hai mươi bốn năm rồi, chắc gia đình các em đã đưa hài cốt về quê nên chỉ còn ba cô nằm lại trong đó có Hà - bạn của Thùy. Tôi ngồi ba giờ đồng hồ giữa nghĩa địa dưới trời nắng quái và gió Lào hun hút nóng để chuyện trò với các cô gái xấu số. Tôi đã nhặt đá mồ côi đắp lên mộ Hà và nhắc rành rọt những lời Thùy dặn. Tôi thắp nhiều tuần hương lên mộ những cô gái thuyền nan từng vượt biển vào đây và vĩnh viễn nằm lại ven rừng.

Trở về, tôi lên ngay Thiên Phủ báo cho Thùy biết việc tôi đã gặp Hà. Tới bến đò Cẩm, tôi bảo Minh (tên anh lái xe) dừng lại chụp mấy kiểu ảnh ở bến đò. Xe chạy thêm một đoạn, định dừng ở cổng trường hỏi nhà Thùy thì một chú bé chừng mười ba tuổi ném "choang" hòn đá làm vỡ vụn kính xe bên lái. Minh giật phanh tay, đuổi theo thằng bé. Tôi cũng chạy theo, vì sợ Minh nóng tính, đập thằng bé quá tay. Dắt đứa bé vào phòng cô hiệu phó thì lại gặp Mai. Nhận ra tôi. Mai hết sức bối rối. Cô nói ngay:

- Sao lại thế này. Mười mấy năm anh mới quay về Thiên Phủ thì lại gặp rắc rối.

Rất nhiều học trò vây trước cửa phòng. Mai phải nói vống ra:

- Tất cả các em về lớp. Em Nam vào đây, đền xe cho khách.

Cuộc hỏi cung bất đắc dĩ nổ ra trong phòng cô hiệu phó. Thằng Nam đứng lặng còn Mai thì xẳng giọng:

- Tại sao em ném đá phá xe cán bộ tỉnh?

- Em ném xe nhà báo chứ ạ!

- Sao em biết xe nhà báo?

- Các chú vừa chụp ảnh ngoài bến đò ạ.

- Thế ai xui em ném đá xe nhà báo?

Nó hết lấm lét nhìn tôi, nhìn Mai rồi lại nhìn xuống đất. Tới khi Mai xẳng giọng thì nó bảo:

- Dạ... Cô ạ!

- Sao? Tôi xui em ném à?

- Dạ! Có lần cô bảo các ông nhà báo đưa Thiên Phủ và cha con ông Thắng lên mây xanh nên Thiên Phủ mới hóa ra khốn khổ thế này...

- Láo! Mai quát.

- Cô bảo là ngày trước còn phong trào Thiên Phủ hóa, thầy trò tháng nào cũng phải đứng hai mươi ngày ngoài đường để đón khách. Rằng bây giờ hết Thiên Phủ hóa nên các em mới được ngồi yên mà học. Nay các chú nhà báo lại về, lại chụp ảnh, lại đăng lên báo nhỡ nay mai Thiên Phủ lại "hóa" nữa thì nguy mất ạ!

- Thôi, im ngay đi. Em về nhà mời mẹ ra đền xe cho khách. Nhanh lên.

Nghe Mai bảo vậy, thằng Nam đứng ngẩn ngơ một lúc rồi òa khóc làm

Mai cũng khóc theo.

Được Mai chỉ đường, chúng tôi lao xe về phía chân núi Quan Hoàng. Theo lời mai, cách đây bốn năm, Thùy xin phép chính quyền địa phương lập quỹ công đức dốc lòng tu bổ chùa Vân mong trọn đường tu nghiệp chốn thiền môn. Cô mới đi học trường Hạ về, nghe đâu được phong lên tới chức sư thầy.

Bảy mươi sáu bậc dốc dựng đứng từ mặt đường lên sân chùa làm tôi như bã ra. Vừa thấy tôi, Thùy chấp hai tay trước ngực, nhẩm đọc:

- Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô tầm thanh cứu khổ cứu nạn, linh cảm, Quan Thế Âm Bồ Tát...

Biết tôi và Thùy quen nhau, những người có mặt tản ra rất nhanh. Hai chúng tôi ngồi trên chiếc chỏng tre dưới tàn cây trước cửa thiền. Tôi gợi chuyện:

- Em sống ra sao? Chắc khổ lắm?

Thùy hoảng hốt, mắt nhìn ra phía trước rồi lẩm nhẩm:

- A Di Đà Phật. Phật tổ Như Lai, anh minh sáng láng rộng lòng từ bi, giang rộng đôi tay, cứu khổ cứu nạn tới kẻ khốn khó như em. Em không khổ nữa. Phúc đức được ăn mày cửa Phật. Dẫu ngồi tu trọn đời bên gốc cây thì em vẫn một lòng vì Đạo...

Nghe vậy, tôi đành xoay sang chuyện khác:

- Anh từ Quảng Bình ra, lên báo cho em biết là mộ của Hà vẫn còn ở nghĩa địa Đồng Hới.

Nghe tôi nói thế, Thùy lại "A Di Đà Phật" rồi đọc một đoạn kinh cầu nguyện cho linh hồn Hà và đồng đội được yên vui nơi chín suối. Chúng tôi kể cho nhau nghe bao chuyện đời thường suốt quãng mười hai năm qua. Thùy hỏi hết người này đến người kia trong số bạn bè xưa cũ. Cuối cùng tôi hỏi:

- Cái tay Lợi từng yêu em, từng hành hạ em, bây giờ y sống ra sao?

Một thoáng mây đen vụt trong mắt Thùy, giọng cô trần hẳn xuống:

- Cái năm Thiên Phủ sa sút, bố anh ấy chạy được suất đi xuất khẩu lao động bên Đức. Năm ngoái về, người ta bảo bây giờ anh ấy giàu nhất huyện. Nhà ba tầng, ô-tô riêng, bỏ vợ bốn con, mới rước cô vợ trẻ măng từ Hà Nội về. Cái số được hưởng giàu sang phú quí thì ở đâu, thời nào cũng thế.

Không muốn chạm nỗi đau cũ của Thùy, tôi gợi chuyện khác:

- Lần về Thiên Phủ mười ngày được gặp ông Trần Thắng có bốn phút. Bây giờ ông Thắng còn khỏe không? Con trai giàu thế, chắc ông sung sướng lắm?

Thùy nói nhỏ như để mình tôi nghe:

- Bác Thắng còn khỏe nhưng anh không biết gì à? Thật lạ, con trai thì giàu sang còn bác thì đã một thời nổi tiếng.

- Em nói rõ hơn được không?

- A Di Đà Phật. Một chiều mùa đông năm ngoái, em xuống bến xách nước thì thấy một ông già dở đứng dở quỳ bên vực xoáy. Em liều chạy tới xem ai trong làng mà định tự tử ngay ở vụng cửa thiền. Nhận ra em, bác Thắng bảo:

- Xin sư thầy thấu hiểu mọi lỗi lầm và khổ đau của kiếp làm người.

Em vội nắm chắc lưng áo bác, hỏi dồn dập:

- Vì sao bác ra nông nỗi này. Anh Lợi giàu có lắm kia mà? Vì sao?...

Bác nấc lên từng chập trong cổ họng rồi bảo;

- Một thời tôi cuồng vọng quá nên làm quá nhiều người khổ lây. Trong việc "Thiên Phủ hoá" đành rằng tôi cũng sai nhưng cái gốc từ xa, từ trên cao đổ xuống chứ. Bây giờ thằng Lợi cũng xỉ vả tôi, nó bảo:

- Cái thời hoan hô thật to hết rồi, bố ạ! Nếu bố khó chịu thì cứ việc đi tìm cái mẫu Thiên Phủ hóa khác. Nhờ có gương của bố nên chúng tôi không ngu lâu nữa. Chúng tôi bây giờ chỉ biết đô-la, đô- la thôi... Tôi thấy cùng đường. Hồi ấy, tôi chỉ muốn giữ tiếng cho cả xã, cả huyện, cả tỉnh nữa nên mới ra nông nổi. Giờ chỉ xin được yên nghỉ ở bên quê...

Bác Thắng gục xuống làm em hoảng quá. Đến anh Lợi cũng xua đuổi thì bác cùng đường thật. Em quỳ bên bác, chắp tay đọc thật to: "A Di Đà Phật. Đức Phật từ bi rộng lòng nhân đức luôn cứu khổ cứu nạn cho những ai cùng đường. Nếu bác vui lòng thì cửa Phật giang rộng đôi tay đón bác về chốn thiền môn để ngày đêm tu dưỡng tâm tính, chăm lo hương khói, nhằm xóa sạch bụi trần. Phần đời bác nổi tiếng nhiều rồi. Không nên để phút nhắm mắt lại cũng nổi tiếng nữa thì quả là không phải. Làm như thế, đấng cao siêu cho là người quá tham. Sống ở trần gian mà tham quá, thì dẫu có trốn lên cõi nát bàn cũng bị vứt vào vạc dầu sôi."

Bác Thắng quỳ hẳn xuống, mặt úp trên đất và toàn thân rã rượi.

Bác về trông coi chùa Vân này đã gần một năm, ngày đêm chăm lo hết lòng nơi cửa Phật.

Tôi lẳng lặng theo Thùy lại phía sân sau của chùa trên núi Quan Hoàng. Chính lúc ấy, tôi nhận ra một chú tiểu già, tay cầm chổi tre, lưng còng xuống bên đống lá đa vàng úa chính là bí thư Đảng ủy Trần Thắng năm nào.

Chắc nhận ra tôi, bác Thắng thả cho cán chổi đổ vào đống lá, hai tay chắp trước ngực:

- A Di Đà Phật. Phần cuối, con xin được yên ổn trọn đường tu nghiệp. Chỉ mong sao phần phúc đức được dồi dào cho con cháu và khắp cả muôn nhà. A Di Đà Phật.

KIỀU VƯƠNG

(Trong nước)

LÊ BI

trăm hoa

Nghe cả chục kẻ cãi nhau chắc gì anh đã tìm ra một điều sự thật
Nhưng ngó trăm hoa thì hết thảy trăm hoa đều là hoa thật
Xin lặng im ra ngoài mà nhìn ngắm trăm hoa.

em là sự gậm nhấm thịt da

Mỗi suy nghĩ mỗi tìm tòi anh đều đi đến những niềm đau
để thấy thơ cũng là thế giới
có em trong đó một mình
mà anh vẫn bay tìm như một mũi tên
mà biết chẳng bao giờ tới nổi.
Nên em đã thành chuyện thiên văn
mỗi ngày mỗi đổi
làm trang giấy trắng cũng có muôn hình
những dòng chữ của anh tuôn ra gom em vào ống kính
anh tìm biết một mình
giữa thế kỷ này vẫn còn nhiều dàn hỏa.
Nên em đã hóa thành nỗi nhớ
làm trời đất phải có nhiều sao

em cũng là sự nghi ngờ
để nỗi nhớ thành trái diệm sơn chờ giờ nổ.
Nên em cũng hóa vô hình
làm phong phú cuộc đời bằng nhiều huyền thoại
để nhớ em là nhớ những ngân hà
viết ra là trả lại
mỗi một câu thơ là một niềm tự hoại
nó gậm nhấm cả thịt da.
Trước em không ai giống
sau em là chuyện vô thường
nó đập vào anh trăm ngàn tiếng sóng
thấy được nghe được mà không vồ bắt được.
Anh mới hiểu xưa kia nước mình có kẻ đi sứ sang Tàu thấy chim đậu trong tranh bèn chụp rách cả bức tranh
em cứ khéo vẽ mình như thế
mà anh vẫn là con thú thèm mồi
thèm cả em lúc hư lúc thực
đói khát từ bao kiếp trước
vừa tự nhiên vừa ác độc.
Nên em cũng hóa thành trái táo địa đàng
làm anh bao lần lột da thoát xác
những vòng quay chết đi sống lại
như muốn đầu thai
để anh thành ngay một người nào mới
giữa một cuộc đời em đã chuyển cho anh quá nhiều điều để gởi.

LÊ BI

VŨ QUỲNH N.H.

con công Mardi-Gras

Có tiếng rên rỉ của người nghệ sĩ vang vọng đằng trước quán:
Yesterday, I saw you leave,
I laughed and sang,
I wouldn't grieve.
But after my laughter came tears.
I told my friends,
I didn't care.
I laughed about the whole affair.
But after my laughter came tears.
My pride kept me from showing you,
That I was blue.
Oh, but by myself,
Don't nobody know what I've gone through.
My lips don't feel,
My heart in pain.
I made beleive, but never again,
'cause after my laughter came tears.

(Ngày hôm qua, nhìn người lìa xa,
Tiếng cười và lời ca,
Nhất định không buồn thở than
Nhưng khi nụ cười tắt nước mắt bỗng tuôn tràn
Tôi nói với người thân
Tôi bất cần
Tôi phì cười cho những chuyện chung quanh

Nhưng khi nụ cười tắt nước mắt bỗng tuôn tràn.
Blues cho cuộc tình
Ôi, nỗi cô đơn một mình
Chẳng ai hiểu thấu những nỗi buồn qua đi
Đôi môi tôi tê dại
Quả tim giờ tái tê
Bao nỗi ước mong, tiếc nuối chi
Vì khi nụ cười tắt nước mắt bỗng tuôn tràn).

Tôi không cảm nhận được nỗi buồn trong lời nhạc, dù đã có một thời tôi mê nhạc Blues. Hình như ai cũng phải yêu nó, như kẻ hoạn nạn bỗng chốc trở về với tôn giáo.

Đây cũng không phải là Highway 61, cũng chẳng có được một chiếc xe Cadillac hồng đuôi cá, để chạy vào lòng Mississippi. Người ta nói rằng *You got to have the Blues to feel the Blues*, giờ thật sự nỗi buồn đó đã xa bay nên lời nhạc chẳng còn cái thấm thía của thuở nào.

Ồn ào từ bên trong, ồn ào vang vọng mãi ra đến ngoài, người ca sĩ với giọng ca lãi nhãi chẳng ai buồn để ý như bị khung cảnh nơi đây làm mờ dần vào màn đêm. New Orleans về đêm nhộn nhịp, nhất là hôm nay. Gió ngoài lạnh thổi, cái lạnh âm ẩm làm tôi rùng mình khiến hai đầu vú săn lại. Cũng may trước ngực áo được phủ một lớp lông, nếu không có lẽ tôi phải khoanh tay nguyên tối. Thời buổi bây giờ đã khác, chẳng vào đầu thập niên 70 với cô đào Farrah Fawcett nổi tiếng trên hình poster với hai đầu nấm vú chỉa ra sau bộ áo tắm mỏng dính, khiến các bà, các cô thay vì đi thẩm mỹ viện bơm ngực, thì họ lại bơm núm vú, đến như báo chí cũng quảng cáo những đầu vú làm bằng cao su giả dùng để gắn lên.

Tôi đẩy cửa bước vào, khói thuốc ngột ngạt làm mắt hơi cay.

- Đông như thế này làm sao mà tìm thấy. Tôi lo ngại, đâm ra thấy tiếc tại sao không để hắn tới khách sạn đón, như vậy có phải tiện hơn không.

Một tay tôi ôm bó lông bị dính chặt sau mông, tay kia giữ mấy sợi kim tuyến đeo lủng lẳng trên đầu. Chen lấn trong đám đông tìm kiếm, mãi đến khi nghe tiếng ai gọi đến tên mình tôi mới thở phào nhẹ nhỏm.

- Mimi! Hắn vẫy tay gọi lớn, tiếng gọi to dần sau những câu xin lỗi chen lấn.

Tôi chạy lại, đứng yên trước mặt hắn ngắm nhìn. Vẫn đẹp trai như thuở nào. Nét đẹp có phần già dặn nhưng vẫn làm mềm lòng phái nữ dễ dàng. Dù đã mười năm.

Hắn ôm chầm lấy tôi,hôn trên môi. Nhóm dân đạo đức vẫn bảo New Orleans là “Sin City” thành phố “Tội Lỗi”. Thời huy hoàng ăn chơi, trụy lạc của những trò chơi làm tình tập thể mà tiền nhân Hy Lạp để lại.

Tôi tháo bỏ mặt nạ bằng giấy xuống để nhìn cho rõ. Mardi Gras về đêm nhộn nhịp đủ loại màu áo hóa trang. Khu vực Vieux Carré như trẻ lại dù chung quanh dấu tích lịch sử vẫn còn vương vấn như làn sương mù dầy đặc từ ngoài sông cuộn vào.

Những cổng sắt, ngõ hẻm ngoằn ngoèo về những huyền thoại Madame Lalaurie's tra tấn nô lệ, bùa ngải voodoo của Marie Laveau, Quadroon Balls - nơi phụ nữ bị mang ra đấu giá cho đàn ông lựa chọn làm vợ bé, chỉ là những chuyện trong ngàn câu chuyện làm dân du khách hồi hộp lắng nghe.

Jacob nhìn tôi trìu mến.

-Mimi! Mày hóa trang thành con công đẹp quá. Hắn xoay tôi một vòng ngắm nghía. Con công Mardi Gras, mười năm Mimi chẳng đổi tí nào.

Tôi cười, nụ cười sung sướng của một người con gái được người khác khen đẹp, dù tuổi tôi lúc này cũng chẳng còn nhỏ gì.

- Mày cũng vậy. Tôi ấp úng lí nhí trong mồm như đang nói với chính mình. Mắt lướt nhanh vào bộ mông chạy đua thế vận hội của dân da đen được ôm chặt theo cặp giò chắc nịch của hắn. Tôi vẫn thích những người đàn ông có dáng gầy gầy như hắn. Loại gầy chắc thịt chứ không phải thứ gầy ốm đói.

Trời lạnh, về đêm gió lùa của đầu tháng ba giờ chẳng thấm thía gì như lúc ban đầu bước chân vào quán. Giờ này bà con bắt đầu tràn ra đường ném hoa giấy và thẩy bột vào mặt nhau, hô hào "laissez les bons temps rouler". Những đứa con nít xô đẩy nhau xếp hàng từng dãy một chờ những giàn xe giấy đi qua để có dịp hò reo "Throw me something, mister" (Làm ơn ném cho một cái gì). Và khi những mề- đai bằng vàng giả được ném xuống thì tiếng nhạc Jazz lại trổi lên từ khắp nơi. Xa xa hình như tiếng rên rỉ của người ca sĩ vẫn còn vang vọng đâu đó.

- Well I drink to keep from worrying
and I laugh to keep from crying.
I keep a smile on my face so the public won't know my mind
Some people think I'm happy but they sure don't know my mind,
They see this smile on my face, but my heart is bleeding all the time.
(- Ừ, thì hãy say cho quên đi âu lo
và hãy cười cho giọt lệ đừng rơi.
Tôi giữ khuôn mặt vui tươi cho thiên hạ không đoán được cõi lòng
Dù có kẻ cho rằng tôi hạnh phúc nhưng nào ai hiểu được cõi lòng
Họ nhìn thấy nụ cười này, nhưng ngàn đời tim vẫn mãi đớn đau).

Jacob đưa tay lên gở nhẹ những bông giấy dính trên mặt tôi khẽ nói.

- Hồi xưa Mimi thích bản này.

- Mày cũng vậy.

- Ờ, hồi xưa mình đều thích bản này. Jacob choàng tay lên vai tôi kéo nhẹ vào lòng, như dạo nào dưới hầm William's Pub mù mịt khói thuốc, với gã Mỹ đen thổi xasophone trùm mền kính đầu cho tiếng nhạc ấm cả căn phòng.

Thì hồi xưa. Mười năm, như bản nhạc quen thuộc nghe mãi rồi cũng chán. Thời đó Jacob không khác gì giờ nhiều. Vẫn giữ được bản tính dễ chịu, dù gốc hắn Thụy Điển, giòng giống Viking vai đô ngực nở. Dân Viking mang tiếng hung bạo và nơi tôi sống dân Thụy Điển chiếm số khá nhiều, đến đội banh nhà cũng mang tên Viking. Hàng năm vào khoảng cuối tháng chín tháng mười gì đó, họ tổ chức thi múa kiếm, dương oai để kỷ niệm thuở huy hoàng xa xưa. Cũng nhờ vậy nên tôi được dịp quen Jacob. Tôi không mắt xanh, cũng không tóc vàng và chẳng nói được một câu tiếng họ. Nhưng may dân Thụy Điển qua đây nhập gia tùy tục sớm, nên đời con cháu sau này quên hẳn đi tiếng cha sinh mẹ đẻ. Bất quá tôi cũng như một người Mỹ lần đầu bước vào khu Phước Lộc Thọ, có chút ngỡ ngàng khó chịu như gã cowboy cỡi ngựa vào một thành phố nhỏ không tên. Một chút ngượng ngập của những con mắt soi mói, dần dà rồi cũng quen. Jacob mắt xanh tóc vàng cần gì biết gốc gác. Trông vào lại càng mát mắt như mấy anh người mẫu quảng cáo taylor suit trong tập chí GQ. Đứng gần bên hắn tôi cảm thấy hãnh diện như những bà lấy được chồng làm bác sĩ. Dù sự đi lại giữa tôi và Jacob lúc đó chỉ là tình bạn trên căn bản hoạt động và sự tò mò của hai văn hóa khác nhau. Như những cô gái đến tuổi cập kê, được người bạn trai cỡ Jacob kể ra ai chả thích, dù chị Tàu Trung Cộng bạn tôi, thứ Made In China hẳn hòi, loại chương trình Ph. D., không tán thành. Nước nó nghèo và đông đến cả tỷ dân, được nhà nước gửi qua du học thì cũng phải đến nơi đến chốn, xách mảnh bằng BS hay MS về nước ai nhìn. Đâu phải loại được cha mẹ bỏ tiền cho ra ngoại quốc học, bằng gì cũng được rồi về nước dương oai, cả họ hàng nở mày nở mặt. Nghĩ thế nên tôi cứ tà tà lãnh Financial Aid mà học, bất quá đến tuổi lấy chồng là xong không thì chờ Việt Nam với Mỹ bang giao, lúc đó về nước khối người phục. Chị Tàu Trung Cộng bạn tôi lắc đầu quầy quậy:

- Không thể nào được. Hai văn hóa khác nhau khó mà hạnh phúc.

- Làm sao lại không được. Tôi gân cổ lên cãi. Mày nên nhớ tình yêu không phân biệt màu da.

- Đúng! Chị Tàu tỏ ra đồng ý, gật gù như để lấy thêm hơi rồi nói tiếp - Màu da nhìn mãi cũng quen, ngôn ngữ học rồi cũng biết nhưng văn hóa ngược lại như blood transfusion, một khi vào người rồi thì chẳng gội bỏ được.

- Mày chỉ là con nhỏ kỳ thị. Thôi tao không muốn bàn thêm chi cho mệt!

Con Chang, văn hóa nước nó với nước tôi đâu khác nhau mấy nói gì

đến màu da. Có thể là tư tưởng sống của mỗi người đều khác nhau. Có người đã sống ở nước ngoài mà cứ ôm khư khư cái phong tục nước mình rồi than thân trách phận, trách luôn cả con cái. "Mày mà lấy ngoại quốc tao từ mày". Xà bông rửa chén, cà phê sữa đá, quần xà lỏn với áo sơ-mi, đố ai lúc đó bảo "Mấy đứa bây lại sủa tiếng Tây nữa rồi". Cho con vào trường Tây, gửi nó đi du học cả họ hàng đều biết chẳng sao, còn có phần hãnh diện, chứ bây giờ qua Mỹ thì cứ phải mang thân tỵ nạn. Đến tên tuổi cũng phải đổi thay. Nguyễn thành Win hay Nugent, Hồng thành Rose, Tuấn thành Tony, Trần thành Tranberg, mà nhớ tên mình lỡ là Phúc hay Dũng hoặc Đôn thì đổi mấy hồi. Ở thì Frank, David hay Don nghe cũng oai thế nhưng cũng phải đòi cho được lá cờ Việt Nam. Thành phố tỵ nạn Little Saigon với bảng xanh cắm ngoài xa lộ, thiên hạ cuối tuần đi phòng trà nghe ca sĩ Việt Nam hát nhạc New Wave, hay mặc váy đầm ngồi xỉa răng trong tiệm phở 99. Thế mới là Việt Nam. Jacob có phần Việt Nam hơn và tính tình lại còn dễ dãi gấp mấy lần tôi. Đúng là trái ngược với giống dân Viking. Hủ tiếu, bún bò món gì nó cũng ăn một cách ngon lành. Có điều tính tình hơi có vẻ con gái, ít khi nào có sự quyết định dứt khoát về bất cứ vấn đề gì. Tôi hay chọc.

- Tính mày như con gái.

- Có lẽ vậy vì tao hợp với đàn bà.

Chuyện Jacob tính tình như đàn bà hay thích đàn bà hơi đâu suy nghĩ bận tâm. Tôi đã có cảm tình với người nào rồi thì cũng như mấy cô gái khi mới biết yêu lần đầu, loại "yêu anh mù quáng". Và đầu óc tôi giàu tưởng tượng nên hay nghĩ theo chiều hướng riêng. Đôi khi thấy trắng thành đen, ừ thì tính tôi đàn bà. Và đã là đàn bà thì hơi đâu tìm hiểu chi cho mệt.

Cây cầu bắt ngang dòng sông Mississippi, chia đôi West Bank và East Bank của khuôn viện đại học, mỗi khi có nhóm biểu tình hô hào là có tôi và hắn. Tuổi trẻ đầy nhiệt huyết và thích bạo động. Được dịp lôi nhau bỏ lớp. Có những con chạy ra khoe mọi người "Tao vừa mới phá thai xong", nhóm phụ nữ Women Lib vỗ tay tán thưởng. Có bọn nửa đêm chui vào những phòng thí nghiệm thả chuột khỏi chuồng để rồi hôm sau hô hào "Hội Bảo Vệ Súc Vật đã cứu thoát hàng trăm con chuột để khỏi bị dùng làm vật nghiên cứu". Anh Đen đòi bình quyền xóa bỏ kỳ thị, anh Đỏ than nước này hồi đó thuộc về tao... Tôi cũng hăng máu đứng gần Jacob hô hào "Cứu người vượt biển."

Thì bây giờ tôi cũng có dịp lại được đứng gần Jacob ở một khung cảnh khác. Khung cảnh mà con người hình như đã mất đi sự hồn nhiên của tuổi trẻ, thay vào những tính toán con số. Hắn quay qua nhìn tôi hỏi:

- Hình như trông mày cao hơn dạo nọ thì phải?

- Không phải đâu, tại đứng gần mày thành như vậy. Tôi cười chỉ vào đôi giầy cao gót dưới chân.

Thật ra cũng nhờ Jacob mà lưng tôi đỡ khòm. Dạo nọ ngồi dí đầu vào sách riết lưng cong, mấy con bạn Mỹ chọc, tại người Á-Đông không chịu uống sữa tươi như tụi nó nên người thiếu chất calcium lớn không nổi, vừa thấp mà lưng lại khòm. Nhớ lại khi còn nhỏ, mẹ tôi hay thuyết rằng con người muốn bổ phần gì trong cơ thể thì nên ăn phần đó. Ăn tim heo cho bổ tim, thông minh nên ăn óc, gan đi với gan, thận đi với thận... Còn sữa chắc vì đất đỏ hay sợ cho con bú hư vú hoặc sợ sau này con gái lớn lên vú bự không tốt nên tôi vẫn còn bò trong nôi là đã bắt ăn cơm. Bây giờ thì muộn mất rồi, một ngày uống năm bảy ly sữa cũng vậy, không gỡ gạc được thêm phân nào.

- Dạo này mày vẫn làm cho hãng IBM. Tôi quay qua hỏi Jacob

- Ừ, chả gì thay đổi, còn mày vẫn bay đều.

- Nếu không mình làm sao có dịp gặp gỡ ngày hôm nay. Tôi cười.

- Nghĩ cũng lạ. Jacob nói - Hai đứa mình không người nào làm đúng nghề đã học

- Đâu ai biết mày học âm nhạc để bây giờ làm nghề gõ computer.

- Cũng đâu ngờ mày học hóa học để bây giờ bay đó bay đây.

- Tại tao là boat people. Tôi trả lời. Vượt biển qua đây sợ quá nên phải tìm công việc gì trên trời cho đỡ sợ.

- Mimi lúc nào cũng giữ được bản tính vui nhộn. Gần mày bao giờ tao cũng thấy trẻ lại cả chục tuổi.

Pha trò cũng như một lối che đậy khó hiểu vậy thôi, nhưng Jacob lại hiểu tôi nhiều nhất. Lối suy nghĩ về đời sống cũng giống tôi, bảo sao tôi không thích hắn .

- Lâu rồi mới có dịp gặp lại nhau, tao có chuyện muốn nói với mày. Hắn khom người xuống nói nhỏ.

Tôi gật đầu nhìn hắn.

- Mình đi tìm quán café nào đó được không? Đang lên cơn thèm một ly café “brulot”.

Đoàn xe giấy đã đi khỏi, thiên hạ kéo nhau nối đuôi theo sau. Chúng tôi đứng đó như hai bia đá cắm trên ngôi mộ của Louis Amstrong và của Sidney Bechet, mà lời nhạc hình như vẫn mãi mãi trải đều theo thời gian.

- Mình đến quán Café du Monde đi. Jacob rủ. Hình như chỉ có chỗ này là mở trễ.

Tôi tán thành. Nhớ lại khi xưa, mỗi khi học thi trễ, chỉ có khu vực West Bank với tiệm Café Ridleys chớp ánh đèn màu néon của thập niên 60 đề chữ Espresso ngay cửa kính. Tôi với hắn không hẹn chỉ cần nhìn nhau là xách giò chạy một mạch vào đó. Cũng nhờ dưới hầm chơi “Stand up comedy” nên tiệm này là tiệm cuối của khu vực đại học đóng cửa sau cùng. Bên Mỹ đâu

phải Việt Nam hay Paris, đâu có người rảnh rỗi la cà uống café buổi tối. Bọn Mỹ cái gì cũng kiêng với cữ, caffeine vào tối ngủ không được, sáng làm sao dậy sớm đi làm? Caffeine để tỉnh người, caffeine không phải để thức trắng đêm trò chuyện rồi ngày mai kéo lê thân xác thiếu ngủ vào sở. Nhưng đây là New Orleans, một thời thuộc về Tây. Nước Pháp thiếu tiền nên Napoléon bán lại cho dân Mỹ với giá mười lăm triệu cộng thêm vào đó văn hóa Tây, để sau này mới có những giờ phút thức trắng đêm ăn chơi. Tôi thầm cám ơn cái văn hoá còn sót lại để bây giờ tôi và hắn có dịp ngồi thưởng thức ly café nóng về đêm.

Jacob cầm tay tôi hỏi.

- Nghe đâu mày ly dị.

- Mừng cho tao đi. Tôi ngước mặt nhìn.

Một nụ cười thông cảm trên môi hắn. Khi xưa mỗi khi có chuyện buồn tôi vẫn hay đến tìm hắn. Giờ hình như tôi cũng có nỗi niềm riêng.

- Vì sao? Vẫn giọng nói nhẹ nhàng làm người nghe dễ tâm sự.

- Thằng chồng cũ tao vẫn còn quyến luyến tình mẫu tử. Tao cứ tưởng lấy chồng cùng một văn hóa dễ hiểu nhau. Ai cũng bảo vậy. Tôi kể lể. Ở đời có nhiều chuyện cười ra nước mắt. Tao lấy chồng đâm ra lấy luôn cả mẹ hắn.

- Thì mẹ chồng nàng dâu. Văn hóa của mày qua đây vẫn còn giữ được là hay. Tụi tao đến tuổi trưởng thành ông bà già tống cổ ra khỏi nhà, nên khi già họ vào viện dưỡng lão nằm, không đòi hỏi con cái phải trông nom. Jacob nháy mắt làm tôi vui.

- Nhưng ở đời có mẹ chồng nào tán thành việc con trai mình ngủ với con khác sau lưng vợ bao giờ đâu.

- Thì bây giờ có mẹ chồng mày đó!

- Mày đừng quên tao đã ly dị. Tôi nức nẻ cười đến chảy cả nước mắt.

- Cũng tại mày bỏ đi. Tôi buộc miệng trách hắn.

Dạo nọ Jacob bỗng dưng rời bỏ tiểu bang. Một ngày mưa gió chả đẹp đẽ gì tự nhiên biệt tăm không nói được đến một câu giã từ. Hình như lúc đó tôi có khóc, và hình như lúc đó tôi có giận.

- Lúc đó tao giận mày kinh khủng.

- Tao biết.

- Tại sao mày bỏ đi không nói một tiếng với tao. Dẫu sao tao với mày cũng...

- Có những chuyện không nói ra được nên tao phải đi. Nghĩ lại thấy có lỗi với mày. Jacob cắt ngang câu nói của tôi để phân trần.

- Đáng ra tao phải tâm sự với mày vì mày là đứa hiểu tao nhất. Nhưng lúc đó vì áp lực của gia đình mà tao cũng không biết mày có thông cảm để mà hiểu nỗi khó khăn tao phải đương đầu với. Chỉ có thời gian may ra con

người cởi mở và dễ chấp nhận hơn.

- Tao vẫn không hiểu. Tôi uống ngụm café nhìn hắn chờ đợi. Cái chờ đợi của những dấu hỏi vần trong đầu một cách chậm chạp.

- Tao yêu một người nhưng gia đình không chấp nhận.

Tim tôi đập mạnh. Yêu thì có gì lại không chấp nhận? Màu da, tuổi tác hay văn hóa? Xã hội Mỹ này, dễ dàng mở rộng tay chào đón mọi giống dân từ xa tới nhưng đôi khi lại quá khắt khe một cách vô ý thức. Nước Mỹ không cấm cản sự kỳ thị nhưng lại lên án những phụ nữ ăn mặc quần áo tấm hở hang.

- Có gì mà gia đình mày không chịu hiểu và mày cũng không thể nào nói cho tao biết. Tôi hối giục hắn.

- Vì người tao yêu cùng một giống với tao.

- Hả? Tôi hình như nghe không rõ hay muốn những gì mình mới nghe là một sự lầm lẫn.

- Tao muốn nói tao đồng tình luyến ái. Jacob nói nhỏ tôi đủ nghe.

- Không thể nào được! Trong một phút xúc động mạnh tôi hét lớn.

- Đó là sự thật. Hồi đó tao yêu hắn nhưng gia đình tao, mày hiểu gia đình tao chứ gì?

Đúng vậy, dân Viking khi đứa con ra đời người cha đi tới trước mặt đứa trẻ sơ sinh, cầm thanh kiếm ném xuống đất tuyên bố: "Ta sẽ không cho ngươi hưởng bất cứ một thứ gì. Ngươi chỉ được hưởng những gì chiếm được từ món vũ khí này". Một dân tộc tự hào như vậy, một dân tộc có truyền thống chia gia tài ra làm ba phần. Một phần cho gia đình, một phần giữ riêng, và một phần còn lại thuộc về Nabidh (một thứ rượu đặc biệt dùng để uống trước khi lìa xa cõi đời, ngày mà nàng hầu bị giết và hỏa táng theo chủ) làm sao chấp nhận có một đứa con không thích gần gũi đàn bà.

Tôi thấy nghẹn ở cuống họng. Tại sao? Những câu tại sao như vây quanh không một câu trả lời.

- Có lẽ mày là người không có lối nhìn phán xét, chỉ tiếc dạo đó...

- Tao không muốn nghe! Tôi lắc đầu.

Lúc này hình như hắn xa hẳn, cái nhìn cũng đã là xa lạ. Một tội lỗi. Đúng rồi một cái tội không thể chấp nhận được. Hắn là tên tội phạm không cần phải xử xét. Cho hắn vô tù, nhốt hắn lại. Không được nói, hai mươi lăm cents không cho gọi luật sư.

- Mày phải nghe tao Mimi ạ! Jacob cầm vai tôi lắc mạnh.

- Tình yêu, tình yêu mày hiểu không? Chính mày chẳng bảo rằng tình yêu không kỳ thị màu da, văn hóa và phong tục. Những thứ đó chỉ là những danh từ dùng để biện minh cho sự lầm lẫn của con người.

Tôi lặng nghe hắn nói. Một nỗi lạc lõng cô đơn của kẻ đang nghe? Hay

lời tâm sự của những người đang bị xã hội ruồng bỏ? Một dân tộc đang chờ cánh cửa thông cảm hé mở của nhân loại. Hình như cái gì cũng cần thời gian. Tôi thọc tay vào túi lấy tiền. Tay đụng phải bao condom. "Don't leave home without it".Có lẽ sẽ chẳng bao giờ có cơ hội dùng vào đêm nay.

- Thôi mình đi!

VŨ QUỲNH N.H.

KHẾ IÊM

chái xưa

Đã gẫy dập tiếng hót lảnh lót
Cháy tàn môi
Lửa bếp
Đò ngang
Thổi tăm tắp ngoài giấc thảng thốt
Trong sâu, ru hồn kinh hồn mang
Như vết dao chém, cõi hung hiểm
Ta gọi run cành cơn tang thương
Nhai ngấu nghiến thời lúc ô nhiễm
Lênh đênh bao nguồn, mây Tây phương
Từ thuở tuổi tác như đồng nát
Sương khói xây thành trăng mộ bia
Ta uống say khướt nước quẫn bách
Theo gió ra ngoài biên giới kia
Bóng núi xanh ngu bước ngây ngất
Đi về giây khắc như ma đưa
Ôi thôi ném quách thân vào đất
Ta gõ
Trầm luân quanh chái xưa.

KHẾ IÊM

CUNG TÍCH BIỀN

qua sông

Dòng họ Trần Liêu vào định cư ở bờ Bắc sông Thu một thời gian lại gặp chuyện chẳng lành. Mấy năm liền, mùa hè như trong lò thiêu, mùa đông như mùa đông giá, khí hậu khắc nghiệt, khắp nơi bị lụt lội, hạn hán, mưa đá, bão tố; lúa đang đòng đòng sâu bọ ăn hết, kiến vàng làm tổ trong măng tre măng trúc; giếng nước có rắn, dọc bờ sông cá sấu phơi mình trên cát; giữa trưa khô khốc từng bầy voi lang thang đi uống nước dọc bờ sông trắng. Gió như rao truyền những tai ương, và biển bủa sóng báo hiệu của hoang phá điêu tàn.

Về mặt nhân văn, con người không tin vào những điều thực tế; nhưng những cảm ứng tâm linh không còn chân chính; nó bị tác động, xua đi theo dấu chân tà thuật. Đó đây mọc lên lời kinh cầu, sấm truyền. Những phù thủy dạy cho con người những u muội, xuyên tạc, đẩy đạo lý đến cửa ngõ của dị đoan mê tín. Người ta thờ những con rắn hai đầu, gà bốn chân, cua mặt người, cọp biết nói. Tin đồn loan truyền, những đồng dao, những mẩu chuyện châm biếm cứ mọc cánh bay đi, tụ hội với trăm nghìn hoang tưởng, làm cho xã hội hôn ám càng nhuốm màu hoang đường. Bọn đồng bóng có nơi ăn chốn ở, quân ma mãnh giàu sang, kẻ trí thức thất sủng sống âm thầm thui chột. Óc tim tẩm độc.

Trần Liêu vay nợ phú hào nhiều năm vốn lãi chất chồng không sao trả được, Phú Hào đòi cào nhà và cùm gông Trần Liêu giải lên quan huyện. Trần Liêu đành đem cô gái Út xinh đẹp - Cô Giao Châu - mười bảy tuổi gả làm hầu cho Phú Hào trừ nợ. Kỳ hẹn mười năm Hào trả Giao Châu lại cho Liêu. Nào ngờ, sau đó Phú Hào đem Giao Châu nộp cho quan Huyện, gọi là món lễ vật quí giá. Quan Huyện mê mẩn Giao Châu đến quên cả vợ, nên người vợ tìm cách giết Giao Châu bằng thuốc độc.

Mãi mấy năm sau Liêu biết chuyện, tới huyện đường kêu oan. Huyện phán "Người đem con gái nạp cho Phú Hào trừ nợ. Vậy, con gái người là

món hàng, ai dùng chẳng được. Hàng đã dùng thì có hư hao, sao đòi?" Liêu kêu oan mãi, lại khóc nức nở vì thương con gái. Quan tức giận sai quân lính nọc Trần Liêu ra giữa sân nắng mà đánh ba mươi hèo, rồi đuổi về. Quan Huyện nhân từ cho Liêu tiền. Liêu không nhận.

Mang một cái đầu căm uất và một cái lưng máu về nhà. Liêu nói cùng vợ con: "Bỏ xứ mà đi thôi", vợ Liêu can ngăn: "Mình là dân, phải biết nhịn nhục mà sống, sao bỏ làng nước ra đi. Đi đâu về đâu?". Cậu con trai cả của Trần Liêu nói: "Quan lại hà khắc thì giết lũ quan ấy đi!". Cậu Út nói theo cách huyễn mộng của mình: "Ta sống không cần vua quan có được không?"

Rõ ràng bốn người bốn quan điểm khác nhau. Liêu muốn từ bỏ một nơi chốn khắc nghiệt để tìm đến một miền đất lành, như vượt sông Thu vào phía Nam chẳng hạn. Người vợ tòng quyền, nhưng không muốn rời bỏ nơi có mồ mả cha anh; nghĩ về những lao lung của dĩ vãng, bà rất sợ những cuộc ra đi tìm đất Hứa. Cậu trai cả rõ là muốn nổi loạn; dù đẫm máu, nhưng nó làm sạch triều đình. Cậu Út là khuynh hướng vô chính phủ: "Ta sống với ta, vua quan là cỏ rác".

Đi? Ở? Giết quan? Hoặc không cần vua quan? Song, trong gia đình ấy có một sợi dây vô hình và bí ẩn: bàn luận thì rộng rãi, cuối cùng vẫn theo lời cha. Họ sẽ ra đi. Nơi họ định đến vẫn trên xứ sở thân yêu của họ, nhưng là bên kia bờ sông Thu. Phải là Bên-Kia-Bờ. Bên kia bờ con sông mà định mệnh đã trót cho nó cái tên sông Thu.

Bấy giờ đang là mùa đông. Thời tiết năm ấy giá lạnh kinh hoàng, bão khô thổi xao xác, làm rừng núi khô vàng như chờ nhóm lửa. Sông Thu có dòng chảy rất xiết, xoáy bờ Nam, phá bãi Bắc, tạo ra những bãi phù sa cồn cồn lớp lớp, hoặc những vịnh nước mênh mông. Ngày ngày mặt trời như một cục máu đỏ hỏn trồi lên một chút là bị mây đen vây phủ. Bầu trời mang mang xám rộng, khi con sông Thu tràn tỏa, sóng reo như biển.

Ngày ấy, bờ Nam sông Thu hãy còn ít di dân tới định cư. Bờ Bắc còn lưa thưa xóm làng. Chen lẫn giữa những xóm lá hiu quạnh là rừng thưa hoặc núi đồi, đầm lầy. Từ làng tới huyện phải mất mấy ngày đường. Quan đi lại có ngựa, kiệu; dân cuốc bộ. Quan có lính hầu bảo vệ, dân phải mang giáo mác phòng khi đâm chém với voi rắn, heo rừng. Nông phu đi làm rẫy chạm mặt với thú dữ là sự thường. Cọp thấy người trước tức thì phóng về người xé xác mà nhai. Người thấy cọp trước thì đập giết cọp mang về, thịt ăn, da cọp làm áo hoặc làm phên vách quanh nhà. Đôi khi cuộc chiến đấu ngang bằng, cọp người gầm gừ rời nhau, cọp mang máu me chạy vào núi, người mang thương tích về nhà vợ con băng bó. Cọp gặm người vì bản năng, người giết cọp vì ý thức sinh tồn.

Trần Liêu có vóc người to khỏe như gấu. Cậu Cả giống bố, ngày ăn bốn bữa, mỗi bữa nồi cơm bự; luôn có ý tìm giết Phú Hào cùng quan Huyện. Trong Cả có dòng máu muốn đứng lên giữa trời, cây đao phơ mà quạt "cỏ

dại". Cậu Út, người mảnh mai, da trắng trẻo, mắt sâu mũi thẳng, cách đi đứng nói năng thanh tú, sính chữ nghĩa thơ văn; có tính khinh đời nhưng lại sợ chuyện đâm cọp giết người. Với cậu, thế gian này chỉ là cõi tạm; trong cuộc hành trình miên viễn của cậu, nơi đây chỉ là cuộc ghé chơi, ngẫm nghĩ xa xôi làm chi cho u hàn thể phách.

Thuở bé, có lần Út đi chơi sao đó mà lang thang vào một hang cọp. Liêu và Cả vác dáo đi tìm. Lúc tới nơi, người ta thấy cậu Út đang ngồi thu mình bên chú cọp con láng mướt màu nhau. Liêu ẵm Út ra khỏi hang cọp. Cả lăm le ngọn dáo. Liêu can ngăn: "Đừng giết cọp con!". Khi xuống núi, ba cha con gặp cọp mẹ trở về. Lần nữa Liêu nói với Cả: "Hãy tự vệ thôi, đừng giết nó. Nó còn con nhỏ trong hang."

Cha con Liêu xẻ gỗ đóng thuyền. Lại rèn thêm vũ khí.

Việc qua sông chỉ cần một chiếc ghe nhỏ là vừa nhưng họ đóng một chiếc thuyền khá lớn: như để vượt biển. Liêu giải thích rằng phải chở cả bàn ghế tủ giường, cối xay, chày giả gạo. "Ra đi, chỉ đi một lần không lui lại, có chi thì chở hết". Vả lại qua bên kia sông đã chắc gì tìm được cái sống lúc ban đầu dễ dàng.

Bà mẹ chuẩn bị lương thực, áo quần. Bà hái lá rừng phơi khô, những loại có thể là những món thuốc Nam, phòng khi chưa hợp thủy thổ. Hôm dọn bàn thờ người mẹ thấy cái hộp gỗ đựng cuốn gia phả đã bị mối mọt ăn, tượng Phật cũng vậy. Để yên thì là thần là tượng mà tháo ra ráp lại không được. Chúng rã tan. Như lớp bụi vô nghĩa. Như một cái gì rất đáng sợ giữa niềm tin cùng sâu mọt.

Bà mẹ đem chuyện này nói với chồng. Liêu nói nghiêm chỉnh, tuy có một thoáng bàng hoàng: "Cái gì hư mọt thì vất đi, không cần sơn phết làm gì nữa, cha mẹ Phật Tổ ở lòng ta".

Mùa đông rồi cũng trôi qua. Nhưng mùa xuân năm ấy kỳ lạ. Gia đình Liêu ăn cái tết từ biệt để chuẩn bị ra đi thì mưa lê thê kéo dài, gió Bắc khô lạnh. Khắp nơi, mai không nở. Cây rừng trụi lủi. Núi đồi hắt hiu bát ngát. Bầu trời luôn màu chì. Giữa tháng giêng sâu bọ bò rào rạt, hàng nghìn triệu con, san bằng đồng lúa. Cào cào châu chấu, kiến cao cẳng đầy nhà đầy vườn. Những luống cải hoa vàng trở thành màu nâu đen vì ruồi nhặng bu quanh. Bướm ong màu sắc tươi xinh chết đầy đất. Chuột chù chuột cống bò khơi khơi trong vườn ngày. Trong trái chín sâu dòi ngổn ngang. Nước đồng ruộng có màu đỏ loãng. Trên mặt nước đóng váng ngũ sắc, phản chiếu ánh mặt trời chiều trông hoang đường đến nhức mắt. Ý chiều mong manh như tơ lụa bỗng trở nên gớm ghiếc: "một mùa xuân ma."

Một hôm, quan Huyện đi thăm dân tình, gọi là chúc xuân, nhân thể ghé Phú Hào đánh chén cùng hãm hiếp kín đáo gái quê. Cậu cả nghe tin ấy, mang dáo ra đi, định giết chúng. Liêu can ngăn con: "Chưa có tòa xử chưa nên giết người!" Cả cãi lại: "Bọn chúng không còn là người. Mà ai ngồi tòa?

Ai xét xử?" Người mẹ vừa khóc vừa sợ hãi van xin: "Dù sao con gái mẹ cũng chết rồi, gây ra oan trái làm chi nữa". Cả giận dữ: "Trừ kẻ có tội, trả thù cho Giao Châu mà là gây oan trái à?" Cậu Út nói: "Thôi, xin mọi người hãy dẹp cất dĩ vãng đi." Hôm đó Cả bỏ ăn, nói với cha: "Suốt đời cha chỉ dạy con điều nhịn nhục, chịu đựng. Cha làm tê liệt ý chí con người!"

Thời gian dần qua, mọi việc chuẩn bị xong, ngày ra đi sắp tới. Liêu đem màu vẽ mắt con thuyền. Cả rửa thuyền. Dưới sức nắng mùa hè con thuyền bạc thếch vì nước lũ có bùn non phủ qua những ngày mùa đông. Trong lòng thuyền một lớp bùn nhão, ở đó một con rắn nằm khoanh tròn. Cả chặt một phát. Con rắn cụt một phần đuôi, vùng thoát, trườn mình hướng về phía đầm lầy. Cả vui nói: "Ngày xưa Lưu bang chém rắn, ra đi rồi làm vua". Trần Liêu nhìn con gằn giọng: "Chỉ toàn chuyện vấy máu". Cả nói: "Nhưng máu của chính đạo thì cũng cần thiết phải đổ ra lắm chứ". Cha con cùng cười. Nắng mùa hè chói chang. Dãy núi hùng vĩ phía Tây như nghìn ngọn sóng bát ngát trong trời xanh. Mây trắng chập chùng, trôi dạt cả dưới lòng con sông Thu xa xa.

Con thuyền được kê lên cao bởi hai cái đà gỗ. Trần Liêu lập bàn hương án, ăn vận chỉnh tề rồi cầm cọ chấm màu vẽ mắt cho thuyền. Cả nhìn cha vẽ, lại hỏi: "Người có mắt đây mà nhìn không thấy hết phương hướng, lạc mãi chốn vô minh, cha vẽ mắt lên gỗ đá mà chi?" Liêu giải thích: "Mắt của người là mắt thịt. Mắt gỗ đá mới hiển linh con trai ạ". Liêu không là họa sĩ nhưng điểm nhãn cho thuyền rất đẹp. Sau đó, họ lắp bánh lái, lợp mui.

Bà mẹ rất lưu luyến chốn cũ nhưng cuối cùng cũng đành phải xuống thuyền cùng chồng con. Hôm ấy người mẹ buồn lắm. Bà khấn vái tổ tiên. Đôi mắt ướt, nhìn hun hút về nương rẫy rừng núi. Liêu đứng ở bờ sông quay mặt về hướng Bắc lạy ba lạy, lại day về hướng Nam bái ba bái. Thấy lạ, Cả hỏi: "Sao cha lạy phương Bắc mà chỉ bái phương Nam?" Liêu giải thích: "Phương Bắc là tổ tiên linh hồn giống nòi ta". Út nói: "Theo con thì cha phải lạy phương Nam. Phải lạy cái tương lai. Còn quá khứ thì xá xá nó là vừa!". Liêu cúi mặt, thở dài, nhịn con.

Từ lâu Cả thắc mắc một điều nên gạn hỏi cha: "Này cha! Nghe rằng chúng ta là hậu duệ vua Trần?" Liệu nói nghiêm chỉnh: "Đúng vậy, chúng ta là con cháu chính thống vua nhà Trần, vì suy mạc mà ra đi". Cả lại hỏi: "Cùng một dòng họ nhà Trần sao một thời đầy rẫy anh hùng, những Hưng Đạo, Quang Khải, bây giờ lại toàn một lũ gian manh trộm cắp, hoặc đói khó đọa đày như chúng ta?" Liêu than thở: "Đó là vận nước. Cũng một dân tộc, một thời thế có thể rặt anh hùng, một thời rặt bọn khùng lũ điên. Thời hưng thịnh thì một người cày ruộng cũng giữ luân lý riêng mình và đạo đức giống nòi. Thời suy vi thì cũng dân quan đó nhưng là lũ ti tiện, coi trọng vật chất, xem thường đạo lý; vì cái sống thấp hèn, vì địa vị, có khi ám hại nhau không nương tay. Trong nhân loại, nước nào cũng có trường hợp đó, vận hạn mà. Nhưng chớ có buồn mần chi. Ở chỗ cùng kiệt anh hùng lại sẽ xuất hiện,

minh quân ra đời. Cuộc nhân sinh sẽ được vun quén trùng tu."

Thuyền hạ thủy vào một ngày rực nắng. Bầu trời xanh ngắt không một áng mây. Liêu và cậu Cả ăn vận gọn gàng, dáo mác bên hông, đai lưng bằng da thú, nón mây. Trông Út như một đạo sĩ trong lớp áo trắng phơ phất. Người mẹ hết nhìn bờ Nam xa tắp, dấu hiệu đất Hứa hãy còn mịt mờ nơi cái tường thành lau trắng xa xa, chưa một bãi dâu, chưa một làn khói bếp nhà. Bơi theo thuyền của họ là một bầy cá sấu vùng vẫy. Cả định phạt một dáo. Liêu can ngăn: "Ta có đường đi của ta, đừng chọc vào lũ sấu xà". Người mẹ tụng kinh. Tiếng lòng chan hòa sông nước, giữa cái nóng của mặt trời cùng sự reo thèm của lũ cá sấu dưới lườn ghe.

Họ cho thuyền ngang qua bờ. Sông mênh mông không cầu. Cầu quan lộ xa xa dưới kia năm ba ngày chưa thấy một bóng ngựa trạm.

Trước đây gia đình Liêu từng nghe người bơi thuyền qua sông, đi Nam về, kể lại những gì đã từng mắt thấy tai nghe. Câu chuyện khá hấp dẫn đối với Cả và Út khi được biết cách đó không xa có một con đường rẽ về hướng Tây, dẫn sâu vào núi. Một con sông chảy bạt ngàn trên đỉnh núi liền núi. Như một con sông huyền thoại, nhìn nó người ta tưởng nó chảy ngược, vì mắt ta quen nhìn sông xuôi về biển. Đó là hướng Tây của Quảng Nam - mở rộng về phương Nam - mà dòng họ Trần Liêu, con cháu vua tới lập nghiệp. Núi trùng điệp sừng sững. Những thung lũng trầm mặc, bí ẩn. Nơi miền xuôi, những tháp Chàm hiện lên như những cánh xương rồng khổng lồ. Đất đai hãy còn là những thảo nguyên hoang dã.

Người ta kể lại rằng có một kinh đô bị vùi chôn trong lòng một ngọn núi. Một dân tộc đã vùi chôn kinh đô của mình trước khi ra đi, bằng cách đắp núi lên đó. Người ta nghĩ rằng lòng đất là nấm mồ sẽ giữ cho kinh đô vĩnh cửu. Núi đó là Nhân sơn - mộ địa sầu bi, đầy huyền bí. Ngày nay, cái chất thơ hùng đó không chỉ bàng bạc trong sử lịch mà nó hiện hồn bâng khuâng trong từng từng cỏ lau trắng như khăn tang lưng chừng núi. Lúc bình minh, núi chìm trong sương mù như biển khói, và hoàng hôn núi lặng im một cách lạ thường, khi cả trời rực lên cái ráng chiều máu pha. Sau đó, núi chìm trong đêm im lìm, tìm cách đầu thai trong bóng tối.

Thuyền đang trôi an bình thì mọi người bỗng thấy dòng nước chảy xiết. Củi khô, bèo giạt ở đâu trôi về đầy. Mặt sông đen ra, mịt mù. Liêu đổi tay chèo cho Cả cầm bánh lái. Mọi người đang vui vẻ bỗng lo lắng. Con sông cứ như có thần linh làm cho nó càng xa thẳm hai bờ. Càng chèo chống, vươn tới, hướng về, mong qua, thì bờ Nam cứ dần dần xa tít. Bãi bờ phương Bắc hun hút với đầm lầy rừng thưa. Bầu trời nắng gắt giờ đây mây phủ, gió rao rao huyền hoặc không còn nữa. một cơn bão đã tới, gặt, giật, rung chuyển nghìn vạn âm thanh cuồng nộ. Gió khoét nước từ mặt sông tung cao lên không trung. Mưa không thể nào kể hết mưa. Từng tảng nước dội phủ lên thuyền. Người ta cảm tưởng bị rách thịt da, mặt mày vì từng cây nước trắng như bạch kim châm vào.

Cả vuốt mặt và nói: "Chúng ta bắt đầu chơi với quỷ thần rồi đây. Bọn âm binh bắt đầu ló mặt. Ta trốn xa lũ quỷ mặt người hóa ra giờ đây..." Út phất tay áo nói: "Đúng ra định mệnh chúng ta đang có ma vương thọc tay vào". Liêu răn dạy: "Hãy bình tĩnh các con. Lúc này mới là lúc thử sức người".

Trong cuộc chinh phục thiên nhiên, con người không hề muốn tiêu diệt nó, mà muốn hòa bình, nhân hóa nó. Con người cần lưu giữ thiên nhiên một phần nơi sọ não. Cuộc chơi đó lắm khi gay cấn, không thiếu phần mỉa mai tàn nhẫn, là một bên vẫn cứ muốn tiêu diệt một bên. Nhân loại có nẩy sinh nhưng lần lượt đi vào mộ; thịt da mãi bốc làn khói đen trong trời xanh. Con người tiêu diệt vi trùng nhưng định mệnh cỏ cây cứ nẩy sinh ra nghìn nghìn vi trùng mới, lạ lẫm và khôn ngoan hơn. Những cánh rừng vẫn bị chặt phá, ao hồ khô kiệt, không gian thấm độc, vậy mà con người cứ đào biển phá núi, lăm le đào xới những vì sao, tính tuổi mặt trời. Cho nên, trong qui luật đó, gia đình Trần Liêu đang được treo trên sợi dây bão tố, để thiên nhiên dày vò. Người ta có thể không tin vào thiên đường hay địa ngục, nhưng quả thật những mặc khải tâm linh đó không trừu tượng - ít ra về mặt biểu trưng; nghĩa là chúng ta đang ở trong nhau, bão tố thường trực mang thai trong khí hậu an lành.

Đối với gia đình Trần Liêu, con sông Thu giờ đây là một cõi lưỡng nghi hỗn độn: Bờ Bắc thì mờ mịt, bờ Nam tít xa ngàn dặm. Dứt bỏ dĩ vãng mà không có tương lai. Rời một đám khói mịt mù để mơ tới một bờ sương vô vọng. Trần Liêu đã dâng hiến một niềm tin sắt son cho bão tố. Cuộc trùng phùng chừng như dấu mặt, bôi vôi. Trần Liêu? Ngươi có đau lòng chăng khi từ bỏ một quá khứ dị dạng buồn nôn, để hòa mình cùng một thực tại rách nát bão dông?

Cả và Út không chèo thuyền nữa, mà gác mái chèo trong lòng khoang. Trời đất vẫn lòi cái mặt nạ xám xịt trong cơn thịnh nộ. Con thuyền răng rắc muốn bức làm đôi. Mũi thuyền trước như con thú chồm lên vồ mồi, mũi sau như con kình ngư chực lặn sâu xuống đáy nước. Nó đâm ngang, rẽ dọc, lại quay tròn, khi lao vào Nam khi trở ngược phương Bắc. Thuyền tự do theo cái hướng vô phương Phật của nó, sẵn sàng nghiêng hất cha con Liêu giữa dòng. Rồi, rật một cái, bánh lái gãy. Liêu mất thăng bằng bổ nhào vào lòng thuyền. Người mẹ cúi mặt vuốt nước, miệng tụng kinh: "Một lời kinh nguyện nhỏ nhoi mà dám van xin đất trời an bình?". Nhưng mẹ cứ tụng kinh, vì mẹ nghĩ rằng trời đất có lỗ tai để nghe những lời van xin hèn mạt nhỏ nhoi nhất trong thế gian.

Lạ thay, rất lâu, qua nhiều thử thách, thuyền không chìm mà cứ trôi mãi. Lại có vẻ càng lúc càng bình an khi sóng gió đã lặng. Đêm lên. Mảnh trăng lưỡi liềm vắt vẻo xa xôi. Bầu trời trở nên sâu lắng huyền ảo. Lúc đầu mọi người còn tỉnh táo, sau họ không định được mình đang ở đâu. Thậm chí họ không còn cảm giác ở trên sông hay biển khi mọi người bắt đầu mê dần.

Không gian như có mùi hương tinh khiết. Một bàn tay huyền bí nào đó giữ cho chiếc thuyền không còn bánh lái cứ mãi trôi đi. Mấy ngày đêm liền, thuyền không qua được sông mà trôi ra biển. Cuối cùng rất may mắn thuyền dạt vào một hoang đảo.

Cậu Cả là người tỉnh dậy đầu tiên sau một thời gian dài mê xỉu. Anh nằm dài trên cát ngơ ngác nhìn chung quanh và nhận ra cái nắng rát mặt của buổi trưa nơi hoang dã. Mùi biển tanh nồng hòa trong gió. Sóng vỗ tràn lan qua bãi trắng phẳng lì. Xa hơn, những mõm đá cheo leo chồm ra vịnh biển. Rừng rất xanh kéo lên tận đỉnh đảo. Một vài cánh chim chao liệng trong trời.

Cả cố đứng lên, lại mệt mỏi ngồi xuống. Chiếc thuyền còn nguyên vẹn, nằm trên cát, cách nơi nằm của cha anh và cậu Út không xa. Mẹ anh trong khoang. Đầu tiên, với cây dáo, Cả đào một cái giếng nhỏ trên cát, dùng tay vốc nước uống, lại bốc một nắm gạo sống mà nhai. Sau đó anh tới lay thức mọi người.

Họ đi dần vào chân đảo, tìm một cái hang trú ngụ qua đêm.

Về đêm, khí hậu đảo rất lạnh, sóng đánh rì rầm, tiếng chim và tiếng rú gầm của muông thú quanh quất. Mấy hôm sau, Liêu và Cả vác dáo đi thám thính quanh vùng và trở về cho người mẹ biết quanh đây không có làng xóm nương rẫy, nghĩa là không có dấu hiệu rằng con người đã từng sống hoặc từng qua đây. Người mẹ hiểu rằng gia đình đang rơi vào một tình thế hiểm nguy. Lương thực đã hết, vì trước kia bà chưa hề nghĩ tới ngày lạc vào hoang đảo.

Ngày qua ngày, người mẹ chôn dấu sự lo sợ tận đáy lòng. Bên ngoài bà cố vui vẻ, làm những việc giúp chồng con như khâu vá áo quần, quơ nắm củi, hái rau rừng, lấy nước từ cái giếng xa, sát vực biển, bằng cách khoét một vài lớp cát. Bà tìm một chỗ bằng phẳng sạch sẽ, trong hang đá - để thiết cái bàn thờ tổ tiên. Mẹ vái lạy hàng đêm, khấn nguyện người khuất mặt - tiền linh giống nòi, ông cha, chú bác, anh em thân thương; cả những oan hồn cô quạnh, những kiếp chết linh hồn nát mầm thành cô hồn của quỷ ma - để mong chờ phút giây cứu rỗi.

Một hôm Cả đâm được một con thú, xẻ thịt ăn. Con người ăn thịt mãi cũng khó thành người. Những đám rau rừng dần dà cũng mòn tiệt đi, vì bốn miệng ăn. Ở chốn sỏi cát, cũng có thể trồng lương thực rau quả, ngặt vì không có hạt giống. Rất may, nơi đây vẫn còn ít loại rau và hoa quả nuôi người. Nhưng người đâu là khỉ, núi rừng cho chi ăn nấy. Nên, thời gian lấy dần thịt da máu tủy người.

Một buổi chiều xám, ba cha con Liêu vắng nhà, người mẹ ngồi thu mình trong hang đá bỗng nghe tiếng động ngoài cửa hang. Mẹ rùng mình hiểu rằng loài thú rừng cũng đang đi tìm một cái hang ấm áp. Chúng đang ngắm nghía cái hang của mẹ. Đêm nằm mẹ mơ thấy những điều không vui.

Trong thế giới hoang đường của giấc ngủ mẹ nghe cả tiếng cười vui nhưng rất đau lòng, của chồng con. Họ đang chống lại một định mệnh cay đắng. Những con người khỏe mạnh dũng cảm ấy đang bị biến thể, trở nên những bộ xương.

Nhiều hôm trời thanh nắng tốt, mẹ đứng trên mỏm đá cao nhìn mông lung, cố tìm dấu hiệu của đất liền. Mẹ theo dõi cánh chim, mong thấy vệt xám xanh ở chân trời, hay một cánh buồm nào đó qua đây. Mẹ tuyệt vọng cùng tháng ngày, vì trong cái mông lung xanh ngắt kia không một dấu hiệu bến bờ.

Mùa đông lạnh giá lại về. Những mảnh áo tấm quần rách nát. Trần Liêu là một bộ xương có mái đầu bạc: một cái đầu lâu có tóc, có cái nhìn, có tiếng cười, và sự bất trắc vẫn còn đeo đuổi.

Đêm đêm, người ta đốt đống lửa hồng là để cho ấm, để trò chuyện với nhau như ma trong mồ nhớ dĩ vãng trần gian - Lửa ấy ít bị nấu một thứ gì có chất gạo. Da người thiếu chất bột đã trở thành màu da bụng của rắn mối, pha một chút xanh lơ bệnh hoạn của thiếu máu, của mong chờ đất liền, của một ngày về đang chìm trong sương biển. Mọi người trong gia đình Liêu rất thương yêu đùm bọc bảo vệ nhau. Nhưng chính sự khắng khít can đảm đó, trong cảnh khốn cùng đặc biệt, cũng là một hoạt cảnh mỉa mai: Họ dần dà biến thành vượn để hoàn chỉnh cái sống của kiếp người.

Một hôm bà mẹ nói - đúng hơn là một bộ xương nói:

- Nếu tôi chết, rất mong mình và các con hãy ăn thịt tôi mà sống qua ngày.

Liêu cắn môi, rít qua kẻ răng:

- Đừng nói điều vô đạo.

Bà mẹ nghiêm chỉnh, nói lời nguyện cầu; như một sấm truyền đầy cảm hứng thần linh, như máu trong mẹ nói:

- Sao là vô đạo? Tôi là vũ trụ tạo ra chúng. Lúc nằm trong bụng tôi, chúng chẳng từng hít máu tôi, thở trong tôi, ăn hút tuỷ xương tôi đó sao. Khi là bào thai lại hoang vu ăn thịt người, lúc thành người lại mang đạo đức ra trá hình đối với những dâng hiến cuối cùng.

Người Mẹ, sau đó, kể cho hai con nghe một câu chuyện đầy ẩn dụ rằng ngày trước có một đám tù vượt ngục từ một trại tù nơi một hòn đảo lớn - địa ngục trần gian. Họ lênh đênh trên biển - với một chiếc bè ráp tạm - rồi trôi dạt vào một hoang đảo. Đói lạnh bệnh tật, nhưng là những người tù chính trị chân chính, họ không hề tuyệt vọng, rất can đảm và minh sáng trong hoàn cảnh hiểm nghèo. Thế là một trong đám người họ quyết định tự tử. Để làm gì? Để những anh hùng kia lấy thịt mình mà ăn. Con người kiên cường kia biết rằng những người cùng chí hướng với mình sẽ giải quyết cái thân xác tạm thời của mình để tiếp tục làm cái việc muôn đời cho muôn người.

Nghe xong, Cả và Út lặng lẽ kinh hoàng. Họ cúi mặt khóc. Ngọn lửa hồng vẫn tiếp tục chảy giữa dòng đại hồng thủy. Sự nghịch lý tàn khốc kia hóa ra vẫn là một xúc tác trong sinh tồn. Tập tục thường hằng lắm khi phải lùi bước trước những điều cao cả: sự tan vỡ cùng cực của đại biến để mở màn cho một kết thúc.

Từ trong hang động mẹ nhìn ra biển lớn. Lúc đó bầu trời thanh thản một cách lạ thường. Bầy chim biển sà trên mặt nước xanh. Sóng bạc đầu xua vào bờ hằng nghìn cánh bạc, lấp lánh nắng. Một lúc mẹ nói, giọng rất ấm:

- Các con nghe mẹ bảo. Nơi đây không thiếu thịt thú rừng. Nhưng các con hãy ăn thịt mẹ. Không là thịt người. Không bao giờ mẹ là thịt người. Mẹ là thiên nhục.

Lời Mẹ quả là điềm gở. Hai hôm sau Mẹ qua đời trong cái hang đá lạnh lẽo ấy. Cả nhà khiêng Mẹ ra đặt trên một phiến đá cao bằng phẳng. Biển bao la thanh thoát. Bầu trời rất cao xanh. Tinh tú như tỏ rạng ngay giữa ban ngày. Bầy hải âu bay, những cánh thiên đường. Rất xa, một chiếc cầu vồng bảy màu hiện ra chênh chếch, nơi đó đang có thể là mưa trong nắng, tụ hội thần linh, nơi có thể sẵn sàng đón một linh hồn tinh khiết nhất, cao cả và thăng hoa nhất.

Không ánh đèn, không nhang khói, không kèn đưa trống thổi. Chỉ có sóng trắng bủa xa xa. Chỉ có tiếng rừng của đảo trở nên âm thầm ray rứt. Và chỉ có cậu Cả cầm cây giáo múa như điên trong không khí. Cả muốn đâm mặt trời, muốn chém mây trắng, muốn chặt gió đang vi vu, muốn lấy máu của đá.

Sau cùng, Cả cắm phập ngọn giáo lên nền cát rồi gục khóc nức nở.

Trần Liêu chôn vợ một cách thầm lặng, dưới chân viên đá tảng. Đầu người quay về hướng mà người ta tin rằng có đất liền nơi quê nhà. Liêu căm giận nói với hai con:

- Giao Châu con gái ta bị chết thảm dưới tay cường quyền. Nay, vợ thân yêu của ta cũng chết thảm thương lúc ta bôn đào. Nếu ta gặp cái thằng Số Mệnh ở đâu ta chặt đầu nó ở đấy, nếu quả thật có một thằng Số Mệnh bằng xương bằng thịt.

Vài hôm sau, kể từ lúc Mẹ nằm yên trong lòng đất, buổi chiều, không gian bỗng huyền hoặc lạ thường. Màu trời vàng lênh láng, mây trôi chập chùng, gió nhẹ, biển lặng. Xa xa, vẫn cái cầu vồng màu sắc hiện lên, như một chiếc cổng trời đầy hào quang. Thế gian như gọt đẽo thần tốc để có một phong diện kỳ ảo. Theo sóng biển, một con cá nhà táng trôi dạt vào, kề bên nó là một chiếc thuyền nhỏ. Vào bờ được vài phút, cá nhà táng đã chết. Cha con Liệu tìm thấy trên ghe có rất nhiều lương thực, thực phẩm, thuốc men, áo quần. Lại có một ít vũ khí, một la bàn và một bản đồ hải hành. Năm người trên ghe đã chết, máu me đầm đìa. Có những bịch gạo thấm máu tươi như xôi gấc.

Thời gian trôi đi.

Đã hơn mười năm cha con Liêu sống nơi hoang dã. Họ xây nhà, gieo hạt, trồng cây. Họ biến một phần đảo có hồn người. Họ khắc đá dựng bia trên mộ người Mẹ. Họ tìm cách để lại trong hang đá những ký hiệu, những lời dặn dò mong hướng dẫn những kẻ không may sau này lạc vào hoang đảo như họ. Từ lâu, rất nhớ đất liền, cha con Liêu thề tìm mọi cách trở về. Chim có tổ, nước có nguồn, cha con Liêu mong một mảnh quê hương, được nghe tiếng nói của đồng bào mình.

Họ tự học cách sử dụng la bàn, bản đồ hải hành, cù bị lương thực, xẻ gỗ đóng thuyền. Thời gian đó, may mắn thay, một vài chiếc thuyền buôn ghé đảo. Họ được tiếp xúc với những thủy thủ da trắng mà họ cho là man di - một loại người rừng đẹp đẽ. Rút kinh nghiệm của lần ra đi năm xưa, bây giờ họ chuẩn bị kỹ lưỡng hơn; bàn bạc với nhau tìm phương cách đối phó nếu gặp hiểm nguy.

Trần Liêu nay đã là một cụ già, giàu kinh nghiệm nhưng sức sống không còn mãnh liệt như xưa; niềm tin cũng mòn mỏi, Liêu không dám khẳng định một may mắn có thể chuẩn xác trong tương lai. Cả đã là một gã đàn ông rắn rỏi, cương nghị. Những ngày cô đơn, gian khổ, tuyệt vọng đã dạy Cả, nung đúc Cả thành một con người gan dạ, có chí hướng. Riêng cậu Út có khác. Út thường trực ưu tư, có dấu hiệu tâm thần. Đi đâu về đâu, Út vẫn thấy những bất hạnh vây quanh. Những ám ảnh siêu hình, những suy niệm duy tâm luôn đè nặng lên tâm cảm cậu ta. Có lẽ Út sẽ trở thành một nghệ sĩ cô đơn, ca ngợi cái đẹp trong đau xót riêng mình; dành lòng nơi một cõi trú rất phi lý mà phải tha thiết với nó, vì nó. Út rất viễn mơ nhưng lại không tin vào điều tâm nguyện, rất khinh đời, khuynh hướng vô chính phủ, thiếu óc tổ chức. Với cậu, hy vọng chỉ là một sự phiền muộn, mong ước là dấu hiệu của xót đau riêng tư. Út cho rằng con người tự kéo sợi tơ tham vọng quanh mình như con tằm nhả kén chung quanh, sau cùng, đành chết giữa lòng tơ.

Sáng hôm ấy trời quang mây tạnh. Sau khi kiểm điểm "quân mã", cha con Liêu bái biệt hoang đảo, xuống thuyền dong buồm ra đi. Ra đi? Có nghĩa là tìm về.

Lúc rời khỏi mái tranh nhỏ, nhìn mộ vợ dưới chân viên đá tảng, những nương rẫy hãy còn mầm xanh, những hoa vàng quanh bờ dậu, những con dê được mở cổng chuồng cho chúng về đỉnh đảo, bầy dê lại đi quanh quẩn trong vườn, như nhớ ai, chúng đi dọc bờ rào gặm những đọt xanh; Liêu động lòng nói: "Hóa ra đây là quê hương thứ hai, đã có máu và mồ hôi chúng ta!" Cả nói: "Sau này thế nào chúng ta cũng trở lại đây. Có lẽ đây cũng là một hòn đảo quê nhà".

Ngồi trên sóng bạc đầu, Trần Liêu nghĩ miên man về con sông Thu, về Giao Châu, căm giận bọn Phú Hào, quan huyện. Liêu nhớ ngày tuổi nhỏ cùng cha vượt đèo vào bờ Bắc sông Thu lập nghiệp. Một đoàn người biệt xứ

ra đi, từ đâu đó, tới đâu đó. Có dấu chân người là có con đường, có xóm làng; những dây thân ái cùng khổ đau nối kết, giăng tơ; và có những tên tuổi để gọi danh cho nó. Con người đã làm ấm đất đai vốn nghìn xưa tẻ lạnh.

Thuyền buồm trôi dạt được hai đêm ngày thì bọn họ thấy đất liền mờ mờ. Rất vui mừng, nhưng ba cha con Liêu lo ngại rằng có phải mình đã đi đúng cái hướng mình muốn tới, hay sẽ lạc vào một vùng người xa lạ, phải đâm chém vong mạng mới tìm được chốn nương thân.

Cả đề nghị không nên cập bờ ban đêm. "Tối trời nguy hiểm lắm". Liêu nói: "Cặp bờ ban đêm sẽ tránh được sự dòm ngó của dân địa phương". Đôi mắt cứ đăm đăm nhìn vào mớ vũ khí, nghĩ tới một cuộc đụng độ với người xứ xa lạ, Út nói: "Lần này chúng ta gặp một hoang đảo nữa, ắt thành tiên thành Phật".

Lúc bình minh rựng rựng ở phương Đông, vạn vật còn chìm trong lớp sương mờ ảo, thuyền của cha con Liêu cặp bờ an toàn. Trước mặt họ là một vùng nhấp nhô những đồi cát, rừng phi lao thưa thớt. Vượt qua những đồi nương, mặt trời đứng bóng, cha con Liêu gặp những cánh đầm lầy, nước xâm xấp. Rồi những khoảng rừng tràm gần như vô tận. Chưa thấy nhà, chưa thấy khói, chỉ thấy bóng chim bay, tiếng sóng vỗ về sau lưng. Đêm đầu tiên cha con Liêu ngủ dưới một tàng cây đa lớn, chim chóc về đầy. Họ vui mừng vì trong tiếng chim lao xao có một cái gì tuy xa vắng nhưng quen thuộc. Có khi chỉ gặp bóng dáng thiên nhiên đã nhận ra quê hương mình. Có khi chỉ thoáng thấy màu núi xanh lơ đã nghe lòng nao nức mùi vị quê nhà.

Cha con Liêu cuốc bộ hai ngày đêm thì gặp một cánh đồng khô, sau khi tìm cách vượt qua một con sông rộng. Từ phía hữu ngạn đi lên, trong nắng chiều, họ bắt gặp hình ảnh xa xa một tháp Chàm. Cái khối xương rồng khổng lồ ấy hiện lên nền trời xanh, làm rực cháy trong tâm cảm cha con Liêu một niềm tin quen thuộc. Họ mừng rỡ nắm tay nhau. Lần đầu tiên những nụ cười của họ có màu sắc, sau nhiều năm xám xịt âu lo.

Họ bắt gặp một con đường mòn. Vậy là đã có dấu chân người. Vậy là da thịt người đã làm mòn mặt đất, cát bụi đã bắt gặp mồ hôi người, người và đất hơn một lần trò chuyện. Sau cùng cha con Liêu đi vào một vùng đồi thấp. Cả bảo: "Hãy gắng đi lên cái ngọn đồi cao nhất kia kìa". Ý của Cả là nhân đó có dịp quan sát chung quanh, tìm phương hướng cho ngày mai tiếp tục hành trình.

Lúc lên tới ngọn đồi cao nhất là lúc mặt trời sắp lặn. Hoàng hôn tim tím, nhãn quang của cha con Liêu bỗng rực rỡ một không gian thoáng rộng khi xa xa bên dưới là con đường quan lộ - có lẽ là xuyên Bắc Nam - những ánh đèn leo lét của vài xóm nhà, những rặng cây bóng tối. Con sông ngoằn ngoèo dẫn về Nam, không một cây cầu. Tất cả hãy còn nhuộm vẻ hoang sơ, đầy đậm chất huyền ảo, của miền đất một dân tộc bỏ đi và một đám di dân chưa kịp tới. Bóng tối thì luôn luôn giống nhau nhưng cái màu sắc nhân văn,

cái ẩn số thần linh hãy rất là khác nhau. Ở những cực điểm của hoàn cảnh, con người luôn luôn bị vò xé bởi tâm cảm khó định hình. Mỗi cha con Liêu rơi vào một trạng thái tinh thần hoàn toàn khác nhau. Cậu Út rất ngợp trước những cơn gió không biên cương nơi đỉnh đồi. Cậu lại ngạt thở trước tình huống tự do, mà theo cậu, không đáng tán dương gì. Cậu muốn chết ngay tức thì.

Đêm đó, cha con Liêu ngủ trên một khoảng đất trên sườn đồi phía Nam - hầu hết những xóm làng trên sườn đồi hay sườn núi Việt Nam đều nằm ở phía Nam. Vì sao vậy? Vì họ tránh gió mùa đông tanh lạnh, từ phương Bắc thổi vào. Ai không tin, cứ đi khảo sát địa lý phong thổ và hiện tình sinh hoạt thì khắc biết. Mọi người mệt mỏi, không ai nói với nhau được điều gì. Một người ôm ấp một an lành riêng tư, nhấm nháp cái hương vị đất liền sau nhiều năm xa cách. Dấu hiệu phục sinh được họ nhận ra trong tiếng chim rừng quen thuộc, trong mùi cỏ, và trong từng lá cỏ đâm nhói - dưới bờ lưng không mền chiếu.

Khuya, trời lạnh buốt. Trần Liêu tìm cách đốt một đống lửa. Cha con ngồi vây quanh sưởi ấm: những bộ xương hồng. Liêu nói: "Chúng ta lập nghiệp tại nơi đây được rồi các con ạ". Cả nói: "Hãy đi thêm nữa. Ngày mai có khi ta chúng ta tìm được một vùng đất phì nhiêu lý tưởng hơn". Út nói: "Chúng ta là những người trồng *kiếp người* cho mai sau chứ không phải trồng cây măng cây lúa".

Không gian như đượm hương. Đêm một màu đen tuyền, muôn nghìn mắt tinh tú. Cách đó không xa, sóng bờ Bắc sông Thu vây bủa, và những bầy voi trầm mặc đi, những con cọp vồ người vẫn còn giấu mặt chờ sáng. Đã đổi quan huyện mới, nhưng Phú Hào đã xây cất thêm được những dãy nhà mới. Cuộc sống vẫn tiếp tục đồng bộ đi tới bằng mỗi bước chân ác quỉ trá hình; và trong hiện thực màu xám hãy còn nhiều đầu lâu khoác mặt nạ.

Đám lửa giữa cha con Liêu bừng lên, và những đám hồng reo nổ - do những thanh cây có chất dầu tìm hơi ấm. Cậu Út dõi đôi mắt vào đêm, như tìm cái tiền kiếp của cậu, hay cái gì đó mà cậu vẫn cứ mơ màng là một phần hồn đang cất cánh bay đi. Một số những con nai con sóc thấy ánh lửa chạy tới nhưng thấy người chúng lại phóng mình đi, với chim chóc, cọp, beo, cả chuồn chuồn châu chấu trên ngọn đồi này, trong khu núi thấp triền miên là rừng này. Đêm nay, bọn chúng nhận ra rằng đã có bọn người đặt chân tới; nghĩa là rồi ra, chúng sẽ tìm nơi nương thân khác. Giữa đêm tịch mịch, trong ánh hồng soi mặt, Liệu nhìn hai con rồi đột nhiên nói; giọng đầy âm sắc ngọt ngào:

- Các con, hãy vui sống để làm lại tất cả. Chúng ta đang, và sẽ bắt đầu. Dẫu là trong đêm tối mịt mùng, nhưng trên quê nhà, hôm nay ta đã đốt được một ngọn lửa hồng.

*

Ngọn lửa hồng ấy được đốt lên cách đây tròn sáu trăm năm, ngày Quảng Nam thuộc về đất Việt, những cư dân đầu tiên đã tới. Ngọn đồi xưa kia cha con Liêu tới đốt lửa nay là Nổng Ông Tào. Ngày nay quanh đấy đã đầy những nương rẫy, xóm làng, cuộc sống cứ mãi đổi thay và tiếp tục. Những dấu vết xưa nay có xóa nhòa, tà huy hay bừng sáng, hy vọng nối hy vọng, khổ đau chồng chất khổ đau, máu pha máu, mồ hôi cạn dần trên mỗi xác thân lương thiện, cuộc sống con người có khơi mở, sự lạc hậu tối tăm có thể bị đẩy lùi, nhưng không phải thế, vì vậy mà những manh tâm nơi con người cứ tuần tự phai tàn đi. Mỗi một con người sớm mai đẩy cửa ra đường đã nhanh chóng có một cái thằng bản ngã của nó huênh hoang và lếu láo bước theo, và con người lương thiện ấy vẫn tưởng nó - cái phần phân thân kia - đương nhiên phải có như một chiếc bóng của ta trên mặt đường, dưới bóng mặt trời. Ngày ngày chúng ta phải cứ hòa nhập với kẻ thù, chung cùng một trái tim.

Thuở bé tôi từng nghe cha tôi kể câu chuyện trên - vẫn buổi tối trăng lên ở ngọn cây gòn đầu ngõ, tiếng chuyện trò văng vẳng của các thôn nữ ở vườn bên; tiếng chim đêm cùng trái rụng; gia đình quây quần bên mâm cơm, trên cái sân gạch lung linh ánh trăng, lót dưới mâm cơm là chiếc chiếu trải nền. Và lót dạ thêm cho những bữa ăn thiếu chất là các truyện cổ tích, giai thoại, những câu đồng dao, những câu tiếu lâm. Cái hương vị quê mùa thơ mộng ấy làm câu chuyện về cha con Trần Liêu thấm đậm trong tôi. Đầu óc trinh bạch của tôi thuở ấy giữ mãi câu chuyện trong một thần thái an lành.

Câu chuyện Trần Liêu không phải là chính sử, chẳng là chuyện thần thoại, cổ tích, thậm chí có người cho rằng đó là một câu chuyện không thể có thật. Tôi không nghĩ như thế. Bị một đau khổ đích thật còn hơn là một niềm vui giả tạo. Bằng vào tính chất trong sáng, nhân bản, không xa lạ với hiện thực, tôi tin rằng câu chuyện Trần Liêu là có thật. Nếu không, chúng ta để "Tính Người" đi đâu, khi ngày nay nhìn mặt, gọi-là-mặt-người.

Ngọn lửa kia đã tàn trong thiên thu. Con cháu Người-Đốt-Lửa hãy còn. Lửa ấy không chỉ là một thứ ánh sáng vô cảm, trong một xã hội máy móc, lạnh lùng. Lửa ấy cũng không siêu nhiên xa lạ, cũng không nằm chết trong ý nghĩ hạn hẹp hiện thực của lửa. Nó có thể đã biến thành một dạng ánh sáng khác: đậm đà như ca dao, rực rỡ như lời ca hạnh phúc, hay ngậm ngùi như tiếng hát gọi nát lòng của những thân phận hẩm hiu của Mẹ, của Giao Châu.

Ngọn lửa thiên thu kia đã có một linh hồn và một tác động vĩnh cửu. Chúng ta ghi nhớ lại, cũng có nghĩa là sẽ đốt lên.

Và, chúng ta chẳng hề quên câu nói tiềm vọng của Liêu: "... Chúng ta sẽ bắt đầu làm lại tất cả. Dẫu rằng trong bóng tối mịt mùng, nhưng trên quê nhà, hôm nay chúng ta đốt ngọn lửa hồng".

CUNG TÍCH BIỀN

(Trong nước)

PHẠM CÔNG THIỆN

chú bếp tài tử làm thơ tặng cho hồ xuân hương

Cỏ Thì Là cớ sao mịn quá
Lông tơ thơm khuya sớm đậm đà
Nồi canh rau còn đôi mắt cá
Trắng hường như num núm tiểu nga

tắm sông đêm nguyên tiêu nhớ hàn mặc tử

Em bỏ đi khi tôi tắm sông
Trăng rằm lấm tấm lỗ chân lông...

ars poetica gửi cho czeslaw milosz

A poem should not mean
But be.
Archibald Macleish
(Ars Poetica)

Thơ chỉ là một hơi thở nhẹ
Của thần linh?... của con chim sẻ.

ars poetica
gửi cho o.v. de l. milosz

... Mỗi nhịp thơ xé rách cuộc đời
Rã rụng mặt trời trong kẹt tối...

thơ cho basho, buson và issa

Cô đi bông sứ rụng trên đầu
Bướm đỏ liệng vành tìm chỗ đậu
Gió tây hất mạnh tung làn tóc
Bướm vụt bay đi người chợt sầu.

thơ nhớ thi sĩ điên antonin artaud

(toute l'écriture est de la cochonnerie
... Toute la gent littéraire est cochonne,
et spécialement celle de ce temps-ci)
Antonin Artaud

Người điên đứng dậy người điên nằm
Kẻ chết đầu năm kẻ cuối năm
Làm văn nhơ nhớp như heo nái
Còn ta ú ớ đạp trăng rằm

PHẠM CÔNG THIỆN

ĐÀO TRUNG ĐẠO

một vài vấn đề phê bình văn chương từ những tranh luận về nguyễn huy thiệp

I.

Những ý kiến, suy nghĩ dưới đây qua việc xem xét phần II của cuốn *"Nguyễn Huy Thiệp, Tác Phẩm Và Dư Luận"* (nhà xuất bản Trẻ in năm 89 ở Việt Nam) có tính cách lý thuyết khái quát về một số vấn đề phê bình văn học. Bỏ sang một bên chính cái "cớ" của những tranh luận này là Nguyễn Huy Thiệp, một tác giả truyện ngắn được sự chú ý nhiều nhất của quần chúng độc giả thuộc các thành phần khác nhau ở trong nước sau 1954 đến nay, gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi không chỉ trong phạm vi văn học, và mới đây cũng đã được đọc và nhắc tới nhiều ở ngoài nước từ những góc độ và trong các khung cảnh văn hóa khác nhau. Tuy nhiên trong bài này Nguyễn Huy Thiệp qua các trích dẫn từ một số truyện ngắn của ông, và đôi khi cả những bài phát biểu hay tham luận, được chúng tôi dùng như một cái nền tiếp cận của lý luận phê bình với sáng tác. Chúng tôi không làm công việc phê bình Nguyễn Huy Thiệp, nhưng nếu độc giả đã quen thuộc với những truyện ngắn, nhất là những truyện ngắn lấy lịch sử làm đề tài của ông, trong khi cùng tham dự vào việc khảo sát này với chúng tôi cũng có thể nắm bắt được một số điểm khá quan trọng trong việc đọc Nguyễn Huy Thiệp.

Chúng tôi nhận thấy việc phê bình Nguyễn Huy Thiệp trong lúc này đặt ra nhiều vấn đề khó khăn. Trước hết, ở ngoài nước chúng ta không trực tiếp tiếp cận với cái nền của bản viết Nguyễn Huy Thiệp là những thực tại và những vấn đề nằm trong những thực tại này hết sức đặc thù, chỉ thấy có trong khung cảnh Việt Nam hiện nay vốn là một thứ sản phẩm muộn màn

quái đản của lịch sử ngay cả khi được nhìn dưới góc độ hiện thực xã hội chủ nghĩa, bởi những người đã tham dự vào việc tạo nên một cái cộng đồng lạc hậu vây bủa những con người chỉ biết chịu đựng ở trong. Thứ đến, Nguyễn Huy Thiệp với quan điểm và tư thế sáng tác nhằm phản ứng lại khống chế của hệ tư tưởng nhà nước qua chủ trương áp đặt hiện thực xã hội chủ nghĩa lên văn học, thì đó lại chỉ là vấn đề của những người đang làm văn học nghệ thuật đã chấp (hoặc / rồi) phủ nhận chủ trương đó: họ đang ở trung tâm cơn bão, nhu cầu giải quyết vấn đề chỉ cấp thiết với những người trong cuộc. Tuy nhiên nếu không coi bối cảnh văn hóa trong nước là toàn thể văn hóa Việt Nam của một giai đoạn nhất định, nếu coi sinh hoạt văn hóa là một hiện tượng toàn thể có đặc tính tự lập nhưng không có tính loại trừ lẫn nhau trong các thành phần, thì sinh hoạt văn học ở ngoài nước cũng có một vị thế văn hóa mang tính chất toàn phần không thể thiếu nếu muốn nhận thức sâu sắc và đầy đủ về cái toàn thể văn học nghệ thuật Việt Nam trong những thập niên cuối 20 đầu 21. Nói như vậy cũng có nghĩa Nguyễn Huy Thiệp và những tác phẩm của ông trong một giới hạn nào đó cũng cần được xét đến sau này.

Tuy nhiên, cho tới nay theo chỗ chúng tôi được biết Nguyễn Huy Thiệp - đôi khi được nhắc tới như một "huyền thoại": "mắt" cơn bão đang xô đổ những cột chống cuối cùng cơn khủng hoảng của chế độ, kẻ báng bổ thần tượng và tàn phá niềm tin của dân tộc v.v..., (chỉ xin nhắc những cách gọi tên "lộng giả thành chân"), là một cây viết chỉ mới xuất hiện trên dưới năm năm với số lượng truyện ngắn không quá ba mươi truyện, một vài bài tham luận phát biểu và hai vở kịch ngắn, thì việc phê bình văn chương ông phải chăng là vội vã, thiếu nghiêm chỉnh và không công bằng? Hơn nữa, nếu như Nguyễn Huy Thiệp và những tác phẩm của ông có làm thay đổi được tư duy tiểu thuyết vốn đã hết sinh khí từ hơn năm mươi năm nay của những nhà văn Cộng sản, đối với chúng ta ở ngoài nước, sống trong môi trường có sự tiếp cận sâu rộng với văn hóa thế giới, với những vấn đề có tính phổ quát cho thời hậu-hiện-đại này - thời đại đánh dấu bởi sự mất ngôi vị chính thống của tất cả những siêu-thuyết (metarécits - Jean-Francois Lyotard), khi đọc những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp người đọc chưa thể cấp thẻ hội viên cho ông vào "Câu lạc bộ tiểu thuyết hiện đại" ngay lúc này được.

Trong lý thuyết phê bình văn học cũng như trong thực hành sáng tác văn chương, việc tháo gỡ, phát lộ những vấn đề cơ bản của văn học được coi là khởi điểm cần thiết cho sự lay động cái đáy sâu của ý thức ngôn từ từ lâu đã bị chôn vùi dưới những lớp trầm tích tinh thần sau những cơn hồng thủy hay địa chấn khốc liệt của mỗi thời đại lịch sử. Những vấn đề thuộc lý luận phê bình văn học không thuần túy nằm trong mặt nhận thức, tư duy văn học luôn luôn phải đồng hành với thực hành sáng tác, và ngược lại, trong một tương quan có cấu thức hỗ ứng không đưa đến một tổng hợp siêu việt là chủ thể

văn chương mà là những ngôn từ xuyên suốt những giới hạn trong / ngoài có qui luật tối thượng là phân biệt (differance) chứ không là tổng thể. Đứng trên quan điểm này, khảo hướng của chúng tôi là đưa ra những bế tắc của phê bình văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa trong việc phê bình văn chương Nguyễn Huy Thiệp, coi đó là những bế tắc đã nằm sẵn trong hiện thực xã hội chủ nghĩa, nên khi nó đảm đương việc thôn tính quyền lực để hoàn tất giấc mơ vĩnh cửu trên khuôn mặt đơn độc, phổ quát được hình dung nên trong phương án lịch sử thời Ánh Sáng (Project of Enlightment), trong một khoảnh khắc nghiệt ngã của ý thức tự triệt hủy, nhằm chấm dứt chính lịch sử của nó cùng kết thúc luôn sự bất tử của chủ thể triết học và văn chương. Nhưng bế tắc này tự chúng cũng qui định ở mặt tồn tại (chữ Hoàng Ngọc Hiến) tất yếu một sự thay đổi tột cùng mà nó cố vùng thoát, từ chối.

Những vấn đề phê bình được nêu ra ở đây trên lý thuyết nhằm củng cố cho quan điểm: ngôn từ văn chương có tác động phê phán, thay đổi trước hết và trên hết thảy, đối với chính văn chương; nghĩa là: bằng cách thức riêng của nó mỗi ngôn từ đều phê phán và thay đổi cách viết và cách đọc, những bản viết có trước và sau nó. Hiệu ứng phê phán và biến đổi của một tác phẩm văn chương (tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ...) nằm trong văn cách và thủ pháp văn chương nhiều hơn là trong những hình tượng cụ thể hay những ý tưởng đề ra nhằm giải quyết những vấn đề xã hội hay chính trị người đọc tìm thấy trong nội dung. Tuy chúng tôi không phủ nhận sức quyến rũ của thị hiếu đọc văn từ góc độ chính trị nhưng chúng tôi đồng thời cũng nỗ lực phá bỏ lối đọc và phê bình văn chương qui chiếu chính trị thời thượng nhằm giải thích những tác phẩm văn học nghệ thuật như biểu hiện phơi lộ bản chất của những ngôn từ đang ở ngôi trị vì, chẳng hạn bảo rằng "tiểu thuyết hiện thực" là sản phẩm của giai cấp tư sản trên đà tha hóa trong giai đoạn đầu của kinh tế thị trường, "chủ nghĩa hậu hiện đại" là biểu hiện của văn hóa tiêu thụ thời nay trong chế độ tư bản tổ hợp nhiều quốc gia v.v... Vì vậy khi nhận thấy những bài phê bình Nguyễn Huy Thiệp đã gán cho những truyện ngắn của ông một tác động phê phán và thay đổi xã hội và chính trị vượt qua chức năng văn chương và khả tính của ngôn từ (đôi khi chúng tôi cũng thấy một vài bài nhận định về Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện ở ngoài nước tuy đối lập với những tác giả của những bài tranh luận ở trong nước về mặt chính trị và ý thức hệ nhưng hóa ra lại có cùng một quan điểm phê bình như nhau!), thì chúng tôi hiểu được là Nguyễn Huy Thiệp đã bị dồn vào chính trong mê lộ của lối phê bình qui chiếu chính trị. Trong viễn tượng lý thuyết đề nghị ở trên dùng làm cơ sở nhận định những bản viết phê bình Nguyễn Huy Thiệp, chúng tôi hy vọng sẽ đáp ứng được phần nào những thắc mắc, những suy nghĩ của người đọc văn Nguyễn Huy Thiệp.

Tuy nhiên việc chúng tôi chú trọng tới vấn đề đọc những bản văn, cách

đọc / viết về Nguyễn Huy Thiệp của những nhà lý luận phê bình văn học trong nước mà không đề cập tới chính tác phẩm được đem ra phê bình, vì chúng tôi thấy rằng: Tuy không phải là một định luật phổ quát, chúng ta thấy trong những xứ sở có tự do tư tưởng, tự do in ấn sách báo, rất nhiều khi mặt sáng tác văn chương đi trước mặt lý luận phê bình hay ít ra là cả hai mặt phát triển song hành đồng bộ; còn trong trường hợp những xứ không có tự do tư tưởng, tự do in ấn, mặt lý luận phê bình trên lý thuyết và đôi khi cả trên thực tiễn, vốn thuộc về phe có quyền lực nhằm kiểm soát, định hướng chủ đạo, phê phán bên sáng tác nên có trách nhiệm về sự lớn mạnh hay yếu kém bên sáng tác trong những giai đoạn không có khủng hoảng, và sự phát triển của mỗi mặt lại có những qui luật rất đặc thù và cá biệt tùy từng nơi, tùy từng lớp người lãnh đạo và cũng tùy thuộc tài năng cá nhân. Tuy không hoàn toàn phủ nhận sự đàn áp của hệ tư tưởng nhà nước đã từng làm đau khổ những người sáng tác trong một giai đoạn nửa thế kỷ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa nhưng chúng tôi cũng không nhất thiết cho rằng sự thiếu vắng những tác phẩm có giá trị văn chương hoàn toàn đổ lỗi cho lãnh đạo. Vì từ trong bản chất văn chương, nhất là tiểu thuyết, nhà văn hay nhà tiểu thuyết có tài năng lớn luôn luôn có một ngôn từ riêng, sức ép càng lớn càng tích lũy, đến một giới hạn nào đó ngôn từ kia vẫn cứ lên đường mở ra cái không gian tự do của bản viết nhằm phá bỏ cái quyền lực buộc nó phải gánh chịu một định mệnh khốc liệt.

Ngày nay chế độ Cộng Sản đang sụp đổ nhanh chóng trên toàn cầu, nhân loại đã trả một giá quá đắt trong thí nghiệm lịch sử đó. Phần đóng góp khá lớn lao vào sự trả giá quá đắt đó những người làm công tác lý luận phê bình văn học có trách nhiệm nặng hơn bên sáng tác. Nhà văn Milan Kundera đã lên án kẻ khoác áo thi nhân đồng lõa với bạo tàn liên hoan nhảy múa bên này bức tường ngăn đôi đời sống với hỏa ngục từ ba thập niên trước đây. Tại sao những triết gia, những nhà lý luận phê bình văn học đã trực tiếp tham dự vào việc sỉ nhục, đối xử bạo tàn với con người trong lịch sử cận đại không mấy khi được đề cập nghiêm chỉnh? Phải chăng lý trí vốn là đồng minh của quyền lực nên chân tay của lý trí là những chức năng, tác động của nó dù cho nhiều khi phạm phải những lỗi lầm trọng đại vẫn cứ được cái quyền lực đang tồn tại bao biện trong chừng mực khi nào mà chân tay của lý trí vẫn còn là hoặc có triển vọng là đồng minh của quyền lực? Hay là nhân loại đã biệt đãi những đại biểu của lý trí? Ký ức nhân loại đã đã bị lý trí làm mờ nhạt, nhân loại đã tự đẩy mình vào trạng thái mất ký ức trước những thất bại của lý trí? Phải chăng sự chấm dứt "kỷ nguyên Ánh Sáng" báo hiệu cái chết của ký ức nhân loại?

Khi đặt vấn đề nhận thức vai trò lý luận phê bình văn học đối với mặt sáng tác chúng tôi cũng có mục đích nói lên tính tự cô lập, và lạc hậu trong

cả hai mặt phê bình và sáng tác suốt trong một thời gian hàng nửa thế kỷ của văn học Việt Nam ở trong nước. Văn học miền Nam trước đây và văn học hải ngoại hiện nay tuy có một diễn trình khác hẳn với văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa nhưng cũng không phải hai bên không có những ảnh hưởng gián tiếp hỗ tương với nhau. Nếu trước năm 1975, những sáng tác văn chương của miền Nam không thể đến với người đọc miền Bắc thì sau 1975, đã thấy xuất hiện một huyền thoại về nền văn học tự do miền Nam khi độc giả miền Bắc được tiếp cận thẳng với cái nền văn học tự do đã trở thành một quá khứ đó. Tương tự, người đọc miền Nam cũng mang nặng huyền thoại về nền văn học miền Bắc! Huyền thoại trong bản chất là sự lưu giữ trong vô thức một quá khứ không chịu chết và tiếp tục phát huy tử lực hướng vào nỗi đam mê hoang tưởng trong tâm trí con người. Huyền thoại luôn ôm vai quá khứ dắt vào hiện tại, bắt cái hiện tại mặc áo quá khứ, đẩy con người vào sự lạc hậu, bị bỏ rơi trước những biến đổi của thế giới. Bài viết này mong là một đóng góp bước đầu cho việc phá bỏ một vài huyền thoại để ra khỏi sự lạc hậu về văn học.

Chúng tôi muốn nói tới những huyền thoại đã bám rễ và nhả chất nhựa độc an ủi cho những kẻ mà sự sợ hãi thay đổi có tầm vóc lớn hơn bất kỳ cái gì họ có thể làm được. Có liên quan mật thiết tới vấn đề nhận thức văn học, ở đây là huyền thoại về giá trị của những công trình nghiên cứu lý luận phê bình ở trong nước, không những in sâu trong đầu óc những người đã trưởng thành trong giai đoạn từ sau 1945 mà nó còn trú ẩn trong tâm thể những con người trực tiếp hay gián tiếp tham dự vào sinh hoạt văn học miền Nam. Ngược chiều với huyền thoại nói trên là huyền thoại về tính hoàn hảo siêu việt của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong niềm tin của những người làm công tác văn học miền Bắc. Một trong những lý do của huyền thoại thứ nhất bắt nguồn từ sự so sánh về mặt lý luận phê bình giữa hai miền Bắc / Nam trong nước - ngoài nước. Sự thực phải nhận từ sau 1955 miền Nam, và sau 1975 ở ngoài nước, sinh hoạt lý luận phê bình là yếu kém. Ngược lại ở miền Bắc trước 1975 và trong nước sau 1975, sinh hoạt lý luận phê bình văn học vốn được nhà nước tổ chức, huấn luyện, bồi dưỡng và được coi là một bộ phận chủ yếu của hệ tư tưởng nhà nước nên đã có những phát triển tuy rõ rệt nhưng cũng có những giới hạn không thể tránh. Ưu thế của lý luận phê bình này còn được tăng cường bởi sự "kính phục" những tên tuổi cũ của một số những cây viết phê bình hoặc làm công tác nghiên cứu văn học từ thời tiền chiến, đã hoặc tình nguyện hay đành lòng phục vụ chế độ như Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo... Tác phẩm của những vị này được nhìn nhận không bằng tinh thần phê phán và tài liệu cụ thể của sự tiếp cận mở rộng với kho tàng văn học thế giới mà bằng những dấu ấn giảng huấn thiên lệch gây ra bởi những người phụ trách soạn

giảng chương trình văn chương văn học nghiêng về giảng bình văn chương, tạo cho thanh niên óc sùng bái cổ nhân và cá nhân cộng thêm nhãn quan "tỉnh lẻ" nên đã có hai ba thế hệ thanh niên sau một thời gian dài qua cấp trung, đại học đã bị những tên tuổi trong sách giáo khoa thôi miên. Thực ra, khi theo dõi những sinh hoạt văn học miền Bắc sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, nhất là khoảng từ những năm 70 trở đi chúng tôi nhận thấy những tên tuổi được kính nể rớt lại từ trước 1954 đã lui vào hậu trường hoặc chỉ có những đóng góp rời rạc, thiếu sức sống, trong khi đó xuất hiện một lớp người nghiên cứu, sáng tác mới trưởng thành giữa hai cuộc chiến tranh, được huấn luyện trong những trường đào tạo của Đảng và sau này một số khác ở những xứ Đông Âu hoặc Liên Xô, là lực lượng chính tham dự vào sinh hoạt văn học nghệ thuật. Và tuy không chính thức tuyên bố, nhưng bằng sự chiếm giữ những vị trí lãnh đạo và ảnh hưởng tạo nên trên độc giả và những lớp người trẻ tuổi, những người trong đội ngũ mới đã dần dần loại bỏ được sự kính nể những "cột trụ văn chương" thời tiền chiến và kháng chiến, tuy vẫn còn một vài bộ mặt cũ được Đảng sử dụng như những hình nộm trong chiến lược lãnh đạo. Sự thay đổi quyền lực và ảnh hưởng này là diễn biến nội tại của sân khấu văn hóa miền Bắc gần như hoàn toàn không được những người ở miền Nam biết đến trước đây. Vì vậy tâm thể nhiều người trong sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam không ra khỏi được dấu ấn tôn sùng những thần tượng thời tuổi trẻ của mình tuy những thần tượng này thực sự đã bị truất ngôi ngay chính trong vương quốc của họ. Trong khi đó, vừa để sống còn trong mặt phải tồn tại của mình, vừa do ảnh hưởng của chủ nghĩa tôn thờ cá nhân (tôn thờ lãnh tụ), những người làm công tác văn học nghệ thuật miền Bắc trong bóng tối đã phá bỏ những thần tượng bản địa nhưng lại thay thế vào đó bằng những thần tượng điển hình của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên Xô! Cuối cùng phó sản của cả hai huyền thoại được mô tả ở trên đã thể hiện trong trò chơi cung tay hợp xướng ngợi ca vô tận những "gương mặt", những "chân dung", những thần tượng văn chương vượt thời gian, vượt lịch sử, là những tượng đá mắt mở trừng trừng nhìn về tương lai trống không đã được dựng sừng sững trong văn miếu tưởng tượng dưới mặt trời đêm để thi gan cùng tuế nguyệt.

Sở dĩ chúng tôi phải phân tích hai huyền thoại trên vì chúng tôi nhận thấy các dạng thức rất khác biệt của chúng vẫn còn tồn tại trong cách đọc, cách viết, cách phê bình hôm nay. Nhiều khi chúng tôi cố gắng hình dung ra trong tòa văn miếu tưởng tượng đó, Nguyễn Du được xếp ở chỗ nào, thì bỗng giật mình nhìn thấy Tố Như tiên sinh đang bị kéo tuột từ trên tầng cao nhất của căn gác văn chương xuống nghe thuyết giảng về văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa và khi tiên sinh sắp gần hết kiên nhẫn thì lại được ấn ngồi xuống chiếu rượu của vườn thơ Xuân trên một giai phẩm văn chương hải

ngoại.

Sự có mặt của những huyền thoại này cũng còn được nhận thấy trong lối viết tiểu thuyết hiện nay ở một số lớn những người vẫn còn khăng khăng thấy mình là nhà tiểu thuyết ở cả trong nước lẫn ngoài nước tuy rằng người đọc mới đã không còn ở lại với họ nữa. Lối ứng xử với bản thân và với văn học này, bước đầu, làm một số không phải là ít người đọc tuy vẫn tha thiết nhưng không thể còn trân trọng văn chương đã bỏ đi tìm những trò giải trí khác. Phần còn lại, những người đọc khác đã mất đi cái cơ hội phát triển khả năng đọc văn, đầu óc trở thành trơ mòn với lối đọc trên những luống cày lởm chởm những chữ nghĩa héo khô trong những trang sách viết gượng gạo qua ngày.

Trong bối cảnh đó, xuất hiện Nguyễn Huy Thiệp cùng với những người viết người đọc không phủ nhận những giai đoạn, những tác phẩm văn chương trong quá khứ, nhưng không còn thỏa thuận ký bản hợp đồng chủ vị trung tâm trong việc cảm nhận thế giới nữa. Nguyễn Huy Thiệp chẳng phải là kẻ tàn phá thần tượng lịch sử hay niềm tin dân tộc mà là người đã ném một quyển sách nhỏ vào cái vũng ao tù văn chương lạc hậu, làm sụp đổ cách viết, cách đọc, và cách phê bình tiểu thuyết hiện hành. Với một số truyện ngắn viết từ sự chấm dứt lịch sử nếu hiểu lịch sử như một thực tại nhằm đồng nhất tinh thần với hiện thực khách quan, dành quyền bá chủ chân lý cho một hình tượng chủ thể phổ quát có tính siêu hình và thần học được tô biện từ khởi đầu "kỷ nguyên Ánh Sáng".

II.

Không có tài liệu đầy đủ về những người làm công tác lý luận và phê bình văn học trong nước, chỉ căn cứ vào con số do Hoàng Ngọc Hiến đưa ra trong một bài phỏng vấn với báo Sông Hương năm 1989, chúng tôi được biết có 36 "nhà văn lý luận phê bình" trong Ban Lý Luận Phê Bình của Hội Nhà Văn, nhưng bài phỏng vấn không phụ chú toàn danh sách nên chúng tôi không biết rõ trong số 11 tác giả (2 người là đồng tác giả) của những bài tranh luận ai ở trong, ai ở ngoài ban. Căn cứ vào tâm sự của Nguyên Ngọc ở một bài phỏng vấn cũng đăng trên tờ Sông Hương, chúng ta được biết những người trong ban có thái độ ù lì tránh né thảo luận tới những vấn đề gai góc như: mối tương quan giữa văn học với hiện thực, văn học với chính trị... Nguyên Ngọc than phiền tuy đã mời nhưng "có người viết có người không". Tình trạng ngưng đọng trong sinh hoạt lý luận phê bình này đến ngay Hoàng Ngọc Hiến cũng phải tự thú "thò bút viết phê bình là thấy đuối sức". Để thúc đẩy mọi người ra khỏi tình trạng trì trệ này, trong một năm rưỡi làm Tổng Biên Tập tờ Văn Nghệ (phải nhận Nguyên Ngọc là một người làm báo giỏi) từ giữa năm 1987 đến cuối năm 1988 ông đã gây ra được

những cuộc tranh luận sôi nổi khi cho đăng những bài "lệch lạc" so với khuôn khổ rập sẵn của Đảng, đề cập tới những vấn đề trước mắt trong một xã hội đã sa xuống đáy vực thẳm.

Cũng chính Nguyên Ngọc là người đã dám cho đăng những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp trên Văn Nghệ. Có lẽ Nguyên Ngọc đã học được kinh nghiệm đối phó với những áp lực phía Đảng trong việc "đổi mới" là: tác dụng của những bài nghiên cứu lý luận không những không đi đến đâu (tác dụng không mạnh trên quần chúng, Đảng đã "điếc" trước những vấn đề được nêu ra) mà địa vị chính trị cá nhân lại có thể bị loại trừ khỏi hoạt trường hoặc bị khủng bố qua bài học "chống Đảng" của Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Minh Châu, cho nên khi được ở vị thế làm Tổng Biên Tập tờ Văn Nghệ ông có thể "buông cương" bên sáng tác (truyện, phóng sự, thơ) là Nguyên Ngọc không bỏ lỡ thời cơ. Chínhh vì cái khôn khéo và sự can đảm này của Nguyên Ngọc mà bên sáng tác tuy đã đi trước bên lý luận phê bình mới có cơ may đến với công chúng độc giả. Sự "nới lỏng" này chỉ có tính cách rất bột phát tạm thời, nới lỏng nhưng vẫn nằm trong hệ tư tưởng của Đảng, đã gây ra những hậu quả sâu đậm cho tình trạng bế tắc lãnh đạo chính trị trong lúc đất nước đang "ở đáy vực". Và khi những sáng tác đã gây được dư luận xôn xao thì bên lý luận phê bình không thể không tham chiến, kéo theo cả độc giả vào vòng đấm-đá-gỡ-gạt. Nếu như cái nhìn về sân khấu sinh hoạt văn học nêu trên của chúng tôi không xa sự thực thì nó sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn tại sao chúng tôi lại cho rằng Nguyễn Huy Thiệp là một cái "cớ" để phơi bày rõ những bế tắc của lý luận phê bình hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Qua những trích dẫn, qui chiếu rải rác trong các bài tranh luận được chọn in chúng tôi ước lượng con số không nhỏ những người dự vào vụ này như Văn Giá, Nguyễn Thúy Ái, Phùng Văn Tửu, Diệp Minh Tuyền, Nguyễn Văn Lưu... nhưng bài của họ đã không được chọn in. Lý do? Có khi chỉ là do sự hoạch tính giá cả tập sách theo phỏng đoán sức tiêu thụ của nhà xuất bản hay tình trạng thiếu vốn, thiếu giấy. Trong số mười bài chỉ có ba bài là đăng trên báo Văn Nghệ trong khoảng thời gian Nguyên Ngọc làm tổng biên tập, bốn bài không ghi xuất xứ in trên báo nào, cũng không có những trang giới thiệu sơ lược về những tác giả đã được chọn lựa (đó là một thiếu sót lớn của nhà xuất bản Trẻ). Ba bài còn lại đăng trên các tờ báo Nhân Dân, Văn Nghệ Quân Đội và Quân Đội Nhân Dân. Hầu hết những bài này đều xuất hiện vào những tháng cuối 88 đầu 89 trừ bài của Hoàng Ngọc Hiến không ghi thời gian viết. Chúng tôi rất tiếc không có bài của những người được nhắc tới với nhiều thiện cảm trong những bài viết của một vài người viết tỏ ra có trình độ học vấn là Lại Nguyên Ân, Nguyễn Quang Sáng, và Vương Trí Nhàn. Trong lời mở đầu cho phần "Dư Luận Về Nguyễn Huy

Thiệp" nhà xuất bản cho chúng ta biết "đã chọn một số bài đại diện cho cách đánh giá khác nhau..." Chúng tôi nghĩ rằng những người lên tiếng về Nguyễn Huy Thiệp chưa chắc đã thuộc Ban Lý Luận Phê Bình nhưng chúng ta cũng có thể khái quát phân loại những tác giả được chọn lựa tiêu biểu cho ba "cái tâm" phê bình:

Loại thứ nhất không thể gọi là phê bình mà là tranh luận kết án của những thành phần bảo thủ quá khích: kiểu công án vạch tội (Vũ Phan Nguyên); xỉ vả lên lớp răn đe như nhà nghiên cứu sử "giáo khoa thư lớp đồng ấu" Tạ Ngọc Liễn (người đã viết tới hai bài tranh luận); phê bình lên án từ góc độ hệ tư tưởng nhà nước (Đỗ Văn Khang, Trần Thanh Đạm); loại thứ hai gồm những phát biểu đỡ đòn (Hoàng Ngọc Hiến); ngợi ca (Thùy Sương); và cuối cùng là những bài phê bình trí thức bênh vực đứng trên quan điểm mỹ học Mác-xít (Văn Tâm, Trương Hồng Quang, Nguyễn Mai Xuân, Đặng Anh Đào).

Độc giả nếu chịu khó theo dõi "giọng điệu" những bài thuộc mọi loại rất dễ nhận ra tính chất "dấm dớ đỡ gạt" của sân khấu phê bình trong nước là cố hữu, và khi ta đi từ loại phê bình này sang loại kia thì tính chất quá khích trong tư biện bớt hẳn đi ở những tác giả có trình độ học vấn khá nhưng giọng phê bình vẫn đậm màu thuyết giảng, khẳng định chắc như đinh đóng cột, hơn nữa còn thiếu tính thuyết phục vì sự bế tắc trong nhận thức, do đó khó đem lại vui thú cho người đọc. Trong số mười bài này chúng tôi thấy bài của hai đồng tác giả Trương Hồng Quang - Nguyễn Mai Xuân là tỏ ra có phong cách phê bình văn học hơn cả.

III.

Tại sao cuộc tranh luận phần lớn chỉ xoay quanh ba truyện ngắn "Vàng Lửa", "Phẩm Tiết" và "Kiếm Sắc" mà không đả động gì tới những truyện khác của Nguyễn Huy Thiệp? Ta cũng không quên là Nguyễn Huy Thiệp đã viết những truyện "hiện thực phê phán" khác như "Huyền Thoại Phố Phường", "Những Bài Học Nông Thôn", "Những Người Thợ Xẻ"... có pha chất văn phóng sự tiểu thuyết theo đường hướng do Tổng Biên Tập Nguyên Ngọc đề ra cho tờ Văn Nghệ nhằm "tham gia giải quyết những vấn đề xã hội" (xem phỏng vấn Nguyên Ngọc đăng trên Sông Hương số 31 tháng 5 & 6, 1988).

Ngoài ra, Nguyễn Huy Thiệp cũng đã "ra ngoài khuôn khổ", viết được truyện "Những Ngọn Gió Hua Tát" rất đặc sắc (hẳn tác giả phải đắc ý nên đã dùng làm tựa sách). Câu trả lời không khó tìm vì trong những truyện ngắn này Nguyễn Huy Thiệp đã đặt "nghi vấn" về giá trị của những sự thực lịch sử được ghi trong sử sách và được tin tưởng từ lâu nay, đã tấn công vào bản chất hệ tư tưởng nhà nước. Nghi vấn xuất hiện khởi từ những nghịch lý hiện hữu,

nhất là nghi vấn này lại ghi rành mạch trên giấy trắng mực đen, đáp ứng cảm thức nghi ngờ sẵn có nơi mọi người, được chuyên chở bằng ngôn từ văn chương và những nhân vật không xa lạ với người đọc, với một thủ pháp kể chuyện trực tiếp, vững vàng thì những hậu quả của nó thật đã đi quá xa hơn dự tưởng (của tác giả, của người Tổng Biên Tập?) vì khuynh hướng khái quát hóa nơi độc giả, nghi vấn phủ lên toàn diện cả hiện thực cũng như hệ tư tưởng chủ đạo của chế độ. Đến mức này thì bộ phận lý luận phê bình không thể ngồi yên. Họ đã xử trí như thế nào? Đâu là những bế tắc căn để?

IV.

Những bế tắc về lý luận phê bình có thể nhận ra qua những tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp cũng chính là những bế tắc của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa nói chung. Trước hết chúng ta hãy xét quan niệm về hiện thực (reality) gần như đã được chấp nhận một cách tự nhiên bởi tất cả những người tham gia tranh luận. Theo Hoàng Ngọc Hiến, hiện thực là những "sự thật của đời sống hiện tại" (Tôi Không Chúc Bạn Thuận Buồm Xuôi Gió). Hiện thực cũng thay đổi theo "cách nhìn": nếu nhìn cuộc sống xã hội bửa đôi thành hai thế giới đối lập với nhau một cách siêu hình ta / địch thì đó là cách nhìn "sử thi", nếu nhìn hiện thực trên quan điểm "không chỉ phản ánh trung thực những điều trông thấy, ... mà còn phải sự đau đớn lòng", ông đặt tên là hiện thực nhân ái. Ta thấy rõ Hoàng Ngọc Hiến cố tránh dùng chữ "hiện thực phê phán" để khỏi bị qui tội theo chủ nghĩa hiện thực phê phán của Lukacs như hồi năm 1978 ông và Nguyễn Minh Châu đã từng bị lên án. Nhưng ông đã thấy bế tắc trong lý luận ngay từ đầu, và vì có thói quen hay cố tạo ra những "ý niệm mới" biểu cảm để chụp lên những điều mình mới khám phá ra cùng với lối lý luận đầy lửa nhiệt tình nên Hoàng Ngọc Hiến hay có nhiều sơ hở (Trần Thanh Đạm đã đưa ra một số lớn những sơ hở này trong bài "Về Tính Nữ"). Một năm sau khi viết bài bênh Nguyễn Huy Thiệp, Hoàng Ngọc Hiến đã biết rõ sự lầm lẫn của mình trong lối quan niệm về hiện thực nên tuyên bố: "Hiện thực xã hội chủ nghĩa... là một khái niệm giả đã gây đau khổ kéo dài cho cả nghệ sĩ, cả nhà nghiên cứu, lãnh đạo" (Văn Nghệ 5/3/1988).

Từ sự nhận thức méo lệch về hiện thực đó đến một quan niệm hạn hẹp sai lầm về tiểu thuyết không xa, và sự sai lầm trong việc đồng nhất hiện thực của đời sống với hiện thực của tiểu thuyết cho mãi đến năm nay (1992) vẫn thấy đầy rẫy trong tiểu thuyết Việt Nam cả trong lẫn ngoài nước. Nhà lý luận Lê Ngọc Trà tuy có cố gắng đặt vấn đề nhưng vẫn bế tắc như Hoàng Ngọc Hiến khi thay vì phá bỏ quan niệm hiện thực đã quá bế tắc lại cứ loay hoay không trực tiếp định nghĩa khái niệm này mà còn cho nó thêm những "ngoại hàm", những thuộc tính khác. Cuối cùng, cũng như Hoàng Ngọc Hiến trước

đây ông đề nghị văn học nên thay đổi "cách nhìn" hiện thực mà ông gọi là "nghiền ngẫm về hiện thực". Có mỗi một điều rõ ràng nhất mà những nhà nghiên cứu lý luận này, đã không nhìn ra. Có lẽ vì cơ sở cũng như trình độ nhận thức của họ quá hạn hẹp. Hiện thực (một khái niệm quỉ ám) là hiện thực nào? Ở đâu? Có không và có cách gì nắm bắt không? Hiện thực của văn chương khác với hiện thực khác như thế nào? Nếu những người làm việc về văn học nhìn sang chung quanh, nhìn sang nghệ thuật và khoa học thì nhận ngay ra rằng: thực tại, hiện thực trong những khoa học chính xác, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội là "những hiện thực" rất khác nhau, và càng khác nhau hơn với hiện thực trong văn chương, nghệ thuật. Vậy *hiện thực không ở số ít, là cái được cấu tạo nên*. "Cách nhìn" không thay đổi gì được quan niệm ấu trĩ về hiện thực, cũng như những thuộc tính gán vào một cách vô tận không làm sáng tỏ khái niệm hiện thực. Vậy thì: hiện thực trong tiểu thuyết khác với bất kỳ mặt dạng hiện thực nào, được cấu tạo bởi ngôn từ tiểu thuyết, có nhiều ý nghĩa đan chéo chồng chất, *không ở đâu cả và có mặt cùng khắp trong bản viết*.

Khi đã hiểu được như vậy thì vấn đề tiểu thuyết có hiện thực hay không hiện thực không còn đặt ra nữa. Hiện thực ở số nhiều, thay đổi trước những biến chuyển có tốc độ càng ngày càng cao ở thời đại này đã khiến cho người đọc hôm nay thấy những tiểu thuyết còn nằm ở một hiện thực trước mặt, hiện thực sơ cấp mà ngay cả kẻ đi ngoài đường phố cũng thấy không còn sự hấp dẫn nữa, không mới, không hay. Hiện thực trong không gian tiểu thuyết do sự cảm thức về thế giới, do thủ pháp sử dụng ngôn ngữ riêng và với một cách kể chuyện (narrative) không còn ở vị thế "nói ra" (telling) mà ở cách "trưng ra" (showing), tập trung nhiều tiếng nói (polyphony), ở nhiều chỗ đứng (points of view), để độc giả thấy được *tính chất bất định của hiện thực*, sự mênh mang của thế giới cũng như những khả tính đầy tự do của nhân vật. Hiện thực tiểu thuyết ẩn hiện trong không gian văn chương, trong ngôn từ (discourse) tiểu thuyết. Người ta trong quá khứ cũng đã gán cho tiểu thuyết rất nhiều chức năng nhiều khi trái ngược nhau. Nào là "văn dĩ tải đạo", nói lên nỗi khát khao công lý xã hội vân vân và vân vân.

Câu hỏi là: bạn viết tiểu thuyết, tức là bạn làm nghề kể / viết truyện, bạn có đem lại sự "vui thú" cho người đọc không? Nhà tiểu thuyết, từ trong truyền thống là một kẻ mang nhiều nghiệp dĩ kể chuyện cho người đời nghe (nhu cầu đọc truyện bao giờ chẳng có nơi con người!) thì đây, bạn hãy kể chuyện sao cho tôi có được cái hạnh phúc của người đọc truyện, qua cái ngôn từ mới lạ và cái thủ pháp cao tay của bạn tôi sẽ "có thêm một" cảm thức về thế giới nữa. Ngoài ra tôi chẳng cần "biết" gì nữa, cái chuyện biết là chuyện của bạn cũng như của mấy ông nghiên cứu lý luận phê bình văn chương. Và nếu như tôi có thuộc loại đó hoặc là tôi đang theo học ngành

văn chương hoặc đang thử xem mình có nên viết tiểu thuyết không thì lại là chuyện khác, tính sau.

V.

Phần lớn những người tranh luận về các vấn đề có liên quan đến lịch sử trong truyện Nguyễn Huy Thiệp đều không nắm bắt được chủ ý của Nguyễn Huy Thiệp, không trực tiếp nêu lên được vấn đề tranh luận: tất cả đều mải mê tự biện nào là về "quan hệ giữa sử và văn", nào là cách hư cấu nhân vật lịch sử, về vấn đề đánh giá lịch sử v.v... mà quên đi vấn đề giản dị nhất và cũng cốt tủy nhất là *Nguyễn Huy Thiệp đã NGHI VẤN*. Người ta đã quên không đặt câu hỏi "tại sao lại nghi ngờ" và cứ mải miết tranh cãi về "những thứ đáng nghi ngờ" như một nhà văn Nguyễn Huy Thiệp chỉ nêu lên nghi vấn. Tiểu thuyết không giải quyết vấn đề, chỉ đưa ra vấn đề, giúp người đọc đưa ra vấn đề. *Tiểu thuyết là vấn đề*. Tuy những người phê bình khác cũng có những khẳng định quá đáng (chẳng hạn Thùy Sương cho rằng Nguyễn Huy Thiệp đã đặt ra những vấn đề có tầm khái quát lớn lao của một triết lý lịch sử, Nguyễn Huy Thiệp có "cái thần lịch sử", Đỗ văn Khang chê trách Nguyễn Huy Thiệp không tuân thủ luật xây dựng nhân cách lịch sử nhưng lại quên không biết hình loại tiểu thuyết của Nguyễn Huy Thiệp không phải là tiểu thuyết lịch sử, càng không là "truyện ký danh nhân" theo sự hiểu biết nông cạn của Tạ Ngọc Liễn, và cái logic xây dựng nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp đã vượt ra ngoài khuôn khổ đã biết; Văn Tâm phân tách truyện Nguyễn Huy Thiệp cho rằng ông có ý đưa ra "những hằng tố lịch sử" là những tín hiệu thức tỉnh v.v...), nhưng Tạ Ngọc Liễn có thể được coi là tiêu biểu cho loại người vì thiếu hiểu biết nên rất quá khích, khăng khăng tin vào những ảo tưởng chân lý, đạo đức lịch sử trừu tượng được suy diễn nông cạn từ những tín điều Mác-xít đã được dung tục hóa. Tuy Trương Hồng Quang - Nguyễn Mai Xuân đã chỉ ra những sai lầm của Tạ Ngọc Liễn trong bài của họ cũng như Thùy Sương và Văn Tâm chê Nguyễn Huy Thiệp là không biết đọc văn nhưng chúng tôi thấy cần nêu ra một số vấn đề mà tất cả các tác giả nêu trên khi bàn đến khía cạnh lịch sử trong truyện Nguyễn Huy Thiệp đã không thực minh bạch và từ đó đi tới những bế tắc về mặt lý luận và phê bình.

Thứ Nhất: sự đồng hóa lịch sử (history) với sử học, lịch sử như đã diễn ra "ngoài kia" (không phải ở trong sử ký) với lịch sử thông qua tác phẩm của nhà sử học. Tạ Ngọc Liễn tự coi mình đã nắm bắt được sự thật lịch sử nhờ "khoa học lịch sử đòi hỏi tính chính xác và sự uyên bác cao" (!), cho nên nhất quyết "chống lại chủ nghĩa hoài nghi đối với lịch sử", cấm chỉ nhà văn không được hư cấu lịch sử một cách tùy tiện, không được có một cái nhìn "khác" với sử gia. Về quan niệm "sử ký" (historiography) của Tạ Ngọc Liễn

tuy ông nhận mình là "chính xác", "uyên bác" nhưng lại đã không hiểu được sự khác biệt giữa "sự cố" (event) và "sự kiện" (fact) lịch sử, món nợ của sử học đối với văn chương khi sử gia tái tạo lịch sử đã mượn các thủ pháp kể chuyện (narrative) của nhà văn như thế nào. Để mô tả sự cố lịch sử nhà sử học đã tìm tòi, chọn lựa và đánh giá những sử liệu thu tập và tồn giữ được để xây dựng nên những sự kiện dùng làm chất liệu cho việc kể chuyện của mình. Như vậy sự cố lịch sử là một cấu tạo, không phải "chính sự cố lịch sử" đã xảy ra trong quá khứ. Không có cách gì khẳng định được mình đã nắm được lịch sử đúng như nó đã diễn ra. Những nhà nghiên cứu sử ngày nay, nhất là những sử gia thuộc nhóm Tân Sử (New Historicism) mà đại biểu là Hayden White đều đồng ý "lịch sử là tiểu thuyết", không hơn không kém. Không làm gì có sự thật lịch sử (số ít), mà có có chăng nữa thì ta cũng không thể nắm bắt được; chỉ có *những* sự thật lịch sử. Xem ra tất cả những nhà lý luận phê bình từ kém cỏi như Tạ Ngọc Liễn đến trình độ như Trương Hồng Quang, Nguyễn Mai Xuân, Đặng Anh Đào đều đang gối đầu trên chiếc gối êm "sự thật lịch sử" mà Marx đã quăng cho họ từ đáy mồ vì dưới địa ngục niềm mơ tưởng nỗi hạnh phúc ấm êm trên gối đã bị loại trừ. Sự khác nhau nếu có thì chỉ là ở chỗ Tạ Ngọc Liễn và những người đồng quan điểm với ông đã nhắm mắt thiên thu tâm thân buốt lạnh còn những người kia thì hãy còn đang mở mắt thao thức nhìn vào bóng tối và lắng tai nghe niềm im lặng sấm sét của lịch sử đang vò xé cõi lòng.

Thứ hai: Những truyện ngắn "Kiếm Sắc", "Vàng Lửa" và "Phẩm Tiết" của Nguyễn Huy Thiệp thuộc hình loại văn chương nào và có những đặc tính gì? Đọc những bài tranh luận chúng ta không thấy có ai nêu ra câu hỏi, ngừng lâu lại với câu hỏi và tìm câu trả lời đầy đủ thích đáng, một việc không thể thiếu của nhà lý luận phê bình. Phần lớn công sức mọi người chỉ đổ dồn vào việc phân tích phần nội dung của truyện. Sự việc này diễn ra cũng tương tự như vấn đề chúng tôi đã nêu ra ở trên, là thay vì hỏi Nguyễn Huy Thiệp "tại sao nghi?" (và lẽ dĩ nhiên hỏi Nguyễn Huy Thiệp thì cứ hỏi nhưng việc trả lời là việc của mình, câu trả lời mình phải tự tìm ra), người ta cứ mải miết tìm tìm xem "nghi những gì?". Ở đây thay vì hỏi: "Bạn viết truyện ngắn loại nào?" thì ai nấy đều quên bẵng đi không hỏi gì, cứ loay hoay soi rọi vào chữ nghĩa của Thiệp để hoặc bênh hoặc đả. Phải chăng cũng chính vì thái độ "bênh / đánh" này có trước khi đọc kỹ là một "thị hiếu" (mượn chữ của Đặng Anh Đào) của những người tham gia tranh luận? Nếu quả thực như vậy thì thị hiếu này cũng phải coi là một trở ngại cho tính khách quan, nhạy cảm của nhà phê bình. ta cũng nên công bằng: vấn đề này có được Văn Tâm đề cập thoáng qua. Văn Tâm phân loại hơn 20 truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp trong tập "Những Ngọn Gió Hua Tát" thành bốn loại: cổ tích, huyền thoại, thế sự, và lịch sử. Không ngưng lại hay thắc mắc về sự phân loại của

mình, Văn Tâm cho câu văn đi luôn ... "đã làm xuất lộ bốn luồng hơi tiếng bao trùm...". Ông không chỉ rõ ra truyện nào thuộc loại nào. Tạ Ngọc Liễn đọc Nguyễn Huy Thiệp giống như mọi khi vẫn đọc những truyện viết về các vị danh nhân anh hùng dành cho trẻ em bậc tiểu học đọc nên vội vã gán cho những truyện ngắn nói trên của Nguyễn Huy Thiệp nhãn hiệu: "chuyện ký danh nhân lịch sử", nên lập tức bị Thùy Sương cho là người "không biết cách đọc một truyện ngắn", còn Văn Tâm gián tiếp coi Tạ Ngọc Liễn là kẻ tuy không mù chữ nhưng "mù văn", hay nhẹ hơn, có mỹ cảm hạn chế trong việc tiếp cận tác phẩm văn chương.

Thực ra khi chúng tôi đọc kỹ ba truyện kể trên của Nguyễn Huy Thiệp sau khi đọc một vài truyện có tính cách hiện thực xã hội rồi chuyển sang đọc "Những Ngọn Gió Hua Tát" thì chúng tôi thấy sự khác biệt thật rõ ràng, rõ ràng nhất là trong chủ ý. Chúng tôi cũng biết rằng đây không phải là những tiểu thuyết lịch sử (historical fiction) dù rằng ở trong những truyện này lịch sử đã đóng những vai trò khác biệt rõ ràng, ở những cấp độ khái quát khác nhau. Và như Lukacs đã chỉ ra, quá khứ ở đây được dẫn về hiện tại trong sự ám chỉ gợi cảm và chia xẻ những giá trị từ thời này sang thời khác với hiện tại. Cũng theo Lukacs tiểu thuyết lịch sử khi đưa ra một tiểu vũ trụ có khả năng khái quát hóa và tập trung hóa thì có thể thúc đẩy diễn tiến lịch sử. Nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử phải là một điển hình tổng hợp cả tính tổng quát lẫn tính cá biệt. Tuy nhiên theo ông, việc sử dụng chi tiết lấy trong sử là không quan trọng trong loại tiểu thuyết này, chi tiết lịch sử "chỉ là những phương tiện hoàn tất sự đáng tin". Cuối cùng, theo Lukacs nhân vật lịch sử trong lịch sử tiểu thuyết chỉ đóng vai trò phụ thuộc, sự có mặt của họ chỉ cốt để làm cho thế giới của truyện có vẻ như thật. Chúng tôi nhận thấy trong lịch sử tiểu thuyết bản hợp đồng tham dự giữa tác giả - độc giả để tạo nên thế giới truyện đã bị hủy bỏ từ lâu, nghĩa là tác giả yêu cầu độc giả chỉ có việc nhìn nhận những gì mình đưa ra mà thôi. Tuy quan niệm về tiểu thuyết lịch sử của Lukacs không được nhiều người đồng ý nhưng chúng tôi nghĩ cũng có thể từ Lukacs để tìm hiểu thêm về hình loại tiểu thuyết này. Theo chúng tôi, chúng ta có thể định nghĩa tiểu thuyết lịch sử là loại tiểu thuyết lấy kiểu mẫu theo sử ký trong hình thức nhưng trong chủ đích lại chứa đựng quan niệm lịch sử như là một sức mạnh tạo hình trong sinh mệnh con người.

Những truyện ngắn lấy lịch sử làm một cái cớ của Nguyễn Huy Thiệp có phải là tiểu thuyết lịch sử không? Không hoàn toàn đúng vì tuy đằng sau [illegible] truyện này Nguyễn Huy Thiệp có gợi ý ra khái niệm lịch sử như một sức [illegible] định hình nhưng ông cũng đưa vào nhiều chi tiết khiến người đọc có [illegible]ức lịch sử không hẳn là tất định nhưng có nhiều yếu tố bất ngờ. Tuy [illegible] Huy Thiệp đã xây dựng những nhân vật cả chính lẫn phụ qui tụ

những tính chất vừa hết sức chung vừa hết sức riêng và rất điển hình, nhưng sự tham dự lịch sử của những nhân vật hư cấu lại làm "hỏng" sự thật lịch sử như đã được tin tưởng trong quá khứ. Theo Umberto Eco tính chất căn bản của tiểu thuyết lịch sử là không những chỉ tìm ra những nguyên nhân của sự cố trước dẫn tới sự cố sau đó mà còn nhằm vạch ra cho thấy cái diễn trình qua đó những nhân vật dần dần đã tạo ra những hậu quả như thế nào (Eco đã viết quyển tiểu thuyết rất được hâm mộ "The Name Of The Rose" (1983) trong quan điểm này.) Trong truyện Nguyễn Huy Thiệp ngôn ngữ của một vài nhân vật lịch sử như Quang Trung, Gia Long khiến người đọc liên tưởng đến lời ăn tiếng nói (nhiều khi sâu sắc, có khi lại thô lậu) của một vài nhân vật đương thời hoặc những câu nói thời thượng, ở cửa miệng của giới lãnh đạo hoặc thường được nghe thấy trong xã hội. Nguyễn Huy Thiệp có tài đưa ra những lời cay độc ám chỉ vào tình trạng lịch sử hiện đại hoặc bằng lối nhái lại không phải nguyên văn nhưng bằng cách thay đổi một vài chữ hoặc bằng cách nói ngược. Chúng tôi không đồng ý với Đỗ Văn Khang trong phân tích về lối nói ngược và đưa ra nghịch lý vì ông đã dùng những qui tắc luận lý học để giải thích. Chúng ta phải dùng ý niệm "nhái lại" (parody) hoặc cách hài ngôn văn chương để giải thích thì có lẽ thích hợp hơn.

Trong ba truyện ngắn lấy lịch sử làm khung dựng truyện nói trên Nguyễn Huy Thiệp cũng không nhằm trình bày diễn tiến nguyên nhân - hậu quả trong lịch sử như kiểu Umberto Eco mà ngược lại còn làm cho người đọc hụt hẫng khi theo dõi những sự cố xảy ra trong quá khứ, thấy chúng có một bộ mặt ý nghĩa mới.

Chúng tôi không nghĩ rằng Nguyễn Huy Thiệp đã có sẵn một quan niệm rõ rệt về hình loại tiểu thuyết mới khi viết những truyện ngắn như "Kiếm Sắc", "Phẩm Tiết" và "Vàng Lửa", nhưng ông cũng không định ý viết tiểu thuyết lịch sử. Thắc mắc của chúng tôi về hình loại tiểu thuyết khi đọc những truyện ngắn trên của Nguyễn Huy Thiệp đã xảy ra khi chúng tôi đang tìm hiểu về những thủ pháp, những kỹ thuật của một trào lưu tiểu thuyết cũng lấy những nhân vật lịch sử, sự cố lịch sử để đưa vào trong tiểu thuyết với chủ ý "đưa qua khứ về hiện tại" và gián tiếp chỉ ra cho người đọc thấy tính bất định của sự thật lịch sử. Đó là những tiểu thuyết được xếp chung dưới bảng hiệu "sử ký siêu tiểu thuyết" (historiographical metafiction, danh từ do Linda Hutcheon đề nghị). Loại tiểu thuyết này được coi là tiêu biểu cho hiện tượng văn hóa hậu hiện đại xuất hiện trong khoảng ba thập niên từ những năm 60 cho tới nay. Trái với nhóm "nouveau roman" của Pháp, những nhà văn chúng tôi xếp vào nhóm này với những tác phẩm tuy được gi[illegible] lại trong thư viện hiện đại cũng không đứng thành một trường phái, kh[illegible] có tuyên ngôn, không hẹn mà cùng "khi nhìn thấy đèn đỏ đã chuyể[illegible] đèn xanh ở ngã tư thế giới, bước sang bên kia đường ranh chia đôi [illegible]

đại và hậu hiện đại"(R. Federman). Họ đến với độc giả từ các xứ sở khác nhau trên thế giới, có những niềm tin không thể so sánh, không có một mẫu số chung nào về ý thức hệ hay triết lý, không chia xẻ một quan niệm văn chương. Nhưng bằng tiểu thuyết họ đã làm say mê độc giả trên toàn thế giới đồng thời đưa tiểu thuyết sang một giấc mơ chuyển tiếp đến cái " kế tiếp cái hay nhất", nói theo kiểu John Barth. Đó là những tác phẩm như "Public Burning" của Robert Coover, "One Hundred Years of Solitude" và "The General In His Labyrinth" của Gabriel Garcia Marquez, "Shame",
...", và "Satanic Verses" của Salman Rushdie (ta chưa
...n cuồng của những người Hồi giáo cuồng tín đối với
...đưa đến cái án tử hình khiếm diện tròng lên cổ S.R., cũng
...ng sản quá khích đang lên án Nguyễn Huy
...ương tự: "kẻ báng bổ thần thánh / tượng",
...n chống đối, những bản án không phải chỉ
...ối sự cai trị của độc tài, cộng sản mà còn
...g xứ tiền tiến), "Ragtime", "Book Of
...octorow, "A Maggot"của John Fowles,
...ston, "Tin Drum" của Gunter Grass,...
...g quyển khác tuy ít được biết đến hơn
...ndra" của Christa Wolf, "Foe" của
...s" của Ismael Reed, "Famous Last
...gley, "L.C." của Susan Daitches...
...hiệp và những truyện ngắn dựng
...vào loại này không, chúng tôi sẽ
...hơn về sự ký siêu tiểu thuyết.

cá... mạn... cảm th... Nguyễn...

...ng vấn đề phê bình văn học được
...về Nguyễn Huy Thiệp chọn in
...Phẩm" chúng ta có thể tạm th...

nêu ra trong lúc đó...
trong "Nguyễn Huy Thiệp, ...
đưa ra một vài kết luận:
- Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp ... tranh lu... ận sôi nổi với những ý
kiến vừa trái nghịch vừa khác nhau tuy ...g cù... ng góc / thái độ phê bình
vì Nguyễn Huy Thiệp đã "viết khác, tạo nên cách đọc, nghĩ khác", đã nghi
vấn sự thật lịch sử, tạo những bước mở đầu cho sự nhìn nhận "7 giờ là 7 giờ,
9 giờ là 9 giờ. Chả nhẽ 9 giờ lại phủ nhận 7 giờ".
- Lý luận phê bình văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa có những giới
hạn, trở ngại không thể vượt qua khi tiếp cận sâu sắc với những tác phẩm
...chương nghịch đảo trung tâm, đứng ngoài lề chính thống nhằm lật ngược
...ống nhận thức lịch sử đậm màu sắc siêu hình tôn giáo nền tảng của

"thời đại Ánh Sáng" được cả siêu thuyết Mác-xít lẫn tự do nhân bản lấy làm khởi điểm. Nó đã tỏ ra không còn hữu hiệu, nhạy cảm đối với những vấn đề của thời hậu hiện đại.

- Chủ trương "đổi mới" nhưng vẫn ở trong khuôn khổ, trên quan điểm xã hội chủ nghĩa là một điều hoàn toàn vô nghĩa. Nếu Hoàng Ngọc Hiến đã thẳng thắn coi "hiện thực xã hội chủ nghĩa là một thứ đồ giả" trong văn học thì chế độ xã hội chủ nghĩa tất nhiên là một thứ đồ giả đã tróc lớp sơn hào nhoáng cần phải loại trừ trước khi muốn vứt bỏ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Về mặt sáng tác văn chương, trong những truyện ngắn "Kiếm Sắc", "Vàng Lửa" và "Phẩm Tiết" Nguyễn Huy Thiệp đã đi trước lý luận phê bình, đã nhận thức được sự loại bỏ này là tất yếu để có thể biết "bây giờ là 9 giờ chứ không phải 7 giờ", có khả năng viết từ "sự chấm dứt của lịch sử" hơn những cây bút sáng tác thường được nhắc đến cùng lúc, trong cùng một mạch lý luận suy nghĩ đường thẳng như Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Lê Lựu... là những người đang kiên trì trong tuyệt vọng để đứng vững hai chân trên mảnh vườn xã hội chủ nghĩa đang lún sập và đề nghị những sử... đổi. Dứt khoát bước đi khi đèn xanh đã bật ở ngã tư nhân loại và tiến... cảm thức được thế giới chuyển giờ, trả lại cho quá khứ hình tượng con... phổ quát dù mang mặt nạ lý trí biện chứng duy vật lịch sử hay t... bản, chỉ ra sự đồng dạng của chủ nghĩa yêu nước bạo tàn và ... nhân vô luân trong những hành vi tội ác đối với nhân loại ... từ văn chương mở rộng không gian nằm giữa hai vùng bó... đối nghịch với quyền lực để tìm lại cái tinh khôi của... "nước ở núi ra"... Câu hỏi "bao giờ?" sẽ được t... khiết của ký ức văn chương?

TÔ HÀ

ngày xuân đọc hồ xuân hương

Là ngang trời bổng tít cành đu...
Là đầy đặn trăng tròn như trái chín...
Là mắt người không chớp suốt canh khuya...

Miếng trầu hôi đã quệt vôi kia
Bàn tay ngửa một lời thách đố
Đã tái mặt một thời Chiêu Hổ
Vẫn khôn nguôi trong gió nét chau mày...

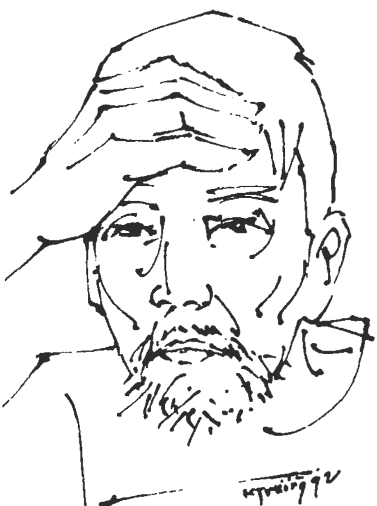
Câu thơ buồn kiêu hãnh giữa lòng tay
Trái tim đập tình người như sóng vỗ
Đời xa lạ tối tăm nghiêng ngó
Mắt chưa xanh đã bạc tự bao giờ!...

Tình yêu ơi em đến bất ngờ
Với say đắm khát khao dữ dội
Gốc xuân cũ bàng hoàng ta hái
Kìa lá cành trước một cũng ngẩn ngơ...

TÔ HÀ
(Trong nước)

BÙI QUANG NGỌC

họa sĩ nguyễn gia trí và nghệ thuật sơn mài



Họa sĩ lão thành Nguyễn Gia Trí đã hoàn thành bức sơn mài khổ lớn (2m x 5m40) trong gần hai mươi năm qua, đó là bức "Vườn Xuân Trung Nam bắc", được UBND thành phố Hồ Chí Minh mua với giá 600 triệu đồng Việt Nam (khoảng 100.000 đôla Mỹ) để trưng bày tại Bảo Tàng Mỹ Thuật thành phố. Đây có lẽ là giá cao nhất trả cho một tác phẩm nghệ thuật của một tác giả Việt Nam hiện đang còn sống.

*

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí năm nay 83 tuổi, ông sinh năm 1908 tại Hà Sơn Bình, miền Bắc Việt Nam. Năm 1925 chính phủ bảo hộ cho mở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương dưới quyền điều khiển của những người Pháp. Thời kỳ đầu, quyền đó được giao cho ông Victore Tardieu và Inguimberty. Sinh viên Nguyễn Gia Trí nhập trường này vào khóa 5. Nhưng nửa chừng, không hiểu vì lý do gì, ông bỏ học. Một thời gian sau, chính ông Tardieu, giám đốc trường Mỹ Thuật Đông Dương, cũng là thầy dạy chính của Nguyễn Gia Trí, đã đến mời ông về trường học lại.

Nguyễn Gia Trí về học lại trường khóa 7, với những bạn đồng môn như: Lưu Văn Sìn, Nguyễn Trung Bang, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Văn Tại, Vũ Đức

Nhuận - vào năm 1931.

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí ngay từ lúc còn là sinh viên trường Mỹ Thuật Đông Dương vẫn tiếp tục tìm tòi, sáng tạo và nâng cao hoàn thiện chất liệu sơn mài. Trong những năm 1930, tuy tuổi còn rất trẻ và với một khoảng thời gian ngắn, Nguyễn Gia Trí đã đưa kỹ thuật sơn mài lên đến đỉnh cao của nó. Qua các cuộc triển lãm mỹ thuật năm 1938 - 1939 do trường Mỹ Thuật Đông Dương tổ chức, tranh sơn mài của Nguyễn Gia Trí đã gây nên cho công chúng sự bất ngờ đặc biệt với tiếng nói có trọng lượng, không những trong phạm vi Việt Nam mà còn mở ra tầm cỡ quốc tế.

Trước sự chinh phục của vẻ đẹp trong tranh sơn mài mà Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân là những họa sĩ tài năng, người lớp trước cùng thời với ông đã kêu lên: *"Phương Tây đã rút kiệt cái tinh túy của La Tinh hết rồi, muốn tìm sinh lực mới thì Phương Tây phải hướng về Á Đông"*. Trước thành công của sơn mài mà tiêu biểu là tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, ông cảm thấy như có một lối thoát cho chính ông trước chất liệu mới mẽ này và ông ước muốn mở một con đường giải thoát cho nghệ thuật tạo hình.

Thể chất lộng lẫy của sơn mài làm thỏa lòng nghệ sĩ khát khao đi tìm một chất phẩm mới ngon mắt và xúc động hơn. Thể chất sơn cánh dán, sơn then vàng bạc ở sơn mài, linh biến, linh động không còn là thể chất không hồn nữa.

Màu ở sơn mài đằm thắm, sắc nhị âm vang sâu rộng, rung tới tận đáy lòng người xem.

Chúng ta hãy nghe lời tâm sự của họa sĩ Nguyễn Gia Trí với một số người làm công việc nghiên cứu hội họa sau năm 1975 đã đến gặp ông *"Nghề sơn, theo tôi nghĩ, người ngoại quốc không làm được, vì họ sợ sơn «ăn» lở và không có tính kiên nhẫn như ta. Nhưng ta làm được và chính vì lý do đó mà nó mang tính dân tộc.*

Sơn mài Nhật Bản ngày nay, họ làm bằng máy tinh vi. Trái lại sơn mài của ta làm bằng tiểu thủ công rất chậm và đắt, do đó không cạnh tranh được với họ. Vì vậy muốn vượt lên họ, nghề của mình không vượt lên thành mỹ thuật (Beaux - Arts) thì nghề sẽ chết. Tôi nghe một số anh em ở ngoài Hà Nội vào nói, các họa sĩ miền Bắc hiện chỉ mua được sơn non, sơn xấu để làm, còn sơn tốt để xuất khẩu, tôi rất buồn. Nếu thế sơn mài sẽ chết, sẽ không cạnh tranh được ngoại quốc, trước hết, là với Nhật Bản và Trung Hoa. Nên nhớ rằng trình độ nghệ thuật của họ cũng rất cao, ta phải dè chừng..." (Tạp chí Mỹ Thuật T.Ư số 1 - 1989).

Từ năm 1938 - 1944, thời cực thịnh của sơn mài Việt Nam, họa sĩ Nguyễn Gia Trí là người dẫn đầu với những tác phẩm khổ nhỏ đến khổ cực lớn mà loại tranh "giá vẽ" có thể làm được, ông đều dụng công thể nghiệm hoàn chỉnh chất liệu mới mẻ này. Một trong những bức tranh đầu tiên Nguyễn Gia Trí thể hiện một góc bờ Cửa Tùng với nền trời đỏ, nước đỏ,

màu sơn cánh dán pha son tươi, trên bờ cát có rặng phi lao nền đen rắc bạc tả khóm lá, và giữa bố cục có chiếc thuyền gỗ úp sấp phơi bụng được đắp nổi và rắc vàng. Hai bộ bình phong cỡ trung bình *"Cảnh Làng Quê"* trên nền sơn đen tuyền với cận cảnh những ngọn cau rắc vụn vàng. Ở nền trời xa là ngọn tre bay theo chiều gió. Trên đường làng, qua các cổng tre, ba thiếu nữ gánh gạo đi như chạy làm tà áo phất phới bay. Thời kỳ này Nguyễn Gia Trí có nhiều tác phẩm rất nổi tiếng như: *Chợ Bờ, Về Chợ, Khỏa Thân, Bên hồ Gươm, Bờ Hồ Hoàn Kiếm, Thiếu Nữ Và Hoa Phù Dung, Bên Hoa Phù Dung, Chùa Thầy, Đèn Trung Thu, Thiếu Nữ Bên Sen, Vườn Xuân*... Người Pháp đã mua của ông khá nhiều tranh, thậm chí, có những bức ông làm dở người mua cũng vội lấy mang đi, không hiểu vì sao, nhưng điều này chứng tỏ uy tín lớn của ông đã được xác nhận. Giá trị nghệ thuật tranh sơn mài của ông đã được định hình trong giới hâm mộ trong và ngoài nước. Cũng trong thời kỳ này, bức *"Cảnh Thiên Thai"* khổ lớn của ông được người Pháp mua, bày tại dinh Toàn Quyền Pháp tại Hà Nội, sau 1945, dinh này là Chủ Tịch Phủ của ta, bức tranh vẫn còn treo nguyên chỗ cũ cho đến ngày nay. Có một lần ông đã tâm sự với nhà thơ Đoàn Phú Tứ là bạn tri kỷ của ông: *"Ngay cả trong thời gian khó khăn nhất, tôi cũng có thể trở thành triệu phú, nhưng tôi quý trọng tự do hơn tiền bạc. Để sống tự do và lương thiện, để được sáng tạo nghệ thuật tôi có thể chỉ sống đạm bạc qua ngày mà vẫn vui lòng".*

Từ năm 1938 đến 1944, hai họa sĩ tài năng của Việt Nam, Tô Ngọc Vân và Nguyễn Đỗ Cung, đã viết nhiều tiểu luận đăng trên báo *"Ngày Nay và Thanh Nghị"* ca ngợi sự thành công rực rỡ của các tác phẩm sơn mài của Nguyễn Gia Trí. Năm 1938, cuộc triển lãm tranh tại Hà Nội có sự đóng góp của Nguyễn Gia Trí - kết quả của sáu, bảy năm tìm tòi thành công chất liệu sơn mài - Tô Ngọc Vận rất cảm động và khẳng định: *"Đến cuộc thí nghiệm Nguyễn Gia Trí, lối sơn ta không còn là mốt mỹ nghệ nữa. Ở óc, ở tâm hồn người ấy ra, nó đã được nâng lên mỹ thuật thượng đẳng..."*

"Mỗi tác phẩm Gia Trí là tâm trạng của người tạo ra nó, nó cũng dồi dào linh động, phức tạp vì biến theo tâm trạng. Không một khuôn khổ, không một nếp nào có thể ngừng nó lại".

Trong một bài báo khác, Tô Ngọc Vân viết: *"Trong những hình màu sắc ấy như ẩn hiện một chút gì huyền ảo, đắm say, nồng nàn còn run rẩy trong bóng tối hòa với máu, một sức sống còn bế tắc, một linh hồn kiên quyết, đam mê, đang quằn quại vì muốn thoát nhanh ra ngoài ánh sáng".*

Kể từ năm 1940 trở đi, họa sĩ Nguyễn Gia Trí muốn tìm cái độc đáo của riêng mình. Ông lồng lên một cách bất kham trong khoảng trời riêng biệt đó, với những nét vẽ phá phách, với màu sắc vô cùng táo bạo. Ông vẽ nhiều hình dáng các thiếu nữ yểu điệu, yêu kiều và diễm lệ, với những mảng màu bất chợt bị tách ra, rồi liên kết lại trong một bóng tối mông lung, nhịp điệu nhảy nhót, những nét bút phóng khoáng dứt lìa ra khỏi hình với đường sức của những mũi tên xung trận. Tấm tranh sơn mài như sống động và tự

chuyển, vẫn bằng một sức mạnh bên trong. Làm được việc này trên chất liệu sơn mài thật là điều kỳ diệu.

Họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung trong bài *"Họa Sĩ Nguyễn Gia Trí"* lại khẳng định một lần nữa tài năng của ông: "*... Chất sơn rửa đã bắt đầu cất cánh. Tôi muốn nhận thấy cái sinh lực đầu mối của tiến hóa đó. Đen, đỏ, vàng, tím với những màu hơn kém nhau chút ít của nghề sơn, họa sĩ đã cho ta một cuộc sống mà sự giàu sang tương tự như cuộc sống thực tại của ta*".

Tranh Nguyễn Gia Trí tràn đầy hương vị dân gian Việt Nam. Nhiều người còn nhắc đến bức tranh *"Ai Mua Rươi Ra Mua"* của ông. Không biết giờ đây bức tranh đã gây ấn tượng sâu đậm trong lòng công chúng và những người làm nghệ thuật Việt Nam ấy, nay ở góc trời nào. Bức tranh gói nhỏ một khoảng trời giản dị, quê mùa, với những buổi mưa rơi miền Bắc, nước sông dâng ngập tràn đồng. Cô thiếu nữ duyên dáng đi bán rươi, che đầu bằng chiếc lá sen, chiếc lá sen mùa hạ, mùa rươi.

Năm 1989, họa sĩ Nguyễn Gia Trí được Bộ Văn Hóa chính thức công nhận là một trong mười họa sĩ đương đại có công trong việc xây dựng nền nghệ thuật tạo hình hiện đại Việt Nam. Họa sĩ Quang Phòng viết về ông: *"Thế giới sơn mài của Nguyễn Gia Trí vừa thực vừa mông lung, phản ánh trong nó niềm khát khao vô tận, một cái đẹp đầy ma lực, khó nắm bắt, luôn chạy trốn người đi tìm kiếm. Nó biến hóa, ẩn hiện không ngừng giữa các lớp sơn trong quá trình họa sĩ mài ra mà bất ngờ ánh lên chất màu quí giá mà phải những người có con mắt tinh đời mới kịp thấy để dừng tay đúng lúc. Trong địa hạt này Nguyễn Gia Trí như một nhà ảo thuật lão luyện, quen điều khiển những chất màu chưa ai biết đến: thẫm đượm như bóng đêm, sáng như vầng trăng bạc, lấp lánh như lá vàng dưới nắng... làm nổi lên chất nhung, lĩnh, men, sứ, đồi mồi, đá quí..."* Khi Thái Bá Vân hỏi ông bắt đầu vẽ trừu tượng hồi năm nào, ông trả lời: *"Ngay những bức tranh trong thời kỳ đầu của tôi, tôi đã vẽ trừu tượng"*. Từ góc độ này, Nguyễn Gia Trí làm sáng tỏ rằng, ông đã ý thức vận mệnh nghệ thuật của đời ông. Ông đã tự vĩnh viễn hóa thân và trải rộng tâm hồn mình vào chất liệu sơn mài bằng thông điệp tạo hình, kết hợp giữa thực và mộng để hóa giải ẩn số của bài toán do ông đề ra.

Để biến hóa một nhóm sắc màu rất hạn chế và định sẵn, ông thổi vào sơn mài một luồng sinh khí mới. Với mối tình si đó, ông biến mình vào chất liệu, và rút ra những định luật: định luật phàm tục và định luật nghệ thuật của sơn ta. Ông đã bộc lộ: *"Lúc đầu vẽ sơn mài như sơn dầu tôi thấy bất tiện vì nó loãng. Cho nên nếu vẽ sơn mài như sơn dầu thì trái, phải tìm cách thoát ly, bỏ cách bắt chước sự thật. Sơn mài là sơn mài. Đời sống của sơn mài không dính dáng đến đời sống của con người. Phải tôn trọng nó"* (Tạp chí Mỹ Thuật. T.Ư số 1 - 1989). Ông như con thiêu thân, tự cảm nghiệm mình trong một cuộc phiêu lưu kỳ lạ, ông nguyện xả thân làm thí nghiệm cho chính đồng loại mình. Ông nói rằng: *"Ba bức tranh sơn mài của tôi ở thư viện thành phố Hồ Chí Minh là ba kiểu mẫu của ba thời kỳ ở mức độ khác nhau mà tôi muốn tìm*

lại cho các thế hệ sau".

Chúng tôi may mắn có dịp đến thăm gia đình họa sĩ Nguyễn Gia Trí, thấy ông ngồi yên trong một khung nhà nhỏ, dột nát, với những vật dụng sơ sài. Có lẽ, tất cả số tiền làm được bằng sáng tạo nghệ thuật, ông đã không tiếc, đổ hết vào chất sơn mài loại tốt nhất để dùng làm tác phẩm, mà ông hằng mong muốn đạt chất lượng cao. Cụ bà cho biết: Lúc còn khỏe ông làm việc không ngừng, không hề biết nghỉ ngơi. Nhiều khi tác phẩm làm xong, nếu ông không vừa ý, ông rất nghiêm khắc, sẵn sàng xóa hết để làm lại từ đầu. Ông sống một đời sống lặng lẽ và đạm bạc.

Tranh của Nguyễn Gia Trí in dấu ấn ghi lại ngày tháng sống của cả cuộc đời ông, ông không vẽ chân dung của một ai, ông vẽ chân dung của chúng ta, những người Việt Nam đích thực, với những nét tượng trưng tiêu biểu của tinh thần xứ sở.

BÙI QUANG NGỌC

(trong nước)

THƯỜNG QUÁN

đêm trước chuyến về

Phơi trong những lùm cây đêm đánh bật xoay trở những con mắt tinh xanh
Thổi rầm rì con đường sắt thép co tím gió lướt phím băng thiếp xô dạt về núi hoang dở
Vùi trong rũ ướt cỏ khấp chết theo từng trận dấy tremolo
Ngón tay ghì trên phím tranh sơ xuân tuyệt đường

Nền đất đánh lên bấc tuyết trận mưa trắng thảo
Tiếng hú từ núi con tàu cháy gió
Tắt ngấm hồ than ghìm cương

Vó đập nội-mông rách toạc bông đào thấm rỏ
Lá giấy xanh tê nối mực ướt hoài
Sớm mai tới sớm mai cánh đồng băng nước
Mưng xám âm u.

THƯỜNG QUÁN



Tranh KHÁNH TRƯỜNG

LÊ THỊ MÂY

bản chất

Trong mỗi vật hẳn trắng đen bí ẩn
Dễ gì đâu thấy rõ được mỗi ngày
Cái nhìn anh trong đá buồn đọng lại
Biết làm sao giữ ấm giữa lòng tay

Em can đảm vững tin về hạnh phúc
Tìm giữa bao nhiêu đồ vật nhiệt nồng
Được anh yêu gọi đúng tên bản chất
Cái nhìn anh khám phá mới luôn luôn

Trong mỗi vật có gì như linh cảm
Tư tưởng anh ngôn ngữ chẳng đủ dùng
Tim anh đập thúc dồn trong đá lạnh
Cái nhìn anh ngời sức mạnh thủy chung

Trong mỗi vật hơi thở anh cháy bỏng
Trái tim em va đập vỡ tận cùng

LÊ THỊ MÂY
(Trong nước)

VƯƠNG TRÍ NHÀN

phê bình trong cơ chế tự thỏa mãn của đời sống văn học

Thời gian qua, mỗi khi bàn về những nhân tố hạn chế sự sáng tạo trong văn nghệ, người ta chỉ mới nói đến cơ chế trói buộc. Chức năng sợi dây trói do phần tự kiểm duyệt ngự trị trong từng người cầm bút đảm nhiệm. Và nhiệm vụ ấy được cụ thể hóa trong công việc của giới phê bình. Nhớ lại những vụ việc "có vấn đề" trong mấy chục năm qua, từ Cái Gốc (Nguyễn Thành Long), Tình Rừng (Nguyễn Tuân), Đêm Đợi Tàu (Đỗ Phú), Sẹo Đất (Ngô Văn Phú), Cây Táo Ông Lành (Hoàng Cát), người ta hẳn thấy giới phê bình đã đóng một vai trò không lấy gì làm đẹp đẽ cho lắm.

Có điều đời sống văn học không phải chỉ có những vụ việc.

Là nhu cầu tự bộc lộ của mỗi người cầm bút, nhưng sáng tác cũng là một hoạt động mà xã hội cần thiết. Đời sống đòi hỏi phải có các tiểu thuyết, các tập truyện ngắn, tập thơ, các công trình nghiên cứu văn học như phải có cơm, có thịt, có điện, có nước, có đồ chơi cho trẻ thơ, gương lược cho phụ nữ.

Bởi vậy, giữa hai vụ việc, để làm nên nhịp sống hàng ngày của đời sống văn học, người sáng tác vẫn làm việc đều đều. Tác phẩm ra đời rồi có sự trao đổi thảo luận, khen chê, có cả tặng giải cho nhau nữa. Chính ở đây đã bộc lộ căn bệnh: Mẹ hát con khen hay. Sự tự lừa mị, nếu có thể nói như thế.

Thử nhớ lại những bảng tổng kết, những báo cáo về tình hình văn học sau một thời kỳ nào đó, sau một đợt đi thực tế chẳng hạn hoặc thử nhớ lại những bài xã luận ra trong những ngày lễ lạc là chúng ta đủ rõ. Sẵn giấy mực trong tay, chúng ta tha hồ trưng ra những lời tự khen mình, người nọ khen người kia, làm chứng cho tâm lý *Ta là ta mà lại cứ mê ta* mà Chế Lan Viên đã phát biểu một cách thành thực. Với một sự tự tin không che dấu, chúng ta sẵn sàng coi những sáng tác của mình là bất tử, là có thể sánh ngang với

những giai đoạn rực rỡ trong lịch sử văn học dân tộc và không kém gì nước ngoài. Rõ ràng, ngoài lý do tạo sự cân bằng trong tâm lý sáng tác sau những vụ việc, xu thế tự thỏa mãn này là để biện minh cho những hạn chế ngặt nghèo trong giao tiếp với văn học thế giới cũng như trong việc tiếp nhận di sản văn học quá khứ.

Nguyễn Minh Châu từng nói tới tình cảnh "trói xong lại bảo đố mày bay lên" Cần nói thêm, trong cảnh trói buộc đó, tất cả đã nói với nhau để cùng tin rằng mọi người đang bay lên.

Cơ chế của sự tự thỏa mãn gồm nhiều yếu tố, nhưng quan trọng nhất, là tạo ra một cái chuẩn thấp hơn hẳn so với chuẩn thông thường mà mọi nền văn học ở mọi nơi và mọi lúc vẫn dùng. Theo cái chuẩn giả tạo này, tác phẩm nào đi vào các vấn đề siêu hình, tác phẩm nào có vẻ khó hiểu một chút là xa lạ và không có giá trị. Cũng theo tiêu chuẩn này, nội dung và hình thức có sự tách rời rõ ràng và mặc dù vẫn cho hình thức là quan trọng, nhưng lại đặc biệt lưu ý nội dung mới là yếu tố quyết định, mà cái nội dung này thì được hiểu thiển cận, vụ lợi. Thói láu cá có thể tìm thấy ở đây mảnh đất tuyệt diệu.

Cũng như khi nói về những trói buộc, chúng tôi cho rằng sự lạc hậu này trước tiên nằm trong ý thức từng người cầm bút. Nó cũng là cái *tâm lý một thời* cần giải tỏa.

Nhưng không ở đâu nó hiện ra lộ liễu và gây tác hại như trong phê bình văn học. Đọc các bài viết hồi ấy, chỗ nào chúng ta cũng gặp những giọng điệu đại loại "một bước tiến mới", "một bước phát triển của ngòi bút", "một đóng góp vào đời sống"... Rồi "người mở đầu" cái nọ, "người tiêu biểu" cái kia, rồi "đỉnh cao" của lối này, lối khác. Đọc mãi người ta đâm nghi ngờ, hoặc người phê bình dễ dãi đến mức vô nguyên tắc, hoặc anh ta định dùng những lời khen này vào mục đích đen tối nào đó.

Nếu những lời khen dễ dãi vô trách nhiệm nói trên các bài báo vặt thì còn đi một nhẽ. Đằng này, người ta cũng thường xuyên gặp nó trong những lời giới thiệu mở đầu các tuyển tập, các bài tổng luận mở đầu hay kết thúc cho các sách giáo khoa văn học, từ phổ thông đến đại học, thậm chí, cả các từ điển văn học. Ngay trong những công trình được coi là nổi tiếng một thời, người ta cũng gặp lối khen tiền chế kiểu đó. Chẳng hạn cuốn *Tiểu Thuyết Việt Nam Hiện Đại* của Phan Cự Đệ, gạt đi phần lý luận dang dở, chắp vá, thì chỗ hỏng chính của cuốn sách là nó trình bày một bức tranh sai lạc về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Tác giả thường có lối khen quyển này là "mẫu mực chín muồi của tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa", trong quyển kia "có sự kết hợp nhuần nhuyễn hiện thực và tính Đảng". Lại nữa, trong khi minh họa cho những luận điểm của mình, tác giả có lối trộn lẫn rất tự nhiên, đoạn trên là Balzac, Hugo, Tolstoi, Dostoievsky, đoạn dưới là Tô Hoài,

Nguyễn Đình Thi, Chu Văn, Phan Tứ, và nếu căn cứ vào những hình dung từ định giá thì hình như là họ rất gần nhau, là những giá trị tương đương nhau. Một ví dụ khác, trong cuốn *Tự Điển Văn Học* (nhiều tác giả thực hiện) cũng có sự dễ dãi khó chấp nhận. Viết như thế về văn học còn đang vận động, không chỉ không đúng sự thật mà còn làm cho cả bộ tự điển trở nên khập khiễng, thiên lệch.

Những gì xảy ra với phê bình khi sự ngợi khen dễ dãi trở thành chức năng chủ yếu của nó?

Điều đập vào mắt chúng ta là phê bình đã tạo ra một hệ thống ngôn ngữ kỳ lạ. Để hiểu giá trị một quyển sách và tầm cỡ tác giả, người ta phải xem bài phê bình về nó được đặt ở trang nào, mục *phê bình* hay *đọc sách*. Số lượng chữ nghĩa dành để nói về nó cố nhiên phải là một yếu tố được tính toán từ đầu. Chất lượng sách thì khác nhau mà lời khen thì có hạn, và sự chê bai bị coi là không nên nói ra, cho nên nhiều người viết phê bình (trong đó có cả người viết bài này) phải tìm một hệ thống *uyển ngữ*, nào là *thành tựu bước đầu, thành tựu đáng ghi nhận, đóng góp không nhỏ, bước tiến nhất định...* Việc tìm cho ra những chữ làm cho người có sách phê bình bằng lòng nhiều khi chiếm phần quan trọng trong những cuộc mặc cả giữa biên tập viên các báo và người viết phê bình. Bởi vì đó là đối nhân xử thế, giải quyết không khéo dễ gây va chạm. Còn như việc nhà phê bình nhân dịp đọc sách trình bày luận điểm học thuật, hoặc những suy nghĩ về đời sống, về nghề nghiệp, việc đó càng thu hẹp càng tốt. Lâu dần rồi điều đó chẳng ai đợi chờ ở phê bình nữa! Ấy thế nhưng phần mình, thì chỉ có vai trò *người ngợi khen dễ dãi* cũng đã làm cho nhiều nhà phê bình vênh vang lắm. Trong nhiều bài viết, người ta bắt gặp một giọng điệu đáng sợ: cái giọng cả quyết của người tưởng mình nắm giữ chân lý và ban phát danh vọng, cái giọng tự tin khó chịu của kẻ nghĩ rằng mình đã xếp hạng ai thì chỉ có tuyệt đối chính xác. Thường những nhà phê bình này luôn luôn tự đồng hóa mình với dư luận xã hội, với người đọc, họ tự coi mình đại diện cho yêu cầu thời đại và đủ thứ quyền lực khác. Người ta cứ viết khơi khơi *Đảng nhận định rằng... Đảng luôn luôn cho rằng...* mặc dù chưa bao giờ có một văn bản chính thức xác định người ấy phát ngôn thay Đảng cả.

Thế còn giới sáng tác, thái độ của họ với những người dựng bia này ra sao? Cố nhiên, sau khi viết lách lại nhận được một lời phê bình đích đáng thì cũng thú lắm. Song khốn nỗi, những lời khen giá trị đâu có mấy, điều thường xảy ra là lời khen phát từ những mỹ cảm thô thiển và nhiều khi dựa hẳn vào sự nghe ngóng từ cấp trên, nên như chúng ta đều biết, nhiều người sáng tác tỏ ý khinh nhờn người viết phê bình, và nghề phê bình ra mặt. Sinh thời, Chế Lan Viên có nói một câu nổi tiếng: "Nhà văn học ba năn trở thành nhà phê bình, nhưng nhà phê bình học ba mươi năm cũng không trở thành nhà văn

được". Có hàng loạt người sáng tác, nhất là những người làm thơ lâu lâu lại tạt sang phê bình, coi phê bình là một thứ nghề phụ trở về lúc nào cũng kịp. Thật ra không phải họ không có lý: Khi chỉ rút lại trong việc khen chê, từ một cái chuẩn thấp thì người trong cuộc nhất định phải giỏi hơn rồi. Nhưng dẫu sao cả nền phê bình cũng cần vài tên tuổi làm mặt hàng. Và đây là điều đã xảy ra trong mối quan hệ tuyệt vời này: một mặt khinh phê bình như vậy, nhưng mặt khác, nhiều người sáng tác lại tìm cách lợi dụng phê bình. Họ hiểu, nếu trì trệ kéo dài thì chính những người phê bình kia lại đưa họ lên đài danh vọng và ở lại với lịch sử. Thật là một mối quan hệ đáng ghê sợ.

Trong không khí cởi mở hiện nay, rõ ràng giới phê bình chúng ta cần nghĩ lại về chính mình. Có những chỗ lâu nay ta yên trí mọi việc đâu vào đó, hình như đã đúng hướng rồi, chỉ cần cố lên một tí là được, thực chất lại vẫn là việc hỏng.

Công việc ngợi khen mà phê bình đảm nhiệm trong những ngày qua là thuộc loại đó.

Trong cả hai vai trò *sợi dây trói* và *người ngợi khen* một cách dễ dãi, phê bình đều hiện ra như một nhân tố cản trở sự phát triển lành mạnh của văn học. Khó lòng nói khi nào nó có tội hơn, khi nào đáng thể tất hơn.

Qua đây càng thấy phê bình là khó. Không phải ngẫu nhiên nhìn lại văn học Xô Viết hơn bảy mươi năm qua, người ta nhận thấy không có nhà phê bình nào tồn tại với lịch sử, và một cuốn lịch sử văn học Xô Viết vẫn chưa được viết. Tôi không nghĩ rằng số phận chúng ta lại may mắn hơn.

VƯƠNG TRÍ NHÀN

(Trong nước)

TRẦN MẠNH HẢO

mượn

Mặt trời mượn các vệ tinh quanh mình
Để cố định, phát quang và tỏa nhiệt
Con chim mượn bầu trời để bay
Dòng sông mượn mặt đất để rong chơi...
Cơn gió mượn tóc em, vạt áo dài em và vòm cây rung để tự khẳng định
Ngọn lửa mượn ốc-xi để chói ngời
Tia chớp mượn đám mây mà sấm sét
Đại dương mượn vị mặn để khác biệt sông ngòi
...
Không có vật gì trong trời đất
Lại không đi mượn của nhau
Có cái mượn rồi không trả được
Đã cho đòi lại dễ gì đâu

Chỉ duy có Mẹ không mượn anh để sinh đẻ
Và khi ái tình em không mượn anh để yêu thương
Dù anh mượn cả thế giới này để sống
Anh nào dám mượn Mẹ và em như một bóng qua đường

Mẹ xuất phát, còn em thì anh đến
Anh mượn chính sự sống của mình làm lễ vật yêu thương

TRẦN MẠNH HẢO
(Trong nước)

CAO ĐÔNG KHÁNH

michelle

Đời sống hình như áo lụa phơi ngoài nắng
tôi ngủ ngồi bên ngọn nước âm dương
tiếng nói còn trong, bóng đèn mới sáng
lắng nghe em về mở cửa ban đêm

Tình ái có chỗ trong con mắt đồng vọng
sợi tóc đời nay ửng chút xíu tinh sương
em vậy đó mong manh như chớp mắt
gót giày khuya cao biệt mù cao

Tôi có bữa sầu đầy chở không nổi
nguyệt ngoài xa chỗ ở dân gian
xưa có hẹn với kiếp sau chẳng biết
bởi vậy bây giờ không rõ được cô đơn

Đêm nhứt định có chỗ ngồi cố cựu
để dành cho em làm kiểu thanh tân
tóc đã rộng như rừng lộng hiểm
ngón tay gần như tiếng hú miên man

Cây ở trong nhà: sự hồn nhiên của tuổi tác
tiếng hát trong veo sắp sửa đóng băng
sợi tóc tuyết như lưỡi dao trủy thủ
múa trên đầu cắt cổ tương lai

Tiếng kèn như sợi chỉ vô lỗ kim ân ái
trên đó mơ hồ núi có nặng mù sương
con đường xa lắm gởi theo em hạt cát
biển em về trên ấy nhẹ bao nhiêu

chỗ ở của Michelle gần với trăng nước ngọt
phố xá với phù vân bề bộn trùng dương
dốc dựng đứng ngó lên lật ngửa
rớt tôi vào nguyệt địa đời sau

Chỗ ngủ của Michelle ngó xuống sâu thăm thẳm
lục địa ngày xưa tăm cá bóng chim
con đường ra bán đảo em chỉ tôi không rõ
có một con đường trên đỉnh thiên thu

em họ Nguyễn qua cầu treo mất tích
trăng có còn như trăng trước không em
biển ba mặt có niệm tình cố quốc
sóng ngàn năm có dội trong mù

CAO ĐÔNG KHÁNH

ĐẶNG TIẾN

đọc nhật ký nguyễn ngọc lan

Nguyễn Ngọc Lan là một cựu linh mục. Tại các đô thị miền Nam, ông được nhiều người biết tiếng vào những năm 1965 - 1975 qua các phong trào tranh đấu đòi dân chủ, hòa bình. Qua những bài báo sắc cạnh, ông đặc biệt lưu tâm đến vai trò của Giáo hội Công giáo trong công cuộc bảo vệ và phát triển dân tộc; cụ thể hơn nữa là tương quan giữa giáo hội và chính quyền: làm sao gìn giữ và phát huy tự do tín ngưỡng trong tự do nói chung của một xã hội thường xuyên bị thử thách. Trọng tâm trong tư tưởng của Nguyễn Ngọc Lan là : sống sâu sắc tinh thần Phúc Âm, trong lòng dân tộc, và tương quan với một thế giới đang thay đổi rất nhanh.

Có ý định hoàn tục từ năm 1973, thời Hiệp định Paris, ông xin từ chức linh mục từ năm 1976, lập gia đình và tiếp tục làm báo, tiếp tục gióng lên tiếng nói tự do, cho đến khi bị chính quyền bắt tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16.5.1991, cùng một lúc với linh mục Chân Tín, người bạn đường cùng tranh đấu, cùng lý tưởng với ông, từ ba mươi năm nay. Chân Tín bị trục xuất khỏi thành phố, biệt xứ tại Cần Thạnh, một họ đạo lẻ huyện Duyên Hải; còn Nguyễn Ngọc Lan bị quản thúc tại gia vì *"vi phạm luật pháp, xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội"* (tr. 246). Dĩ nhiên là chính quyền bắt bớ tự do, không cần xét xử gì cả.

Là một công dân có trách nhiệm về ý thức của mình - và có ý thức về trách nhiệm - Nguyễn Ngọc Lan biết rõ: đã *"làm người"* thì không thể *"làm thinh"*, và một ngày nào đó, trong một xã hội chuyên chế, ông phải trả giá cho sự chọn lựa *"sống thẳng nói thật"* của mình: cho nên từ 1980 đến 1990, ông đã cẩn thận gởi sang Pháp 1522 trang đánh máy và nhiều thư từ, sáng tác, tài liệu bổ sung, làm nền cho tác phẩm **Nhật Ký 1989 - 1990** do nhà xuất bản *Tin* (Paris) vừa ấn hành và giới thiệu qua một buổi họp mặt ra mắt ngày 25.1.1992 (1)

Nhật Ký kể chuyện thường ngày, từ thứ hai 6.1.1989 đến thứ sáu

20.4.1990. Ngoài những chuyện về gia đình, bè bạn, đồng đạo, còn nhiều chuyện xã hội dựa theo những bài báo, chủ yếu là báo *Sàigòn Giải Phóng*. Đây là một tư liệu quí giá để người đọc ngoài nước và hậu thế, thấy được phần nào đời sống của người dân thành phố, về mặt kinh tế, văn hóa, tôn giáo, qua cách nhìn, cách suy nghĩ của một trí thức Công giáo. Sách hấp dẫn, nhờ lối viết khi dí dỏm khi độc ác nhưng lúc nào cũng tinh tế, sắc sảo.

Nhật Ký, dĩ nhiên, là những trang viết rời, độc giả có thể đọc rải rác dăm ba đoạn lẻ, đã thấy thích; hoặc đọc để thưởng thức lối nói cạnh khóe, nói thắt họng, "nói chận họng" của tác giả. Rồi đem truyền tụng. Nhưng không nên vì vậy mà quên rằng Nguyễn Ngọc Lan là người thâm trầm: những chuyện hằng ngày, bề ngoài rời rạc, bên trong vẫn gắn bó chặt chẽ với nhau thành một bức tranh xã hội nhất quán. Mỗi chi tiết, dù bề ngoài phù phiếm, đều có giá trị biểu tượng. Ví dụ: bé Lan Chi, con gái tác giả, từ ba lên bốn tuổi, xuất hiện thường xuyên trong **Nhật Ký** không phải là tác giả khoe con, nhưng ông muốn nói lên tiềm năng của dân tộc: tiềm năng ấy có thể phát triển, hay bị thui chột, mỗi chúng ta, cha mẹ hay chú bác, đều ít nhiều có trách nhiệm. Lúc nói đến bạn bé trong nhóm Khilikhitô - khi nâng ly khi nâng tô, ít nhiều trong ân phúc Chúa Kitô - không phải tác giả chè chén lè phè, nhưng ông lưu ý đến hình thức đối kháng, tuy tiêu cực nhưng dài hơi, của quần chúng miền Nam, trước mọi áp chế của giáo điều. Tư cách Khilikhitô sẽ là một viên gạch làm móng cho nền dân chủ mai sau. Khi ông tố giác căn bệnh trubacanis (2), dĩ nhiên là một lối chơi chữ độc ác đối với một cá nhân đồng đạo, nhưng cốt ý nhắm vào căn bệnh xu thời vị lợi, xã hội nào cũng có, nhưng đặc biệt nẩy nở trong xã hội chuyên chế thối nát. Trong **Nhật Ký** có nhiều đoạn chơi chữ như vậy; Nguyễn Ngọc Lan có khuynh hướng lạm dụng sở trường của mình, đó là chỗ yếu mà cũng là chỗ mạnh, hấp dẫn người đọc. Thúy Kiều chỉ có thể nói *"có tài mà cậy chi tài"* khi đã gội rửa hết trần duyên ở sông Tiền Đường, Nguyễn Ngọc Lan còn hụp lặn giữa trần lụy thì phải chiến đấu bằng những vũ khí của mình. Biết vậy mà chúng ta vẫn tiếc cho tác giả còn nặng nghiệp sân si, và chưa xứng đáng với câu kết lời tựa của nhà xuất bản: *"Có lẽ nên đọc* **Nhật Ký Nguyễn Ngọc Lan** *như đọc chứng từ của một sĩ phu Việt Nam ấp ủ một linh hồn linh mục"*. Có lẽ, trong câu này chỉ có hai chữ đầu câu là chân xác.

*

Tuy nhiên, bài tựa viết rất hay. Tiếc rằng những đoạn hay nhất thì không mấy liên quan đến tác phẩm, ví dụ về tình yêu: *"nhà hiền triết định nghĩa ái tình: em là lý do tại ngoại của niềm hoan hỉ của hồn tôi"* (tr. 9). Quê. Từ ái tình chuyển sang mục vụ: *"Đời tu cũng như đời tình (...) Tu cũng như*

tình, đâu có dừng lại ở tư cách hay chức vụ. Đó là một cuộc hóa thân". Để mà biện minh *"Nguyễn Ngọc Lan xin thôi tư cách và chức vụ linh mục. Anh không từ bỏ linh hồn linh mục* (tr. 9). Xin mách quí vị «chân tu» lời của Marguerite Duras, nghiện rượu và đã cai. Cô thôn nữ miệt Sa Đéc, tác giả truyện L'Amant, tuyên bố với báo *Le Nouvel Observateur* (ngày 24.5.1990): *«Những kẻ nghiện rượu, khi bị cấm rượu, vẫn là những người nghiện thôi uống rượu» (Tous les alcooliques empêchés de boire restent des alcooliques qui ne boivent plus)".* Cùng một ý ấy, nhưng nghe... Khilikhitô hơn. Nhẹ nhàng hơn.

ĐẶNG TIẾN

21.2.1992

(1) Giá bán 85FF. Có thể mua tại cá nhà sách Sudestasie, Nhà Việt Nam (Paris 5), Khai Trí, Nam Á (Paris 13). Qua bưu điện: thêm 15FF cước phí, ngân phiếu đề Đỗ Mạnh Trí, về địa chỉ: DO, 6 rue Chère Année, 94370 SUCY en BRIE.

(2) Ám chỉ linh mục Trương Bá Cần, tổng biên tập tuần báo Công giáo và Dân tộc. Đây chỉ là một trong nhiều ngôn từ độc ác mà tác giả dành cho nhiều đồng đạo: LM Nguyễn Huy Lịch, Phan Khắc Từ... thậm chí Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình. Đây là chuyện "anh em thù địch" hay là hiện tượng lanal?

LUÂN HOÁN

yêu

1.
Ta về bước thấp bước cao
gặp em nhón gót bờ rào hôn hoa
gió nâng vạt áo bà ba
hương bay tỉnh rượu lân la ta chào
2.
Trùm chăn kín mít suốt đêm
sợ rơi giấc mộng lọt em ra ngoài
sáng ra vơ vẩn nhớ hoài
hương em hương giấc mơ dài vẫn thơm
3.
Viết xong một lá thư tình
máu thương máu nhớ máu bầm tiêu tan
chân tay đầu óc nhẹ nhàng
hân hoan cùng với ghế bàn bay quanh
4.
Trái tim nào cũng biết yêu
khác chăng yêu ít yêu nhiều mà thôi
trái tim tôi thật tuyệt vời
yêu em yêu cả đất trời nhân gian
5.
Hoa vàng ngủ dưới trăng vàng
thưởng hoa quá chén bò càng dưới hoa
tỉnh ra hương phấn đàn bà
thơm tho râu tóc thịt da ngũ tuần.

LUÂN HOÁN

PHẠM VIỆT CƯỜNG thực hiện

trần diệu hằng
với nỗ lực làm mới văn chương



LTS: *Từ số này, Hợp Lưu sẽ giới thiệu đến độc giả mỗi kỳ hai chân dung văn nghệ sĩ. Đó là nhịp cầu nối liền giữa người viết và người đọc. Hai nhân vật được phỏng vấn nơi đây có thể khác nhau ở đường hướng sáng tác, quan điểm, chính kiến... nhưng qua quá trình sáng tạo và tư duy của họ, Hợp Lưu hy vọng độc giả sẽ có đủ dữ kiện để rút ra cho mình một kết luận khách quan và chân xác.*

*

Nhà văn Trần Diệu Hằng sinh năm 1952 tại Hà nội, lớn lên ở Sài Gòn. Sống qua thời Trung học ở Trưng Vương, thời Đại học ở Luật khoa Sài Gòn. Bắt đầu sống trên đất Mỹ năm 1975 bằng nghề lao động. Vừa đi học vừa đi làm ở Santa Ana College. Vừa đi làm vừa nuôi con vừa đi học tiếp ở California State University, Fullerton. Là thảo chương viên điện toán từ mười năm nay tại Chevron Oil Field Research. Hiện đang sống với hai con nhỏ tại quận Cam, tiểu bang California.

Các tác phẩm đã xuất bản: Vũ Điệu Của Loài Công (tập truyện ngắn, nhà xuất bản Ngọc Lũ, Hoa Kỳ, 1983, tái bản 1984); *Mưa Đất Lạ*, tập truyện ngắn (Nhà xuất bản Làng Văn, Canada, 1986); *Chôm Chôm Yêu Dấu*, tập

truyện ngắn (Nhà xuất bản Việt Pub., Canada, 1990).

Từ 1989 đến nay, nhiều truyện ngắn khác của chị đã được các tạp chí Làng Văn, Văn, Thế Kỷ 21... đăng tải. Nếu độc giả có dịp theo dõi, sẽ dễ dàng nhận thấy nỗ lực làm mới được biểu hiện rất đậm nét ở các sáng tác này.

Để hiểu rõ hơn về một nền văn học tiếng Việt trong tương lai qua cái nhìn của nhà văn Trần Diệu Hằng, Hợp Lưu trân trọng giới thiệu đến độc giả bài phỏng vấn chị do nhà thơ Phạm Việt Cường thực hiện.

*

PVC: *So sánh với những người viết khác, có lẽ chị là nhà văn thay đổi bút pháp của mình một cách rõ rệt nhất trong vài năm qua. Điều gì khiến chị chọn lựa cách viết hiện nay?*

TDH: Điều gì khiến tôi chọn lựa cách viết hiện nay? Có lẽ không còn lý do nào khác hơn là nghệ thuật văn chương trong cách tôi nhìn. Tôi khởi viết một cách tình cờ, hồn nhiên. *Vũ Điệu Của Loài Công* được viết bởi một người chưa có ý niệm gì rõ rệt về văn chương, viết để kể ra một số điều, diễn tả cảm giác của mình về một vài sự việc. Khi ấy, viết văn đối với tôi đúng là một thú vui và là một cách diễn tả lòng mến yêu tiếng mẹ. Đến *Mưa Đất Lạ*, tôi bắt đầu băn khoăn: tôi có đang bước vào thế giới của văn chương? Mà thế nào là văn chương? Đâu là thế giới của văn chương mà tôi phải hình thành? Từ niềm băn khoăn này, tôi khởi sự dò dẫm tìm hiểu, học hỏi. Mỗi ngày học, tôi thấy tôi mỗi khác. Khi viết *Chôm Chôm Yêu Dấu*, một vài truyện trong tập sách đánh dấu sự thay đổi này. Từ đó trở đi, tôi đã viết khác như anh và một số người đọc nhận thấy. Có lẽ tôi có can đảm làm được sự thay đổi này vì tôi là một trang giấy trắng trơn, không quá khứ vàng son, không cương lĩnh đảng, không tham vọng bất tử trên chiếu văn học cạp điều. Tôi viết thế này hay thế khác chỉ vì tôi, và khi vì tôi, tôi đã vì khối độc giả thầm lặng ở đâu đó, trong một thế giới văn chương ở dâu đó, sẽ có một ngày hiện rõ nét hơn.

Kỹ thuật viết mới mẻ này có giới hạn chị trong việc diễn đạt những truyện ngắn có đề tài liên hệ đến con người và quê hương Việt Nam chúng ta không?

Chắc chắn là không. Người đọc theo dõi những truyện ngắn tôi viết sau *Chôm Chôm Yêu Dấu* có thể thấy đề tài của truyện vẫn là những vấn đề liên hệ đến con người nói chung hoặc đời sống của những người Việt Nam sống trên quê hương hay ngoài quê hương nói riêng, nhưng cách đặt vấn đề của tôi khác, cách viết khác, kỹ thuật khác.

Nhiều người nhận xét là chị chịu ảnh hưởng văn chương hiện đại quá

sâu đậm trong những truyện ngắn sau này. Chị nghĩ sao về việc ấy?

Tôi chịu ảnh hưởng văn chương hiện đại quá sâu đậm? Văn chương hiện đại của nước Mỹ hay của thế giới? Mà văn chương hiện đại là chi? Thôi thì "xấu đẹp tùy người đối diện", nhưng được gắn cho tiếng hiện đại là tôi mừng húm. Vì không lẽ ta đang ở thế kỷ hai mươi sắp bước sang hai mươi mốt mà tôi lại viết kiểu thế kỷ thứ mười chín? Tuy nhiên cũng xin lưu ý những bạn viết hoặc bạn đọc hơi có nhiều khuynh hướng... sử gia, thích xếp loại người viết vào những "dòng văn học" A hay B, "trường phái" này hay "trường phái" khác. Việc làm đó rất nguy hiểm vì "dòng văn học" hay "trường phái" không hiện hữu trước để người viết bước vào theo sự chọn lựa, mà người viết bằng cảm quan, nhận thức và sự hiểu biết của mình tạo nên thế giới văn chương riêng của họ, thế giới ấy phản ảnh thời đại của người viết. Vậy theo tôi, không nên đặt vấn đề chịu ảnh hưởng văn chương loại này hay loại khác, mà chỉ có vấn đề người viết có viết nên được thời đại của mình không. Nghĩa là, nếu ta sống ở thế kỷ thứ hai mươi, trong cách viết, hẳn nhiên ta không có quyền chọn lựa ở lại với quá khứ.

Có thể chị đã vượt quá xa, gần như bỏ rơi người đọc. Chị có e ngại rằng biết đâu một số độc giả từng yêu mến chị qua hai tập truyện Mưa Đất Lạ *và* Vũ Điệu Của Loài Công *sẽ không còn giữ được tình cảm đó đối với những gì chị viết gần đây không? Nói chung, dư luận chị nhận được như thế nào?*

Cảm ơn anh về những từ "vượt quá xa" (cứ hàm hồ cho rằng nhóm từ này có nghĩa khen hơn là chê đi). Về vấn đề này, tôi có vài ý nghĩ ngộ nghĩnh. Tôi ở vị thế "bỏ rơi" người đọc, hay là người đọc đứng ở vị thế có quyền "bỏ rơi" tôi? Tôi đã vượt đi xa, đưa ra một cách viết mới để bắt người đọc phải tìm ra một cánh đọc mới; hay mặc tôi tha hồ vẽ vời viết cách này cách khác, độc giả lại bảo - kệ cô, chúng tôi không hiểu nên không thích, thế thôi - Thật ra, người viết, khi cầm bút có quyền chọn con đường của mình; hoặc cho mình vai trò lãnh đạo đi trước; hoặc cho mình vai trò khiêm nhường đi sau, độc giả hô sao thì làm vậy. Trường hợp của tôi không hẳn thế. Khi chọn thay đổi lối viết, tôi không nghĩ đến chuyện độc giả sẽ thích hay không thích mình mà chỉ làm công việc của một người đã qua đẳng cấp trung học thì phải lên đại học, đậu rớt là chuyện tính sau. Có thể đã có một khoảng cách giữa tôi bây giờ và tôi thời *Vũ Điệu Của Loài Công*, hay khoảng cách giữa tôi và độc giả, hay khoảng cách giữa độc giả và văn chương thế giới hiện đại, hay khoảng cách giữa người làm văn và kẻ làm văn chương, hay đúng hơn nữa, khoảng cách giữa tôi-người-viết-bây-giờ và tôi-phải-tới trên nấc thang cuối của việc làm thể hiện văn chương. Nếu tôi mất đi sự yêu mến của độc giả từng đọc *Vũ Điệu Của Loài Công* và *Mưa Đất Lạ*, ấy là vì tôi chưa đủ tài sức

để đưa họ và tôi vượt qua cái khoảng cách đang có, chứ không phải việc tôi đang làm là một điều không nên, không phải, con đường tôi đang đi là lạc hướng. Vấn đề không phải là nên hay không, mà là vượt thế nào. Tôi có chút ít hy vọng, căn cứ vào bài phỏng vấn của chị Bùi Bích Hà trên tờ Tin Điện ở Tây Đức hồi tháng tám năm ngoái và bây giờ, bài phỏng vấn của anh. Nếu các bạn cầm bút đã lưu tâm đến sự thay đổi trong cách viết của tôi, có lẽ tôi đã tạm gọi là thành công trong giai đoạn đầu khởi xướng một điều gì đó. dù chưa rõ thành hay bại.

Đối với người đọc không sáng tác, tôi nhận thấy có một vài phản ứng ngược hẳn nhau. Một người thân của tôi chuyển lời một người đọc nào đó nhận rằng họ mong ước tôi trở về lối viết cũ, viết về những gì họ cảm thấy gần gũi, lối viết trong *Vũ Điệu Của Loài Công*, truyện mới của tôi xa lạ quá, không hiểu nổi. Một người quen khác, rất ít khi gặp mặt, trong một cuộc điện đàm lại bảo - So với những truyện chị viết ngày trước, chị đã vượt đi một bước quá xa. Một bước tuyệt vời - Tôi nói - Cám ơn N. Không phải cám ơn lời khen đâu, mà cám ơn tri kỷ - Không, chúng em mới cần cám ơn chị, đã cho hưởng những món quà tinh thần làm phong phú thêm đời sống. Một ông độc giả nói - Trước nay tôi vẫn thiếu tin tưởng vào chuyện viết lách của mấy quí vị... phụ nữ. Trần Diệu Hằng làm tôi phải thay đổi quan niệm. Viết “Nhìn Lại Douala Lần Cuối” hay quá, hay thiệt chứ không phải chơi, nhưng làm bọn tôi nhức đầu vì sự suy nghĩ của cô - Một người quen cũ, cũng một ông, lại bảo - Tôi không thích Hằng viết như thế, “cứng cỏi” sao đâu á - Vậy nếu một người viết chọn cho mình con đường đi sau độc giả thì phải làm thế nào đây?

Nhìn lại hai tập truyện ngắn đã in, chị có cảm nghĩ gì?

Tôi đã phần nào trả lời câu hỏi này ở phần đầu của bài phỏng vấn, nhưng cũng nên nói rõ thêm ở đây. Không hẳn tôi hoàn toàn phủ nhận sự hồn nhiên, ngây thơ và trung thực hết lòng của tôi trong hai tác phẩm trước, nhưng tôi nghĩ rằng những truyện ngắn ấy được viết theo kiểu “kể ra, nói ra” (telling), với khá nhiều tính chất chủ quan của người viết. Tôi còn viết như một người “làm văn” (writing), mà chưa thể hiện được “hành động viết” (act of writing). Những truyện ngắn trong hai tập sách này thuộc loại “cổ cổ điển”; tới *Chôm Chôm Yêu Dấu*, tôi vừa đi làm vừa đi học vừa nuôi con vừa mò mẩm để hiểu thế nào là văn chương nên hết hai phần ba cuốn này tôi vẫn còn trong đoạn đường “cổ điển”, ở vài truyện chót, tôi chạy muốn đứt hơi mới vào tới “hiện đại”. Nay nếu bảo tôi theo lối một số độc giả đã từng yêu mến *Vũ Điệu Của Loài Công* mà trở lại lối viết cũ thì chao ôi, tôi làm sao còn được tuổi xuân và sức mạnh để chạy marathon ngược đường nữa?

Nói thế không có nghĩa là tôi phủ nhận những độc giả thân mến cũ, ngược lại, phải nói rằng tôi vẫn vô cùng tri ân họ, những người đã cho tôi cái can đảm bước tới và lên đường. Không có *Vũ Điệu Của Loài Công*, chưa chắc tôi đã có cơ hội tìm hiểu và đặt câu hỏi thực sự văn chương là gì, chưa chắc tôi đã dám bước qua cánh cửa nhỏ hẹp quen thuộc cũ để sửng sốt ngỡ ngàng trước nắng và gió quá rực rỡ của thế giới ngoài kia. Cùng với niềm tri ân này, tôi ước mong được độc giả cho tôi thêm thời gian, tôi có thêm sức mạnh, cuộc sống cho tôi thêm vài khoảnh khắc nhàn du để tôi đi tới gần hơn nơi một người viết có tri thức phải tới: sự sáng tạo trong văn chương, cái ở tầng cấp cao hơn sự thật đời sống, không là cái gì ta trông thấy, rồi thuật lại, mà là cái gì tạo thành qua cách sử dụng ngôn ngữ và trong cảm quan về thế giới chung quanh.

Không những tôi không phủ nhận loại độc giả thích "được kể" hơn là xem "trưng bày" (thích "telling" hơn là "showing"), thích kẻ "làm văn" hơn là người thể hiện "hành động viết", mà còn phải nhận rằng họ mới chính là thành phần đa số. Trên nước Mỹ hai trăm triệu dân, hàng triệu người mê James Michener, Daniel Steel, Stephen King nhưng số người đọc Joseph Mc Elroy, Thomas Pinchon, William Gass lại chỉ có trăm ngàn. Ở Đài Loan, rất nhiều người coi bà Quỳnh Giao là văn hào của..., họ đâu cần biết Maxine Hong Kingston kỹ thuật tiểu thuyết thần sầu hiển lộng trên nước Mỹ thế nào. Tuy nhiên, sinh viên phải vò đầu bứt tai để học tác phẩm của Thomas Pinchon, William Gass mà James Michener hay Daniel Steel lại không bao giờ được nhắc đến trong chương trình giảng dạy. Tương tự như trong lãnh vực khoa học thiên nhiên và khoa học xã hội, một nền văn học đòi hỏi một số qui luật và một số giá trị căn bản được công nhận bởi những người có thẩm quyền nằm trong những định chế đại học đào tạo lâu đời. Theo sự tìm hiểu của tôi, những định chế này cho rằng nhà văn thật sự phải tạo nên một loại độc giả của ông / bà ta mà không viết để làm hài lòng một loại độc giả đã định trước. Cách viết của tôi, bây giờ, và trong tương lai, có thể tạo được một loại độc giả nào đó, cũng có thể không. Nhưng tôi đã bắt đầu, và sẽ còn tiếp tục con đường tạo dựng ấy.

Trong những truyện ngắn sau này của chị, chẳng hạn "Nhân Vật X.", "Hoa Quỳnh Còn Nở Ở Phương Đông", chị có dụng ý gì khi đưa vào các tiêu đề cắt truyện ngắn ra thành nhiều đoạn? Cách trình bày như thế có làm cốt truyện khô khan hơn hoặc làm giảm đi tính liên tục của truyện không?

Tôi tin rằng tôi trả lời câu hỏi này không phải cho anh, nhưng có thể cho một số bạn đọc nào đó, có đọc tôi và có thắc mắc. Nếu quả thật cách cắt truyện ngắn thành những tiêu đề làm truyện "khô khan hơn và giảm đi

tính liên tục" thì bạn thân mến ơi, tôi đã rớt đài rồi còn chi. Đâu phải khi không tôi bày đặt làm thế? Ấy là một cách áp dụng kỹ thuật Milan Kundera đưa phim ảnh vào tiểu thuyết đấy chứ. Hay đó là cách đưa độc giả từ thế giới này sang thế giới khác để họ khỏi...ngủ gục? Hoặc muốn giải thích một cách triết lý hơn, ấy là cách nhìn thế giới của chúng ta đang thay đổi quá mau đến độ trở thành bất liên tục đó chăng? Chủ ý của người viết là sự bất liên tục, là sự chống lại cách kể chuyện đường thẳng. Nếu người viết nghĩ rằng bất liên tục mới hay mà người đọc lại cho rằng liên tục mới hấp dẫn, thì hoặc người viết đã không thành công trong cách làm cho sự bất liên tục trở thành tính cách tiêu biểu cho thời đại vì thật ra đó phải là điều người đọc cảm thấy, hoặc là người đọc có thói quen nào đó đã lâu, không ưa sự thay đổi? Dù vậy, tôi cũng xin phân trần rằng tuy những tiêu đề nằm riêng lẻ đấy, nhưng chúng không bất liên tục "sảng" đâu, chúng bất liên tục một cách có xếp đặt và hướng về chủ đề của truyện. Thêm một điều tâm sự nữa: tôi rất yêu sự "bất liên tục" của những chương sách "trên trời rơi xuống" trong *China Man* của Maxine Hong Kingston, người giảng dạy văn chương Mỹ tại Đại học Hawaii, cây bút lừng danh của thời đại chúng ta.

Truyện ngắn thành công nhất trong nổ lực thể nghiệm văn chương của chị gần đây có lẽ là "Nhìn Lại Douala Lần Cuối"?

Tôi thích truyện đó, về phía người quen biết thì sáu người nói thích, một người không.

Chị có đọc nhiều không? Những tác giả Việt Nam và thế giới mà chị ưa thích là ai? Nhà văn nào trong nước đáng chú ý nhất, theo chị?

Tôi có đọc được nhiều không? Chín tiếng làm việc, cộng với hai tiếng lái xe là mười một, bốn tiếng dành cho chuyện nấu ăn, tắm con, kiểm soát bài vở và đọc sách cho chúng trước khi đi ngủ, một tiếng để giặt giũ, gấp quần áo cho chúng, thu dọn đồ chơi, sách vở mà chúng vất bừa ra nhà..., còn tám tiếng để đọc, ngủ, và mọi chuyện khác. Tuy nhiên, tôi không nghĩ số lượng tác phẩm đọc quan trọng hơn bạn đọc gì và nhận thức thế nào. Hiện nay, tôi thích Muriel Spark, Margaret Atwood, Maxine Hong Kingston, Gabriel Garcia Marquez, Milan Kundera. Trong nước, nhà văn đáng chú ý là Phạm Thị Hoài và Nguyễn Huy Thiệp.

Chị có nhận xét gì về các nhà văn Việt Nam đồng thời với chị?

Tôi xin được giả sử như câu hỏi này của anh chỉ nhằm tới những bạn viết cùng cỡ tuổi, khởi viết dâu đó cùng thời với tôi. "Những con tương cận"

thường tìm đến nhau, nếu bạn văn nào đọc bài này, hiểu và đồng ý với những điều tôi nghĩ thì đâu còn phải nói chi thêm nữa. Phạm thị Hoài đang sống dưới sự áp đặt của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, nói không được phải tức quá "hét lên rằng" - chúng ta không có quyền không biết đến những bàn viết trên thế giới quanh ta đang nói những gì - và "viết như một cách ứng xử với bản thân" thì không có lý do gì chúng ta là những người ở thế giới lồng lộng tự do lại tự giam hãm mình vào thứ cũi lồng nào đó của thói quen sợ hãi sự thay đổi, của sự giả trá với bản thân, của sự lười biếng suy nghĩ hay cái nhìn đứng lại chết sững ở một không gian?

Theo chị, các nhà văn nữ người Mỹ gốc Á như Maxine Hong Kingston, Amy Tan... thì sao? Chị giải thích thế nào về sự thành công của họ trong sinh hoạt văn học ở Mỹ?

Sự thành công của Maxine trong sinh hoạt văn học Mỹ là chuyện đương nhiên vì bà viết với kiến thức uyên bác của một giảng viên đại học, với kỹ thuật tiểu thuyết thần sầu, và một hệ thống tư tưởng vững vàng; thêm vào đó, bà cũng có được yếu tố thiên thời, địa lợi, thị trường độc giả Mỹ bỗng dưng thích đọc nhà văn gốc Á Châu. Với tầm vóc của bà, Maxine không phải chỉ chiếm một chỗ đứng trong nền văn học Mỹ mà là của thế giới, đứng ngang với Milan Kudera và Marquez. Phần Amy Tan, tôi chưa đọc bà kỹ nhưng có một cảm nhận chắc chắn rằng bà chưa thể nào so sánh được với tầm vóc của Maxine Hong Kingston.

Chị nghĩ sao về sinh hoạt nhận định, lý luận, phê bình văn học hiện nay trong dòng văn học Việt ngoài nước?

Tôi nghĩ rằng, thủy chung, chúng ta chưa hề có ngành lý luận văn học này, trước 1975 cũng như bây giờ. Chúng ta chưa có một định chế có thẩm quyền, chưa hề có một ngành học chuyên mổ xẻ vấn đề. Tôi rất buồn tủi, chán ngán khi đọc những bài nhận định có tính cách thống kê, tóm tắt ý chính của một tác phẩm (không khác gì những bài bình văn ta phải làm thời trung học), hoặc tệ hơn nữa, những bài được viết cho một tác phẩm vì chính tác giả... yêu cầu. Phê bình văn học là một công việc cần sự thành thật rốt ráo của tri thức, cần một vốn liếng kiến thức chuyên môn tích lũy trong nhiều năm, cần một tài năng sáng tạo lẫn sự thông thái của người biết rõ sinh hoạt văn chương không những chỉ của vòng tròn những người viết mình sẽ phê bình mà của cả thế giới. Phê bình văn học không phải là của người sáng tác. Nhà văn lừng danh của Mỹ John Barth đã cười cười mà phán rằng - nhà văn giỏi hạng nhất mà viết phê bình thì có hy vọng đứng hàng thứ năm thôi.

Gần đây, tôi được đọc cuốn *Woman Native Other* của một phụ nữ Việt Nam lỗi lạc: chị Trịnh Thị Minh Hà, giảng viên môn điện ảnh tại Đại học San Francisco, nhà lý luận phê bình văn học, nhà thơ và nhà soạn nhạc. Đêm khuya, khi con đã ngủ say, tôi cố gắng mắt chống với cơn mỏi mệt và buồn ngủ để soi rọi tìm hiểu những dòng chữ hoàn toàn không phải đọc để giải trí. "She writes, finally not to express, nor so much to materialize an idea or a feeling, as to possess and disposess herself of the power of writing". "To write is to become. Not to become a writer (or a poet) but to become, instransitively". Một phụ nữ Việt Nam không những chỉ học được cấp bằng tiến sĩ ở xứ người, mà còn sử dụng được ngôn ngữ ở cấp độ ấy là một nhân tài mà sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại sẽ xấu hổ biết bao nếu không học hỏi được ở chị và không mời được chị tham dự? Chị Minh Hà không phải là nhân tài duy nhất, còn những người có khả năng khác. Vấn đề không phải là sẽ không có người viết nghiêm chỉnh mà tôi nghĩ rằng nếu toàn thể những người cầm bút, trong cũng như ngoài nước, người phá bỏ cương lĩnh đảng, kẻ xuyên thủng bóng tối của thói quen đọc và viết trong quá khứ, chúng ta sẽ có một sinh hoạt văn học cận kề với văn chương thế giới hơn.

Có lẽ chị cũng là nhà văn nữ đề cập đến con cái, tình mẹ con... nhiều nhất trong tác phẩm?

Khi đề nghị xuất bản *Chôm Chôm Yêu Dấu*, chị Nguyên Hương của nhà xuất bản Việt Pub. bên Canada đã nói với tôi rằng chị nghĩ tác phẩm sẽ bán được vì đề tài mẹ con là đề tài... muôn thuở và đặc biệt gần gũi với văn hóa Việt Nam. Sau khi sách được in, một số người quen, vốn là những bà mẹ Việt Nam... muôn thuở ấy đã hết lời khen ngợi tôi tả tình mẹ con thật là tuyệt vời, thật là dễ thương, thật là cảm động. Bòn Bon và Chôm Chôm trong tác phẩm hiển hiện thành hai đứa trẻ đáng yêu làm sao. Một cô sinh viên ở tận New Jersey đã viết cho tôi một lá thư dài nhờ nhà báo chuyển, kể rằng cô đã bỏ mất hai ngày học thi để nằm khóc vùi nghiền ngẫm tác phẩm của tôi, vì những điều tôi viết đã khiến cô nhớ mẹ thiết tha, yêu mẹ vô bờ, cô còn làm tặng tôi một bài thơ nói về lòng mẹ.

Ngược lại, một ông độc giả quen biết, qua lời đùa cợt của họ, lại dường như ám chỉ rằng tác phẩm ấy là của một bà mẹ đang trải qua cuộc ly dị với chồng cố tình "khoe" tài nuôi con và một cách gián tiếp hạ thấp vai trò của người cha đối với những đứa con của mình.

Tôi chờ mãi vẫn không thấy có độc giả nào "điểm trúng huyệt" của người viết cả. Cảm nghĩ của người đọc chỉ quanh quẩn ở nội dung truyện kể mẹ mẹ con con, không thấy ai khen chê "Thiên Đỉnh".

Cho đến khi tôi nhận được lá thư của một người xa lạ tự giới thiệu là

giáo sư văn chương của Schreiner College bên Texas, đã đọc tôi và xin phép được dịch một số truyện của tôi sang tiếng Anh để dùng trong những buổi nói chuyện tại các Đại học đã mời ông tham dự những cuộc thảo luận về văn học Mỹ gốc Á Châu. Truyện ông thích dịch nhất là truyện "Thiên Đỉnh", vì truyện này hoàn toàn thích hợp cho đề tài "Writing the mother", một trong những vấn đề văn chương nữ quyền đang được chú ý của giới giảng dạy tại Đại học. Sau đó, tôi nhận được bản dịch của truyện và rồi chương trình Asian American Studies Program do ba đại học lớn ở California là Santa Barbara, Berkeley và Los Angeles kết hợp lại gởi thư mời tôi tham dự buổi thảo luận về Asian American Cultural Transformations: A Literature of One's Own vào tháng tư năm 1991.

Tôi đã vui mừng biết bao khi đọc bài nói chuyện của giáo sư Phiệt nói về tập *Chôm Chôm Yêu Dấu* nói chung và truyện ngắn "Thiên Đỉnh" mà tôi đã chạy "hụt hơi" để lọt qua cánh cửa văn chương hiện đại nói riêng.

Chôm Chôm Yêu Dấu không phải được viết để "tả" tình mẫu tử, mà được viết "từ lòng mẹ", viết từ thân xác mẹ để qua bản viết ấy "mẹ" trở thành hiện hữu trong văn chương. Tại sao lại viết từ thân xác mẹ? (Nữ triết gia lừng danh Julia Christeva - writing from my body) Vì chỉ có mẹ mới có được cái cảm giác dung chứa một sự sống trong thân xác mình, vậy chỉ riêng mẹ được cái quyền tối thượng và duy nhất để viết về sự sáng tạo trong mẹ. Bằng bản viết, mẹ đứng lên nhận lấy quyền duy nhất này, thay vì tiếp tục là một hữu thể câm lặng được diễn tả bằng văn chương của phái nam đã nhiều thế kỷ qua ca tụng mẹ như một chủ thể bị động không có khả năng sáng tạo. *Chôm Chôm Yêu Dấu* được viết bởi người phụ nữ lưu vong đến từ thế giới thứ ba (the third world). *Chôm Chôm Yêu Dấu* không phải được viết để "tả" mẹ yêu con thế nào, mà để "đặt" vấn đề: sự sáng tạo từ trí óc và thân xác mẹ; viết, hành vi sáng tạo, là cách bày tỏ của người nữ đối với ngoại thể hay yên lặng làm tròn chức năng nuôi con là sự cứu rỗi của người nữ trước những áp lực của đời sống trong xã hội tân tiến hướng về vật chất và điều khiển bởi quyền lực phái nam?

Có lẽ những ngộ nhận từ phía người đọc, nếu có, một cách nào đó, cũng là hình thức của các đẳng cấp đọc khác nhau do sự cấu tạo những chuỗi kinh nghiệm và suy tưởng khác biệt của mỗi người. Cũng có lẽ, những ngộ nhận này, nếu có, phải chăng vì bước chân tôi trong hai phần ba tập truyện vẫn còn lệt bệt trong vùng đất cổ điển nên chưa đạt được điều muốn diễn đạt? Dù sao, tôi vẫn tha thiết cám ơn lời khen ngợi của những bà mẹ Việt Nam muôn thuở đã đọc tôi, tôi vẫn rất trân trọng những xúc động chân thành của người đọc *Chôm Chôm Yêu Dấu*, vì những điều đó xác nhận cho tôi khả năng "làm văn", còn thành quả của "hành động viết" nếu được nhận bởi một số người đọc khác thì điều đó thật là an ủi và khích lệ cho người viết.

Tháng mười hai năm ngoái, khi nhận được thư báo của Asian American Studies Program từ Đại học Santa Barbara cho biết sẽ đăng Zenith Thiên Đỉnh trong Journal of Culture and the Arts vào quãng cuối năm 1992, tôi đã bồi hồi cảm xúc như khi nhận được bài thơ vụng dại của cô sinh viên độc giả và khi nghe được những lời khen ngợi chân thành của những bà mẹ Việt Nam từng quen biết tôi.

Người làm thơ Trần Thị Núi Sông và người viết truyện Trần Diệu Hằng khác nhau như thế nào? Nhà thơ nữ Hoa Kỳ May Sarton cho rằng bà viết truyện để khám phá những gì bà suy nghĩ; còn làm thơ là để khám phá những gì bà cảm thấy. Chị nghĩ sao về nhận xét này? Và hình như chị còn là một người vẽ vignette rất đẹp. Chị còn tiếp tục công việc đó không?

Tôi thử làm thơ cũng như thử vẽ vignette, thử hát hò văn nghệ, may quần áo cho con, trang trí nhà cửa, trồng cây cảnh vớ vẩn. Những việc này tôi làm để ra khỏi áp lực của đời sống, đôi khi, như Cecile trong *The Color Purple* của Alice Walker may chăn nệm và quần áo cho con và viết thư cho Thượng Đế và Nattie. Tôi cho rằng tôi làm thơ cỡ thi sĩ hạng... ba nên không nên tiếp tục làm gì. Vẽ cũng vậy, có nhiều họa sĩ làm chuyện ấy tốt hơn tôi. Tôi có tật xấu là không thích làm những gì cỡ trung bình. Chẳng nên ôm đồm những năng khiếu vặt vãnh.

Những trở ngại nào khiến chị không thể sáng tác đều đặn?

Trong câu trả lời về chuyện tôi đọc có nhiều không, hẳn anh và bạn đọc cũng đã hình dung ra được thời khóa biểu của tôi. Nếu như tôi là một phụ nữ Mỹ, chắc cũng cố gắng hy sinh mọi thứ cho văn chương vì chỉ cần viết một tác phẩm được xuất bản là đủ tiền nuôi con một thời gian dài. Tôi đã và sẽ không là một nhà văn, người viết toàn phần. Như một kẻ đi ngang qua rạp hát văn chương muộn màng khi trong túi không còn tiền mua vé vào cửa, tôi lại có cái thú của một kẻ ngao du thong thả không cần thời gian trong một vũ trụ bao la. Tôi có thể viết nhiều hơn, nhưng không phải là bây giờ, vì vấn đề thời giờ hiện tại của tôi dành cho văn chương quá ít oi. Vả lại, tôi tối kỵ chuyện viết càng ngày càng dở. Nếu tôi còn viết, tác phẩm của tôi phải là kết quả của một cố gắng sáng tạo chứ không là chuyện "chị kể em nghe". Nếu tôi thấy mình không làm nổi chuyện đó, tôi sẽ vui vẻ gác bút làm những chức năng khác, có thể rất bình thường mà hữu ích cho đời sống hơn.

Trước khi đến tay người đọc bình thường khắp nơi, chị chia sẻ những sáng tác của mình với ai trước tiên?

Bí mật. Xin miễn trả lời. Người viết phải có chút cõi riêng chứ.

Một cách tổng quát, chị định nghĩa "văn chương" như thế nào?

Toàn thể bài viết này là câu trả lời.

Xin chị cho biết chị hiện đang viết gì, ngay lúc này?

Ngay lúc này, đang viết tràng giang đại hải để trả lời những câu phỏng vấn của anh đây.

Chị có tự tin vào những gì chị đang viết không?

Đọc hết bài này, bạn đọc cũng như anh chắc chắn đã có câu trả lời.

Chị quan niệm thế nào về hạnh phúc?

Hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc người mẹ, hạnh phúc người viết, hạnh phúc người đọc, hạnh phúc của một hữu thể có mặt trong vũ trụ... đều không là một cái gì nằm sẵn đó và ta có thể săn đuổi để nắm bắt nó mà là cái gì ta phải nổ lực tạo ra. Điều duy nhất mà nhân loại không thể vượt qua được để có thứ hạnh phúc vĩnh cửu, chính là tình yêu, bởi cùng lúc với hạnh phúc nó đem tới, tình yêu cũng dìm ta vào nỗi khổ đau đời đời. Đó là thứ tình yêu đã đẩy con người ra khỏi sự bất tử, tình mẹ thương con mà Maxine đã nói đến ở chương "On Mortality" trong *China Man*. Khi đọc chương này, tôi đã có được niềm vui sướng của kẻ bất ngờ gặp được tri âm.

Điều cuối cùng chị muốn nói với độc giả là gì?

Với độc giả ngoài nước đọc được ngoại ngữ: bạn có thể giúp người viết Việt Nam bằng cách đòi hỏi một nhu cầu thưởng ngoạn cao hơn. Với độc giả ngoài nước chỉ đọc tiếng Việt: bạn là nhựa sống nuôi cây đối với chúng tôi nhưng có phải bây giờ đã đến lúc bạn dành phần chủ động hơn là chỉ tiếp thu? Với độc giả trong nước: xã hội chủ nghĩa đã tàn, hiện thực xã hội chủ nghĩa đã không còn hiện hữu thì nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng đã cáo chung. Chúng tôi sẽ chấm dứt cõi viết một ngày rất gần trong tương lai nếu không thể quay về với các bạn, nhưng sự quay về không là để nằm trong cái cũi cũ mèm mà các bạn đang cố vùng vẫy tìm đường thoát; hãy hẹn nhau, chúng tôi và các bạn, ở nơi đó, vùng trời phơi phới tự do lấp lánh ngàn ánh sao văn chương của ngày mai.

PHẠM VIỆT CƯỜNG thực hiện

trân sa, nhìn lại quê hương



Nhà thơ Trân Sa năm 1956 tại Đà Nẵng. Chị lớn lên và sống ở Nha Trang từ nhỏ; trừ mấy năm vào Sài Gòn, theo học Đại học Sư Phạm. Sống ở Canada từ mười ba năm nay, hiện chị đang điều hành một cơ quan nuôi dạy trẻ ở Toronto. Chị đã xuất bản hai tập thơ: Thơ Trân Sa, *Tập Hợp xuất bản năm 1989 tại Úc và* Điểm Tâm Cho Người Tình, *Tân Thư xuất bản năm 1990 tại Hoa Kỳ. Chị cũng là tác giả của khá nhiều truyện ngắn xuất hiện trên các tạp chí văn học hải ngoại mấy năm nay. Ngoài việc viết, gần đây chị còn bắt đầu đi vào lãnh vực hội họa, và đang chuẩn bị triển lãm tranh với hai người khác ở Toronto.*

Tả một nhân vật trong một tryện ngắn của mình gần đây, Trân Sa viết "Vẽ Phiêu, chỉ cần vẽ một khuôn mặt trái soan, mái tóc ngắn bờm xờm và một điếu thuốc lá trên những ngón tay thuôn dài là đủ..." Đó cũng là chân dung của chị, chỉ khác cô Phiêu kia ở chỗ mái tóc của chị được chăm sóc cẩn thận hơn. Và có lẽ cần thêm vào khuôn mặt thanh tú đó một dáng dấp nhỏ nhắn nữa.

Tết Nhâm Thân vừa qua, Trân Sa về thăm quê hương. Giọng nói của chị qua điện thoại vào đầu tháng ba này vẫn còn choáng ngợp xúc động, nghe là lạ. Chuyến đi dường như đã tạo ra nhiều thay đổi lớn và sâu sắc trong tình cảm và nhận thức của chị. Có lẽ từ nay chị sẽ viết khác đi chăng?

PVC. *Được biết chị vừa từ Việt Nam trở lại Canada. Xin chị cho biết mục đích chính của chuyến vừa rồi. Và nếu có thể, xin chị tường trình vắn tắt về sinh hoạt của chị trong thời gian ở Việt Nam.*

TS. Vâng, tôi mới từ Việt Nam trở qua. Còn đen rám cái nắng của Quê Hương. Mục đích của chuyến đi? Mười ba năm sống ở nước ngoài lạnh quá, nhớ quá, tôi về gặp lại những người thương yêu tôi nhất trên cõi đời, về thăm lại Đất nơi tôi đã được sinh ra và Biển nơi tôi đã khôn lớn. Cho bớt lạnh, bớt nhớ. (Nếu không thì, trời ơi, tôi sẽ chết cóng và chết nhớ mất thôi!) Về để khỏi mang tội bất hiếu nữa. Đã lâu lắm rồi, tôi không được chăm sóc cho mẹ cha già yếu. Và về để nhìn tận mắt đời sống đồng bào Việt Nam trong nước.

Tôi không có gì để "tường trình" cả. (Đã có *Tường Trình Từ Thiên Đường* rồi mà?) Chỉ *kể* sơ sinh hoạt trong mấy tuần qui cố hương qua nhanh như chớp mắt của tôi thôi nhé! Hơn một tuần đầu tôi lang thang ở Sàigòn, chỗ ăn chơi có, khu xóm hóc hẻm lao động có. Nhận xét tổng quát: Tại những chốn ăn chơi thì tôi nghe rất nhiều giọng Bắc 75, biết có nhiều Việt kiều, nhân viên hải quan, cán bộ cao cấp của Nhà Nước... Còn ở những khu xóm nghèo nàn thì nghe rặc giọng Trung, Nam và Bắc 54. Tôi định đi Hà Nội khoảng ba ngày, nhưng Nhà Nước bán vé máy bay theo kiểu "kỳ thị túi tiền" quá: Vé máy bay Sàigòn - Hà Nội bán cho dân trong nước là một trăm đô, bán cho Việt kiều và du khách ngoại quốc đến ba trăm đô. Thôi tôi đáp xe lửa về Nha Trang. Vé xe lửa về đó chỉ mấy đô thôi. Tôi không thể không thấy khó chịu khi bỏ ra bảy tám trăm đô dắt bạn bè đi Hà Nội xem cho biết, trong khi trước đó đã thấy khắp thành phố bò nằm la liệt những người xin ăn, mù có, câm có, điếc có, cụt tay, cụt chân, cùi hủi có... Ở Nha Trang, ngoài những lúc sinh hoạt với gia đình, gặp gỡ bạn bè cũ (và dĩ nhiên, những người yêu thuở đầu đời), tôi đi về miền nông thôn và chài lưới phụ cận Nha Trang. Lại nhận xét tổng quát : Đại đa số dân Việt Nam nghèo dưới mức có thể chịu đựng nổi! Quá nhiều người không đủ cơm để ăn, không đủ áo để mặc, không đủ chỗ để nằm, không đủ chăn để đắp, không đủ thuốc men lúc tật bệnh, Thậm chí rất nhiều nhà không có được cả cầu tiêu. Có khi đi suốt ngày ngoài đường, tôi không hề thấy một nụ cười, chỉ toàn những khuôn mặt hốc hác, thất thần, lo lắng. Tôi chưa tả đủ bộ mặt của Quê Hương đâu. Mỗi người phải tự *nhìn* mới *thấy* được.

Trong những ngày ở bên đó, chị có dịp tiếp xúc với văn nghệ sĩ nào trong nước không?

Tôi không tìm gặp ai cả, ngại bất lợi cho họ, dù tôi không hề mang một

công tác chính trị chính em nào về nước. Chỉ tình cờ gặp được vài nhà thơ, và một vài bạn bè cũ cũng có làm thơ viết báo lai rai. Được nghe, đọc nhiều bài thơ rất hay, rất bi tráng. Thi sĩ mà lại ở Việt Nam nữa, mắt họ như có vang lên tiếng gào kêu thảm khốc!

Chị có đi thăm các tiệm bán sách báo chứ? Chị thấy tình trạng sách báo trong nước hiện giờ ra sao?

Tình trạng xuất bản sách báo trong nước rất bi đát. Tác phẩm có giá trị rất hiếm hoi, viết ra thì hoặc không xin được giấy phép xuất bản hoặc không có tiền để in, ngoài ra thì được in với số lượng vô cùng giới hạn so với dân số. Bên cạnh những sách báo khác của Nhà Nước là truyện dịch nhảm nhí và báo lá cải do con buôn mua giấy phép tung ra hoàn toàn với mục đích thương mại. Hiện tượng dịch lại những mẩu chuyện vụn vặt, hoang đường từ những báo "chợ" ở Âu Mỹ đang lan tràn. Tôi có chú ý thấy vài tác phẩm của nhà văn Võ Hồng và Nhật Tiến đã được in lại. Nghe nói hiện nay, nhà văn Võ Hồng đang là tác giả có sách bán rất chạy ở trong nước. Tôi có tìm mà không thấy các tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dương Thu Hương đâu cả. Mãi sau mới có người nói cho tôi biết là muốn mua những sách đó phải ra lề đường chợ trời mà kiếm, nói tên sách rồi sẽ có chạy đi lấy, như hàng quốc cấm hàng lậu vậy.

Đã từng là một nhà giáo, chị có về thăm lại trường cũ nơi đã học hay đã dạy không? Thấy tình trạng giáo dục trong nước thế nào? Có đến đổi thê thảm như tiểu thuyết Đám Cưới Không Có Giấy Giá Thú của Ma Văn Kháng diễn tả?

Có, tôi có đi thăm ngôi trường mà tôi đã dạy ở Cam Ranh sau 75. Có gặp một số học trò cũ, nay cũng có chức có phận hết rồi. Tình trạng giáo dục trong nước chắc chắn là thê thảm, cùng với nhiều giá trị tinh thần đang trên đà tiêu vong trong sự nghèo đói đã đến mức báo động khẩn. (Tiếp xúc với nhiều gia đình, mười gia đình thì có đến bảy, tám có vấn đề bất hòa trầm trọng. Con cái thù ghét cha mẹ, anh chị em nguyền rủa nhau, vợ chồng đánh đập chém giết nhau...xoay quanh những vấn đề về tài sản, tiền bạc, ghen tương. Hàng xóm thì ganh tị rình mò, bạn bè thì lường gạt nhau...). Tôi có nói chuyện với vài giáo viên lẫn học trò. Giáo viên hốc hác, chán chường :"Lương mỗi tháng chỉ đủ sống vài ngày. Sau giờ dạy phải nuôi heo, gà, bán bánh kẹo...để chạy gạo. Mệt mỏi quá. Có yêu nghề mấy thì cũng không thể nào tiếp tục như thế này nữa. Hình ảnh thầy cô không còn cao đẹp như xưa nữa. Học trò nhìn thấy mình đi chở cám heo hoặc đi bán kẹo sau giờ dạy, làm sao chúng không coi thường hay thương hại chứ?" Học trò thì chán nản,

hoang mang: "Đi học mà cứ lo ngay ngáy không có tiền đóng học phí! Sau giờ học phải đi bán bánh bao, vé số, hàng rong... để phụ giúp cha mẹ kiếm cơm. Nhưng học để làm gì? Tụi em có học xong thì cũng không tìm được việc làm, sự học cũng không áp dụng được vào đâu. Rồi cũng đói vậy thôi!" Rồi nghe kể, có cô giáo bầy mâm bánh kẹo ngay trên bàn giáo viên để bán cho học trò vào giờ ra chơi, có cô giáo tự tử sau khi bị học trò phê bình đánh giá. Và một người thầy cũ thời trung học của tôi sau khi bỏ dạy đã đứng bán cà rem ngay trước cổng trường như một cách biểu lộ lòng bất mãn. Không kể có nhiều nữ sinh tối bán dâm để ngày còn được đến trường. Giáo viên lần lượt bỏ dạy, học trò lần lượt bỏ học. Rất nhiều trẻ em hoàn toàn thất học. Chương trình xóa nạn mù chữ thất bại, người ta hỏi: biết chữ rồi có cơm ăn không?

Cảm nghĩ chung của chị sau chuyến đi này như thế nào?

Việt Nam như một con người (xưa vốn trẻ đẹp) đang bị trúng độc và chất độc đang tàn phá dần mọi bộ phận quan trọng nhất của cơ thể; nếu được chữa trị đúng thì cũng cần một khoảng thời gian rất, rất dài để hồi phục và sinh hoạt lại bình thường như mọi kẻ khác. Đảng Cộng sản Việt Nam như ông thầy pháp đã đem nhầm thuốc độc đến cho người bệnh cảm cúm uống; người bệnh đau đớn kêu la thì cho là bị "ma ám", bèn lấy roi mà quất, rồi cho uống bùa đốt thành tro hòa với nước lã. Vài lang băm đau lòng hoặc ngứa ngáy nghề nghiệp đứng ngoài mà hét; "Đuổi thầy pháp đi! Giết nó đi!" Vài lang vườn đề nghị: "Để bệnh nhân chết đói luôn đi, thế nào chất độc cũng chết theo!" Bệnh nhân thì đang thều thào: "Tôi đói. Tôi yếu sức quá. Chích cho tôi vài mũi thuốc khỏe để tôi có sức mà đuổi thầy pháp và đi tìm bác sĩ..."

Xin chị kể lại một kỷ niệm đáng nhớ nhất trong chuyến đi vừa rồi.

Tôi nhớ nhất đêm ở lại trong một bệnh viện thôn quê nghèo nàn thiếu thốn mọi phương tiện. Bạn thân yêu của tôi làm việc ở đó, cho phép tôi được cùng "trực đêm". Bệnh viện đa khoa cho hàng ngàn dân mà không có được hệ thống nước máy, đèn điện bị đứt bóng không có sẵn để thay, không điện thoại, không có cầu tiêu theo đúng tiêu chuẩn, không có cả một ấm nước cho nhân viên nấu nước để uống. Khuya ấy, mùng 6 Tết, tôi vừa hân hoan vừa ngậm ngùi nghe tiếng khóc chào đời của một bé gái. Người mẹ trẻ, nghèo xơ xác, sinh khó. Trước đó bạn tôi đã thở ra thở vào lo lắng cho sự an toàn của mẹ lẫn con. Khi em bé được sinh ra và bắt đầu cất tiếng khóc, phòng Sinh vang tiếng nói cười. Tôi đứng ngoài sân, lắng nghe. Tiếng bạn tôi reo vui: "Con gái! Sinh năm Thân thì thế nào cũng liến như khỉ nhé!"

Sau đó thì bạn tôi bước ra ngoài. Đêm thôn quê lặng lẽ trở lại, gió mát dịu và không khí sao mà trong lành. Chúng tôi im lặng nhìn nhau, mỉm cười. Đôi mắt bạn tôi long lanh sáng, trong bóng tối vẫn thăm thẳm. Và nụ cười đó là của một con người gần nửa đời dành để săn sóc yêu thương kẻ khác, dù bản thân mình thì: "Có lúc khổ quá, tưởng không thể nào chịu đựng nổi nữa!"

Tại sao chị viết văn làm thơ?

Hình như chỉ có một lần tôi tự hỏi tại sao mình viết văn làm thơ.

Viết, đối với tôi, có lẽ là một nhu cầu. Nhu cầu được nói những gì tôi thấy, những gì tôi nghĩ, và những cảm xúc. Khi nói được, và được nghe, được chia sẻ, tôi cảm thấy hạnh phúc. Cách đây nhiều năm, tôi nghĩ viết là một sự đóng góp, một hành động trả ơn (ăn tằm nhả tơ), kế tục. Tuổi trẻ khi nào cũng khoác cho mình nhiều lý tưởng, sứ mệnh này nọ. Bây giờ tôi thấy mình không còn trẻ cho lắm nữa. Tôi công bình hơn với chính mình : muốn viết thì viết, thế thôi.

Xin nói thêm về những gì đã thúc đẩy chị cầm lấy bút và viết ra bài thơ đầu tiên trong đời mình.

Tôi làm "bài thơ" đầu tiên khi mười tuổi để ca tụng cây đèn dầu đã cho gia đình tôi ánh sáng mỗi đêm (dù lúc đó khắp nơi đã có đèn điện rồi, chỉ có những gia đình nghèo mới phải dùng đèn dầu). Tôi yêu ánh sáng, biết ơn cây đèn dầu, và muốn thốt lời tri ân một cách trang trọng, nên nắn nót gieo vần. Mười một tuổi, tôi làm bài thơ thứ hai, viết về tình thương bao la của cha tôi dành cho tôi. Bài thơ thứ ba, tôi làm thơ vì hoảng hồn, sau khi bị (được?) hôn lần đầu, lúc ấy tôi vẫn còn nhỏ xíu. (Tôi không nói năm nào đâu, nhưng dưới mười ba tuổi!)

Chị có cho biết là cả ba truyện ngắn đăng trên ba tờ báo về văn học số Xuân vừa qua (tình trạng "biển người" về bài vở này, chị Hoàng Bắc cũng có hạng lắm), chị viết xong chỉ trong vòng một tuần lễ. Như vậy, nói chung là chị viết dễ dàng hay khó khăn?

Cả hai. Thường thì coi bộ tôi viết dễ dàng, khi có hứng. Nhưng lại không dễ dàng hài lòng với tất cả những gì mình đã viết. Viết xong, đọc lại, tôi thường nghĩ "Ờ cũng được được...Nhưng mà chưa được...!" Có một lần anh Nguyễn Mộng Giác cười nhẹ trên điện thoại, mắng tôi : "Đi mà cứ nhìn xuống bước chân mình thì làm sao mà đi?"

Khi nào thì chị làm thơ và lúc nào thì chị viết truyện. Có sự khác biệt trong cảm xúc, ý tưởng khởi đầu hay trong nhu cầu biểu hiện không?

Với những cảm xúc mạnh, cấp thiết phải được viết ra như là reo, là cười, là khóc, là kêu la..., tôi làm thơ. (Làm ngay, để trong đầu không chịu nổi!) Những ghi nhận cảm xúc hay suy tư có tính cách lập đi lập lại, đòi hỏi dàn trải ra chi tiết hơn thì được tôi từ từ viết thành truyện. Đại khái như thế. Cũng có lúc tôi thèm làm thơ, thèm cô đọng suy tư cảm xúc thành thơ, hoặc thèm suy nghĩ dựng truyện, tìm nhân vật, đối thoại, như có khi thì thèm hút thuốc, có khi lại thèm ăn bún bò. (Ới Montreal ơi, Đông Ba ơi, Bún bò mụ Rớt ơi !)

So với những gì chị đã viết trước kia, gần đây chị viết truyện có vẻ táo bạo hơn, đề cập cụ thể hơn đến các chi tiết về dục tình. Tại sao có hiện tượng đó?

Vậy mà đã táo bạo hở? Tôi thì bực mình sao mình cứ viết như thuở còn ở thế kỷ thứ 18. Tại sao có "hiện tượng" đó? Tôi tưởng là đã có "hiện tượng đó" từ lâu rồi chứ. Chị Nguyễn Thị Hoàng Bắc đã càu nhàu từ ... khuya rồi mà! (Câu hỏi này nên dành cho Hoàng Bắc thì hợp hơn đấy nhé. ...*Gần đây Hoàng Bắc viết táo bạo hơn, đề cập cụ thể hơn đến các chi tiết về...Tại sao có hiện tượng đó hở chị Hoàng Bắc?)* Tôi viết nhiều về tình yêu, làm sao không chạy qua lãnh vực tình dục cho được? Yêu ai quá làm sao mà không muốn ôm, muốn hôn, muốn vuốt ve, muốn...? Tôi muốn viết càng thành thật, càng tự nhiên, càng tốt. Và tôi sẽ càng lúc càng thành thật tự nhiên hơn. Tôi không còn ở cái tuổi, cũng không viết cho cái tuổi "e lệ nép vào dưới hoa" nữa. (Dù thỉnh thoảng tôi cũng viết được một vài bài thơ "trong trắng" để gửi cho Măng Non, Văn Nghệ Trẻ!). Xem nào, trên thế giới còn có ai đạo đức giả bằng một số người Việt mình không nhỉ? Đàn ông thì cứ giảng moral loạn cả lên dù hơi lâu lâu mà không có sex là đã muốn mếu máo rồi! Đàn bà thì hai ba đời chồng, chín mười đứa con, mà đọc chút chút gì đến chuyện phòng the cũng rán đỏ mặt lên cho có vẻ tiết hạnh khả phong! Phiền quá đi mất! Muộn quá đi mất!

Truyện ngắn "Thời Mà Nàng Còn Điên" của chị đăng trên Hợp Lưu số 3 vừa rồi được rất nhiều người khen ngợi. Hình như có sự thay đổi nào đó trong cách viết của chị?

Xin cám ơn những người đã có lời khen. Ít khi được khen nên nghe khen cũng thấy nhẹ người. Có lẽ truyện ấy tôi viết như "đi mà không nhìn chân mình đi" chăng?

Sau hai tập thơ Thơ Trân Sa *và* Điểm Tâm Cho Người Tình *và những bài thơ xuất hiện trên các báo sau đó, bản thân chị nhận thấy có những biến chuyển nào đáng kể trong xúc cảm và sự diễn đạt không?*

Tôi thấy tự tin hơn. Sự đón nhận của người đọc tốt hơn là như tôi dự liệu.

Nhiều người cho rằng truyện ngắn của chị hay hơn thơ. Ý kiến chị về nhận xét này?

Viết truyện hay làm thơ, tôi đều cố gắng cẩn trọng như nhau. Có người thích truyện tôi hơn là thơ tôi, hoặc ngược lại, là chuyện bình thường. Ai tôi cũng rất cám ơn

Lại có người nhận xét là thơ của chị "trí tuệ" quá, làm mất đi tính cảm xúc, trữ tình. Chị nghĩ sao?

Như tôi đã trình bày trước đây, tôi thường làm thơ khi cảm xúc đến thật mạnh. Vậy có lẽ vận hành của thơ tôi viết là : cảm xúc đến một mức nào đó sẽ khởi động sự làm việc của trí tuệ. Nếu phải chọn lựa giữa tính xúc cảm/trữ tình và trí tuệ cho thơ, tôi sẽ chọn cái thứ hai. Thật sự tôi muốn bao gồm cả hai vào thơ nhưng không luôn luôn thực hiện được. Thơ trữ tình của Việt Nam thì rất nhiều, nhưng thơ chứa đựng tư tưởng của Việt Nam thì không có bao nhiêu. Tôi không thích làm thơ để người khác rung đùi ngâm nga. Tôi muốn làm thơ để người ta đọc, cảm và suy nghĩ. Dù sao, tôi vẫn phải cố gắng hơn. Tôi chưa bao giờ hoàn toàn hài lòng với những gì mình đã viết mà.

Chị nghĩ gì về những người viết đồng thời với chị?

Những người viết đồng thời với tôi làm tôi rất mến phục. Tôi mong họ có thì giờ và điều kiện để viết mãi và càng lúc viết càng hay. Sự có mặt đông đảo của họ thật sự gây phấn khởi, hào hứng. Họ đang nối tiếp sức sống cho văn học Việt Nam, như cây cầu khá vững vàng nối quá khứ với tương lai cho văn học đất nước. Trong khi đó, nhìn qua lãnh vực âm nhạc, thấy âm nhạc Việt Nam thiệt thòi hơn nhiều. Người nghiên cứu nhạc học thì có, nhưng người sáng tác thì quá ít. Sau Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Cung Tiến, Lê Uyên Phương, Từ Công Phụng... sẽ là những ai? Sao vắng vẻ quá!

Nhà văn nhà thơ nào, các tác phẩm nào trong văn học Việt Nam và thế

giới mà chị ưa thích nhất?

Tôi ưa thích Goethe, Dostoyevski, Gide, Camus, Kawabata, Maurois, Pasternak, Kundera, Marquez.... Còn những tác giả Việt Nam, tôi thích đọc Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ, Tô Thùy Yên, Phạm Nhuận, Phạm Thị Hoài, Cung Tích Biền, Nguyễn Huy Thiệp... Thật ra kể hết tên, trong và ngoài nước, thì nhiều lắm. Tôi không dám kể nữa, sợ sót tên. Bất cứ tác giả nào viết nhân bản nhất, thành thật nhất, lãng mạn nhất... tôi đều thích đọc. Nhưng tôi thích thì có quan trọng gì, cả nước thích, cả thế giới thích mới đáng nói chứ.

Dựa trên những gì chị được đọc, theo chị, nhà văn trong nước đáng chú ý nhất là ai?

Đọc Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài, tôi giật mình vì tài năng của họ. Truyện Nguyễn Huy Thiệp súc tích, sâu sắc, không khí lạ lùng. Văn chương Phạm Thị Hoài mạnh mẽ, sắc bén, mỗi dòng mỗi đoạn cuồn cuộn cảm giác và ý tưởng. Theo tôi, đây là hai trong số những tác giả quan trọng nhất của nền văn chương Việt Nam (trong nước) hiện đại, nếu họ vẫn tiếp tục sáng tác theo đà này.

Bề ngoài chị có vẻ là một người bình thản, vui vẻ; thế mà tại sao những nhân vật trong truyện của chị thường không hạnh phúc và hơi có vấn đề tâm thần?

Tôi là tôi, nhân vật trong truyện tôi viết là họ, đôi khi lôi kéo nhau, nhưng lại khá độc lập. Những nhân vật của tôi thường đau khổ, có lẽ vì tôi quan tâm đến những nỗi bất hạnh của con người (trong đó có tôi, nhưng không có nghĩa tôi là nhân vật trong truyện). Tôi cũng muốn viết về hạnh phúc; vì cũng có nhiều lúc tôi cảm thấy rất hạnh phúc, nhưng để dành ưu tiên hai. Nhiều truyện của tôi có nhân vật "hơi có vấn đề về tâm thần" vì tôi đặc biệt thích tìm hiểu những vấn đề về tâm thần và được tiếp xúc với nhiều người bệnh tâm thần. Một số trong những người này vô cùng đáng yêu, rất vô hại, và rất *người*; trong khi có nhiều người tỉnh thì thật đáng ghét, nguy hiểm và rất ư máy móc.

Chị có đồng ý với quan niệm của Sartre là nhà văn phải tham dự vào chính trị không?

Tôi không đồng ý với ông Sartre về chữ "phải" ông ta dùng. Tôi nghĩ nhà văn là kẻ yêu tự do nhất. Có tự do hắn mới trung thực được trong những

gì hắn phát biểu. Hắn muốn tham dự cái gì thì tham dự, tùy theo đam mê và khả năng của hắn. Nói tiếng nói con người, đòi hỏi nhân quyền, góp ý kiến để làm đẹp (hoặc làm phong phú) đời sống con người, và hoạt động chính trị là hai việc khác nhau. Nhà văn có thể chỉ lựa chọn công việc thứ nhất; hay là chọn cả hai công việc, nếu hắn nghĩ hắn thích và có khả năng làm được. Nhưng không thiếu gì nhà văn được yêu chuộng những tác phẩm chẳng có tí gì là chính trị. Và có nhà văn thì lại bẽ bàng ôm hận vì những hoạt động chính trị quá khứ của mình. Tôi thì rất tin vào vấn đề phân công hợp lý. Tùy nguyện vọng và sở trường của nhà văn, mà hắn sẽ hành động, sẽ đóng góp, nếu hắn muốn.

Chị nghĩ sao về các vận động giao lưu văn hóa giữa trong nước và ngoài nước hiện nay?

Gạt ra ngoài những thành kiến chính trị (bị đánh nhiều dấu hỏi), đây là một việc đáng làm. Ở trong nước, người Việt hoàn toàn mù tịt về mọi sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt hải ngoại. Hoạt động văn hóa của chúng ta ngoài này chỉ nhằm phục vụ cho chính cái nhóm nhỏ lèo tèo của chúng ta thôi sao. Chúng ta đang sáng tác trong tự do, những gì chúng ta viết không ít thì nhiều cũng thể hiện cái không khí tự do chúng ta đang sống. Chuyển được tác phẩm của chúng ta về, trước hết là chuyển không khí tự do về. Ở trong một căn phòng tối tăm lâu năm, ánh sáng có thể chỉ còn là một khái niệm trong trí óc kẻ bị giam giữ trong đó. Bất cứ một tia sáng nào rọi được vào phòng cũng giúp hắn còn ý thức, hoặc tái ý thức được, rằng ánh sáng là một thực thể, một thực thể vô cùng cần thiết mà hắn sẽ đòi hỏi cho được mới thôi.

Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế, điều 1 :"...Các cuộc trao đổi văn chương, bất cứ thời nào, phải không tùy thuộc vào các biến cố chính trị của các dân tộc." Và điều 2 :"Trong mọi trường hợp, và đặc biệt trong thời chiến, việc tôn trọng các tác phẩm nghệ thuật, tài sản chung của nhân loại, phải được đặt lên trên tất cả nhiệt tình quốc gia và tham vọng chính trị." Ghi lại như vậy, để thấy vận động giao lưu văn hóa, trong đó có sự cố gắng để mang những tác phẩn nghệ thuật trong nước ra ngoài, là một việc làm đúng, phù hợp với quan điểm chung của đại đa số người cầm bút trên thế giới.

Có lần nhà văn Francoise Sagan nói rằng : "Điều làm tôi quan tâm là cái cách thức người ta giao tiếp với sự cô đơn và tình yêu. Đó là những điều quan trọng nhất trong đời sống con người." Ý kiến của chị về câu nói này?

Francoise Sagan là một "la garde du coeur" may mắn lớn lên trong một

nước Pháp nghệ sĩ, lãng mạn, phóng khoáng và yên ổn. (Thời đệ nhị thế chiến, Sagan còn mặc áo đầm xòe chơi nhảy dây!). Chuyện bà chỉ quan tâm đến cách thức người ta giao tiếp với tình yêu và cô đơn mà thôi, và cho đó là những điều quan trọng nhất trong đời sống con người, thì cũng không lạ. Đời sống con người dưới mắt Sagan và đời sống con người dưới mắt tôi có lẽ có vài điều khác biệt. Tôi thì quan tâm đến những sự đau đớn, dù vì Tình yêu, Cô đơn, Chiến tranh, Nghèo khổ hay bất cứ tai họa nào mà trời đất hay con người mang đến cho con người. Mà có khi vì người ta quan trọng hóa nhiều vấn đề qua nên người ta làm khổ kẻ khác và làm khổ chính mình! Cái cách "bonjour tristesse" của Sagan và cách "bonjour tristesse" của tôi không giống nhau đâu.

Xin chị cho biết những dự định về văn chương sắp đến.

Tôi dự định in tập truyện ngắn và in thêm thơ năm nay. Đang định khởi viết một truyện dài.

Viết văn có sẽ là một công việc suốt đời của chị không?

Hiện tại tôi vẫn thích viết, dù hơi thiếu thì giờ. Còn tương lai... thì ai biết đâu ngày sau! Nếu có biến cố nào xảy ra làm tôi không viết được nữa, thì tôi đành sẽ không viết. Nhưng từ nhỏ đến giờ, tôi vốn chung tình...

Điều cuối cùng chị muốn nói với độc giả là gì?

Trả lời phỏng vấn là điều tôi rất e ngại. Tôi cảm thấy như mình bị đặt vào một trạng thái mất tự nhiên, kém an toàn, bị động. Mà tôi nghĩ điều này dễ khiến tôi có những sơ suất. Vậy xin cám ơn các bạn đã chịu khó bỏ thời giờ theo dõi bài phỏng vấn này.

PHẠM VIỆT CƯỜNG thực hiện

HOÀNG XUÂN SƠN

gai nhọn

Ra vườn
bắt võng đung đưa
dưới tàn râm mát
hồn vừa chín cây
trái tôi
rụng một tuổi đầy
sầu riêng gai nhọn
mà
ngay ngắn đời

cội xuân

Chuối vàng
chín rệu hương đêm
như e ấp gió
như miều mỹ trăng
nằm yên
thở tới vô ngần
cho xuân tái ngộ
ngoài sân
cội già.

HOÀNG XUÂN SƠN

MILAN KUNDERA

TRỊNH Y THƯ *chuyển ngữ*

nhẹ kiếp nhân sinh

(Tiếp theo Hợp Lưu số 2)

11.

Để nỗi đau đớn của Tereza dịu xuống, anh làm đám cưới với cô (cuối cùng căn phòng thuê được trả lại vì lúc sau Tereza cũng chẳng mấy khi về đó nữa). Anh còn tặng cô một con chó con.

Con chó anh xin được từ người bạn đồng nghiệp. Chó mẹ thuộc giống *Saint Bernard*, còn bố nó là con bẹc-giê Đức của nhà hàng xóm. Không ai muốn nuôi chó lai và người bạn anh không nỡ giết bỏ những con chó con mới đẻ đó.

Nhìn xuống bốn con chó con Tomas biết con nào anh nhận đem về nuôi thì sống sót, còn lại tất cả sẽ bị giết chết. Anh có cảm tưởng anh là lãnh tụ một nước cộng hòa đang đứng trước bốn phạm nhân mang án tử hình và anh đang ban hồng phúc ân xá xuống cho một người trong bọn. Cuối cùng anh chọn con chó cái có thân mình *Saint Bernard* và cái đầu bẹc-giê. Anh đem con chó về nhà cho Tereza. Cô bế nó lên ôm sát vào ngực. Con chó lập tức bậy một bãi làm ướt hết vạt áo trước của cô.

Đến lúc hai người đặt tên con chó, Tomas muốn tên nó phải cho thấy nó thuộc về Tereza. Anh nghĩ đến quyển sách Tereza kẹp dưới nách khi cô mới lên Praha. Anh đề nghị đặt tên cho con chó là Tolstoy.

"Không thể là Tolstoy được." Tereza dẫy nẩy lên. "Nó là chó cái mà. Hay là Anna Karenina?"

"Không được đâu." Đến lượt Tomas phản đối. "Không người đàn bà nào lại có khuôn mặt buồn cười đến như thế. Trông nó giống Kerenin hơn. Ừ, phải đấy! Chồng của Anna. Thực là đúng với những gì anh vẫn tưởng tượng về ông ta."

"Nhưng gọi là Kerenin anh không sợ sẽ ảnh hưởng đến giống của nó sao?"

"Rất có thể," Tomas nói, "một con chó cái được gọi bằng tên giống đực hoài sẽ phát triển khuynh hướng đồng tính luyến ái đấy."

Thực là kỳ lạ, những gì Tomas nói khơi khơi vậy mà có ngày lại biến thành sự thực. Mặc dù chó cái thường trung thành với chủ hơn là với chó đực đồng loại của nó, con Kerenin chứng tỏ là một ngoại lệ. Lúc nào nó cũng quanh quẩn bên người Tereza. Tomas có vẻ hài lòng lắm. Anh vỗ lên đầu con chó con: "Tốt lắm Kerenin! Mày đúng là cái gì tao đang mong đợi đây. Mình tao không sao kham nổi bả nên mày phải giúp tao một tay."

Nhưng ngay cả với sự giúp đỡ của con chó Kerenin. Tomas vẫn hoàn toàn thất bại trong việc đem hạnh phúc lại cho Tereza. Vài năm sau đó anh mới thực sự biết mình thất bại, đúng hơn là vào ngày thứ mười sau khi quê hương anh bị xe tăng Nga nghiền nát. Lúc đó là tháng 8 năm 1968, Tomas liên tiếp nhận được nhiều cú điện thoại từ một bệnh viện bên Zurich gọi sang. Viên giám đốc bệnh viện bên đó, một y sĩ kết bạn với anh từ khi hai người gặp gỡ trong một hội nghị y học quốc tế, tỏ vẻ lo ngại cho anh và ông ta nài nỉ anh sang Zurich làm việc tại bệnh viện của ông.

12.

Tomas thẳng thắn từ chối sự giúp đỡ của viên bác sĩ người Thụy Sĩ vì anh nghĩ đến Tereza. Anh đoán Tereza không muốn sang Thụy Sĩ sinh sống. Suốt tuần lễ đầu của cuộc biến loạn, nỗi kích động làm cô như bị hôn mê. Cô chạy đôn đáo cùng khắp đường phố với chiếc máy ảnh trên tay. Chụp được cuốn phim nào cô lại tìm cách trao vào tay các ký giả ngoại quốc. Họ tranh nhau giành giật những cuốn phim trên tay cô. Có lần, đi quá xa, cô chụp thật gần cảnh một viên sĩ quan Nga tay cầm súng chĩa vào đám đông. Cô bị bắt giam tại Tổng hành dinh đoàn quân Nga. Ở đó họ dọa đem cô ra hành quyết, nhưng khi vừa được thả, cô lại chạy ngay ra đường phố, máy ảnh bấm lia lịa trên tay.

Đó là lý do tại sao Tomas ngạc nhiên hết sức khi vào ngày thứ mười của cuộc biến loạn, cô nói với anh: "Tại sao anh không muốn chạy sang Thụy Sĩ?"

"Tại sao anh phải ra đi?"

"Họ có thể làm khó dễ anh ở đây."

"Họ làm khó dễ mọi người không riêng gì anh," Tomas trả lời, tay phát ra một cử chỉ lên xuống. "Còn phần em? Em liệu sinh sống được ở ngoại quốc không?"

"Sao không?"

"Em xông xáo ngoài đường phố không quản nguy hiểm đến tính mệnh vì đất nước mình. Sao em lại hờ hững về chuyện đi hay ở vậy?"

"Lúc nào Dubcek trở lại, mọi thứ thay đổi hết." Tereza nói.

Quả đúng vậy: sự kích động ban đầu cháy bùng lên không quá một tuần lễ. Lãnh tụ quốc gia bị lính Nga dẫn đi như các tội phạm. Không ai biết họ bị dẫn đi về đâu. Ai nấy lo lắng cho số phận của họ. Dân chúng thù ghét người Nga. Họ tổ chức hội hè, nhưng là một cuộc hội hè chè chén đầy thù hận. Tại các thị xã, làng mạc, bích chương viết tay được dựng lên nhan nhản. Họ mỉa mai, châm biếm bọn xâm lăng. Những bức biếm họa tràn ngập đường phố vẽ hình Brezhnev và lính Nga trông như một lũ xuẩn ngốc, thất học. Nhưng không cuộc hội hè đình đám nào có thể kéo dài mãi mãi. Trong lúc đó, người Nga áp lực lãnh tụ quốc gia Tiệp phải ký vào bản thỏa hiệp với Mạc Tư Khoa. Khi Dubcek cùng với các lãnh tụ khác trở về Praha, ông ta đọc một bài diễn từ trên làn sóng điện. Sau sáu ngày bị giam cầm, sức khỏe ông suy yếu đến độ ông nói không ra hơi. Giọng nói ông lắp bắp, ông thở hổn hển, và trong lúc nói ông cứ phải ngưng lại rất lâu, có khi đến cả ba mươi giây đồng hồ.

Bản thỏa hiệp cứu đất nước Tiệp ra khỏi tình cảnh bi đát nhất mà mọi người e sợ: hành quyết tập thể và lưu đày hàng loạt lên Tây Bá Lợi Á. Nhưng điều vô cùng rõ rệt là quốc gia Tiệp từ nay sẽ phải quỳ mọp xuống trước mặt kẻ chiến thắng. Mãi mãi và mãi mãi, nó sẽ lắp bắp, ấp úng, hổn hển như Alexander Dubcek. Hội hè đã chấm dứt. Mối nhục hằng ngày bắt đầu.

Tereza giải thích điều này cho Tomas nghe và anh biết đó là sự thật. Nhưng anh cũng biết dưới sự thật này còn một sự thật khác căn bản hơn. Lý do tại sao Tereza muốn rời Praha: ở đây cô khổ công tìm kiếm mà chưa bao giờ biết được hạnh phúc là gì.

Những ngày cô xông xáo trên đường phố chụp hình lính Nga, nét mặt khẩn trương là những giờ phút đẹp nhất đời cô. Cô sung sướng được vỏn vẹn vài đêm, những đêm cô không bị chìm đắm trong giấc mộng kinh hoàng tái đi tái lại như một chương trình truyền hình tiếp diễn từ tháng này qua năm nọ. Người Nga với hàng trăm chiếc chiến xa mang đến cho cô sự thăng bằng. Nhưng bây giờ hội hè đã chấm dứt, cô trở lại với nỗi sợ hãi, cô sợ những đêm tối đầy mộng mị kia và cô muốn chạy trốn. Cô còn hiểu ra hoàn cảnh nào sẽ đem lại sức mạnh cho cô. Cô nao nức được đặt chân đến một chân trời khác, một nơi chốn mà cô tin tưởng sẽ tìm thấy những gì cô vẫn hằng mong mỏi.

"Em không thấy khó chịu nếu Sabina cũng di cư sang Thụy Sĩ chứ?"

"Geneva không phải là Zurich," Tereza trả lời. "Cô sẽ không còn là một chướng ngại như ở Praha."

Người mong mỏi được thoát ly ra khỏi nơi mình đang sinh sống là người không vui sướng chút nào. Đó là lý do tại sao Tomas chấp nhận lời yêu cầu của Tereza di cư sang Thụy Sĩ như một phạm nhân chấp nhận bản tuyên án từ quan tòa đưa xuống. Một hôm, anh, Tereza, và con chó Kerenin thấy mình đang đứng giữa lòng thành phố rộng lớn nhất Thụy Sĩ này.

13.

Hai người vừa đủ tiền sắm được cái giường ngủ. Tomas lăn xả vào công việc với tất cả sự hăng say của người đàn ông bốn mươi bắt đầu xây dựng lại cuộc đời mới.

Anh gọi lên Geneva nói chuyện với Sabina đôi lần. Tình cờ, tuần lễ sau vụ biến loạn ở Tiệp, Sabina có cuộc triển lãm tranh ở Geneva và trong làn sóng cảm thông với cái xứ sở bé nhỏ của cô, giới thưởng ngoạn hội họa ở Geneva bỏ tiền ra mua sạch những bức tranh cô trưng bày.

"Nhờ bọn Nga, em trở nên giàu có." Cô cười nói với Tomas trong ống điện thoại. Cô rủ Tomas lên Geneva thăm phòng vẽ mới của cô. Cô bảo đảm với anh nó không khác căn phòng cũ ở Praha bao nhiêu.

Anh muốn lên Geneva thăm Sabina lắm chứ, nhưng anh không tìm ra lý do để giải thích với Tereza về sự vắng mặt của mình. Thế là Sabina mò xuống Zurich. Cô ở khách sạn và Tomas đến thăm cô sau giờ làm việc. Anh điện thoại cho cô từ quầy tiếp khách của khách sạn rồi bước lên cầu thang. Cửa phòng mở, Sabina đứng đón anh, trên người vỏn vẹn một bộ đồ lót mỏng. Và chiếc mũ dạ tròn màu đen. Cô đứng giữa cửa nhìn thẳng vào mắt anh, không nói năng gì cả. Tomas cũng vậy. Đột nhiên anh thấy xúc động lạ thường. Anh đưa tay lên gỡ chiếc mũ trên đầu Sabina. Anh đặt nó xuống mặt chiếc bàn đêm cạnh giường. Sau đó, hai người làm tình trong im lặng.

Trên đường từ khách sạn về nhà (anh đã sắm sửa đầy đủ bàn ghế cho căn phố), Tomas sung sướng với ý nghĩ anh vẫn có thể chuyên chở nếp sống của anh như con ốc sên chuyên chở chiếc vỏ của nó. Tereza và Sabina đại biểu cho hai thái cực đời anh. Hai người đàn bà hoàn toàn khác biệt, bất khả hòa giải, nhưng cả hai đều có những nét quyến rũ riêng, không ai nhường ai cả.

Nhưng sự việc anh đem theo cái hệ thống trợ sinh này kè kè bên người đến bất cứ nơi nào, như thể nó là một phần cơ thể anh, có nghĩa là Tereza hằng đêm vẫn tiếp tục mơ những giấc mơ kinh hoảng, quái dị.

Hai người sống ở Zurich sáu hay bảy tháng gì đó thì một hôm anh về nhà khá trễ và Tereza đã bỏ đi. Cô để lại trên bàn cho anh một lá thư. Trong thư cô nói phải trở về Praha. Cô phải về vì cô không đủ sức mạnh sinh sống tại ngoại quốc. Cô biết cô có bổn phận nâng đỡ anh, nhưng cô quá vụng về,

không biết phải làm gì. Cô đã điên rồ cho là khi ra nước ngoài sinh sống, đời sống cô sẽ thay đổi. Cô tưởng sau việc cô làm trong thời gian cuộc biến loạn, cô có lớn khôn ra. Cô tưởng cô tinh khôn hơn, mạnh mẽ hơn. Nhưng cô đã đánh giá cô quá cao. Cô đang níu kéo anh xuống và cô sẽ không tiếp tục làm như vậy nữa. Cô phải đi đến kết luận trước khi mọi việc trở nên quá trễ tràng. Và cô tạ lỗi đã đem Kerenin về theo với cô.

Tomas uống vài viên thuốc ngủ rồi lên giường nằm nhưng không sao chợp mắt được cho đến khi trời sáng hẳn. Một trăm năm mươi lần anh nhẩm lại trong đầu hoàn cảnh anh bây giờ: cánh cửa nối liền với quê hương anh và thế giới bên ngoài đã đóng sập xuống. Điện tín, điện thoại cũng không cách nào đem Tereza trở lại được. Bọn cầm quyền không đời nào để cô ra khỏi nước một lần nữa. Cô dứt khoát ra đi một cách thật sững sờ.

14.

Ý tưởng biết mình bất lực đến vô vọng đập lên anh như chiếc búa tạ, nhưng kỳ lạ thay nó đến với anh cũng vô cùng êm ả. Không ai du anh vào tình thế anh phải quyết định điều gì. Anh thấy không cần phải đứng nhìn vào bức tường căn nhà bên kia khoảng sân rộng, đắn đo suy nghĩ xem có nên sống với cô gái hay không. Tereza đã làm quyết định đó cho anh.

Anh ra tiệm ăn trưa. Nỗi buồn trong anh thực ghê gớm, nhưng lúc ngồi ăn, nỗi chán chường thất vọng ban đầu bỗng phai nhạt dần đi và chẳng bao lâu còn lại chỉ là nỗi buồn man mác. Nhìn lại những năm tháng chung sống với Tereza, anh thấy câu chuyện hai người không thể nào kết thúc tốt đẹp hơn được. Giả sử có người dựng nên câu chuyện này thì đây là cách ông ta kết thúc câu chuyện.

Một hôm Tereza tự tìm đến anh và hôm khác cô cũng tự ý bỏ anh ra đi. Cô đến với chiếc vali nặng trĩu. Cô ra đi cũng với chiếc vali nặng trĩu.

Anh trả tiền, bước chân ra khỏi tiệm ăn rồi thả bộ xuống phố. Nỗi buồn càng lúc càng trở nên diễm lệ. Anh sống bảy năm trời với Tereza, bây giờ nhìn lại anh thấy bảy năm trời đó đẹp đẽ quá chừng, đẹp hơn quãng đời anh thực sự sinh sống với cô.

Tình yêu anh dành cho Tereza rất đẹp, nhưng anh cũng vô cùng mệt mỏi với nó: lúc nào anh cũng phải giả vờ, giấu giếm, che đậy điều gì. Anh phải nâng cô lên, vuốt ve cho cô dịu xuống, cho cô thấy bằng chứng tình yêu của anh, bào chữa khi cô ghen tuông, đau khổ. Anh phải vỗ về cô sau những giấc mơ quái quỷ. Lúc nào anh cũng thấy tội lỗi. Giờ đây mỏi mệt chợt tan biến bay vào hư không, còn lại là vẻ diễm lệ nhẹ nhàng, man mác.

Thứ bảy, lần đầu tiên anh dạo phố Zurich vào ngày thứ bảy, anh đang hít thở không khí tự do. Những cuộc phiêu lưu mới đang đón chờ anh ở các

góc đường. Một lần nữa tương lai lại là một bí mật. Anh đang trở về đời sống độc thân, đời sống mà có lần anh cảm thấy đó mới chính là định mệnh đời anh, đời sống anh thật sự là anh.

Bảy năm trời anh sống gần gũi bên cạnh Tereza, mỗi bước chân anh đi cô dõi mắt nhìn theo chăm chú. Tốt hơn cô nên xỏ vào chân anh một chiếc cùm. Bước chân anh thốt nhiên nhẹ nhàng hẳn lên. Anh đang bay lên cao. Anh đi vào thế giới huyền ảo của Parmenidis: anh đang tận hưởng nỗi khinh khoái ngọt ngào của đời sống.

Anh có muốn gọi cho Sabina ở Reneva không? Hay liên lạc với một người đàn bà nào đó anh mới quen trong thời gian mấy tháng ở Zurich? Không, không hề có chuyện đó. Có lẽ anh cảm thấy được một điều là bất cứ hình ảnh người đàn bà nào khác hiện ra trong lúc này cũng sẽ làm trí nhớ anh về Tereza trở nên đau đớn khôn tả.

15.

Tomas ngây ngất với nỗi buồn kỳ quặc này đến tối chủ nhật thì hết. Sáng thứ hai, mọi thứ hoàn toàn thay đổi. Tereza len lỏi tìm cách đi vào đầu óc anh: anh tưởng tượng cảnh cô ngồi viết lá thư vĩnh biệt cho anh. Anh hình dung ra bàn tay run rẩy của cô. Anh thấy cô một tay xách chiếc va-li nặng trĩu còn tay kia dắt con chó Kerenin. Anh thấy cảnh cô tra chìa khóa mở cửa căn phố của hai người ở Praha và choáng váng với nỗi cô đơn cùng cực phả vào mặt khi cô đẩy tung cánh cửa.

Hai ngày với nỗi buồn man mác tuyệt đẹp, lòng trắc ẩn của anh (lời nguyền rủa của thần giao cách cảm) đi nghỉ mát ở nơi khác. Nó ngủ giấc ngủ ngon lành như người thợ mỏ sau tuần lễ dài làm việc cực nhọc cần nghỉ ngơi để lấy lại hơi sức cho ngày thứ hai.

Tomas nhìn bệnh nhân nào cũng ra Tereza. Anh cứ phải tự nhủ: "Đừng nghĩ đến Tereza nữa! Đừng nghĩ đến cô ấy nữa! Tôi đã chán cái lòng thương hại của tôi lắm rồi. Cô ấy bỏ đi như vậy là điều hay, tôi sẽ không bao giờ thấy mặt cô ấy nữa. Không phải tôi muốn ném bỏ Tereza ra khỏi đời sống tôi. Tôi chỉ muốn xa lánh cái cơn bệnh, cái lòng thương người mà tôi tưởng tôi đã miễn nhiễm cho đến khi cô ấy gieo vào tôi."

Thứ bảy và chủ nhật, anh bị chế ngự bởi nỗi khoan khoái nhẹ nhàng, ngọt lịm của đời sống dâng lên trong anh từ khoảng sâu thăm thẳm của tương lai. Thứ hai, anh bị va chạm với cái sức nặng mà anh chưa từng bao giờ va chạm. Hàng tấn thép xe tăng Nga không thấm vào đâu nếu đem so với cái sức nặng đó. Bởi lẽ không thứ gì trên quả đất này lại có thể nặng hơn lòng trắc ẩn. Ngay cả nỗi đau của chính mình cũng không đè bẹp mình xuống như nỗi đau mình gánh vác chịu đựng giùm người khác, vì nỗi đau này

bay bổng lên theo thần trí tưởng tượng và kéo dài bởi hàng trăm tiếng dội vọng về.

Anh cứ phải tự nhủ chớ nên chịu thua cái lòng trắc ẩn đó. Lòng trắc ẩn đó. Lòng trắc ẩn lắng nghe, đầu cúi xuống và lương tâm dường như tội lỗi. Lòng trắc ẩn biết nó đang tự đắc, nhưng nó vẫn đứng yên, đầy vẻ vững vàng, chắc chắn. Và năm ngày sau khi Tereza bỏ về Prague, Tomas báo tin cho viên giám đốc bệnh viện (người gọi dây nói cho anh hằng ngày ở Praha sau khi Nga xua chiến xa sang xâm chiếm đất Tiệp) hay là anh phải quay về Tiệp ngay tức khắc. Anh thấy xấu hổ với ông ta. Anh biết việc anh bỏ ngang nơi đây có vẻ vô trách nhiệm, không thể tha thứ được. Anh định sẽ bộc bạch lòng mình, kể cho ông ta nghe câu chuyện của Tereza và lá thư cô để lại cho anh trên bàn. Nhưng cuối cùng anh không nói được điều gì. Dưới mắt viên bác sĩ giám đốc bệnh viện, việc Tereza trở lại Tiệp là hành động điên rồ và đáng trách. Nhưng Tomas đã không để ai có cơ hội nghĩ xấu về cô.

Sự thực, ông ta cảm thấy bị xúc phạm nặng nề.

Tomas nhún vai nói: *"Es muss sein. Es muss sein."*

Một sự ám chỉ. Hành âm chót trong tứ cầm khúc cuối cùng Beethoven viết trong đời dựa trên hai mô-típ sau:

Muss es sein? Es muss sein! Es muss sein!

Để khúc nhạc tuyệt đối sáng tỏ, Beethoven bắt đầu hành âm bằng nhóm chữ *"Der schwer gefasste Entschluss"* mà thường được dịch là "lòng quyết tâm khó khăn."

Ẩn dụ này của Beethoven thực sự là bước đầu Tomas tìm về với Tereza bởi chính cô là người thuyết phục anh mua những dĩa nhạc tứ cầm khúc và sô-na-ta của Beethoven.

Ẩn dụ này còn xác đáng hơn điều anh đang nghĩ lung tung trong đầu nữa vì viên bác sĩ người Thụy Sĩ cũng là người yêu thích âm nhạc. Miệng cười lặng lẽ, ông ta hỏi lại, nhái theo giai điệu của mô-típ trong khúc nhạc: *"Muss es sein?"*

"Ja, es muss sein!" Tomas lặp lại câu trả lời.

16.

Khác với Parmenides, Beethoven hiển nhiên xem sức nặng thuộc về cực dương. Vì từ ngữ *"schwer"* trong ngôn ngữ Đức vừa có nghĩa là *khó khăn* vừa có nghĩa là "nặng" nên nhóm chữ "lòng quyết tâm khó khăn" của Beethoven còn có thể được diễn giải là "lòng quyết tâm nặng nề". Lòng quyết tâm nặng nề đồng điệu với Định mệnh *("Es muss sein!")*. Sự cần thiết, sức nặng và giá trị quyện rối vào nhau; chỉ có sự cần thiết mới có sức nặng, và chỉ cái gì nặng nề mới có giá trị.

Niềm tin này xuất phát từ âm nhạc Beethoven, và mặc dù chúng ta không thể bỏ qua sự kiện, rất có thể (hay ngay cả rất có lẽ) điều này bắt nguồn từ những người lý giải Beethoven chứ chắc gì Beethoven đã tư duy như vậy, nhưng ít nhiều, chúng ta đều chia xẻ một quan niệm chung: chúng ta tin tưởng sự vĩ đại của con người thoát ra từ sự việc hắn ta dám gánh vác định mệnh đời mình như thần Atlas gánh vác cả khối vũ trụ khổng lồ trên vai. Và vì thế, người anh hùng của Beethoven là người dáng nâng lên cái sức mạnh siêu hình đó.

Tomas tiến gần đến biên giới Tiệp. Tôi tưởng tượng ra một Beethoven ảm đạm, đầu óc khủng hoảng, đứng ra điều khiển ban nhạc lính cứu hỏa địa phương tấu lên bản hành khúc *"Es Muss Sein"* trong buổi lễ tiễn đưa người xa xứ.

Khi vào đến địa phận Tiệp Khắc, Tomas được một hình đội chiến xa Nga ra tiếp đón. Anh phải dừng xe đợi đến nửa tiếng đồng hồ mới qua được khúc chặn. Một người lính dáng điệu dữ dằn mình mặc quân phục màu đen đứng giữa ngã tư đường điều khiển dòng xe cộ qua lại như thể đường sá ở đây thuộc hết về anh ta và chỉ mình anh ta thôi.

"Es muss sein!" Tomas lập lại câu nói, nhưng anh bắt đầu nghi hoặc nó. Quả thực phải như vậy sao?

Vâng, anh không sao chịu đựng nổi cảnh anh ở lại Zurich mà đầu óc lúc nào cũng tưởng tượng Tereza đang thui thủi sống một mình ở Praha.

Nhưng anh còn bị tra tấn bởi lòng trắc ẩn này trong vòng bao lâu nữa? Suốt cuộc đời anh? Một năm? Hay một tháng? Hay chỉ một tuần?

Làm sao anh biết được? Làm sao anh lượng định được?

Bất cứ cậu học sinh nào cũng có thể làm thí nghiệm vật lý để trắc nghiệm những giả thuyết khoa học. Nhưng con người, sống chỉ một lần, không thể làm thí nghiệm để biết hắn ta có nên chạy theo tiếng gọi của lòng trắc ẩn hay không.

Với ý nghĩ này trong đầu, Tomas đưa tay mở cánh cửa căn phố của anh ở Praha. Kerenin nhảy xổ lên thè lưỡi liếm vào mặt anh khiến sự trở về có vẻ dễ dàng lên đôi chút. Ý tưởng muốn ôm choàng lấy Tereza (anh cảm thấy thế lúc chui vào xe ở Zurich) hoàn toàn tan biến. Anh tưởng tượng ra cảnh anh và Tereza đứng đối diện nhìn nhau trên cánh đồng tuyết mờ mờ. Thân hình hai người run rẩy, níu vào nhau trong giá lạnh.

17.

Ngay từ buổi đầu của cuộc chiếm đóng , phi cơ quân sự Nga vần vũ bay lượn trên nền trời Praha suốt ngày đêm. Chưa quen với tiếng động này, Tomas không sao yên giấc được.

Lăn lộn trên giường bên cạnh Tereza say ngủ, anh chợt nhớ lại điều anh nói với cô cách đây lâu lắm khi có lần hai người ngồi bên nhau nói chuyện vu vơ. Hai người nói về người bạn anh tên Z. và anh chợt nhớ đến câu nói của cô: "Nếu không gặp anh trước thì chắc em sẽ yêu Z."

Ngay cả vào lúc đó, câu nói của Tereza làm Tomas buồn bực một cách lạ lùng, và bây giờ anh thấy quả chỉ là điều ngẫu nhiên Tereza yêu thương anh mà không phải người bạn tên Z. Bên cạnh tình yêu toàn vẹn cô dành cho anh trong thế giới của những điều khả hữu, còn có vô số tình yêu không toàn vẹn cô dành cho những người đàn ông khác.

Tất cả chúng ta đều loại bỏ ý tưởng tình yêu là cái gì nhẹ nhàng hay vô trọng lượng; chúng ta ép uổng tình yêu, không có nó, đời sống chúng ta đã khác đi; chúng ta cảm thấy chính Beethoven, ảm đạm và khiếp hãi, đang tấu lên khúc *"Es Muss Sein"* cho cái tình yêu vĩ đại của chúng ta.

Tomas thường nghĩ đến câu nói của Tereza về người bạn tên Z. và anh đi đến kết luận chuyện tình của anh không minh chứng cho câu *"Es muss sein!"* (phải như vậy thôi) mà là câu *"Es konte auch anders sein!"* (vẫn có thể khác vậy).

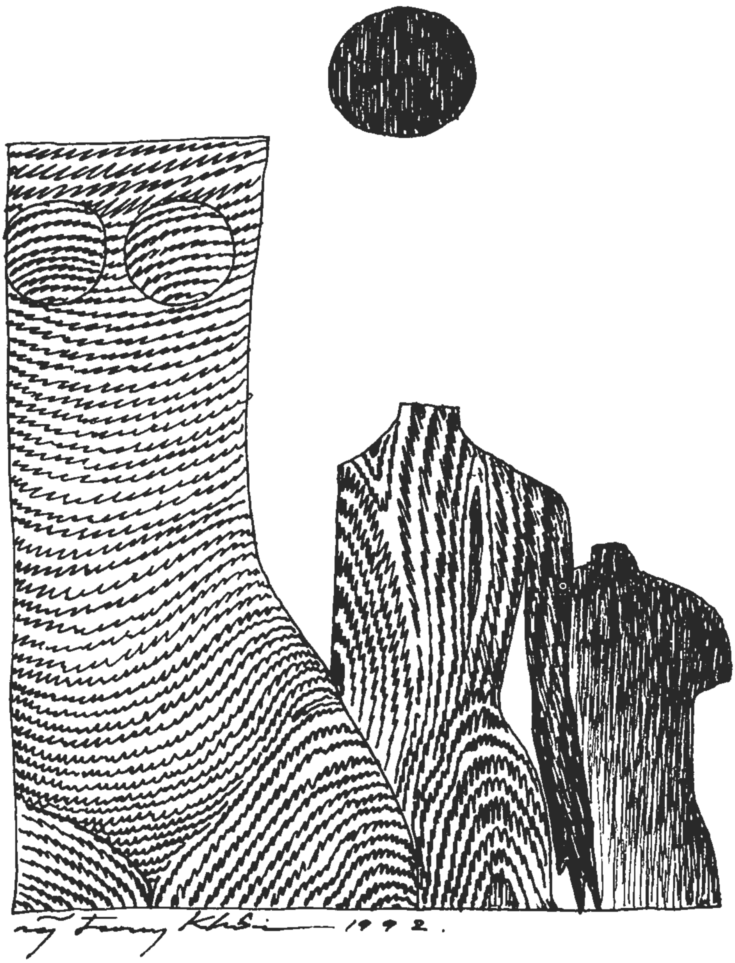
Bảy năm về trước, ngẫu nhiên một ca bệnh về thần kinh khá phức tạp được tìm thấy tại bệnh viện thị xã nơi Tereza cư ngụ. Họ cầu cứu đến viên bác sĩ trưởng khoa giải phẩu tại bệnh viện nơi Tomas làm việc. Ngẫu nhiên viên bác sĩ trưởng bị chứng đau thần kinh háng và vì không đi lại được, ông ta nhờ Tomas đi thế. Thị xã có hai ba cái khách sạn. nhưng Tomas ngẫu nhiên ngụ tại cái khách sạn nơiTereza làm việc. Ngẫu nhiên anh có chút thì giờ dư trước giờ xe lửa khởi hành và anh xuống ngồi nghỉ tại phòng ăn khách sạn. Ngẫu nhiên hôm đó Tereza đi làm, và ngẫu nhiên cô hầu ngay bàn Tomas ngồi. Tất cả có sáu chuyện ngẫu nhiên đẩy Tomas vào Tereza như thể anh không có khả năng tự mình tìm đến cô. Vì cô anh đã quay về nhà cũ. Một quyết định xác quyết dựa trên một tình yêu dun rủi, một tình yêu mà giá bảy năm về trước viên bác sĩ trưởng không bất ngờ lâm bệnh thì làm gì có cơ thành tựu. Và người đàn bà đó, sự dun rủi tuyệt đối được nhân cách hóa, giờ đây đang nằm bên cạnh anh, hơi thở sâu hút vào trong.

Đêm đã khuya lắm. Anh thấy bao tử mình nhói lên đau đớn như những khi có chuyện buồn rầu, lo nghĩ.

Một đôi lần, trong hơi thở cô có tiếng ngáy nho nhỏ. Tomas không thấy thương xót gì cả. Anh chỉ thấy sức ép đang đè nặng xuống bao tử anh và anh thất vọng mình đã trở về.

(Còn tiếp)

MILAN KUNDERA



Tranh NGUYỄN TRỌNG KHÔI

T

BLAISE CENDRARS
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG *dịch*

văn xuôi của chuyến xe lửa xuyên tây bá lợi á và của cô bé jehanne de france

(Trích)

*

Từ đáy tim ta những giọt lệ dâng lên
Khi ta nghĩ tới nàng, Tình Yêu hỡi;
Nàng chỉ là cô bé mà ta đã gặp
Tái tê, trinh trắng, giữa chốn lầu xanh

Nàng chỉ là một cô bé có mái tóc vàng, dễ thương và hay buồn,
Chưa bao giờ ta thấy nàng mỉm cười hay khóc;
Nhưng nơi đáy mắt nàng, lúc nàng thuận để ta ngắm
Run rẩy một cành huệ trắng, hoa của thi nhân.

Nàng quá đỗi diệu dàng và lặng lẽ, không một lời phiền trách,
Toàn thân nàng nhẹ rung mỗi khi ta tới gần;
Và trong những buổi tình cờ ta ghé thăm
Nàng tiến một bước về phía ta, rồi nhắm mắt - và bước thêm một bước nữa.
Bởi nàng là người yêu của ta và lũ đàn bà kia chỉ
Là những thân lửa hồng lớn dưới những xiên y bằng vàng
Còn cô bạn nhỏ của ta vì quá bơ vơ
Nên không áo, không thân hình - chao ôi, sao nàng trơ trụi nghèo khổ thế.

Nàng chỉ là một đóa hoa dại khờ và ngây thơ,
Đóa hoa của thi sĩ, bông huệ trắng hiền lành,
Lạnh lẽo, cô đơn, và đã tàn rũ cánh
Nên lệ nhòa mắt ta mỗi khi ta nhớ tới tim nàng.

Và đêm nay cũng hệt như muôn ngàn đêm khác khi một chuyến xe lửa vụt qua trong đêm tối
- Những vì sao chổi rơi -
Và người nam và người nữ, dù còn trẻ, đang vui đùa với chuyện ái ân.
BLAISE CENDRARS

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU
giới thiệu sách mới

Những tác phẩm sau đây đã bày bán tại các nhà sách, trong chu kỳ từ tháng hai đến tháng tư năm 1992, hoặc do tác giả, nhà xuất bản gởi tặng. Trân trọng giới thiệu cùng độc giả:

HUYNH ĐỆ TƯƠNG TÀN, nguyên tác Nayan Chanda, Phạm Quốc Bảo dịch. Bìa màu. Thế Giới xuất bản. Ấn phí 15 Mỹ Kim.

Qua hàng trăm cuộc phỏng vấn những lãnh tụ đương quyền ở Hà Nội, Bắc Kinh, Nam Vang, cũng như ở Hoa Thịnh Đốn, Mạc Tư Khoa, Paris, Tokyo, Canberra... Và với tư cách phái viên đặc trách Đông Dương vụ của tạp chí *Kinh Tế Viễn Đông*, Nayan Chanda có cơ hội, điều kiện để biết cặn kẽ hầu hết mọi diễn biến, tranh chấp, mưu toan đẫm máu xảy ra tại vùng này, giữa những thế lực chính trị lớn, do các đảng Cộng Sản của ba nước Việt Nam, Trung Quốc và Cao Miên chủ xướng.

Đây là tập tài liệu tương đối đầy đủ nhất viết về cuộc chiến thứ ba xảy ra tại Đông Dương, sau khi miền Nam thất thủ, và nếu xét về mặt tàn bạo, khốc liệt, phi nhân, có lẽ cuộc chiến này vượt xa cuộc chiến Việt Nam trước kia. Cuốn sách dành cho chúng ta, những người, dù muốn dù không, vẫn khó lòng làm ngơ trước các thảm kịch trực tiếp dính líu đến quê hương.

NGUYÊN SA, TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM, gồm những bài viết của của Cao Thế Dung, Du Tử Lê, Đỗ Long Vân, Mai Thảo, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Kim Thịnh, Tạ Tỵ, Thi Vũ, Thượng Sĩ, Trần Văn Nam, Vũ Bằng. Chân dung tác giả: Tạ Tỵ. Phụ bản: Nguyên Khai. Đời xuất bản, trong "Tủ Sách Tác Giả Và Tác Phẩm". Giá 12 Mỹ Kim.

Với tên tuổi của Nguyên Sa, cũng như tên tuổi của những người góp mặt trong tập sách, hy vọng độc giả sẽ tìm thấy ở đó nhiều phát kiến bổ ích, về một trong những tiếng thơ tiêu biểu của những thập niên 50, 60.

Được biết, "Tủ Sách Tác Giả Và Tác Phẩm" do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh điều hành, trong tương lai sẽ lần lượt giới thiệu đến chúng ta những cuốn kế tiếp về Đinh Hùng, Nhất Linh, Du Tử Lê, Quang Dũng, Khái Hưng, Nhã Ca...

Đây là công việc bổ ích cho độc giả và cho văn học sử. Rất mong nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh chăm sóc kỹ hơn về mặt hình thức, và càng khách quan càng tốt, về mặt nội dung, để xứng đáng với tầm vóc của những công trình này.

NGHĨ TRONG MÙA XUÂN, Thế Uyên, bìa Nguyên Khai, Xuân Thu xuất bản. Giá 12 Mỹ Kim.

Thế Uyên là nhà văn thành danh từ lâu. Trước 75 ông đã có 21 tác phẩm được xuất bản, ngoài ra, còn chủ trương tạp chí và nhà xuất bản Thái Độ với mục tiêu đấu tranh cho việc hình thành một chế độ không tư bản và cũng không cộng sản tại Việt Nam. Đến Mỹ cuối năm 1987, nhà văn Thế Uyên đã chứng tỏ một ý chí học hỏi, cầu tiến và làm việc hiếm có. Dù chỉ vài ba năm nữa ông bước vào tuổi sáu mươi, nhưng liên tục bốn năm sau khi đặt chân đến Mỹ, song song với việc học (ông đã tốt nghiệp đại học hai năm Associate in Arts, chuyển sang học tiếp tại The Evergreen State College, WA, bộ môn kinh tế chính trị xã hội và tổ chức cộng đồng) ông còn hoàn tất 8 tác phẩm mới (nhà Xuân Thu đã in bốn cuốn: - Sài Gòn Sau Mười Hai Năm - Con Đường Qua Mùa Đông - Tuyển Tập Truyện Ngắn Thế Uyên - Nghĩ Trong Mùa Xuân). Nhưng trên hết, và quan trọng nhất, là thái độ dấn thân, can đảm cũng như cấp tiến của ông trước những vấn đề liên quan đến Việt Nam trên nhiều bình diện: chính trị, tôn giáo, xã hội, văn hóa, kinh tế... Mới đây, nhiều thế lực cực đoan đã có các hành động phản tự do dân chủ - vốn là "cột sống" của cơ chế quốc gia họ đang cư ngụ - nhắm vào nhà văn Thế Uyên và nhà báo Lê Công Đa, chủ nhiệm Việt Nam Thời Báo. Sự việc đã bị báo chí Mỹ lên tiếng phản đối, và cơ quan FBI phải nhúng tay vào, gây thêm cho cộng đồng Việt Nam ngoài nước một vết nhơ.

Nghĩ Trong Mùa Xuân, cũng như hầu hết các tác phẩm viết sau này tại hải ngoại, nằm trong ý hướng và thái độ vừa nêu trên. Bằng giọng văn thiết tha, chân tình, cảm động, và một kiến thức khá bao quát của một trí thức không ngừng khát khao học hỏi, ông đã tạo được cho mình một vị trí xứng đáng trong lòng nhiều độc giả.

MỘT DÒNG CA DAO, CÂU HÒ, CÂU ĐỐ MIỀN NAM, sưu tập của Phạm Thị Hồng Lan, Nguyễn Tấn Hưng. Bìa: Lê Quang Xuân. Chân dung tác giả: ViVi Võ Hùng Kiệt. Phụ bản Nguyễn Nhật Tân, Lê Quang Xuân, Vũ Thái Hòa. Miệt Vườn xuất bản. Giá 10 Mỹ Kim.

Cùng với Phạm Thị Hồng Lan, Nguyễn Tấn Hưng đã bỏ công sưu tầm khá đầy đủ các câu hò, câu đố, ca dao của Việt Nam.

Việc làm rất đáng tán dương. Tuy nhiên, như tác giả đã thổ lộ trong Lời Nói Đầu, những câu hò, câu đố, ca dao này phần lớn không xuất xứ từ **Miền Nam**, mà nó là gia tài chung của kho tàng dân gian **Việt Nam**. Tại sao đã biết như thế mà các tác giả lại không dùng chữ "Việt Nam" thay cho "Miền Nam" để cuốn sách có được sự nghiêm chỉnh và nhất là "danh chính ngôn thuận" hơn?

MỘT ĐÊM CHO THƠ, TÌNH, VÀ ÂM NHẠC, thơ Trần Văn Nam. Đời xuất bản. Giá 8 Mỹ Kim.

Tập thơ dày 79 trang, gồm 46 bài thơ đủ thể loại. Tựa của Nguyên Sa.

Theo Trần Văn Nam, ông muốn sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ, cũng như cấu trúc thật giản dị để chuyên chở ý tình riêng, đó là một cách kéo thi ca và đời sống đến gần nhau. Nhưng chúng tôi có cảm tưởng tác giả chưa đạt được mục đích đó, nhất là những bài lục bát.

CON ĐƯỜNG CÁI QUAN CỦA ĐỆ TAM THẾ GIỚI, bút ký của Bùi Đông Triều. Giá 10 Mỹ Kim.

Là một chuyên viên kinh tế phục vụ tại Châu Á và Châu Phi, Bùi Đông Triều đã ghi nhận những suy tư về mối hiểm họa **Tân Thực Dân Kinh Tế** đang đe dọa các nhược tiểu, trong đó có Việt Nam.

Tác giả đã mượn thể bút ký để nói đến những vấn đề có vẻ khô khan gai góc, và nhất là nhờ ở văn phong trong sáng, giản dị, truyền cảm, chúng ta sẽ đi qua 160 trang sách một cách thích thú thay vì phải "cố gắng" như với đa số những tác phẩm có thể tài cùng loại.

Mua sách, xin liên lạc: Nhà xuất bản T & D Associates, 644 University Blvd East, Silver Spring, MD 20901.

NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM, tuyển tập nhiều bài viết của nhiều tác giả trong và ngoài nước, bìa Khánh Trường, nhà xuất bản Trăm Hoa, gần 500 trang, giá 22 Mỹ Kim.

Sau "Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương" (nhà xuất bản Lê Trần), từng gây xôn xao dư luận một thời, trung tuần tháng 2/1992, nhóm chủ trương nhà xuất bản Trăm Hoa vừa gởi đến độc giả một món quà "nặng ký" nữa, đó là tuyển tập NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM, với sự góp mặt của - *Ngoài nước:* Vương Hữu Bột, Nguyễn Duy Chính, Phan Tấn Hải, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Hương, Thập Lang, Phạm Trọng Luật, Hoàng Sử Mai, Thân Trọng Mẫn, Trần Bình Nam, Đỗ Hữu Tài, Bùi Chánh Thời, Lê Thứ, Bùi

Tín, Nguyễn Hoàng Vân, Trương Vũ. - *Trong nước:* Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, TT Thích Thiện Minh, TGM Nguyễn Kim Điền, LM Chân Tín, Trần Xuân Bách, Hoàng Minh Chính, Lương Dân, Phan Đình Diệu, Phạm Xuân Đài, Lê Hồng Hà, Nguyễn Hộ, Đoàn Viết Hoạt, Dương Thu Hương, Lữ Phương, Nguyễn Đan Quế, Kim Tính, Lý Chánh Trung, Nguyễn Khắc Viện, Trần Quốc Vượng.

Với mục tiêu: "Chọn lựa sống còn trước nhu cầu phục hồi xã hội và phát triển kinh tế", những người góp mặt trong tuyển tập, dù ở "bên này" hay "bên kia", dù chính kiến và cách giải quyết "vấn đề" có khác nhau, nhưng tựu chung đều cùng đồng quy ở một điểm: thiết tha với sự hưng vong của quốc gia Việt Nam.

Tác phẩm thực hiện công phu và nghiêm túc, xoay quanh những vấn nạn nóng bỏng nhất của Việt Nam hiện tại: khắc phục khủng hoảng, vận động dân chủ, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo...

Sau những biến cố dồn dập xảy ra trên thế giới, nhất là sự tan rã hàng loạt các chế độ Cộng Sản, NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM là một trong những tác phẩm quan trọng, cần thiết và can đảm, góp phần cùng với những nỗ lực khác, thúc đẩy bánh xe lịch sử chuyển động nhanh hơn nữa, để sớm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng bế tắc hiện nay.

Độc giả nào quan tâm đến tình hình Việt Nam hiện tại, rất nên có tác phẩm này. Liên lạc: Nhà xuất bản Trăm Hoa. P.O. Box 4692, Garden Grove, CA 92642, USA.

MÊ LỘ, tập truyện ngắn Phạm Thị Hoài, bìa Khánh Trường, Hồng Lĩnh tái bản tại Hoa Kỳ, giá 10 Mỹ Kim.

Nhà thơ Phạm Việt Cường, trong lời giới thiệu, đã viết: *Với nội lực văn học thâm hậu và thiên tư tài hoa rực rỡ được hỗ trợ thêm bằng khí lực vô tận của tuổi trẻ, Phạm Thị Hoài đang một mình tạo nên một phong cách văn chương mới. Bà đang vạch ra và đi một mình trên con đường riêng biệt của mình, chưa có bạn đồng hành nhưng chắc chắn chẳng cô đơn. Với tất cả những dấu hiệu tốt đẹp này, sự kỳ vọng ở nơi bà như là một trong những khuôn mặt lớn nhất của văn học Việt Nam đương đại, có phải là một niềm hy vọng quá đáng không?*

Nhiều văn hữu cũng như độc giả cho rằng nhà thơ Phạm Việt Cường đã... hào phóng thái quá khi nhận xét về Phạm Thị Hoài. Nhưng đó là cảm nghĩ chủ quan của ông đối với một tài năng. Chúng ta, khi đọc Phạm Thị Hoài, cũng "có quyền" có cái chủ quan của mình. Hợp Lưu chỉ làm công việc giới thiệu một tác phẩm, phần kết luận xin nhường cho độc giả.

THƠ HOA SEN, thơ Nguyễn Hữu Nhật, bìa (kép) và phụ bản của tác giả. Nguyễn Quý, Dương Kim, Trần Hoa trình bày. Anh Em xuất bản tại Oslo, Norway, 1991.

Tác giả là họa sĩ và nhà thơ nổi tiếng trước 1975. Có thể nói "Thơ Hoa Sen" là tập thơ đẹp nhất, về hình thức, và cẩn trọng nhất, về nội dung, kể từ đầu năm đến nay, được xuất bản tại hải ngoại.

Ba trăm bài thơ, ba trăm bông sen, một bó, gắn liền Hà Nội - Huế - Sàigòn, hát bởi lòng tôn kính mọi Người. Tôi xin dâng cúng các vị Phật trong trái tim mỗi Người, vốn tình lượng cả. (Bạt)

Hợp Lưu trân trọng giới thiệu thi phẩm Thơ Hoa Sen đến độc giả một thi phẩm, theo chủ quan (lại chủ quan) của chúng tôi, rất xứng đáng chiếm một vị trí trang trọng trong tủ sách gia đình.

1)NHỮNG NGƯỜI LÀM VƯỜN VÀ BÔNG HOA Và Những Bài Thơ Khác, của Diễm Châu; 2)THƠ YEHUDA AMICHAI; 3)THƠ THẲNG ĐỨNG, của Roberto Juarroz; 4)CÂY DÙ Ở PICCADILLY, của Jaroslav Seifert; 5)PHỤC SINH Ở NỮU ƯỚC, của Blaise Cendrars; 6)HAI MƯƠI BÀI THƠ TÌNH VÀ MỘT BÀI CA TUYỆT VỌNG, của Pablo Neruda; 7)VĂN XUÔI CỦA CHUYẾN XE LỬA XUYÊN TÂY BÁ LỢI Á VÀ CỦA CÔ BÉ JEHANNE DE FRANCE, Blaise Cendrars.

Trên đây là bảy tác phẩm của nhà xuất bản Trình Bày vừa gởi tặng Hợp Lưu. Được biết, nhà Trình Bày do thi sĩ Diễm Châu chủ trương, đặc biệt giới thiệu đến độc giả mọi thi phẩm giá trị của nhân loại, trong đó có Việt Nam. Những ấn bản này tuy giản dị nhưng rất trang trọng, chứng tỏ lòng yêu mến của người chủ trương đối với các công trình do mình thực hiện. Rất tiếc, có lẽ do tài chính eo hẹp, sách của nhà Trình Bày không được phổ biến rộng, đó là một thiệt hại lớn cho những người yêu mến thi ca.

HUYỀN THUẬT VÀ ĐẠO SĨ TÂY TẠNG, Nguyên Phong phóng tác theo Mystiques Et Magiciens Du Tibet của Alexandra David Neel, Làng Văn xuất bản, 1992.

Huyền Thuật Và Các Đạo Sĩ Tây Tạng" ghi nhận và tìm hiểu những sự kiện lạ lùng, huyền bí mà chưa một người ngoại quốc nào được chứng kiến. không như Lạt Ma Govinda *(trong ""Đường Mây Qua Xứ Tuyết"*) chỉ chú trọng vào những tài liệu, kinh điển Phật giáo, bà David Neel đã quan sát tất cả các pháp thuật huyền bí, phương pháp tu luyện lạ lùng của nhiều tôn giáo khác nhau.

Dưới ngòi bút phóng tác của Nguyên Phong (từng là dịch giả của nhiều tác phẩm về Tây Tạng: *Đường Mây Qua Xứ Tuyết; Hoa Sen Trên Tuyết...),*

độc giả sẽ tìm thấy nhiều điều bổ ích và thích thú về một xứ sở vẫn thường được xem là lạ lùng nhất trên thế giới.

HỒI KÝ, tập hai của Nguyễn Hiến Lê, Văn Nghệ xuất bản 1992, 350 trang, giá 13 Mỹ Kim.

Học giả Nguyễn Hiến Lê, vẫn được xem như là tấm gương hiếu học, làm việc nghiêm chỉnh, có tổ chức, cũng như đóng góp nhiều nhất cho văn hóa Việt Nam trong nhiều thập niên qua.

Chúng ta đã được đọc *Hồi Ký Nguyễn Hiến Lê* tập một, xuyên qua cuộc đời của một con người, phần nào hình dung được một giai đoạn lịch sử, liên quan đến nhiều lĩnh vực: văn hóa, chính trị, xã hội. *Hồi Ký*, tập hai, tiếp tục cho chúng ta biết thêm nhiều dữ kiện bổ ích nữa, nhất là về bản thân tác giả, đời sống cá nhân, cung cách làm việc, những bạn văn...

Vẫn với giọng văn nghiêm cẩn, trong sáng, giản dị và không kém phần lôi cuốn, học giả Nguyễn Hiến Lê đã gián tiếp "nhắc nhở" các thế hệ sau về một phương cách viết hồi ký: Tuy vẫn nói về cái "tôi" của mình, nhưng bao giờ, lúc nào cũng khiêm cung, chừng mực, trung thực, tránh tối đa sự hợm hĩnh lố lăng mà gần đây, không ít những tập hồi ký thường làm chúng ta nhăn mặt khó chịu: đọc những tập hồi ký này, ta có cảm tưởng các cái "tôi" đó đều... trong sạch, sáng sủa, hào hùng, can đảm, bất khuất, kiên trung, tài năng, cao cả... rất đáng mặt... vĩ nhân.

Sách đã phát hành trên toàn thế giới, hoặc có thể mua qua địa chỉ của nhà xuất bản Văn Nghệ: P.O.BOX 2301, Westminster, CA 92683, USA.

NỬA ĐÊM SỰC TỈNH, hồi ký của Lưu Trọng Lư, nhà xuất bản Mr. Tran. Giá 9 Mỹ Kim.

Sách in lại từ ấn bản trong nước.

Nội dung kể lại những mối tình của nhà thơ với nhiều người nữ đã đi qua đời ông. Những mối tình này cũng là nguồn thi hứng giúp nhà thơ tạo ra những dòng thơ óng ả, lãng mạn, làm thành một trong những tiếng thơ tiêu biểu của giai đoạn Thơ Mới thời tiền chiến.

Liên lạc mua sách: P.O.Box 1079, Lawndale, CA 90260, USA.

DÂN CHỦ PHÁP TRỊ, Nguyễn Hữu Liêm, Biển Mới xuất bản, Văn Nghệ Phát Hành, 360 trang khổ lớn, giấy dày. Không đề giá bán.

Đây là cuốn sách nói về tương lại, về một định hướng chính trị và xã hội cho Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp sang kỷ nguyên mới.

Cuốn sách nhấn mạnh đến khía cạnh pháp trị trong lãnh vực cơ chế và giá trị của luật pháp đối với các lý tưởng và nhu cầu quốc gia và công dân.

Chính trị dân chủ được bàn luận trong cuốn sách ở vào bối cảnh tương quan đến pháp luật, nhằm đưa đến một thể chế chính trị cộng hòa, rộng mở, đa dạng, mang bản chất cấp tiến và khách quan dưới sự cai quản của cơ chế pháp luật.

Nghiêm chỉnh, công phu và chuyên môn. Đó là cảm tưởng chúng ta sẽ có khi lật những trang sách. DÂN CHỦ PHÁP TRỊ là tác phẩm cần thiết cho mọi công dân Việt Nam muốn hiểu rõ hơn về định hướng cho quốc gia Việt Nam mai hậu.

Cũng cần biết thêm, Nguyễn Hữu Liêm là một luật sư trẻ, hiện đang sống và hành nghề tại San Jose, đã tốt nghiệp Cử Nhân Kinh Tế Nông Nghiệp từ Oklahoma State University (1978); Cao học Chính Sách và Quản Trị Công Quyền từ Lyndon B. Johnson School of Public Affairs, University of Texas (1981), và Tiến Sĩ Luật Khoa từ University of California, Hastings College Of the Law (1987). Đã từng làm việc cho bộ tư pháp tiểu bang California, Tòa kháng án Liên bang Hoa Kỳ và giữ chức phó biện lý của hạt Santa Cruz, California.

QUA CƠN BÃO DỮ, hồi ký của Kim Hà, tác giả tự xuất bản. Trên 400 trang, bìa màu, giá 18 Mỹ Kim. Liên lạc: Kim Hà, 10582 Mast Ave., Garden Grove, CA 92643, USA.

Tập hồi ký này đã được đăng liên tiếp từ 1981 đến 1986 trên các báo: Người Việt, Tin Việt, California; Vượt Biển, Quê Mẹ, Canada.

Đây là tập tài liệu sống của chính tác giả và các người tị nạn vượt biên bằng đường bộ khác, kể lại trung thực hàng trăm hàng nghìn những thảm kịch man rợ, kinh hoàng xảy ra trên suốt những chặng đường từ Sài Gòn qua Tây Ninh, Soài Riêng, Phnom Penh, Battambang, Sisophon để thoát đến biên giới Thái Lan và Cambodia.

Tập hồi ký thấm đẫm nước mắt và máu, là chứng từ bi hùng nhất của một giai đoạn lịch sử kể từ tháng tư 1975 mà những người Việt Nam đi tìm tự do đã phải trả giá.

NHỮNG NGÀY Ở VIRGINIA, tập truyện Vi Khuê, Đại Nam xuất bản 1992. Bìa Đinh Cường, giá 12 Mỹ Kim.

Là tác phẩm thứ năm sau Giọt Lệ, thơ (1971); Cát Vàng, thơ (1985); Tặng Phẩm Tình Yêu, thơ (1990) và Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ, tập truyện (1986).

Những Ngày Ở Virginia gồm 15 truyện ngắn đa số đã được đăng rải rác trên các tạp chí tại hải ngoại. Đã yêu thơ Vi Khuê, độc giả nên tìm đọc tập truyện này, để biết thêm một khía cạnh khác của tài năng bà.

TRẦM HƯƠNG HẠNH PHÚC, tập truyện Hoàng Du Thụy, bìa Đinh Cường, Đại Nam xuất bản 1992. Giá 10 Mỹ Kim.

Là tập truyện đầu tay của một cây bút nữ xuất hiện thường xuyên trên tạp chí Văn, Làng Văn, Canh Tân, Thời Tập, Thế Kỷ 21, Đẹp... Túy Hồng nhận xét về tập truyện này như sau: *Truyện của Hoàng Du Thụy hầu hết dễ đọc, dễ hiểu. Với lối hành văn sáng, thật, không làm dáng sẽ giúp tác giả Trầm Hương Hạnh Phúc, một nhà văn đang lên, còn tiến xa hơn nữa.*

TÔI VỚI NGƯỜI CHUNG MỘT TRÁI TIM, truyện vừa Du Tử Lê, bìa Hồ Thành Đức, phụ bản thơ Du Tử Lê Trần Duy Đức phổ nhạc. Thiên Nga phát hành. Giá 9 Mỹ Kim.

Mỗi nhà văn chỉ viết được, viết hay khi chọn đúng đề tài sở trường của mình. Với Du Tử Lê, dù văn xuôi hay thi ca, nếu không có tình yêu, không có đam mê, không có đắm say và không có chia tan đổ vỡ thì hẳn sẽ không có, không bao giờ có những bài thơ, những cuốn sách mang tên Du Tử Lê. Văn với người là một. Vì vậy, mãi mãi, Du Tử Lê vẫn là bạn đồng hành, là bằng hữu thủy chung của tất cả những trái tim còn biết rung động trước tình yêu.

Tập sách tuy mỏng nhưng sẽ là món quà tặng "nặng ký" dành cho những cặp tình nhân, hoặc sắp trở thành tình nhân. "Tôi Với Người Chung Một Trái Tim", thử hỏi, còn lời tỏ tình nào... tế nhị và ý nghĩa hơn khi ta tặng "nàng" (hoặc "chàng") cuốn sách có cái nhan... gợi ý thơ mộng như thế?

GIÁNG CHÂU

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài biên khảo **Các Nữ Tướng Của Hai Bà Trưng** của Nguyễn Thị Chân Quỳnh đi trên Hợp Lưu số ba (tháng 2.1992), do sơ xuất của người đánh máy, đã sai các lỗi sau đây, nay sửa lại cho đúng:

1. Trang 162, đọc từ trên xuống, dòng 12: đánh sai: ở Trang (xã Phú Nghĩa, tỉnh Sơn Tây). Sửa lại: ở *trang* (xã) Phú Nghĩa, tỉnh Sơn Tây.

2. Trang 164, đọc từ dưới lên, dòng 12: đánh sai: đặt một cái mũ sơn son. Sửa lại: đặt một cái *mủng* sơn son.

3. Trang 165, đọc từ dưới lên, dòng 7: đánh sai: đánh Trung Bình Tiên. Sửa lại: đánh trung bình *tiêu* (tiêu = roi. Chú thích của tác giả).

Thành thật xin lỗi tác giả và độc giả.

HỢP LƯU

HL với văn hữu và bạn đọc

Anh Trương Như Hùng (Los Angeles): Chúng ta nên khai tử quan niệm chia rẽ thiếu tinh thần dân chủ vốn là nguyên nhân làm trì trệ bước tiến của văn học. Hợp Lưu với tờ tạp chí kia tuy có khác nhau về chính kiến, về cách nhìn, nhưng đều có cùng ước mơ: mong làm được một cái gì đó tốt đẹp. Vì vậy, mẫu "quảng cáo" ấy chẳng có gì "lạ lùng", đáng "kinh ngạc" cả. Văn chương nghệ thuật đích thực vốn dị ứng lắm với bè phái, phe nhóm, càng dị ứng hơn với sân si và cuồng tín. Nói gọn, nếu chúng ta thực tâm muốn cho môi trường chữ nghĩa khởi sắc, sinh động, thì bài học trước tiên chúng ta cần hiểu và "hành" một cách nghiêm chỉnh là *tuyệt đối tôn trọng tự do tư tưởng của người khác*. Chừng nào báo chí còn chưa quên bài học vỡ lòng đó, thì quần chúng, độc giả, văn hữu còn "ở", còn yêu mến, ngược lại, sẽ chỉ là "ông ngáo ộp" một mình múa may quay cuồng trong căn phòng trống cùng với niềm cô đơn, dọa nạt chính cái bóng của mình trong tấm gương phản chiếu mà thôi. Hình ảnh ấy dĩ nhiên rất buồn cười và rất tội nghiệp! Vâng, chúng tôi ghi nhận góp ý của anh, sẽ "công khai" để anh em "mổ xẻ". Thân mến.

Anh Phạm Đạt (San Jose): Ông "Ngày N+" vừa thoáng thấy ở Quận Cam đã vội "biến" ngay, chẳng để lại dấu vết, nên chúng tôi đành cáo lỗi với anh, không thể "cung cấp" bất cứ "dữ kiện" nào về ông ta lúc này được. Quyển sách anh cần đã gởi, còn quyển kia, anh "nghi", chắc không sai! Thân kính.

Ông Nguyễn Quang Vũ (Texas): Nhà văn ấy hình như đã trở lại Cali. Liên lạc được, chúng tôi sẽ chuyển thư ông đến ông ta ngay. Tâm lý độc giả... kỳ lắm ông ạ, với số trang và kỹ thuật ấn loát như thế, là một cuốn sách, phải từ 10 đến 12 dollas, nhưng là báo, giá chỉ một nửa, đã có người chê... mắc! Thành ra, nếu bán được hết, và các đại lý không ngại trả tiền, chúng tôi... huề (ôi! cái chữ "nếu" nghe lý tưởng làm sao!). Ngược lại, mãi mãi ngất ngư cho đến... chết! Thành ra ông hiểu được như thế chúng tôi rất quý, mà không thể "tăng giá" như ông đề nghị. Tuy nhiên ông cứ yên tâm: dù ngất ngư, "nó" chẳng chết đâu. Chân thành cảm ơn. Kính.

Ông Nguyễn Chung (Paris): Xin ông coi lại phần trả lời anh Lê Quang Trung ở mục "Với Văn Hữu Và Bạn Đọc" số 3. Chúng tôi đang tìm cách tăng số lượng chuyển về nước cao hơn nữa. Tuy nhiên, khó khăn lắm, thưa ông. Hy vọng trong một tương lai không xa, Hợp Lưu sẽ có một ấn bản nữa tại quốc nội. Kế hoạch này chúng tôi đã "lên giàn phóng", chỉ còn chờ tình hình thay đổi thuận lợi là "khai hỏa" ngay. Vâng, chúng tôi cũng đã nắm được cái "hỗn loạn" của thị trường báo chí Việt Nam bên trong hiện tại. Báo đàng hoàng gần như không có, báo tạp nham, chạy theo thị hiếu quần chúng thì hằng trăm, cho nên độc giả đứng đắn vẫn thiếu cái để đọc. Tình trạng này không riêng gì báo chí, mà sách vở cũng vậy. Gần đây, chúng tôi có đọc một vài cuốn sách dịch, thấy cách làm việc cẩu thả của "dịch giả" và "lái sách", chúng tôi chỉ còn biết "khóc thét". Thân kính.

Ông Trần Vinh Hiển (Tokyo): Chúng tôi đã chuyển thư của ông đến nhà văn kia. Ông ấy nhắn lời cảm ơn ông, và sẽ có thư riêng. Thân kính.

Chị Trần Tú Hoa (WA): Chẳng muốn "ôm đồm" làm gì, thưa chị. Nhưng tình trạng nó... tất nhiên như thế. Phê phán, đòi hỏi, kể cả... la mắng thì rất chăm chỉ, song ghé vai gánh vác thì... "sorry, tui không rảnh"! Còn cái vụ "Mạnh Thường Quân", tôi e chị hơi... viễn mơ. Có dịp sẽ trình bày vấn đề rõ hơn để chị hiểu. Cũng theo yêu cầu, chúng tôi xin lặp lại nguyên văn mấy lời chê bai của chị: "Cái đám này (Hợp Lưu) có muốn làm Vychy cũng không được đâu. Chưa đủ tiêu chuẩn!" Vâng, chưa đủ tiêu chuẩn là cái chắc. Theo tình hình chung, chủ thuyết Cộng Sản và các chế độ hình thành từ chủ thuyết này đang trên đà "tuyệt nọc", thế nhưng không hiểu tại sao lắm kẻ chẳng thức thời, cứ mở cửa hàng bán nón cối. Bán ế, sợ chật nhà chật cửa, bèn bạ đâu tặng đó, nhiều vị cùng lúc được tặng những năm ba cái, đội bằng thích. Rất tiếc, ở cái xứ sở quá đỗi giàu có này, ăn mày cũng di chuyển bằng xe hơi, nên nón mũ đâm ra không cần thiết lắm, những vị được tặng nón coi mòi chẳng biết sử dụng vào việc chi! Chị cần không? Xin liên lạc với người chủ biên, hắn tình nguyện tặng một biếu một, không tính tiền cước. Kính.

Anh Cao Đông Khánh (TX): Nghe thiên hạ mô tả thì "người" bây giờ ăn nên làm ra lắm phải không? Mừng. Sao không ra lò cái "trường thiên thơ ca" kia cho rồi? Để mãi trong hộc tủ mối nó xơi hết còn gì? LUP vừa phổ của "người" một bài thơ. Có được nghe thử. Tuyệt. Bao giờ "du Cali" lần nữa? "Bọn cái bang" vẫn tụ ở quán MH, chỉ có điều thiếu "người" nên chẳng mấy rôm rả. Còn vụ kia, "người" ghé vai được, tốt, bằng không, anh em chia nhau mà gánh, cũng xong. "Ngà voi" nào chả nặng, ai tình nguyện vác, ráng chịu, phải không? (!) Thân mến.

Chị Nguyễn Thị Thanh Bình (VA): "Cái đó" PVC khen hay, PTH gật gù, VHQ cần mẫn chép lại bỏ túi, gặp ai cũng rút ra "khoe", và anh chàng "bị đàn bà ghét nhất nước" ĐK thích thú ra mặt. Nhưng phe "khăn đóng áo

dài" lại nhíu mày cau có, họ nằng nặc đòi tiếp nối truyền thống "Gia Huấn Ca". Chỉ phiền cho kẻ "đứng giữa", làm dâu trăm họ, lãnh đủ! Tuy nhiên chẳng phải vì vậy mà "rét" đâu, chỉ vì có nhiều vấn đề cần kíp hơn, nên gát lại, "để dành" cho một số đặc biệt "chuyên trị" loại "quốc cấm" này (tại sao không có một số đặc biệt như thế nhỉ? Bộ những "chiện" liên quan đến dzụ đó nó xấu lắm sao?). Về những tờ báo kia, nếu "dư dùng", xin thẩy cho. Anh em vẫn mong có dịp "mặt đối mặt" đấu hót một trận. Thân mến.

Chị Phạm Thị Bích Vân (Úc): Vâng, chúng tôi sẽ cố gắng mời bằng được vị ấy đóng góp. Cũng muốn giới thiệu thêm mỗi số vài tranh màu, nhưng tốn kém quá, kham không nổi. Tình hình hội họa Việt Nam ngoài nước gần như bế tắc. Tranh vẽ ra chẳng những tốn kém mà chẳng ai mua. Ngược lại với trong nước, giới họa sĩ tương đối thoải mái. Nhiều anh em đang có ý định khuân tranh về nước triển lãm rồi mang tiền ra ngoài... xài! Cay đắng cốt đỡ tủi thân vậy thôi! Tuy nhiên qua đó, hẳn chị cũng nhìn thấy một sự thật: nỗ lực của hội họa VN ngoài nước là một nỗ lực tuyệt vọng! Có dịp sang Mỹ mời chị ghé Cali chơi, nhân tiện xem qua điều kiện làm việc của giới cầm cọ. Chẳng có "xưởng", có "studio" như chị hình dung đâu, hầu hết đều vẽ trong garage hoặc tệ hơn: ngoài... hè. Mùa nóng, hừng hực lửa thiêu, mùa đông, bê tranh "di tản chiến thuật" lung tung từ xó này qua góc nọ tránh mưa!

Họa sĩ đó đã qua đời cách đây vài năm, do một tai nạn té ngã khi vừa đến Mỹ chưa được bao lâu.

N.T. đã trở về Việt Nam, hiện đang cùng với Ca Lê Thắng, Nguyễn Trọng Chức chủ trương tờ *Mỹ Thuật*. Chúng tôi vừa nhận được một số. Trình bày, ấn loát tuyệt đẹp, nhiều tranh màu như báo ngoại quốc, bài vở phong phú, giá trị. Chị thử đặt mua về địa chỉ: 218A, Pasteur, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nếu có thể, chị cho xem vài cái "tập tành" của chị. Biết đâu độc giả Hợp Lưu có dịp làm quen với một tài năng mới. Kính.

Em Nguyễn Hùng (TX): Nếu chúng tôi nhớ không lầm, bài thơ đó của thi sĩ Hoàng Trúc Ly. Về thơ, theo nhận xét chung của anh em sinh hoạt trong giới, thì "bên ngoài" phong phú, đa dạng và mới hơn "bên trong". Dĩ nhiên cái loại "khẩu hiệu" kiểu "đỉnh cao trí tuệ là đây / chủ nghĩa xã hội vững xây thành đồng" hoặc "ngày mai áo trận giày saut / hiên ngang giẫm bước trên mồ cộng nô" có làm cho chúng ta khổ tâm và "đỏ mặt" thật, nhưng may mắn thay, nó chỉ là "khẩu hiệu", chẳng phải thơ! Em đừng "bực mình" làm gì. Thân mến.

Anh Hồng Quang (Cali): Cảm ơn anh. Chúng tôi thật áy náy. Đang cố gắng tìm mọi cách để có thể tự đứng một mình, dù biết, nếu cứ nhìn vào tình hình báo chí sách vở hiện nay, đó là một cố gắng... tuyệt vọng! Riêng "thiền

sư của chúng ta" năm nay hình như sao quả tạ chiếu hơi kỹ nên tai nạn cứ liên miên (bù lại, đường tình duyên lại sum xuê hoa lá!). *Cũng tốt thôi*, cái nhà anh thiền sư này lúc nào cũng ngây thơ nhẹ dạ, cứ tưởng thiên hạ đều là "Phật" như mình cả. Vỡ mặt thêm năm bảy lần nữa may ra khôn được tí nào chăng? Thân kính.

Bà Trương Thị Bình (Úc): Hợp Lưu có bán tại nhà sách VĂN LANG, số 4 Yerreck Rd., Lakemba NSW 2195. Chúng tôi đang tìm cách phổ biến rộng hơn bên đó. Tuy nhiên, cũng khá khó khăn, gởi hạng nhất cước phí quá nặng (bằng giá bán tờ Hợp Lưu), gởi đường thủy thì trung bình sáu tuần mới đến. Đã thế, việc thu tiền lại không dễ! Cảm ơn góp ý của bà, có điều, xin được... biện bạch giùm vị ấy chút đỉnh: Nhà văn chẳng phải "thánh thần" gì, nên những điều họ viết ra có lúc hay lúc dở, lúc đúng lúc sai. Chúng ta, người đọc, có lẽ nên... rộng lượng một tí, khó khăn quá, họ bẻ bút hết, chừng đó cuộc đời sẽ thê lương buồn thảm biết chừng nào! Nguyên tắc, chúng tôi không có quyền tiết lộ địa chỉ của cộng tác viên nếu không được chính họ cho phép. Bà có thể gởi về tòa soạn, chúng tôi sẽ chuyển giúp. Kính.

Anh Trương Lưu Hà (Canada): Một bạn văn qui cố hương, đến thăm một bạn văn khác, thấy có tờ Hợp Lưu số 2 nằm trên bàn, vừa ngạc nhiên vừa cảm động. Cũng theo một đồng nghiệp khác, từ Pháp, Hợp Lưu đang được (bị) tờ Tuổi Trẻ ở Sài Gòn theo sát. Riêng chúng tôi, mỗi tuần ít nhất cũng nhận được một lá thư, có khi của độc giả, có khi của một nhà văn, nhà thơ từ Việt Nam gởi sang. Tựu chung, không một ai bày tỏ cảm tưởng khó chịu, bực bõ như vài tờ báo ở hải ngoại đã... thế! Thế mới biết, bụt nhà không thiêng! Thế mới biết, tinh thần... đoàn kết của phe ta là số... 1! Tiêu chuẩn duy nhất của Hợp Lưu khi chọn bài là hay và không chửi rủa hạ tiện, lằng nhằng, sách mé. Vậy thôi, ngoài ra chúng tôi chớ được hết, văn chương mà cấm kỵ nhiều quá, trông nó già nua lụ khụ thế nào! Đừng đặt nhiều kỳ vọng ở chúng tôi, sẽ thất vọng đấy. Bởi vì chúng tôi chẳng làm nổi chuyện lớn đâu, nho nhỏ và bình thường là mục tiêu hàng đầu của Hợp Lưu. Lên gân, biểu diễn bắp thịt kiểu Sơn Đông mãi võ, có ngày vỡ mạch máu mà chết, không ham! Thân kính.

Ngọc Khôi (Pháp): Nghe V. nói Khôi bị bệnh phải vào nhà thương. Chúc sức khỏe sớm trở lại bình thường. Thân mến.

Anh Hoài Mỹ (Norway): Cái anh cho sẽ sử dụng vào một số tới. Ở bển chắc buồn? hy vọng trong tương lại sẽ gặp nhau. Sẽ có thư riêng để bàn với anh một vài việc. Bùi Vĩnh Phúc gởi lời thăm anh. Thân kính.

Anh Thomas Tran (Trung Quốc): Đã nhận thư anh. Vâng, chúng tôi cũng đoán, ở bển sách báo tiếng Việt chắc là hiếm. Nếu có thì giờ, và nếu có hứng, anh cho Hợp Lưu xin một cái gì (một cái truyện dịch của một nhà văn nổi tiếng đương đại của TQ chẳng hạn), để độc giả có dịp thưởng thức

"món lạ", cho vui. Kính.

Sĩ Liêm (Pháp): Tới nơi rồi, cái "VDTBMT". Xét cho cùng, quí "hiền thê" bao giờ cũng đúng, trên các xứ sở chúng ta đang sống, văn chương nghệ thuật chẳng làm nên trò trống gì đâu. Cái xe mới, cái nhà to, cái trương mục ở ngân hàng bề bộn giấy xanh giấy đỏ... nó quan trọng hơn là cái chắc. Thôi thì... lo những thứ ấy trước cái đã, bao giờ nhàn nhã hẳn hay. Món Nam ở "Cà Mau Restaurant" hình như chưa có tiệm nào ở Mỹ dịch lại (quảng cáo không lấy tiền nhé!). Thân mến.

Anh Hoàng Đỗ: Không hiểu tại sao cái "VCNVCTC" bây giờ mới tới (te tua đến không đọc nổi địa chỉ!). Thỉnh thoảng ông bưu điện vẫn "đãng trí" như thế (dù sao đãng trí vẫn còn hơn "quên bẵng", hú hồn). Sẽ có thư riêng. Thân mến.

Anh Phan Tài Phú(MN): Sẽ có thư riêng. Kính.

Anh Thập Lang (TX): Cái "HQL..." coi mòi hấp dẫn, sẽ thu xếp để đi. Anh còn bộ "CPLCMGĐND" cho tòa soạn xin, thứ nhất, để đọc, thứ hai, để giới thiệu với bà con cô bác. Kính.

HỢP LƯU

mục lục

Nhà Xuất Bản **TÂN THƯ**
P.O. Box 277
Garden Grove, Ca. 92642, USA
Tel: (714) 537-2468

* **Đã Xuất Bản** (từ 1989 đến nay):
— Cây Gậy Làm Mưa, tập truyện, Đỗ Kh.
— Mười Truyện Tân Liêu Trai, tân truyện, Thăng Long Văn Sĩ
— Thơ Đỗ Kh., thơ, Đỗ Kh.
— Có Yêu Em Không, tập truyện, Khánh Trường
— Điểm Tâm Cho Người Yêu, thơ, Trân Sa
— Có Những Bực Mình Tức Không Thể Nói, thơ, Đỗ Kh.
— Sàigòn Ở Phố Lưu Vong, thơ, Lê Giang Trần
— Mưa, thơ, Cao Nguyên
— Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles, tập truyện và tùy bút, Lê Uyên Phương
— Tờ Mộng Rách Rồi, tập truyện, Hồ Đình Nghiêm
— Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng, tập truyện, Khánh Trường

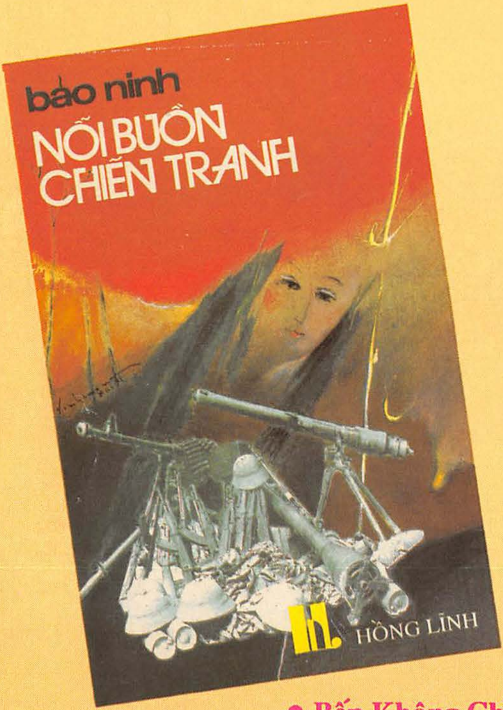
* **Đang in** (tháng 3-1992):
— Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại, tuyển tập thơ và truyện, ba mươi lăm tác giả (hợp tác với NXB Văn Học tại Việt Nam)
— Hóa Thạch, thơ, Phạm Việt Cường
— Tưởng Tượng, thơ, Khánh Trường

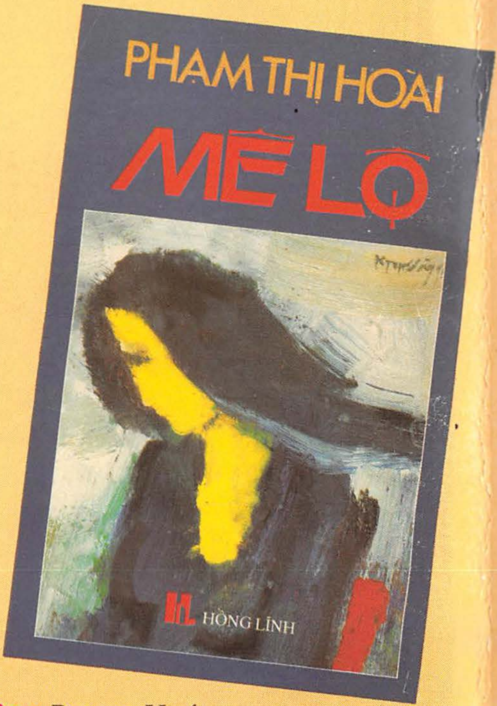
* **Sắp xuất bản** (trong năm 1992):
— Tường Trình Từ Thiên Đường, thơ dịch, Phạm Việt Cường (tháng 4-92)
— Những Bài Thơ Phổ Nhạc, nhạc, Lê Uyên Phương (tháng 5-92)
— Con Nước Vô Danh, thơ, Trịnh Y Thư (tháng 5-92)
— Thơ Quỳnh, thơ, Hoàng Xuân Sơn
— Chàng, Nàng Và Buổi Chiều, tập truyện, Phan Tấn Hải
— Modan Geishas, tập truyện, Vũ Quỳnh N.H.
— Trên Ghế Ngồi Ngoài Đường, tập truyện, Đỗ Kh.
— Thơ Cao Đồng Khánh, thơ, Cao Đồng Khánh
— Nhẹ Kiếp Nhân Sinh, tiểu thuyết Milan Kundera, Trịnh Y Thư dịch
— Vẫn Chưa Hết Buổi Chiều, truyện dài, Khánh Trường

Nhà Xuất Bản **HỒNG LĨNH**
9601 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 531-7223
Fax: (714) 531-1107

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

vài tác phẩm có tầm cỡ nhất
của văn chương Việt Nam quốc nội hiện nay:





- **Bến Không Chồng** *Dương Hướng*
- **Chiếc Chìa Khóa** *Junichiro Tanizaki, Phạm thị Hoài dịch*
- **Tướng Quân** *Truyện phóng tác theo Shogun (Trọn bộ 4 cuốn)*
- **Ác Mộng** *Truyện dài Ngô Ngọc Bội*
- **Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma** *Nguyễn Khắc Trường*
- **Chuyện Tình Kể Trước Lúc Rạng Đông** *Dương Thu Hương*
- **Tác Phẩm và Dư Luận** *Nguyễn Huy Thiệp*

4

Giá $6.00